

**JACK
LONDON**

**THE
IRON
HEEL**

GÓT SẮT

JACK LONDON

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

**JACK
LONDON**

**THE
IRON
HEEL**

Table of Contents

Chương I
Chương II
Chương III
Chương IV
Chương V
Chương VI
Chương VII
Chương VIII
Chương IX
Chương X
Chương XI
Chương XII
Chương XIII
Chương XIV
Chương XV
Chương XVI
Chương XVII
Chương XVIII
Chương XIX
Chương XX
Chương XXI
Chương XXII
Chương XXIII
Chương XXIV
Chương XXV

[\[1\]](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)
[\[4\]](#)
[\[5\]](#)
[\[6\]](#)
[\[7\]](#)
[\[8\]](#)
[\[9\]](#)
[\[10\]](#)
[\[11\]](#)
[\[12\]](#)
[\[13\]](#)
[\[14\]](#)
[\[15\]](#)
[\[16\]](#)
[\[17\]](#)
[\[18\]](#)
[\[19\]](#)
[\[20\]](#)
[\[21\]](#)
[\[22\]](#)
[\[23\]](#)
[\[24\]](#)
[\[25\]](#)

Mục Lục

[Chương I](#)

[Chương II](#)

[Chương III](#)

[Chương IV](#)

[Chương V](#)

[Chương VI](#)

[Chương VII](#)

[Chương VIII](#)

[Chương IX](#)

[Chương X](#)

[Chương XI](#)

[Chương XII](#)

[Chương XIII](#)

[Chương XIV](#)

[Chương XV](#)

[Chương XVI](#)

[Chương XVII](#)

[Chương XVIII](#)

[Chương XIX](#)

[Chương XX](#)

[Chương XXI](#)

[Chương XXII](#)

[Chương XXIII](#)

[Chương XXIV](#)

[Chương XXV](#)

Chương I

Con Đại Bàng Của Tôi

Gió mùa hè hiu hiu lay động những cây thông khổng lồ và sông Wild-Water vỗ sóng nhịp nhàng vào những tảng đá xanh rêu. Bướm lượn dưới nắng và bốn bề tiếng ong bay vù vù như ru ngủ. Yên tĩnh quá. Thái bình quá. Và tôi ngồi đây, lo lắng, bồn chồn. Chính cái yên tĩnh làm cho tôi bồn chồn. Nó hư hư thực thực thế nào ấy. Khắp thế giới yên tĩnh, nhưng đó là cái yên tĩnh trước cơn giông tố. Tôi lắng tai nghe và tất cả các giác quan của tôi cũng căng lên chờ đón dấu hiệu của cuộc đại biến sắp nổ ra[1]. Phải, miễn nó đừng nổ non! Miễn nó đừng bùng ra sớm quá!

Tôi bồn chồn cũng không có gì lạ. Tôi suy nghĩ, suy nghĩ liên miên, và không thể đừng suy nghĩ. Tôi vật lộn với cuộc sống đã từ lâu, đến nỗi thấy yên tĩnh là tức thở, không chịu được. Và tôi không thể không nghĩ đến trận cuồng phong chết chóc và tàn phá sắp sửa nổi lên. Trong tai tôi vang lên tiếng kêu gào của những người gục xuống, và tôi có thể nhìn thấy, cũng như tôi đã từng nhìn thấy[2] da thịt mơn mớn của con người bị đập vùi, tan tác, linh hồn con người bị giằng khỏi những tấm thân đầy kiêu hãnh và ném cho Thượng đế. Khốn khổ thay nhân loại chúng ta, muốn đạt đến mục đích của mình phải cố giết chóc, tàn phá, để đem lại cho trái đất một nền hoà bình và hạnh phúc bền vững.

Vả chăng, tôi chỉ có một mình. Lúc nào không nghĩ đến những điều tất phải xảy đến thì tôi nghĩ đến những điều đã qua, những điều không còn nữa. Tôi nghĩ đến con Đại bàng của tôi trước kia vẫn dang đôi cánh không biết mỗi ra vùng vẫy giữa trời xanh để bay về phía kỳ tửng chói lọi của tự do nhân loại. kỳ tửng đó chính là mặt trời của anh. Tôi không thể ngồi yên để chờ đợi cái biến cố lớn lao do bản thân anh làm ra, mặc dầu anh không còn sống để nhìn thấy nó. Bao nhiêu năm anh sống làm người thì bấy nhiêu năm anh cúc cung tận tụy vì nó. Anh đã hiến cả đời anh cho nó. Nó là sự nghiệp của tay anh. Chính anh đã làm ra nó.[3]

Cho nên trong thời gian chờ đợi lo lắng này, tôi sẽ viết về chồng tôi. Có nhiều điều chỉ mình tôi có thể nói rõ về anh, một con người cao quý dù ca ngợi bao nhiêu vẫn chưa đủ. Tâm hồn anh bao la như biển cả. Và khi tình yêu của tôi đã gọt hết lòng vị kỉ thì tôi tiếc nhất là anh không còn sống để chứng kiến buổi bình minh sắp ló ra. Chúng tôi không tài nào thất bại được. Anh đã xây dựng vững chãi quá, chắc chắn quá rồi. Thảm hại thay cái Gót sắt đang dẫn trên ngực nhân loại! Chẳng bao lâu nữa, nó sẽ bị nhổ bỏ. Khi nào hiệu lệnh tung ra, lao động khắp thế giới sẽ đẩy lên tầng tầng lớp lớp. Chưa bao giờ có một việc như thế trong lịch sử loài người. Sự đoàn kết của lao động đã được đảm bảo, và lần đầu tiên sẽ nổ ra một cuộc cách mạng quốc tế bao trùm cả thế giới[4].

Như các bạn đã thấy, óc tôi nghĩ miên man về sự kiện sắp xảy ra. Tôi sống miệt mài với nó, sống ngày, sống đêm, sống rất lâu, đến nỗi nó luôn luôn hiện ra trong tâm trí tôi. Tôi không thể nghĩ đến chồng tôi mà không nghĩ tới nó. Chồng tôi là linh hồn của nó, làm sao trong tư tưởng tôi có thể tách rời chồng tôi với nó được?

Như tôi đã nói, có nhiều điều chỉ mình tôi có thể nói rõ về anh. Ai cũng biết anh đã vì tự do mà chịu nhiều gian truân, đau khổ. Anh đã làm việc cực nhọc đến thế nào, đã đau khổ ghê gớm như thế nào, tôi biết hết. Vì tôi đã sống bên anh suốt hai mươi năm sóng gió vừa qua và tôi biết rõ lòng kiên trì, sự cố gắng không mệt mỏi và sự tận tụy không bờ bến của anh đối với Sự Nghiệp chung. Anh đã chết cho Sự Nghiệp, mới cách đây hai tháng.

Tôi sẽ cố viết giản dị và kể ra đây Ernest Everhard đã bước vào đời tôi như thế nào – thoát tiên, tôi gặp anh ra sao, vì duyên cớ gì tôi đã thành một phần của chính mình anh, và anh đã gây cho đời tôi những biến đổi ghê gớm như thế nào. Như vậy, các bạn có thể nhìn anh qua mắt tôi, và biết về anh cũng như bản thân tôi – biết hết, trừ những chuyện riêng của vợ chồng chúng tôi.

Tôi gặp anh lần đầu tiên vào tháng 2 năm 1912. Anh là khách của ba tôi[5] và hôm ấy anh đến ăn cơm ở nhà tôi, tại thành phố Berkeley. Có thể nói, ngay từ lúc đầu, tôi không có cảm tình với anh. Ngoài anh ra, còn nhiều khách khứa khác. Chúng tôi đang ngồi trong phòng khách chờ mọi người đến đông đủ thì anh vào, trông đến là thảm hại. Tối hôm ấy là tối họp mặt của các mục sư – ở nhà, ba tôi vẫn thường gọi thế. Ngồi giữa các nhà tu hành, Ernest nhất định là lạc lõng.

Trước hết, quần áo anh không vừa người anh. Anh bận một bộ đồ may sẵn bằng vải sẫm, xộc xà xộc xệch. Trong thực tế, chẳng có thứ quần may sẵn nào mà anh mặc vừa. Tối hôm ấy, mà bao giờ cũng thế: các bắp thịt của anh hằn lên mặt vải. Vai anh u lên, và cái áo vét-tông anh bận dần dúm cả ở giữa hai vai. Cổ anh banh ra, chắc nịch: giống hệt cổ những kẻ đi đánh nhau ăn giải[6]. Tôi nghĩ bụng: Té ra nhà triết học xã hội, nguyên làm nghề bịt móng ngựa, mà ba tôi đã phát hiện được, ngài là như thế đấy. Vai u thịt bắp như thế, thật đúng quá đi rồi. Tôi liền liệt anh vào hạng dị nhân và coi anh như một lão Blind Tom[7] của giai cấp công nhân.

Rồi anh lại bắt tay tôi nữa kia chứ! Anh xiết mạnh quá, chặt quá, nhất là anh nhìn tôi một cách táo tợn bằng cặp mắt đen lay láy – táo tợn quá, theo ý tôi. Các bạn cũng thừa hiểu tôi là sản phẩm của hoàn cảnh và khi ấy bản năng giai cấp của tôi rất mạnh. Giá một người đàn ông thuộc giai cấp tôi cũng táo tợn như thế thì không thể nào tha thứ được. Tôi đành cúi nhìn xuống đất. Lúc anh đi khỏi, tôi nhẹ cả người, quay lại nhìn đức Giám mục Morehouse. Đức Giám mục là một người tôi rất mến, một người đứng tuổi, hiền hoà, nghiêm chỉnh, tướng mạo và từ tâm hết như đức Chúa. Chẳng những thế, Người còn là một nhà học giả.

Nhưng cái táo tợn mà tôi tưởng là tự phụ đó lại là đầu mối cho tôi tìm hiểu bản chất của Ernest Everhard. Anh giản dị, ngay thẳng, chẳng biết sợ cái gì và không thích mất thì giờ vào việc xã giao, kiểu cách. Mãi về sau, anh giải thích: “Em rất hợp ý anh, làm sao anh lại không nhìn thẳng vào người mà anh ưa thích?” Tôi đã bảo, anh chẳng sợ một cái gì. Anh là người bản chất quý phái, mặc dầu anh đứng trong phe thù địch của bọn quý phái. Anh là một siêu nhân, một “Con vật tóc vàng” như Nietzsche[8] đã miêu tả, và cộng thêm vào đó, anh mang những tư tưởng dân chủ cháy rục trong người.

Vì mãi tiếp những người khác, và cũng vì sẵn có ấn tượng xấu, tôi quên khuấy mất nhà triết học của giai cấp công nhân, mặc dầu tôi có chú ý đến anh một hai lần trong bữa ăn – đặc biệt là lúc anh long lanh đôi mắt nghe các vị mục sư nói chuyện. Tôi nghĩ bụng: anh là người vui tính và tôi hầu như tha thứ cho cách ăn mặc của anh. Nhưng thời gian cứ đi, bữa ăn cứ tiếp tục, anh vẫn không buồn nói nửa lời. Trong khi ấy, các vị mục sư bàn luận miên man về giai cấp công nhân, về quan hệ của nó với Nhà thờ. Nhà thờ đã làm gì và đang làm gì cho nó. Tôi nhận thấy Ernest không nói làm cho ba tôi không bằng lòng. Nhân một lúc im lặng, ba tôi yêu cầu anh phát biểu, nhưng Ernest nhún vai: “Tôi chẳng có điều gì muốn nói cả” và lại ngồi ăn hạnh đào muối. Nhưng ba tôi không chịu. Một lúc sau ba tôi bảo:

- Chúng ta có một người giai cấp công nhân ở đây. Tôi tin chắc người đó có thể trình bày các việc theo một quan điểm mới, vừa hay lại vừa bổ ích. Tôi muốn nói ông Everhard.

Những người khác tỏ vẻ thích thú một cách lịch sự và giục Ernest tuyên bố những quan điểm của mình. Thái độ của họ hết sức khoan dung, hoà nhã: đúng là thái độ của những kẻ đỡ đầu. Tôi thấy Ernest cũng nhận ra điều ấy và anh lấy thế làm khoái lắm. Anh chậm rãi nhìn bốn xung quanh và mắt anh sáng lên một cách ranh mãnh.

- Tôi quả thật không quen với những cuộc tranh luận tao nhã của Giáo hội, – anh bắt đầu được mấy lời đã ngập ngừng ngay, vẻ mặt khiêm tốn và do dự.

Họ giục: “Ông cứ tiếp tục đi!” và bác sĩ Hammerfield bảo: “Chân kỳ dù ở miệng ai nói ra chúng tôi cũng đều không ngại. Miễn là nó trung thực”.

- Vậy ra ngài tách rời trung thực khỏi chân kỳ ư? – Ernest cười hỏi rất nhanh.

Bác sĩ Hammerfield luống cuống trả lời:

- Giỏi đến đâu cũng phải có lúc nhầm, ông bạn trẻ ạ. Người giỏi nhất trong chúng ta cũng phải có lúc nhầm.

Ernest bỗng thay đổi hẳn. Anh đã thành một người khác.

- Vâng, được, – anh đáp. – Và tôi xin phép bắt đầu bằng câu này: là các ngài nhầm tuốt. Các ngài không biết gì về giai cấp công nhân, không biết một tí gì hết. Khoa xã hội học của các ngài sai bét và vô giá trị, cũng như phương pháp suy luận của các ngài.

Những lời anh nói chính lại không nặng bằng cách anh nói. Tôi giật cả mình trước hết vì giọng nói của anh. Nó cũng táo tợn không khác gì hai con mắt anh. Nó là một tiếng kèn chiến đấu và nó làm cho toàn thân tôi rung lên. Bàn tiệc xao động. Cái không khí đều đều buồn tẻ bị phá vỡ.

- Ông bạn trẻ tuổi! Phương pháp suy luận của chúng tôi có chỗ nào sai lầm và vô giá trị ghê gớm đến thế kia, thưa ông? – Bác sĩ Hammerfield hỏi, vẻ khó chịu thoáng hiện ra giọng nói và cách phát biểu của ông.

- Các ngài là những nhà siêu hình học. Các ngài có thể dùng siêu hình học để chứng minh bất cứ một cái gì, và xong thì mỗi nhà siêu hình học lại có thể tùy thích chứng minh rằng các nhà siêu hình học khác là sai. Các ngài là những kẻ vô chính phủ trong lĩnh vực tư tưởng. Các ngài là những nhà chế tạo ra vũ trụ. Diên rồ ời là diên rồ! Mỗi ngài sống trong một vũ trụ riêng, do trí tưởng tượng riêng và những sở thích riêng của mình tạo nên. Các ngài không biết gì về cái thế giới thực các ngài đang sống, và tư tưởng diên loạn của các ngài hoàn toàn không có chỗ đứng trong thực tại.

“Các ngài có biết khi tôi ngồi vào bàn tiệc và nghe các ngài nói huyền thuyên, tôi nhớ đến cái gì không? Các ngài làm tôi nhớ đến bọn triết gia kinh viện thời trung cổ, họ tranh luận một cách trang trọng và thông thái về vấn đề rất hấp dẫn này: bao nhiêu thiên thần có thể nhảy múa trên đầu mũi kim. Vâng, thưa các ngài, các ngài sống rất xa đời sống trí tuệ của thế kỷ thứ hai mươi, xa không kém gì một tay phù thủy người da đỏ đọc thần chú trong rừng hoang cách

đây một vạn năm”.

Ernest nói ra tuồng giận dữ lắm: mặt anh đỏ bừng, mắt anh sáng quắc, cằm anh và hàm anh đầy vẻ hiếu chiến. Nhưng đó cũng chỉ là một cách nói năng của anh thôi. Nó luôn luôn khích động người khác. Cách tấn công bằng búa tạ của anh làm họ luống cuống. Mà họ đang luống cuống thật. Đức Giám mục Morehouse cúi về phía trước ngực chăm chú. Bác sĩ Hammerfield phần nộ đỏ mặt lên. Những người khác cũng đều cúi đến cực độ, và một vài người mỉm cười làm ra bộ không thèm chấp. Riêng tôi, tôi thấy cảnh tượng ấy thật là thú vị. Tôi nhìn ba tôi, chỉ sợ ba tôi phá lên cười vì trái bom người mà ba tôi đã ném vào giữa chúng tôi.

- Ông dùng những lời lẽ hơi mơ hồ, – bác sĩ Hammerfield ngắt lời. – Ông gọi chúng tôi là những nhà siêu hình học, như vậy là ông muốn nói gì?

- Tôi gọi các ngài là những nhà siêu hình học bởi vì các ngài lập luận một cách siêu hình. – Ernest tiếp. – Phương pháp lập luận của các ngài đối lập với phương pháp khoa học. Những kết luận của các ngài không có giá trị gì hết. Các ngài có thể chứng minh đủ mọi thứ nhưng đồng thời chẳng chứng minh cái gì cả, và giữa các ngài không có lấy hai người đồng ý với nhau về bất cứ một điều gì. Mời ngài chui vào một cối ý thức riêng của mình để giải thích bản thân mình và vũ trụ. Các ngài định lấy ý thức để cắt nghĩa ý thức, có khác nào túm lấy tóc mình để nhắc bóng mình lên!

- Tôi không hiểu, – đức Giám mục Morehouse nói. – Theo tôi, hình như tất cả những điều thuộc về tinh thần đều là siêu hình thì phải. Toán học chính là ngành khoa học chính xác nhất và có nhiều sức thuyết phục nhất, cũng là thuần túy siêu hình. Bất cứ một quá trình suy tưởng nào của một nhà khoa học cũng đều là siêu hình. Chắc chắn ông đồng ý với tôi?

- Đúng như ngài nói, ngài không hiểu thật, – Ernest đáp. Nhà siêu hình học lập luận một cách suy diễn, và đi từ chủ quan mình đi ra. Nhà khoa học lập luận theo lối quy nạp và dựa vào những sự việc do thực tế chứng nghiệm. Nhà siêu hình học giải thích vũ trụ bằng bản thân mình, nhà khoa học giải thích bản thân mình bằng vũ trụ.

- Nhờ ơn Chúa, chúng tôi không phải là nhà khoa học, – bác sĩ Hammerfield lẩm bẩm ra vẻ đắc chí.

- Thế các ngài là gì? – Ernest hỏi.

- Nhà triết học.

- Thế là các ngài chui vào bẫy của tôi rồi, – Ernest cả cười. – Các ngài đã rời bỏ trái đất thực tại và vững chắc, và đã dùng danh từ làm máy bay để bay lên tận mây xanh. Xin các ngài hãy trở lại mặt đất và nói cho tôi nghe, theo các ngài hiểu: triết học nghĩa là thế nào?

- Triết học là... (bác sĩ Hammerfield ngừng lại: đằng hắng) một cái gì rất khó định nghĩa, chỉ những đầu óc và tư chất triết học mới hiểu nổi thôi. Nhà khoa học thiên cận chỉ chú mũi vào những ống thí nghiệm không hiểu được triết học.

Ernest thản nhiên trước sự tấn công. Anh vẫn hay quay mũi nhọn của kẻ địch chĩa trả lại vào kẻ địch. Anh liền thi hành chiến thuật của anh, với một vẻ mặt và một giọng nói thân ái, hoà nhã.

- Vậy thì hẳn ngài sẽ hiểu cái định nghĩa về triết học mà tôi sắp nói đây. Nhưng trước khi nói, tôi thách ngài tìm ra chỗ tôi sai, nếu không xin ngài hãy cứ dựa cột mà nghe đúng như một nhà siêu hình học. Triết học chẳng qua là một khoa học bao trùm lên trên tất cả các khoa học. Nó cũng theo một phương pháp suy luận như bất cứ một khoa học riêng biệt nào. Cũng dùng phương pháp suy luận đó, tức là phương pháp quy nạp, triết học đúc tất cả những khoa học riêng biệt thành một khoa học lớn. Như Spencer đã nói, những luận cứ của bất cứ một khoa học riêng biệt nào cũng là những tri thức đúc kết có tính chất bộ phận. Triết học tổng hợp những tri thức do tất cả các khoa học đem lại. Triết học là khoa học của khoa học, là khoa học chủ đạo, gọi như thế cũng được. Ngài thấy định nghĩa của tôi thế nào?

- Rất hay, rất có giá trị, – bác sĩ Hammerfield lăm bắm một cách ngượng ngịu.

Nhưng Ernest không tha. Anh cảnh cáo:

- Xin ngài nhớ cho rằng định nghĩa của tôi hết sức tai hại cho siêu hình học. Nếu ngài không vạch được một sơ hở nào trong định nghĩa của tôi thì sau này ngài không thể đưa ra những lập luận siêu hình với tôi được đâu. Ngài sẽ phải tìm chỗ sơ hở đó suốt đời và im lặng một cách siêu hình cho đến khi tìm ra thì thôi.

Ernest chờ. Gian phòng im phăng phắc. Bác sĩ Hammerfield điếng người đi. Ông bối rối quá. Trận tấn công bằng búa tạ của Ernest làm cho ông mất hết tinh thần. Ông không quen tranh luận mọc mọc, thẳng thừng như thế. Ông nhìn quanh bàn để cầu cứu nhưng không ai trả lời hộ ông. Tôi bắt gặp ba tôi lấy khăn ăn che miệng cười.

- Còn một cách khác nữa để đánh đổ các nhà siêu hình học, – Ernest nói, khi bác sĩ Hammerfield đã hoàn toàn đuối lý.

- Hãy xét họ bằng việc làm. Họ đã làm gì cho nhân loại, ngoài việc thêu dệt ra những ảo ảnh lông bông và lẫn lộn cái bóng mình là thần thánh? Tôi công nhận là họ có thêm thắt được một vài trò vui cho nhân loại: nhưng thử hỏi họ đã làm được điều gì lợi ích thiết thực cho loài người? Họ triết kỳ – Tôi xin lỗi đã dùng sai danh từ này – rằng trái tim là nơi phát ra những xúc cảm trong khi các nhà khoa học tìm ra những kết luận về sự tuần hoàn. Họ la lối lên rằng đói kém và dịch tễ là do trời gây ra, trong khi các nhà khoa học xây kho dự trữ lương thực và làm hệ thống thoát nước cho các thành phố. Họ nặn ra thần thánh theo hình thù của họ và bằng những ý muốn riêng của họ, trong khi các nhà khoa học kiến thiết đường xá, cầu cống. Họ tả trái đất là trung tâm vũ trụ, trong khi các nhà khoa học khám phá ra châu Mỹ và quan sát không gian để tìm ra những tinh tú và những quy luật về các tinh tú. Nói tóm tắt một câu thì các nhà siêu hình học không làm gì, không làm được một tí gì cho nhân loại. Họ đã phải lùi dần từng bước trước những tiến bộ của khoa học. Nhưng hễ khoa học tìm ra được điều gì mới mẻ làm cho cách giải thích chủ quan của họ về sự vật bị lật đổ thì lập tức họ lại lập ra những thuyết chủ quan khác bao gồm cả những cách giải thích những điều mới mẻ nhất khoa học đã tìm ra. Và chắc hẳn họ còn làm như thế không biết đến bao giờ. Thừa các ngài, nhà siêu hình học là một tay phù thủy. Giữa các ngài với người Eskimo nặn ra một đấng Thượng đế mặc lông thú và ăn mỡ cá voi, nếu có cách nhau thì cũng chỉ cách nhau mấy nghìn năm xét nghiệm các sự kiện mà thôi.

Thế mà tư tưởng của Aristotle vẫn chế ngự châu Âu suốt mười hai thế kỷ đấy, – bác sĩ Ballingford phát biểu trịnh trọng. – Và Aristotle là một nhà siêu hình học.

Bác sĩ Ballingford nhìn quanh bàn. Nhiều người gật đầu hoặc mỉm cười hưởng ứng.

- Ngài nêu cái đó làm ví dụ thì thật dở hết chỗ nói, – Ernest đáp. – Ngài vừa viện ra một thời kỳ hết sức đen tối trong lịch sử nhân loại. Trong thực tế chúng ta gọi thời đó là Thời đại ngu dân. Một thời kỳ mà khoa học bị siêu hình học cưỡng hiếp, vật lý học trở thành khoa tìm đá điểm kim, hoá học trở thành khoa luyện kim đan và thiên văn học trở thành chiêm tinh học. Đáng buồn thay, sự thống trị của tư tưởng Aristotle!

Bác sĩ Ballingford bực lắm, nhưng ông lại tươi cười ngay. Ông bảo:

- Ngay cho chúng ta thừa nhận bức tranh khủng khiếp ông vừa vẽ đi nữa, ông cũng đã phải thú thật rằng siêu hình học rất có hiệu quả, vì nó đã dắt loài người ra khỏi thời kỳ tối tăm đó để bước vào ánh sáng của những thế kỷ sau.

- Sao? – Bác sĩ Hammerfield kêu lên. – Chẳng phải tư tưởng con người đã đưa đến những cuộc du hành thám hiểm là gì?

- Chao ôi, thưa quý ngài, – Ernest mỉm cười, – tôi tưởng ngài chịu thua rồi cơ đấy. Ngài vẫn chưa tìm ra một chỗ sơ hở nào trong định nghĩa của tôi về triết học. Ngài vẫn đang đứng trên mây xanh. Nhưng đó là tập quán của nhà siêu hình học, và tôi cũng sẵn lòng tha thứ cho ngài. Không, tôi nhắc lại, siêu hình học không có liên quan gì đến cái đó hết. Bánh mì và bơ, lụa và đồ trang sức, đô-la, tiền bạc và thêm vào đó, sự phong toả những đường bộ để thông thương với Ấn Độ là những điều đã gây ra những cuộc du hành thám hiểm. Sau khi Constantinople thất thủ năm 1453, người Thổ Nhĩ Kỳ phong toả những đường đi của những thương đoàn sang Ấn Độ. Các thương nhân ở châu Âu tìm một con đường khác. Đó là nguyên uỷ của những cuộc du hành thám hiểm. Columbus gióng buồm đi tìm một con đường mới để sang Ấn Độ. Sử sách chép rành rành như thế. Tiếp theo đó, người ta học được nhiều điều mới về thiên nhiên, người ta biết trái đất to bao nhiêu, hình thù thế nào, và thế là thuyết của Ptolemy đi đời.

Bác sĩ Hammerfield ừ hừ.

- Ngài không đồng ý với tôi? – Ernest hỏi. – Vậy thì tôi sai ở chỗ nào?

- Tôi chỉ có thể xác định lập trường của tôi là như thế thôi, – bác sĩ Hammerfield trả lời sảng. – Vấn đề đó dài quá, không thể đi sâu bây giờ được.

- Đối với nhà khoa học thì chẳng có chuyện gì là dài quá cả. – Ernest nói nhẹ nhàng. – Chính vì thế mà nhà khoa học đạt được tới đích. Chính vì thế mà người ta tìm ra châu Mỹ.

Tôi sẽ không tả lại tất cả buổi tối hôm đó, mặc dầu tôi thích nhớ lại từng lúc, từng chi tiết, nhớ lại những giờ phút đầu tiên tôi bắt đầu quen Ernest Everhard.

Cuộc tranh luận rất sôi nổi, và các vị mục sư đều đỏ mào say mặt, nhất là lúc Ernest gọi họ là những triết gia lãng mạn, những người chiếu ảo đăng và những thứ tương tự. Và anh luôn luôn chặn họ lại để lôi họ về với thực tế. Mỗi lần giáng xong một đòn quyết định, anh lại tuyên bố một cách đắc thắng: “Thực tế là như thế, thưa ngài, một thực tế không ai cãi được”. Người

anh tua tủa những thực tế. Anh dùng thực tế để quèo họ ngã, anh mai phục họ bằng thực tế, anh lấy thực tế đánh tới tấp vào họ như những trận mưa bom.

- Chắc hẳn ông vẫn đi lễ ở đền thờ Thực tế, – bác sĩ Hammerfield nói mỉa.

- Ngoài thực tế ra thì không có đấng Thượng đế nào hết, và ông Everhard là một vị giáo chủ đi tiên báo Thực tế, – bác sĩ Ballingford nói kiểu cách dài dòng.

Ernest mỉm cười đồng ý.

- Tôi cũng như người Texas ấy, – anh nói. Và do mọi người yêu cầu, anh cắt nghĩa: – Các ngài đều đã thấy, người ở Missouri thường bảo: “Phải giờ cái đó cho tôi xem”. Nhưng người ở Texas, họ bảo: “Phải đưa tận tay cho tôi xem”. Điều đó chứng tỏ họ không phải là những nhà siêu hình học.

Một lần khác, Ernest vừa nói các nhà siêu hình học không thể đứng vững được trước sự chứng nghiệm của chân lý, bác sĩ Hammerfield liền hỏi:

- Chứng nghiệm của chân lý là thế nào, hả ông bạn trẻ? Xin ông làm ơn giải thích cho tôi nghe, từ bao nhiêu lâu nay, những khối óc khôn ngoan hơn khối óc của ông, họ vẫn loay hoay vì cái gì?

- Được thôi. – Ernest đáp. Sự đỉnh đặc của anh làm cho họ đâm khùng. – Những khối óc khôn ngoan đã từng băn khoăn khổ não mà không tìm ra chân lý, vì họ đi tìm chân lý ở trên trời. Giá họ cứ ở dưới đất mà tìm thì đã tìm thấy một cách khá dễ dàng. Phải, đáng lẽ họ cũng đã thấy rằng bản thân họ đang chứng nghiệm chân lý bằng mỗi hành động thực tế và mỗi ý nghĩ trong đời sống hàng ngày của họ.

- Chứng nghiệm, chứng nghiệm... – Bác sĩ Hammerfield day lại, ra vẻ bức bối lắm. – Ông không cần phải giáo đầu lồi thối. Chứng nghiệm của chân lý... từ bao nhiêu lâu nay chúng tôi vẫn tìm kiếm cái đó. Ông hãy đưa cái đó cho chúng tôi. Ông hãy đưa ngay, để chúng tôi cũng thành Thượng đế với.

Trong lời ông nói và cách ông nói, có một thứ hoài nghi vô lễ và đầy vẻ giễu cợt mà hầu hết mọi người đều tán thưởng ngầm, mặc dầu đức Giám mục Morehouse tỏ vẻ phiền lòng.

- Bác sĩ Jordan[9] đã nói rất rõ về điều ấy – Ernest đáp. – Cách chứng nghiệm chân lý của ông là: “Chân lý đó có vận dụng được không? Anh có chịu phó thác đời anh cho nó không?”

- Ủa! – Bác sĩ Hammerfield cười nhạo. – Thế ông không đếm xỉa gì đến đức cha Berkeley[10] à? Đã có ai trả lời được Người đâu?

- À Berkeley, nhà siêu hình học số một. – Ernest cả cười. – Nhưng ví dụ của ngài nêu ra vụng quá. Ta có thể lấy ngay bản thân Berkeley để dẫn chứng rằng siêu hình học của ông ta không vận dụng được.

Bác sĩ Hammerfield liền nổi lòi đình, y như bắt được quả tang Ernest ăn cắp hay nói dối.

- Ông bạn trẻ, – bác sĩ nói oang oang như lệnh võ, – lời ông vừa nói rất phù hợp với tất cả những ý kiến ông đã phát biểu tối hôm nay. Đây là một lời quyết đoán tầm bậy, vô căn cứ.

- Vâng, tôi xin chịu thua. – Ernest nói ra vẻ như hàng phục. – Có điều tôi vẫn chưa rõ tôi thua vì cái gì. Xin bác sĩ hãy lấy cái nó làm cho tôi thua để vào tận tay tôi xem.

- Được lắm, được lắm, – bác sĩ Hammerfield đáp ứng. – Ông biết làm sao được. Ai bảo ông là đức giám mục Berkeley đã dẫn chứng rằng những thuyết siêu hình học của Người là sai? Ông lấy gì làm bằng? Ông bạn trẻ, học thuyết của Người từ lâu vẫn vận dụng được.

- Theo tôi, bằng chứng thuyết siêu hình học của Berkeley không vận dụng được là... – Ernest bình tĩnh ngừng lại một lúc, – là ông ta có một cố tật: ông ta ra vào vẫn thường đi qua cửa chứ không đi qua tường; là ông ta phó thác sinh mệnh của ông ta cho bánh mì, bơ và thịt bò rán; là ông ta cạo râu bằng một con dao cạo nó hoạt động không được hẳn hoi.

- Nhưng đó là những điều thuộc về cõi thực tế, – bác sĩ Hammerfield la lên. – Siêu hình học thuộc về tinh thần.

- Thế ra siêu hình học nó vận dụng trong tinh thần người ta à? – Ernest khẽ hỏi.

Ông kia gật đầu.

- Và trong cõi tinh thần, có vô số thần linh biết đứng trên đầu mũi kim để nhảy múa, – Ernest trầm ngâm nói tiếp. – Trong cõi tinh thần có một số đấng Thượng đế mặc lông thú và ăn mỡ cá voi; trong cõi tinh thần, không có một bằng chứng nào trái ngược với những điều đó. Thưa bác sĩ, tôi đồ chừng ngài cũng sống trong cõi tinh thần thì phải.

Bác sĩ trả lời:

- Tinh thần của tôi, chính là vương quốc của tôi.

- Nói một cách khác, nghĩa là ngài sống trên mây chứ gì? Nhưng tôi tin chắc ngài vẫn trở lại hạ giới những khi ngài xơi cơm hoặc những khi xảy ra động đất. Xin bác sĩ nói cho tôi nghe, hay là lúc động đất, ngài không sợ thân thể – phi – thể – chất của ngài bị một viên gạch phi – vật – chất nào bắn phải chăng?

Tức thì, như một cái máy bác sĩ Hammerfield đưa tay sờ lên đầu. Ông có một cái sẹo lằn dưới mái tóc. Tình cờ Everhard đưa ra một ví dụ rất đúng lúc. Trong trận động đất lớn[11] bác sĩ Hammerfield suýt bị một cái ống khói đổ xuống đè chết. Mọi người cười rộ lên.

- Sao? – Ernest hỏi, khi tiếng cười đã ngoi. – Xin ngài chứng minh ngược lại cho.

Trong lúc cả phòng im lặng. anh hỏi day lại: “Sao?” Và anh nói thêm: “Lập luận của ngài cũng khá đấy, nhưng chỉ khá vừa thôi!”

Tạm thời bác sĩ Hammerfield chịu thua, nhưng cuộc đấu tranh vẫn diễn ra kịch liệt theo hướng khác. Ernest thách các vị mục sư từng điểm một. Khi họ khẳng định rằng họ hiểu biết giai cấp công nhân, anh nói cho họ nghe những sự thật căn bản về giai cấp công nhân mà họ không biết và thách họ cãi. Anh luôn luôn đem thực tế ra nói với họ. Anh chặn đường không cho họ bay lên mây và kéo họ trở về mặt đất vững chãi này cùng với cái thực tế của nó.

Cảnh tượng hôm ấy tôi nhớ như in trong óc. Lúc này tôi có thể thấy anh đang nói. Giọng nói của anh hùng dũng như tiếng kèn trận. Anh lấy thực tế quất tới tấp vào mặt họ, mỗi sự việc

thực tế là một đường roi xé thịt quân thù. Anh đập thẳng tay không thương xót. Anh không tha họ, cũng không yêu cầu họ tha mình[12]. Tôi không thể nào quên được trận đòn cuối cùng anh tặng họ buổi tối hôm ấy.

- Tối hôm nay, các ngài đã nhiều lần thừa nhận bằng những lời tự thú trực tiếp hoặc bằng những lời tuyên bố dốt nát rằng các ngài không hiểu gì về giai cấp công nhân. Tôi cũng không trách các ngài làm gì. Các ngài hiểu giai cấp công nhân làm sao được? Các ngài có sống cùng một nơi với giai cấp công nhân đâu! Các ngài đánh bọn với giai cấp tư bản ở nơi khác kia mà. Chứ sao? Chính giai cấp tư bản trả lương các ngài, chính nó nuôi nấng các ngài, chính nó khoác lên lưng các ngài những tấm áo mà các ngài đang mặc đây. Để đền đáp lại các ngài thuyết cho chủ các ngài nghe các thuyết siêu hình học thuộc những nhãn hiệu đặc biệt họ có thể tiếp thu được. Những nhãn hiệu đặc biệt dễ tiếp thu đó, họ tiếp thu ngay, bởi vì nó không đe dọa cái trật tự xã hội đã được thiết lập.

Đến đây, cả bàn xôn xao không đồng ý.

- Không, tôi không nghi ngờ lòng thành thực của các ngài đâu! – Ernest tiếp. – Các ngài quá có thành thực. Miệng các ngài nói thế nào thì lòng các ngài tin như thế. Dưới mắt giai cấp tư bản sức mạnh và giá trị của các ngài là ở chỗ đó. Nhưng nếu các ngài lại tin vào những điều nó đe dọa cái trật tự xã hội này thì chủ các ngài sẽ không dùng những lời thuyết giáo của các ngài đâu. Họ sẽ sa thải các ngài. Thỉnh thoảng vẫn có một vị trong giới các ngài bị sa thải[13] như vậy. Tôi nói có đúng không?

Lần này thì không có ý kiến ngược lại. Mọi người đều chịu và ngồi câm như thóc, trừ bác sĩ Hammerfield. Ông bảo:

- Họ bị mời về chính là vì óc họ nghĩ tầm bậy đấy chứ?

- Nói khác đi, tức là tư tưởng của họ không thể dung được chứ gì? – Ernest trả lời, rồi nói tiếp: – cho nên tôi nói thật, các ngài cứ tiếp tục giảng đạo và kiếm tiền đi, nhưng xin các ngài hãy vì từ tâm mà hãy để mặc giai cấp công nhân đấy. Các ngài đứng về phe thù địch. Các ngài có gì giống giai cấp công nhân đâu! Tay các ngài nỡn nà vì đã có người khác lao động cho các ngài. Bụng các ngài tròn căng vì nó chứa đầy những thức ăn (Đến đây, bác sĩ Ballingford giật mình và mọi người đưa mắt nhìn thân hình quá đầy đà của ông. Người ta bảo đã từ mấy năm, mắt ông không nhìn thấy chân ông). Và óc các ngài chứa đầy những học thuyết nó chống đỡ cái trật tự xã hội đã được thiết lập. Các ngài là một bọn lính đánh thuê (một bọn lính đánh thuê thành thực, tôi công nhận điều đó), không khác gì với đội Vệ binh Thuỵ Sĩ đời xưa[14]; các ngài hãy ở thực bụng với những kẻ nuôi nấng các ngài, thuê mướn các ngài; các ngài hãy bảo vệ quyền lợi cho bọn chủ các ngài; nhưng các ngài đừng xuống với giai cấp công nhân để mong làm những kẻ đưa đường giả dối. Các ngài mà đứng cả ở hai phe một lúc thì các ngài không thể nào lương thiện được đâu. Giai cấp công nhân xưa nay không cần đến các ngài. Các ngài nên tin ở lời tôi nói, giai cấp công nhân sau này vẫn sẽ không cần đến các ngài. Vả lại, không có các ngài thì giai cấp công nhân còn dễ giải quyết công việc của họ hơn là có các ngài.

Chương II

Những lời thách thức

Khách về, ba tôi ngồi phịch xuống ghế cười rũ rượi. Từ khi mẹ tôi mất, chưa bao giờ tôi thấy ba tôi cười khoái trá như thế.

- Ba đánh cuộc rằng bác sĩ Hammerfield bình sinh chưa bị một vết nào như vết này. Các vị mục sư tranh luận chẳng vẫn quen lịch sự mà! Con có để ý không, Everhard bắt đầu như một con cừu non, nhưng chỉ một chốc là gầm lên như một con sư tử. Ốc anh ta xếp đặt đầu ra đấy, thật là tuyệt. Anh ta mà hướng năng lực vào việc nghiên cứu thì thừa sức thành một nhà khoa học giỏi.

Tôi cũng chẳng cần nói là tôi có cảm tình sâu xa với Ernest Everhard. Không phải chỉ vì những điều anh nói và cách nói năng của anh đâu, mà chính vì con người anh. Chưa bao giờ tôi gặp một người đàn ông như anh. Và có lẽ cũng vì thế nên tuy đã hai mươi tư, tôi vẫn chưa lấy chồng. Tôi thích anh; tôi phải thú thực với mình như thế. Cái thích của tôi dựa trên những điều vượt ra ngoài trí thông minh và tài lập luận của anh. Mặc dầu bắp thịt anh nổi lên cuồn cuộn, ngực anh nở nang như ngực một võ sĩ, tôi vẫn thấy anh là một cậu bé ngây thơ. Tôi cảm thấy rằng dưới cái bề ngoài tri thức huênh hoang, anh có một tâm hồn tế nhị và nhạy cảm. Tôi cảm thấy như thế thôi, nhưng cảm bằng cách nào thì chính tôi cũng không rõ. Có lẽ đó là thấy do cái linh tính phụ nữ trong người tôi.

Tiếng kèn gọi lính của anh đã xúc động tôi rất nhiều. Nó còn vang lên trong tai tôi, nhưng tôi cảm thấy lại muốn được nghe thêm nữa. Tôi những muốn nhìn lại nụ cười long lanh trong mắt anh, nụ cười vui tươi trái hẳn với vẻ mặt trang nghiêm lạnh lùng của anh. Hơn thế nữa nhiều tình cảm man mác từ đâu đến làm xao xuyến lòng tôi. Tôi chớm bắt đầu yêu anh. Tuy nhiên, tôi vẫn tin rằng, nếu không bao giờ gặp anh nữa, có lẽ những tình cảm man mác kia cũng phải đi, và tôi cũng dễ quên anh thôi.

Nhưng số phận đã định tôi phải gặp lại anh. Hồi ấy, ba tôi bắt đầu chú ý đến khoa xã hội học và hay mời khách đến nhà ăn cơm. Ba tôi không phải là một nhà xã hội học. Ba tôi chuyên về vật lý học. Trong đời sống gia đình cũng như trong công việc nghiên cứu khoa học, ba tôi gặp rất nhiều may mắn. Nhưng từ ngày mẹ tôi mất đi, việc nghiên cứu của ba tôi không sao lấp được chỗ trống. Thoạt tiên ba tôi bước vào nghiên cứu triết học; nhưng rồi ba tôi ngày càng ham và bị cuốn sang khoa kinh tế chính trị học và khoa xã hội học. Ba tôi vốn yêu công lý, cho nên chẳng bao lâu ba tôi hăm hở tìm cách san bằng mọi sự bất công. Thấy ba tôi chú ý nhiều đến công việc ngoài đời, tôi mừng lắm nhưng cũng không mừng tượng được kết quả sẽ thế nào. Ba tôi theo đuổi những công việc mới một cách hăng hái, say mê và không hề bận tâm rằng những công việc đó sẽ đưa tới đâu.

Ba tôi xưa nay quen làm việc trong phòng thí nghiệm, cho nên ba tôi đã biến phòng ăn trong nhà thành một phòng thí nghiệm xã hội học. Người đủ các hạng, các tầng lớp đến ăn ở đây: bác học, nhà chính trị, chủ ngân hàng, nhà buôn, giáo sư, lãnh tụ công đảng, đảng viên xã hội và những người vô chính phủ. Ba tôi thúc họ tranh luận và phân tích những ý nghĩ của họ về cuộc đời và về xã hội.

Ba tôi gặp Ernest trước “Tối họp mặt các vị mục sư” ít hôm. Lúc khách đã ra về ba tôi liền kể cho tôi nghe đã gặp anh như thế nào. Một buổi tối, ba tôi đang đi dạo phố thì dừng lại nghe một người đứng trên cái hòm xà-phòng diễn thuyết trước một đám công nhân. Người đứng trên hòm xà-phòng đó chính là Ernest. Nhưng việc của anh không chỉ là đứng trên xà phòng để diễn thuyết đâu. Anh là một nhân vật cao cấp trong ban chấp hành Đảng xã hội. Anh là một lãnh tụ của Đảng và được thừa nhận là lãnh tụ cả trong phạm vi triết học của chủ nghĩa xã hội. Anh có tài trình bày những vấn đề khó hiểu bằng một lối nói đơn giản, sáng sủa. Anh là một nhà thuyết trình và một nhà giáo dục lỗi lạc, nhưng vẫn có thể đứng trên hòm xà-phòng giảng kinh tế học cho công nhân.

Ba tôi dừng lại nghe. Thấy hay, ba tôi hẹn gặp diễn giả. Và chỉ sau khi quen nhau thực sự, ba tôi mời diễn giả đến ăn cơm cùng với các vị mục sư. Sau bữa ăn ba tôi nói về anh, nhưng ba tôi biết cũng chẳng bao nhiêu. Anh sinh trưởng trong giai cấp công nhân, mặc dầu dòng họ Everhard là một dòng họ kỳ cựu đã sinh cơ lập nghiệp ở Mỹ hàng hơn hai trăm năm[15]. Năm mười tuổi, anh vào làm nhà máy, và sau một thời gian học việc, anh thành công nhân đóng móng ngựa. Anh do tự học mà thành tài: anh đã học lấy tiếng Pháp và tiếng Đức, và thời ấy anh sống rất chật vật bằng cách dịch những tác phẩm khoa học và triết học cho một nhà xuất bản thuộc Đảng xã hội ở Chicago. Ngoài số lương ra, anh còn được một ít tiền nhuận bút. Những tác phẩm triết học và kinh tế học của anh bán cũng có một số người mua.

Tất cả những điều tôi được nghe về anh chỉ có thế. Nhưng tôi trần trọc mãi không ngủ được và nằm nhớ lại giọng nói sang sảng của anh. Tôi phát sợ lên vì thấy tự mình nghĩ đến anh nhiều quá. Anh khác hẳn những người cùng giai cấp với tôi. Anh xa lạ quá, dũng cảm quá! Tài năng của anh làm cho tôi vừa phục lại vừa sợ và tôi cứ nghĩ ngợi lung tung, thậm chí tưởng tượng ra rằng anh đã là người yêu và là chồng của tôi. Tôi vẫn nghe nói cái dũng mãnh của người đàn ông bao giờ cũng có một sự hấp dẫn ghê gớm đối với người đàn bà; nhưng anh thì lại dũng mãnh quá. “Không, không!” tôi kêu lên. “Vô lý! Không thể được!” Hôm sau tôi thức giấc đã lại thấy nóng lòng được gặp anh. Tôi muốn nhìn anh đẽ bẽp đối thủ trong một cuộc tranh luận, muốn được nghe giọng nói hùng tráng của anh; tôi muốn thấy anh đem hết lòng tự tin và sức mạnh ra đập toại bời bộn người tự mãn kia, đánh bật họ ra khỏi cái ổ gà tư tưởng của họ. Anh huênh hoang một chút có hề gì. Dừng lại câu anh thường nói thì cái huênh hoang ấy “vận dụng” được và có nhiều hiệu quả. Vả lại, cái huênh hoang của anh trông hay lắm. Nó khích động người ta như tiếng súng mở đầu cho một trận tấn công... Luôn mấy ngày sau, tôi mượn ba tôi sách của Ernest để đọc. Anh viết cũng giống như anh nói, rất rành rẽ và rất thuyết phục. Chính cách diễn tả hết sức giản dị của anh nó thuyết phục người ta, ngay cả khi người ta đang còn hoài nghi. Anh được trời phú bẩm cho cái khúc chiết. Anh trình bày vấn đề hay tuyệt. Tuy nhiên, ngoài bút pháp của anh ra, còn có nhiều điều tôi không thích. Anh nhấn quá mạnh cái mà anh gọi là đấu tranh giai cấp, đối kháng giữa lao động và tư bản, và xung đột quyền lợi.

Ba tôi thú vị kể lại lời bác sĩ Hammerfield nhận xét về Ernest: “Một thằng nhãi con hỗn xược, óc đầy tự mãn về cái hiểu biết đầy thiếu sót của mình”. Bác sĩ Hammerfield còn bảo sẽ không thèm gặp Ernest nữa. Trái lại đức Giám mục Morehouse tỏ ra mến Ernest và rất muốn gặp lại anh. Đức Giám mục bảo anh là “một thanh niên cương nghị và hết sức linh lợi nhưng tự tin thái quá”.

Một buổi chiều, Ernest đi cùng với ba tôi về nhà. Đức Giám mục Morehouse đã đến từ trước, và chúng tôi đang ngồi ngoài hiên uống trà. Ernest vẫn còn ở Berkeley, vì anh đang theo dõi một khoá đặc biệt về sinh vật học ở trường đại học và đang bận viết một tác phẩm mới nhan đề “Triết học và Cách mạng”[16].

Khi Ernest đến, hàng hiên như đột nhiên bé lại. Không phải vì anh to lớn quá đến thế đâu – anh chỉ cao có năm bộ chín tấc[17] – mà vì người anh toả ra một không khí lớn lao khó tả. Lúc đứng lại chào tôi, anh tỏ ra hơi ngượng nghịu, trái hẳn với đôi mắt nhìn táo bạo và bàn tay mạnh mẽ, cứng cáp của anh khi bắt tay tôi. Lúc đó mắt anh cũng đầy vẻ quả quyết và mạnh mẽ như thế. Lần này hình như trong đôi mắt anh có một câu hỏi, và cũng như lần trước, anh nhìn tôi lâu quá.

- Tôi đã đọc cuốn “Triết học của giai cấp công nhân” anh viết. – Tôi nói, và mắt anh sáng lên vì vui thích.

Anh đáp:

- Chắc thế nào cô chẳng chú ý tôi viết cuốn sách này nhằm đối tượng nào.

- Vâng. Và chính vì thế tôi muốn tranh cãi với anh, – tôi lên giọng thách thức.

- Tôi cũng thế, tôi cũng cần tranh luận với ông, ông Everhard ạ, – đức Giám mục Morehouse nói.

Ernest nhún vai rất điệu và đỡ lấy chén trà.

Đức Giám mục nghiêng mình nhường tôi nói trước.

Tôi bảo:

- Anh xúi giục thù hằn giai cấp. Tôi cho kêu gọi tất cả những cái gì là hẹp hòi, là tàn bạo trong giai cấp công nhân là sai lầm và có tội. Thù hằn giai cấp là một điều chống lại xã hội và theo ý tôi, chống lại chủ nghĩa xã hội.

- Tôi chẳng có tội gì cả, – anh đáp. – Trong lời văn và trong tinh thần tất cả những điều tôi viết, không có gì gọi là thù hằn giai cấp hết.

-Ồ! – Tôi lên giọng trách móc và với lấy cuốn sách của anh, mở ra.

Anh lặng lẽ uống trà và mỉm cười nhìn tôi lật những trang sách.

- Trang một trăm ba mươi hai! – Tôi đọc to: “Cho nên trong giai đoạn hiện tại của sự phát triển xã hội, đấu tranh giai cấp diễn ra giữa giai cấp trả lương và những giai cấp ăn lương”.

Tôi nhìn anh với vẻ mặt đắc thắng.

- Đây có phải là chuyện thù hằn giai cấp đâu, – anh cười đáp.

- Nhưng anh bảo “đấu tranh giai cấp”.

- Cái đó khác, thù hằn giai cấp khác, – anh đáp. – Cô nên tin là chúng tôi không hề xúi giục ai thù hằn nhau. Chúng tôi nói: đấu tranh giai cấp là một quy luật của sự phát triển xã hội, chúng

tôi không chịu trách nhiệm về điều đó. Chúng tôi có làm ra đấu tranh giai cấp đâu? Chúng tôi chỉ đem nó ra giải thích, cũng như Newton giải thích quy luật hấp dẫn của vạn vật. Chúng tôi cắt nghĩa bản chất của sự xung đột quyền lợi nó sinh ra đấu tranh giai cấp.

- Đáng lý ra thì không được có xung đột quyền lợi mới phải chứ! – Tôi kêu to lên.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với cô, – anh đáp. – Chính là những người theo chủ nghĩa xã hội chúng tôi đang ra sức làm việc đó. Chúng tôi đấu tranh để thủ tiêu sự xung đột quyền lợi. Xin lỗi cô. Để tôi đọc một đoạn.

- Anh cầm lấy cuốn sách và mở rất nhanh: – Trang một trăm hai mươi sáu: “Chu kỳ của đấu tranh giai cấp bắt đầu bằng sự tan rã của chế độ cộng đồng bộ lạc dã man và sự phát sinh ra tư hữu. Nó sẽ kết thúc bằng sự thủ tiêu quyền chiếm hữu cá nhân về những phương tiện sinh tồn của xã hội”.

- Nhưng tôi thì không đồng ý với ông, – đức Giám mục nói xen vào. Người xúc động quá và khuôn mặt xanh xao khắc khổ của người hơi phơn phớt đỏ. – Tiền đề của ông sai. Không có cái gì gọi là xung đột quyền lợi giữa lao động và tư bản, hay ít ra thì không nên có.

- Xin cảm ơn ngài, – Ernest nghiêm sắc mặt nói. – Vô tình trong câu cuối cùng của ngài, ngài đã công nhận tiền đề của tôi.

- Nhưng vì sao lại có thể có xung đột được kia chứ? – Đức Giám mục bực bội hỏi.

Ernest nhún vai:

- Bởi vì chúng ta bẩm sinh ra như thế. Theo tôi đoán thì như vậy.

- Chúng ta có phải bẩm sinh như thế đâu! – Đức Giám mục kêu lên.

- Có phải ngài đang bàn về con người lý tưởng không? – Ernest hỏi. Con người không vị kỷ, cao thượng như thần thánh ấy, có phải không? Nhưng người như thế hiếm quá, có thể nói là không có trong thực tế. Hay là ngài định nói con người thường?

- Tôi nói con người thường, – đức Giám mục đáp.

- Con người mềm yếu và sai trái, dễ lầm lẫn?

Đức Giám mục gật đầu.

- Xin ngài coi chừng, – Ernest nói. – Tôi nhắc lại chữ “ích kỷ”.

- Người thường bao giờ cũng ích kỷ thật, – đức Giám mục dừng cảm xác nhận.

- Và nó tham lam vô hạn, có đúng thế không?

- Con người thế tục vẫn hay tham lam; thật đáng thương hại, nhưng quả là như thế.

- Thế là tôi bắt được ngài rồi. – Hàm Ernest lập lại như cái lò xo của một cái bẫy. – Để tôi nói cho ngài nghe. Đây là một người làm ở sở xe lửa chạy trong thành phố.

- Người đó không thể có công ăn việc làm, nếu không có tư bản, – đức Giám mục ngắt lời.

- Đúng, nhưng chắc ngài công nhận rằng nếu không có lao động để kiếm lời thì tư bản chết, phải không?

Đức Giám mục im lặng.

Ernest hỏi day lại:

- Ngài có công nhận thế không ạ?

Đức Giám mục gật đầu.

- Thế là ý kiến chúng ta, cái nọ đã bác cái kia, – Ernest nói bằng một giọng rất thực tế. – Thế là hoà. Bây giờ thảo luận lại. Những người làm xe lửa bỏ sức lao động. Nhà tư bản bỏ vốn. Do hai bên lao động và tư bản phối hợp nên kiếm được ra tiền[18]. Họ chia nhau số tiền đó. Phần của tư bản gọi là lợi nhuận. Phần của lao động gọi là tiền lương.

- Đúng lắm, – đức Giám mục ngắt lời. – Và không có lý gì mà họ lại không chia nhau ổn thoả được.

- Ngài đã quên những điều chúng ta vừa đồng ý với nhau rồi, – Ernest trả lời. – Chúng ta đã đồng ý với nhau rằng con người bình thường vẫn hay ích kỷ. Đó mới là những con người thật. Ngài đã bay lên trên trời để chia phần cho những con người hoàn thiện hoàn mỹ nhưng không thể có được rồi. Ta hãy trở về mặt đất; người lao động vì ích kỷ, muốn được chia càng nhiều càng tốt. Nhà tư bản, vì ích kỷ, muốn được chia càng nhiều càng tốt. Khi một vật gì chỉ có hạn mà hai người cùng muốn giành phần hơn thì có xung đột quyền lợi. Đó chính là xung đột quyền lợi giữa lao động và tư bản. Xung đột ấy không thể điều hoà được. Chừng nào còn lao động và tư bản thì hai bên còn tiếp tục cãi lộn nhau về việc chia phần. Nếu ngài ở San Francisco buổi chiều hôm nay thì ngài sẽ buộc phải đi bộ. Không còn một cái xe nào chạy trong phố hết.

- Lại bãi công à[19]? – Đức Giám mục hốt hoảng hỏi.

- Vâng, họ đang gây lộn với nhau về việc chia tiền lãi của hãng xe điện chạy trong thành phố.

Đức Giám mục nổi giận, kêu to lên:

- Họ làm rồi! Công nhân thật là thiển cận. Thế thì họ còn hòng giữ cảm tình của chúng tôi làm sao được... - Khi mà chúng tôi bắt buộc phải đi bộ, – Ernest nói chêm, ranh mãnh.

Nhưng đức Giám mục không chú ý đến câu anh nói. Người tiếp:

- Tầm mắt họ hẹp quá. Con người thì phải cư xử cho ra con người, không thể là con vật được. Lại sắp sửa có bạo động, chém giết, gây ra bao nhiêu cảnh vợ goá con cô. Tư bản và lao động phải là bạn của nhau kia! Họ phải cộng tác chặt chẽ với nhau, vì quyền lợi của cả hai bên.

- Ngài lại bay lên mây rồi. Xin ngài hãy trở lại mặt đất cho. Ngài nhớ cho rằng ta đã đồng ý với nhau là con người bình thường vẫn ích kỷ.

Đức Giám mục thét lên:

- Nhưng mà họ không nên ích kỷ!

- Tôi đồng ý với ngài về điểm ấy, – Ernest nói tiếp. – Họ không nên ích kỷ, nhưng họ vẫn sẽ

ích kỷ như thường, chừng nào họ còn sống trong một cái hệ thống xã hội xây dựng trên nền tảng của một thứ đạo đức dành cho loài lợn.

Đức Giám mục hốt hoảng và ba tôi che miệng cười.

- Vâng, một thứ đạo đức dành cho loài lợn, – Ernest thản nhiên cười, nói tiếp. – Đó chính là định nghĩa của chủ nghĩa tư bản. Đó cũng là cái mà Nhà thờ các ngài ủng hộ, cái mà ngài vẫn dùng để thuyết người ta mỗi khi ngài bước lên toà giảng. Đạo đức của loài lợn! Không thể cho nó cái tên nào khác nữa!

Đức giám mục quay lại cầu cứu ba tôi, nhưng ba tôi cười lắc đầu:

- Tôi sợ ông Everhard nói đúng đấy! Đó là cái chính sách mạnh ai nấy làm, ai cũng chỉ bo bo biết phận mình và cuối cùng là hủy nó được. Như ông Everhard đã nói tối hôm nọ, chức trách của giới tu hành các ngài là gìn giữ cái trật tự đã được thiết lập, và xã hội hiện nay dựa trên nền tảng đó.

- Nhưng đấy không phải là giáo lý của Chúa! – Đức giám mục kêu lên.

- Ngày nay, Nhà thờ không dạy đạo lý của Chúa nữa rồi. – Ernest vội nói. – Vì thế cho nên công nhân chúng tôi sẽ không giây với Nhà thờ. Nhà thờ dung túng cho giai cấp tư bản đối xử tàn bạo, dã man với giai cấp công nhân.

- Nhà thờ không hề dung túng, – đức Giám mục cãi.

- Nhà thờ không phản đối, – Ernest đáp. – Mà không phản đối tức là dung túng. Vì xin ngài nhớ cho rằng Nhà thờ là do giai cấp tư bản trợ cấp.

- Tôi không quan niệm vấn đề như thế, – đức Giám mục nói một cách ngây thơ. – Có lẽ ông lầm. Tôi biết trên thế giới này còn có nhiều điều đáng buồn, nhiều điều ác. Tôi biết rằng Nhà thờ đã mất... cái mà ông gọi là giai cấp vô sản [20].

- Các ngài chưa hề có giai cấp vô sản bao giờ cả! – Ernest lo tiếng. – Giai cấp vô sản đã trưởng thành bên ngoài Nhà thờ và không cần đến Nhà thờ.

- Tôi không nắm được ý ông, – đức Giám mục đáp lại yếu ớt.

- Vậy thì để tôi cắt nghĩa cho ngài nghe. Sau khi máy móc và hệ thống nhà máy xuất hiện, vào cuối thế kỷ thứ mười tám, quảng đại quần chúng lao động bị buộc phải rời bỏ ruộng đất, phương thức sản xuất cũ bị phá vỡ. Nhân dân lao động bị đuổi ra khỏi làng và bị tập trung trong các thành phố công nghiệp. Đàn bà trẻ con bị bắt phải đứng ra điều khiển máy. Đời sống gia đình thế là hết. Tình cảnh thật là khủng khiếp. Đó là một trang sử viết bằng máu.

- Tôi biết, tôi biết, – đức Giám mục nói với một vẻ mặt buồn rười rượi. Thật là hãi hùng, nhưng việc này xảy ra đã một thế kỷ rồi nay rồi.

- Đúng như thế, giai cấp vô sản hiện đại ra đời đã một thế kỷ rồi nay. – Ernest nói tiếp. – Thế mà Nhà thờ không biết đến nó. Trong lúc bọn tư bản biến nước nhà thành lò sát sinh thì Nhà thờ làm thinh không nói. Trước kia Nhà thờ không phản đối, ngày nay Nhà thờ cũng không phản đối. Austin Lewis [21] nói về thời kỳ đó cũng đã từng phát biểu: “Những kẻ được Chúa

dạy: “Hãy nuôi lấy đàn chiên của ta” lại chính là những kẻ nhìn đàn chiên ấy bị bán đi làm nô lệ và bị vất sức ra cho đến chết mà không một lời phản đối [22]...” Nhà thờ cứ thế gắn trám đường vào miệng. Trước khi tiếp tục người có đồng ý với tôi hay không đồng ý, xin nói toạc móng heo cho tôi biết. Có phải là Nhà thờ đã gắn trám đường vào miệng không?

Đức Giám mục Morehouse ngập ngừng. Cũng như bác sĩ Hammerfield, Người không quen cái lối mà Ernest gọi là “đánh tung thâm”.- Lịch sử thế kỷ thứ mười tám đã viết rồi, – Ernest nói như rìu chém đá. – Nếu Nhà thờ không gắn trám đường vào miệng thì người ta cũng phải thấy có một lời phản đối nào trong sử sách chứ?

- Kể thì lúc đó Nhà thờ cũng có làm lơ đi thật, – đức Giám mục thú nhận.

- Ngay cả bây giờ nữa, Nhà thờ vẫn cứ làm lơ.

- Ở đây thì tôi không đồng ý, – đức Giám mục nói.

Ernest ngừng lại, chăm chú nhìn Người và nhận lời thách thức.

- Được lắm, – anh bảo, – rồi ta xem. Ở Chicago, phụ nữ làm việc mỗi tuần được chín hào lương. Nhà thờ có phản đối không?

- Tôi không thể biết việc này, – đức Giám mục đáp. – Chết thật, có chín hào thôi ư?

- Nhà thờ có phản đối không? – Ernest hỏi day lại.

- Nhà thờ không biết điều đó, – đức Giám mục kiên quyết chống đỡ.

- Thế mà Chúa đã từng dạy Nhà thờ là “hãy nuôi lấy đàn con chiên của ta” đấy. – Ernest nói mỉa. Sau đó, anh bảo:

- Xin ngài bỏ quá cho tôi đã nói day ngài. Chúng tôi bất bình với các ngài, liệu ngài có lấy thể làm lạ không? Các ngài có đem việc dùng trẻ con trong các nhà máy sợi ở miền Nam ra phản đối [23] trước nhà thờ tư bản chủ nghĩa của các ngài không? Trẻ con sáu bảy tuổi thay phiên nhau làm đêm, mỗi phiên mười hai tiếng đồng hồ. Chúng nó không bao giờ được nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Chúng nó chết như ruồi bọ. Tiền lời của bọn tư bản là do máu chúng nó mà ra. Các ngài dùng tiền đó để xây những thánh đường lộng lẫy ở New England. Và trong những Thánh đường ấy, đồng loại của ngài đem tuyên giảng những điều rất vô vị tuy là rất êm tai, trước những cái kết đọng tiền lời bụng phê, mặt nhẵn như bàn thịt.

- Tôi không hề biết những điều đó, – đức Giám mục thều thào. Mặt Người tái đi như người trúng gió.

- Thế là các ngài không phản đối chứ gì?

Đức Giám mục lắc đầu.

- Thế là Nhà thờ ngày nào cũng ngậm miệng như nó đã từng ngậm miệng hồi thế kỷ thứ mười tám chứ gì?

Đức Giám mục nín lặng và lần này thì Ernest thôi không hỏi dồn nữa.

- Và xin ngài đừng quên rằng hễ giáo sĩ nào phản đối là bị thải hồi tức khắc.

- Tôi thấy như thế là không công bằng.

- Ngài có phản đối không? – Ernest hỏi.

- Ông cứ chỉ cho tôi những điều dữ trong xã hội chúng ta như ông vừa nói, tôi sẽ phản đối.

- Tôi sẽ chỉ, – Ernest ung dung đáp. – Tôi sẵn sàng để ngài tùy tiện sử dụng. Tôi sẽ dẫn ngài làm một cuộc du hành qua địa ngục.

- Và tôi sẽ phản đối!... – Đức Giám mục ngồi thẳng người lên và trên khuôn mặt hiền từ của Người hiện lên vẻ danh thép của một chiến sĩ.

– Nhà thờ sẽ không im đâu!

Ernest báo trước:

- Ngài sẽ bị sa thải.

Đức Giám mục trả lời:

- Tôi sẽ chứng minh ngược lại cho ông xem. Nếu quả những điều ông nói có như thế thật thì tôi sẽ chứng minh cho ông thấy rằng Nhà thờ sai lầm chỉ vì không biết mà thôi. Thậm chí tôi tin chắc rằng tất cả những điều gớm ghiếc xảy ra trong xã hội công nghiệp cũng đều do giai cấp tư bản không biết mà ra. Họ sẽ sửa lại những sai trái ngay khi nhận được bức thư mà Nhà thờ có nhiệm vụ viết cho họ.

Ernest phá lên cười. Anh cười rất ác và tôi buộc lòng phải bênh đức Giám mục. Tôi bảo:

- Anh nên nhớ, anh mới thấy có một mặt của vấn đề. Anh không tin là chúng tôi tốt một tí nào đâu, nhưng mặc, chúng tôi vẫn có nhiều điểm tốt. Đức cha nói rất đúng. Những sai trái do công nghiệp gây nên, dù có ghê gớm như anh nói đi chăng nữa, cũng chỉ do người ta không biết mà ra. Các giới trong xã hội ngày nay xa cách nhau quá lắm!

- Người mọi da đỏ cũng không tàn ác dã man bằng giai cấp tư bản, – anh đáp. Và lúc ấy tôi phát ghét anh lên.

- Anh không hiểu chúng tôi, – tôi bảo anh thế, – chúng tôi không tàn ác dã man đâu!

- Thế cô chứng minh đi, – anh thách.

- Với anh thì chứng minh thế nào được? – Tôi bắt đầu cáu.

Anh lắc đầu:

- Tôi không yêu cầu cô chứng minh cho tôi. Tôi yêu cầu cô chứng minh cho bản thân cô kia!

- Tôi thì tôi biết rồi, không việc gì lại phải chứng minh cho tôi.

- Cô không hiểu cái gì hết! – Anh trả lời phũ phàng.

Ba tôi dàn hoà:

- Các con, các con, đừng thế!

Tôi giận quá bảo:

- Tôi không thêm... Nhưng Ernest ngắt lời:

- Tôi hiểu vấn đề như thế này: cô có tiền hay ba cô có tiền cũng vậy thôi. Tôi muốn nói số tiền hùn vào nhà máy Sierra.

- Cái đó có liên quan gì đến vấn đề đang thảo luận kia chứ? – Tôi gắt.

- Cũng không liên quan gì đâu, – anh nói chậm rãi. – Trừ một điều là tấm áo cô đang mặc đây có vấy máu, những thức ăn cô ăn vào miệng đều tanh mùi máu. Máu trẻ con, máu người lớn đang từ trên xà nhà cô rỏ xuống. Tôi chỉ cần nhắm mắt lại là nghe thấy tiếng máu rơi từng giọt từng giọt quanh mình.

Để cho điệu bộ phù hợp với lời nói, anh nhắm mắt lại và tựa lưng vào ghế. Tôi oà lên khóc vì nhục và vì tự ái. Trong đời tôi chưa bao giờ bị đối xử phũ phàng đến thế. Cả đức Giám mục lẫn ba tôi đều bối rối, kinh ngạc. Hai người định lái câu chuyện sang một vấn đề khác bớt gay go hơn: nhưng Ernest đã mở mắt ra và xua tay cho hai người giãn ra. Miệng anh rất nghiêm, cả mắt anh cũng thế. Trong khoé mắt anh không còn cái cười long lanh như mọi khi nữa. Anh lại sắp nói gì đây? Anh lại sắp bắt tôi phải chịu hình phạt ghê gớm gì đây? Tôi cũng chẳng hiểu. Vì lúc ấy một người đang đi trên hè phố đứng lại nhìn chúng tôi. Anh ta tầm vóc cao lớn, quần áo rách rưới, lưng thò một bó nặng bàn ghế và bình phong bằng tre và mây. Anh ta nhìn vào trong nhà, như lưỡng lự, không biết có nên vào chào bán hàng không.

- Tên anh ấy là Jackson, – Ernest bảo.

- Thân hình vạm vỡ thế kia đáng lẽ phải đi làm việc chứ lại đi bán hàng rong [24]! – Tôi nói gọn lỏn.

- Cô để ý tay áo bên trái anh ấy xem, – Ernest nhẹ nhàng bảo.

Tôi nhìn thấy tay áo rách.

- Tôi nghe thấy máu ở cánh tay anh ấy ở trên xà nhà cô rơi xuống, – Ernest vẫn một giọng nhẹ nhàng như trước. – Anh ấy mất cánh tay trong nhà máy Sierra và “cô” đã quăng anh ấy ra chết ngoài đường như một con ngựa cụt. Tôi nói “cô” đây tức là muốn chỉ viên giám đốc và tất cả những viên chức mà cô và những cổ động khác mượn để trông nom cho nhà máy chạy. Đây là một tai nạn lao động. Tai nạn này xảy ra là vì anh ấy muốn cho nhà máy đỡ tốn mấy đô-la. Tay anh ấy bị kẹp vào cái ống răng cưa của máy chải sợi. Anh ấy thấy một hòn đá cuội vướng vào răng máy. Giá anh ấy cứ để nguyên thì hòn cuội sẽ làm gãy hai hàng răng cưa. Anh ấy bèn với tay nhặt nó ra, thế là cánh tay bị nghiền như suốt từ đầu ngón cho đến bả vai. Lúc ấy là ban đêm. Nhà máy làm thêm giờ. Quý ấy tiền lời chia rất sụ. Đêm hôm xảy ra tai nạn, Jackson làm việc đã hàng bao tiếng đồng hồ rồi, các bắp thịt anh đã mỏi nhừ và cử động không được nhanh nhẹn nữa. Vì thế mà anh bị máy nghiền. Anh ấy có một vợ ba con.

- Thế công ty có làm gì cho anh ta không? – Tôi hỏi.

- Chẳng làm cái gì hết. Quên, xin lỗi cô, có làm. Ở nhà thương ra, anh ấy kiện đòi bồi thường và công ty đã làm cho anh ấy thua kiện. Chắc cô cũng thừa biết là công ty dùng những luật sư

rất có năng lực.

- Anh kể chưa hết chuyện, – tôi nói quả quyết. – Hoặc là anh không biết hết chuyện. Có lẽ tại vì anh ta xấu lão.

- Xấu lão! Hà hà! – Giọng cười của anh rất đanh ác. – Trời đất ơi! Với một người cánh tay đã bị nghiền như. Thế nhưng anh ấy lại là một tên đầy tớ hiền lành, ngoan ngoãn kia. Chẳng ai bảo anh ấy là xấu lão bao giờ... - Nhưng mà xấu lão ở tòa án. – tôi vội bảo. – Chắc là trong chuyện này còn có những điều không giống như anh nói, nếu không thì tòa đã chẳng xử cho anh ta thua.

- Đại tá Ingram làm cố vấn cho công ty. Ông ta là một nhà luật học rất khôn ngoan. – Ernest chăm chú nhìn tôi và nói tiếp. – Cô Cunningham ạ, tôi bảo thật cô nhé, cô nên đi điều tra về trường hợp của Jackson đi.

- Tôi cũng định thế, – tôi lạnh lùng đáp.

- Tốt lắm, – anh hớn hờ bảo tôi. – Tôi sẽ chỉ chỗ cho cô tìm anh ấy. Nhưng tôi không khỏi rùng mình khi nghĩ đến những điều cô sẽ phải chứng minh bằng cánh tay của Jackson.

Thế là cả đức Giám mục lẫn tôi đều nhận lời thách thức của Ernest. Đức Giám mục ra về cùng với anh. Tôi ngồi một mình, rất phần uất vì thái độ bất công của anh đối với tôi và giai cấp tôi. Đồ súc sinh! Tôi ghét cay ghét đắng anh, nhưng lại tự an ủi ngay: người của giai cấp công nhân tất nhiên là cư xử như thế. Không thể đòi hỏi hơn được.

Chương III

Cánh tay của Jackson

Tôi cũng không ngờ cánh tay của Jackson sau này đã đóng một vai trò quyết định trong đời tôi. Tôi kiếm mãi mới ra anh, và bản thân anh không gây cho tôi một ấn tượng gì đặc biệt. Tôi tìm thấy anh trong một túp lều lụp xụp[25], gần vịnh, bên bãi lầy. Bốn xung quanh nhà anh ta là những vũng nước lều bều một thứ váng xanh lè, mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Jackson đúng là con người hiền lành người ta đã tả cho tôi nghe. Anh đang đan một thứ đồ mây và cứ thế lẳng lặng làm việc trong lúc tôi nói chuyện với anh. Nhưng mặc dầu anh hiền lành tôi vẫn thấy thoáng hiện ra trong giọng nói của anh một niềm chua xót. Anh bảo:

- Kể ra làm gì họ chẳng cho tôi được một chân gác đêm![26]

Tôi hỏi anh được rất ít. Tôi thấy anh khù khờ lắm, khác hẳn cái dáng anh đưa bàn tay làm việc nhanh thoăn thoắt. Tôi bèn nảy ra một ý nghĩ và hỏi:

- Thế làm sao mà tay anh lại kẹp vào máy được?

Anh chậm rãi nhìn tôi, vẻ mặt trầm ngâm và lắc đầu.

- Tôi không biết. Tự nhiên nó thế!

- Hay là tại cầu thả? – Tôi vội hỏi.

- Không, – anh đáp, – không thể nói như thế được. Tôi làm thêm giờ, tôi cho là vì tôi mệt quá. Tôi đã làm mười bảy năm trong nhà máy, tôi nghiệm thấy rằng phần nhiều tai nạn xảy ra đúng lúc sắp còi tằm[27]. Tôi dám cược rằng trong giờ sắp tan tằm, tai nạn xảy ra nhiều hơn tất cả các giờ khác cộng lại. Làm quần quật hết giờ này sang giờ khác, ai còn nhanh nhẹn được nữa. Tôi đã từng nom thấy không biết bao nhiêu người bị cắt đứt ra từng mảnh hoặc bị nghiền nát như.

- Nhiều thế kia ư?

- Hàng trăm người, cả trẻ con nữa.

Trừ những chi tiết khủng khiếp, Jackson kể lại chuyện anh bị tai nạn hoàn toàn giống như người ta nói cho tôi nghe. Tôi hỏi anh có vi phạm nội quy điều khiển máy không thì anh lắc đầu.

- Tôi lấy tay phải gỡ dây cua-roa, – anh bảo, – và tôi giờ luôn tay trái ra nhặt hòn đá cuội. Tôi cũng không xem dây cua-roa đã gỡ hẳn chưa. Tôi tưởng tay phải đã gỡ được rồi. nhưng thực ra thì chưa. Tôi đưa tay trái ra thật nhanh, nhưng dây cua-roa chưa gỡ được. Thế là tay tôi bị nghiền.

- Chắc là đau ghê lắm nhỉ! – Tôi động tâm nói... - Giập xương nhất định không phải chuyện đùa, – anh trả lời.

Về việc kiện đòi bồi thường, óc anh nghĩ rất lộn xộn. Chỉ có một điều rõ ràng đối với anh là anh không được bồi thường một tí gì cả. Anh cho rằng khẩu cung của đốc công và của giám đốc nhà máy đã làm cho toà xử anh thua. Theo anh, họ khai không đúng sự thật. Thế là tôi quyết định đi tìm họ.

Điều này mới thật rõ, tình cảnh của Jackson rất là khốn đốn. Vợ anh đau yếu luôn, nghề đan mây đi bán rong không nuôi sống được gia đình. Tháng nào anh cũng chậm tiền nhà. Đứa con trai lớn mới mười một tuổi đã phải vào làm nhà máy.

- Kể ra làm gì họ chẳng cho tôi được một chân gác đêm, – đó là những lời cuối cùng của anh lúc tôi ra về.

Tôi đi tìm viên luật sư đã cãi cho Jackson, hai viên đốc công và viên giám đốc nhà máy đã làm chứng ở toà. Cuối cùng tôi cũng bắt đầu cảm thấy Ernest nói không phải là vô căn cứ.

Vị luật sư trông rất đụt, vừa mới nhìn ông ta, tôi đã thấy Jackson thua kiện không có gì lạ. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là Jackson chọn một luật sư như thế thì bị như thế là đúng thôi. Nhưng một lúc sau, tôi chợt nhớ ra hai câu nói của Ernest: “Công ty mượn những luật sư giỏi” và “Đại tá Ingram là một luật sư rất khôn ngoan”. Tôi thoáng nghĩ trong óc: cố nhiên công lý mượn được người cãi tài giỏi hơn là một anh thợ quèn như Jackson. Nhưng đó cũng chỉ là một chi tiết nhỏ. Tôi chắc Jackson thua kiện tất phải có lý do gì khác.

- Sao ông lại thua kiện? – Tôi hỏi.

Nhà luật học luống cuống mất một lúc, trông đến thương hại. Rồi ông ta bắt đầu than vãn.

Tôi tưởng chừng ông ta lúc sanh ra đã quen than vãn như thế rồi. Ông ta than thở về những lời chứng ở toà. Nhân chứng khai toàn những điều có lợi cho bên kia. Ông ta không sao làm cho họ khai được một lời có lợi cho Jackson. Họ thừa biết đi với ai có lợi. Còn Jackson thì thật là ngốc. Anh đã bị đại tá Ingram dọa đến nỗi cuống cả lên. Đại tá Ingram rất giỏi khoa hỏi vặn. Ông ta đã bắt anh trả lời những câu rất nguy hại.

- Nếu công lý ở về phía anh ta thì làm sao những câu trả lời của anh ta lại có thể nguy hại được? – Tôi hỏi.

- Công lý thì có dính dáng gì đến việc này? – Ông ta hỏi tôi. Ông ta đưa tay chỉ những hàng sách xếp trên tường, trong cái phòng làm việc chật như lỗ mũi. – Chính nhờ đọc và nghiên cứu những sách mà tôi rút ra được một bài học rằng luật pháp là một chuyện, mà công lý là một chuyện khác. Bà cứ hỏi bất cứ một luật sư nào mà xem. Muốn biết thế nào là lẽ công bằng thì phải đi nghe giảng đạo ngày Chủ nhật. Còn muốn biết thế nào là luật pháp thì phải tra cứu những sách này.

- Ông muốn bảo tôi là Jackson phải mà vẫn bị thua kiện, có phải không? – Tôi hỏi thử ông ta thế. – Ông định bảo là ở toà án của ông Chánh án Caldwell không có công lý, có phải không?

Ông luật sư bé nhỏ nhìn chòng chọc vào tôi một lúc và rồi tất cả cái dũng khí trên mặt ông biến đi đâu mất hết.

- Tôi thật là đen, – ông ta lại bắt đầu than thở. – Họ đã nhạo Jackson thì chớ, họ còn nhạo luôn cả tôi nữa. Tôi còn hy vọng cái gì! Đại tá Ingram là một luật sư đại tài. Nếu ông ta không tài, dễ thường ông ta nắm được công việc của nhà máy Sierra, của nghiệp đoàn ruộng đất Erston, của hãng Berkeley, hãng Oakland, hãng San Leandro và của công ty điện khí Pleasanton chắc? Ông ta làm luật sư cho các hãng độc quyền mà các hãng độc quyền họ trả lương cho luật sư không phải để ăn hại[28]. Vì sao một mình nhà máy Sierra mà trả cho ông ta tới hai vạn đô-la một năm? Chắc bà cũng thừa hiểu là bởi vì đối với họ ông ta đáng giá ngần ấy tiền. Tôi thì tôi không đáng ngần ấy tiền. Nếu đáng thì tôi chẳng đến nỗi phải chầu rìa, phải chết đói dở, phải hứng lấy những việc như việc của nhà anh Jackson kia. Bà thử nghĩ, giá có được vụ kiện của anh ta, phỏng tôi được cái gì?

- Chắc là ông sẽ bòn anh ta đến khánh kiệt thì thôi, – tôi trả lời.

- Cố nhiên như thế, – ông ta cáu lắm, quát ầm lên. – Tôi cũng còn phải sống chứ![29] - Anh ta có vợ, có con, – tôi trách.

- Tôi cũng có vợ, có con, – ông ta trả lời. – Mà trên đời này ngoài tôi ra thì chẳng có ma nào lo đến việc vợ con tôi có chết đói hay không chết đói.

Về mặt ông ta chợt dịu xuống. Ông ta mở cái đồng hồ quả quýt và cho tôi xem tấm ảnh nhỏ chụp vợ và hai con gái.

- Bà xem, vợ con tôi đấy. Gia đình tôi sống thật là chật vật. Tôi vẫn định cãi được vụ Jackson này thì cho vợ tôi và các cháu về thôn quê. Nhà tôi và các cháu ở đây không được khoẻ, nhưng tôi chẳng có cách nào cho đi chỗ khác được.

Khi tôi đứng dậy ra về, ông ta lại than thở.

- Tôi thật là đen đủi. Đại tá Ingram với ông Chánh án Caldwell là cánh hẩu với nhau. Tôi không bảo rằng họ là cánh hẩu cho nên chúng tôi thua kiện đâu. Chẳng qua cũng chỉ vì lúc thẩm vấn nhân chứng, tôi không lấy được lời khai nào đúng với sự thật thôi. Nhưng dẫu sao tôi cũng phải nói rằng ông Chánh án Caldwell tìm hết cách để ngăn không cho tôi moi lấy một lời khai đúng đắn. Chứ còn sao nữa? Ông Chánh án Caldwell với Đại tá Ingram đi xem hát ngồi cùng một lô, cùng đến một câu lạc bộ. Họ cùng ở một phố mà người khác không có tiền ở. Ngày nào vợ họ cũng thậm thụt sang nhà nhau. Họ toàn là đánh bài với nhau, toàn là chơi bời với nhau... - Nghĩa là ông vẫn nghĩ rằng Jackson phải chịu gì? – Tôi hỏi và đứng chờ ông ta trả lời.

- Còn nghĩ ngợi lồi thoi gì nữa! Tôi biết chắc chắn là Jackson phải, – ông ta đáp. – Thoạt đầu là tôi cũng cứ tưởng là anh ta có cơ được kiện. Nhưng tôi không cho nhà tôi biết, tôi không muốn nhà tôi mừng hụt. Nhà tôi đang thêm về sống ở thôn quê một thời gian. Thế này cũng đủ thất vọng lắm rồi.

Peter Donnelly là một trong hai viên đốc công đã ra làm chứng ở toà. Tôi hỏi y như sau:

- Sao ông không xin toà lưu ý đến chỗ Jackson cố tránh cho máy khỏi bị hư hại?

Y suy nghĩ một lúc lâu rồi mới trả lời. Y lo ngại nhìn bốn xung quanh và bảo:

- Bởi vì tôi có một người vợ hiền và ba đứa con rất ngoan, rất kháu. Có thể nói, bà chưa bao giờ nhìn thấy đứa trẻ nào kháu khỉnh như thế.

- Tôi không hiểu ông định nói gì, – tôi bảo.

- Nói một cách khác, khai như thế khó lắm.

- Ông định bảo là... – nhưng y dùng dùng ngắt lời tôi:

- Tôi định nói thế chứ còn thế nào nữa. Tôi làm nhà máy đã hằng bao nhiêu năm. Tôi bắt đầu vào xe sợi từ nhỏ và làm suốt từ đó đến nay. Chính là do chịu thương chịu khó mà tôi leo lên được cái địa vị này. Vâng, thưa bà, tôi là đốc công. Thử hỏi ở cái nhà máy này, lúc lỡ ra thì hỏi có ai giơ tay kéo tôi cho tôi khỏi chết đuối không? Trước tôi có chân trong công đoàn. Nhưng hai kỳ bãi công, tôi ở lại làm cho công ty. Chúng nó gọi tôi là “phần tử vàng”. Bây giờ giá tôi có mời thì cũng không đứa nào thêm uống với tôi cốc rượu. Bà có thấy vết sẹo trên đầu tôi không? Chúng nó lấy gạch ném tôi đấy! Bọn nhóc con ở xưởng xe sợi không đứa nào là không réo tên tôi lên chửi. Tôi chỉ còn một người bạn thôi, là công ty. Cũng chẳng ai bắt tôi đứng về phe công ty. Nhưng tôi cần bánh mì, cần bơ, cần cho con tôi sống. lý do là như thế.

- Jackson có gì đáng khiển trách không? – Tôi hỏi.

- Lẽ ra anh ta được bồi thường thì mới phải. Anh ta làm ăn tốt, không bao giờ gây khó khăn cho nhà máy.

- Vậy ra ông không được tự do nói hết sự thật như ông đã tuyên thệ ư?

Y lắc đầu.

- Sự thật, tất cả sự thật, và chỉ có sự thật, – tôi trịnh trọng nói thêm.

Bổng y lại hằm hằm nét mặt.

Y ngẩng lên không phải để nhìn tôi, mà để nhìn trời.

- Vì các con tôi, – y đáp, – giá có bị thiêu chết cả thể xác lẫn linh hồn dưới địa ngục, tôi cũng cam lòng.

Henry Dallas, viên giám đốc, là một tên mình người mặt cáo. Y nhìn tôi một cách xấc láo và nhất định không chịu nói. Tôi không sao hỏi được y nửa lời về vụ kiện và về khẩu cung của y ở toà. Nhưng tôi đến tìm viên đốc công thứ hai thì đạt được kết quả hơn. James Smith là một người nét mặt khắc khổ, gặp anh ta tự nhiên tôi thấy lòng se lại. Tôi có cảm tưởng cả anh ta nữa cũng không được tự do. Lúc nói chuyện tôi nhận thấy tính tình anh ta khá hơn bọn người cùng giới với anh ta. Anh ta đồng ý với Peter Donnelly rằng Jackson đáng lẽ phải được bồi thường. Anh ta còn đi xa hơn. Anh ta bảo rằng người công nhân đó ra lẽ đường sau khi người đó bị tai nạn mất cả sức lao động là tàn bạo, là giết người không dao. Anh ta cũng kể lại rằng trong nhà máy thường xảy ra tai nạn luôn và chính sách của công ty là đấu tranh đến cùng chống những vụ kiện đòi bồi thường. Anh ta bảo:

- Hằng năm như thế là nhà chủ đỡ tốn hàng chục vạn đô-la.

Tôi nhớ ngay đến số tiền lời ba tôi mới được chia. Ba tôi đã dùng tiền này để sắm áo đẹp cho tôi và mua sách cho mình. Tôi nhớ lại lời Ernest kết tội tấm áo của tôi vấy máu và tôi cảm thấy các thớ thịt rùng lên dưới lớp quần áo tôi đang mặc.

- Lúc khai trước toà, ông không vạch rõ rằng Jackson bị tai nạn là vì muốn cho nhà máy khỏi bị hư hại ư?

- Không, – anh ta đáp và anh ta mím môi lại trông rất chua xót. – Tôi đã làm chứng rằng Jackson bị thương vì cầu thả, vì không cẩn thận và công ty không phải chịu trách nhiệm gì về việc này.

- Có phải là cầu thả thật không? – Tôi hỏi.

- Bà muốn gọi là cầu thả hay gọi là gì thì gọi. Trong thực tế thì làm việc hàng tiếng đồng hồ liền ai cũng phải mệt.

Tôi bắt đầu có cảm tình với anh ta. Anh ta quả là thuộc loại trên, khá hơn nhiều kẻ khác.

- Ông là người có học hơn đa số những người lao động, – tôi bảo anh ta thế.

- Tôi đã học hết trung học, – anh ta đáp. – Tôi phải làm nghề gác cửa để lấy tiền đi học. Mong của tôi là vào Đại học. Nhưng ông cụ tôi mất, thế là tôi lại vào làm ở nhà máy. Lúc được thăng chức đốc công, tôi cưới vợ, rồi có con. Thế là tôi không còn là chủ của tôi nữa.

- Ông nói thế nghĩa là thế nào? – Tôi hỏi.

- Tôi đang cắt nghĩa tại sao tôi làm như thế, tại sao đã làm theo những chỉ thị của người ta.

- Chỉ thị của ai?

- Của đại tá Ingram. Ông ta thảo những lời tôi phải khai trước toà.

- Và lời khai đó đã khiến cho Jackson thua kiện. – Anh ta gật đầu, mặt đỏ lên như gấc.

- Và Jackson có một vợ, hai con trông cậy cả vào bác ta.

- Tôi biết, – anh ta bình tĩnh đáp, mặt đỏ lên anh ta càng sạm lại.

- Ông hãy nói cho tôi nghe, – tôi tiếp, – ông đã từng học hết trung học, vậy biến thành một người làm nổi một việc như thế trước toà án thì có dễ không?

Anh ta chột đời đời nổi giận, khiến tôi vừa ngạc nhiên vừa sợ. Anh ta thốt ra những câu nguyên rủa kinh người[30] và nắm tay lại như sắp đánh tôi.

Một lúc sau anh ta lại bảo:

- Xin lỗi bà, không, không dễ đâu!... Bây giờ mời bà đi đi thì hơn... Bà đã moi được từ miệng tôi tất cả những điều bà muốn biết. Nhưng tôi nói cho bà rõ trước khi bà ra về: bà đừng nhắc lại những điều tôi đã nói với bà làm gì, vô ích. Tôi sẽ chối, vì không có ai làm chứng cả. Tôi sẽ chối hết, chối hết, nếu cần tôi sẽ thề trước toà để mà chối.

Sau khi gặp Smith, tôi lại khoa Hoá học tìm ba tôi trong phòng giấy và gặp Ernest ở đây. Thật bất ngờ quá, nhưng anh chào tôi với cặp mắt táo tợn, cái bắt tay chặt chẽ và cái vẻ nửa phóng khoáng nửa vụng về rất lạ của anh. Hình như anh đã quên buổi họp mặt đầy sóng gió vừa rồi. Tôi ở vào một tâm trạng không thể để anh quên được.

- Tôi đã điều tra vụ Jackson, – tôi nói đột ngột.

Anh chăm chú chờ tôi nói tiếp. Tuy nhiên, nhìn đôi mắt sáng ngời của anh, tôi thấy ngay là anh đang biết chắc những niềm tin cũ của tôi đã bị rung chuyển.

- Anh ta có vẻ bị bạc đãi quá, – tôi đành thú thật. – Tôi thấy... tôi thấy đúng là có máu từ trên xà nhà tôi rỏ xuống... - Lẽ tất nhiên, – anh đáp. – Nếu Jackson và tất cả các bạn anh được đối xử tốt thì tiền lời đã chẳng nhiều đến thế.

- Tôi không bao giờ còn có thể thích mặc áo đẹp nữa, – tôi nói thêm.

Tôi thấy mình hèn quá, tôi dậm ăn năn. Đối với tôi, Ernest như một người cha rửa tội và tôi cảm thấy êm ái trong lòng. Lúc ấy và về sau này cũng thế, sức mạnh của anh đã quyến rũ tôi. Một sức mạnh chói ngời, nó hứa hẹn bình yên và che chở.

- Cô có mặc áo bằng bao tải cũng thế thôi, – anh nghiêm nghị nói. – Cô cũng biết là có những nhà máy dệt đầy chứ gì. Ở đó cũng xảy ra những chuyện như thế. Đâu đâu cũng thế cả. Nền văn minh của chúng ta mà bao kẻ khoe mẽ, nền văn minh đó xây trong máu, thấm toàn những máu. Cả cô, cả tôi, tất cả mọi người chúng ta, chẳng ai thoát không bị vấy máu. Thế cô đã nói chuyện với những ai?

Tôi bèn kể tất cả cho anh nghe.

- Trong bọn họ, chẳng có ai được tự do hành động, – anh bảo. – Tất cả đều bị xích vào một cái bộ máy công nghiệp tàn bạo. Điều thảm thương bi đát nhất là tất cả đều bị cột vào đó bởi những sợi dây tình cảm. Con cái họ, những cái mầm non mà bản năng họ là phải bảo vệ, và cái bản năng ấy còn mạnh hơn bất cứ một thứ đạo đức nào họ có trong người. Cha tôi ấy ư? Cha tôi

đã từng nói dối, ăn cắp, làm đủ mọi chuyện xấu xa để kiếm lấy miếng ăn cho anh chị em chúng tôi. Cha tôi đã từng là một tên nô lệ của bộ máy công nghiệp và bộ máy đó đã nghiền nát đời cha tôi, vắt sức cha tôi cho đến chết.

- Nhưng còn anh, – tôi ngắt lời, – anh là một người tự do.

- Không hoàn toàn đâu, – anh đáp. – Tôi không bị những sợi dây tình cảm trói buộc đầy thôi. Thật may là tôi không có con, mặc dầu tôi rất yêu trẻ con. Giá tôi có lấy vợ tôi cũng không dám có con.

- Nhất định cái thuyết ấy là một tà thuyết, – tôi kêu lên.

- Tôi biết vậy, – anh buồn rầu nói. – Hoàn cảnh như thế, biết làm thế nào! Tôi là một người cách mạng. Làm cách mạng nguy hiểm lắm.

Tôi cười không tin.

- Ví thử đem tôi vào nhà ba cô lấy hết số tiền lời nhà máy Sierra chia cho ông cụ, liệu ông cụ làm thế nào?

- Ba tôi ngủ vẫn để một khẩu súng lục trên cái bàn con ở đầu giường. Rất có thể là ông cụ sẽ bắn anh.

- Thế ví thử tôi có mấy người khác dẫn một triệu rưỡi người[31] vào tất cả những nhà giàu. Tất phải bắn nhau loạn xạ lên chứ nhỉ?

- Vâng, nhưng khi nào anh lại làm thế! – Tôi phản đối.

- Chính tôi đang làm việc ấy. Chúng tôi không phải chỉ định lấy những cửa cái để trong nhà đâu, chúng tôi định lấy tất cả những gì sinh ra của cái ấy, tất cả những hầm mỏ, đường sắt, nhà máy, nhà băng, kho tàng. Cách mạng là như thế. Thật là nguy hiểm. Tôi sợ rằng bắn giết sẽ còn ghê gớm hơn là tôi tưởng tượng nữa kia. Nhưng như tôi vừa nói ngày nay chẳng có ai là người tự do cả. Tất cả chúng mình đều bị kẹt trong cái bánh xe của bộ máy công nghiệp. Cô đã thấy rằng bản thân cô bị như thế và những người cô nói chuyện đều bị như thế. Cô nên nói chuyện thêm với nhiều người khác. Cô nên đến thăm đại tá Ingram, cô nên đi tìm những ký giả đã gạt bỏ vụ Jackson không cho đăng lên báo và tìm những vị chủ nhiệm những tờ báo đó. Cô thấy họ đều là nô lệ của máy móc hết.

Một lúc sau, nhân câu chuyện, tôi hỏi anh xem công nhân thường dễ bị tai nạn như thế nào. Tôi cũng chỉ hỏi sơ qua thế thôi, nhưng anh đã thuyết trình cho tôi nghe cả một bảng thống kê dài.

- Trong sách đều có nói cả, – anh bảo. – Người ta đã tập hợp các số liệu và đã kết luận rằng tai nạn ít xảy ra trong những giờ đầu buổi sáng, nhưng lúc công nhân đã mệt và đầu óc chân tay đã hết cả nhanh nhẹn thì tai nạn tăng lên rất nhanh. Này cô, cô có biết rằng so với công nhân thì ba cô còn có hoàn cảnh để giữ an toàn cho sinh mệnh và cho chân tay mình gấp ba lần không? Những công ty bảo hiểm[32], họ biết. Cứ mỗi cái đơn bảo hiểm tai nạn một nghìn đô-la thì hàng năm họ bắt ba cô đóng bốn đô-la hai hào, nhưng họ bắt một người lao công đóng tới mười lăm đô-la.

- Còn anh thì sao? – Tôi hỏi.

Ngay khi hỏi câu hỏi đó tôi thấy lo cho anh thế nào ấy.

- Ồ tôi ấy à? – Anh trả lời hờ hững. – Tôi đi làm cách mạng; một công nhân dễ chết, dễ bị thương một phần, thì tôi dễ chết, dễ bị thương chừng tám phần. Đối với những chuyên gia hoá học sử dụng các chất nổ, các công ty bảo hiểm bắt họ đóng tiền nhiều hơn anh em công nhân gấp tám lần. Tôi tưởng họ thì họ chẳng hơi đâu mà bảo hiểm cho tôi. Sao cô lại hỏi thế?

Mắt tôi chớp chớp và tôi cảm thấy máu dồn lên nóng cả mặt. Không phải là anh đang bắt được tôi lo lắng cho anh đâu, mà chính tôi lại bắt được mình, ngay trước mặt anh.

Giữa lúc ấy, ba tôi vào và chuẩn bị đi với tôi. Ernest đưa trả ba tôi cuốn sách anh mượn và đi ra trước.

Đang đi, anh quay lại bảo:

- À này! Nhân thể tôi nói để cô biết. Trong lúc cô huỷ hoại cái thư thái tâm hồn của bản thân cô, tôi cũng đang huỷ hoại cái thư thái tâm hồn của đức Giám mục. Giá cô đến tìm bà Wickson và bà Pertonwaithe bây giờ thì tốt. Cô cũng biết chồng họ là hai người có cổ phần chính trong nhà máy sợi. Hai người đàn bà này cũng như tất cả những người khác, cũng bị trói vào máy móc, nhưng họ bị trói thế nào mà lại ngồi chót vót tận trên đỉnh kia.

Chương IV

Những kẻ nô lệ của máy móc

Càng nghĩ đến cánh tay của Jackson, tôi càng rụng rời cả người. Tôi đã mặt đối mặt với những cái cụ thể. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy cuộc đời. Cuộc đời tôi ở trường đại học và tất cả cái học vấn của tôi đều không thật. Tôi chỉ học toàn lý thuyết về cuộc đời và về xã hội. Trên giấy thì sao mà hay thế! Mãi bây giờ tôi mới thấy cuộc đời thật. Cánh tay của Jackson là một thực tế của cuộc đời. “Thực tế là như vậy, thưa ngài, một thực tế không thể chối cãi được”. Câu nói ấy của Ernest vang lên trong tai tôi.

Tất cả xã hội chúng ta thiết lập trong máu thật ư? Điều đó đối với tôi thật là quái gở, không thể có được. Thế nhưng Jackson còn kia. Tôi không tài nào trốn thoát anh. Ý nghĩ của tôi luôn luôn quay trở lại với anh, cũng giống như kim nam châm luôn quay trở lại phương Bắc. Anh bị đối xử thật là tàn tệ. Người ta đã không trả tiền chỗ máu anh đổ ra, để chia nhau được những số lời sụ hơn. Tôi biết hai chục gia đình sống giàu có thoả thuê, họ đã lĩnh những số tiền lời đó, nghĩa là họ đã uống số máu của Jackson. Nếu một người bị đối xử tàn tệ thế này mà xã hội không thềm để ý tới thì sao lại không thể có ngàn vạn người khác cũng bị đối xử tàn tệ như thế? Tôi nhớ đến những phụ nữ thành Chicago làm một tuần được chín hào và dám trẻ con nô lệ trong các nhà máy dệt ở miền Nam mà anh đã tả cho tôi nghe. Tôi tưởng chừng nhìn thấy bàn tay trắng bệch vì đã bị ép hết máu của họ đang dệt ra vải để may áo cho tôi. Tôi nghĩ đến nhà máy Sierra và số tiền lời được chia, và nhìn thấy cả máu của Jackson trên áo mình. Jackson! Tôi không tài nào trốn đi đâu mà không nhìn thấy anh. Ý nghĩ của tôi luôn luôn dắt tôi

trở về với anh.

Trong thâm tâm, tôi có cảm tưởng mình đang đứng trên miệng vực. Chừng như tôi sắp phát hiện ra một điều gì mới, vô cùng khủng khiếp về cuộc đời. Mà nào chỉ có mình tôi. Tất cả cái thế giới của tôi đang bị đảo lộn. Ba tôi cũng ở trong đó. Tôi thấy rất rõ là Ernest đã bắt đầu tác động mạnh đến cụ. Cả đức Giám mục Morehouse cũng thế. Vừa rồi gặp người tôi có cảm tưởng như người đang bị ốm. Người ở trong một tình trạng cân não hết sức căng thẳng và trong mắt người hiện ra một nỗi kinh hoàng không sao tả xiết. Nghe mấy lời người nói, tôi hiểu ngay là Ernest đã giữ lời hứa và đã dẫn người du hành qua địa ngục. Nhưng người đã nhìn thấy những cảnh gì ở địa ngục thì tôi không hiểu, vì người như điên điên dại dại không nói ra được.

Một lần, nhận thấy một cách thấm thía rằng cái thế giới nhỏ của tôi và tất cả thế giới đang quay cuồng đảo lộn, tôi nghĩ ngay rằng chính Ernest đã gây nên điều đó; tôi nghĩ: “Lúc anh chưa đến, mình sống thật là hạnh phúc và yên ổn biết bao nhiêu!” Nhưng rồi tôi hiểu ngay nghĩ như thế là phản bội chân lý, và Ernest đứng sừng sững trước mặt tôi thành một người khác hẳn. Anh như một sứ giả của chân lý, với vầng trán sáng ngời và vẻ coi khinh mọi gian nguy khổ ải của một vị thiên thần chiến đấu cho chân lý và chính nghĩa, chiến đấu để cứu giúp những người nghèo khổ, những người bơ vơ, những người bị áp bức. Và rồi trước mắt tôi hiện lên một hình ảnh khác: Đức Chúa. Người cũng thế, Người đã từng đứng về phía người nghèo hèn và người bị áp bức chống lại quyền hành của bọn thầy tu và bọn - pharisee[33]. Tôi nhớ lại lúc người lâm chung trên thánh giá và lòng tôi thốt nhiên thất lại khi tôi nghĩ đến Ernest. Liệu số phận anh rồi cũng thế, cũng là bị đóng đinh lên thánh giá chăng? Phải, anh, với tất cả giọng nói lạnh lạnh như tiếng kèn trận và tất cả cái vẻ đẹp hùng tráng của anh?

Lúc đó tôi biết là tôi đã yêu anh, và tôi tha thiết muốn được là người an ủi anh. Tôi nghĩ đến cuộc đời anh ngày xưa. Chắc là anh sống nghèo hèn cơ cực lắm. Tôi nghĩ đến cha anh đã vì anh mà phải nói dối, ăn cắp và lao碌 cho đến chết, và chính anh cũng đã phải vào làm nhà máy từ khi lên mười! Tôi những muốn ôm chặt anh vào lòng tôi, kéo đầu anh áp vào ngực tôi (đầu anh chắc phải mệc nhọc vì bao nhiêu ý nghĩ) để anh được một giây lát nghỉ ngơi, một chút khuây khoả và quên lãng, một chút yêu đương êm ái.

Tôi gặp đại tá Ingram trong một cuộc chiêu đãi của Nhà thờ. Ông thì tôi quen lắm, quen đã từ lâu. Tôi tìm cách bầy ông lại đằng sau những chậu cỏ và chậu cây cao su, mặc dầu ông không biết mình sa vào bẫy. Ông chào tôi rất vui vẻ, lịch sự. Bao giờ ông vẫn là con người duyên dáng, ngoại giao, tế nhị và lễ phép. Nhìn bề ngoài thì ông là người thanh lịch nhất trong giới chúng tôi. Đứng cạnh ông, ngay vị khoa trưởng trường Đại học cũng thành vụng về, nhỏ bé.

Mặc dầu như thế, tôi thấy đại tá Ingram cũng cùng một tình trạng như những người thợ máy thất học. Ông cũng không có tự do. Bản thân ông cũng bị trói vào cái bánh xe cực hình. Ông biến hẳn sắc mặt khi nói đến vụ Jackson. Cái vẻ tươi cười của ông hàng ngày tiêu tan đi đâu mất như một cái bóng ma. Một vẻ hãi hùng đột ngột hiện trên khuôn mặt học thức của ông. Tôi cũng thấy kinh ngạc không khác gì hôm James Smith phát khùng lên với tôi. Nhưng ông không nguyên rủa. Ông chỉ khác viên đốc công một tí như thế thôi. Ông nổi tiếng là người hóm hỉnh, sắc sảo, nhưng bây giờ thì ông không còn một tí hóm hỉnh nào nữa. Như một cái máy, ông nhìn bốn xung quanh tìm lối tẩu thoát. Nhưng ông bị những cây cỏ và cây cao su chắn đường, không chạy đi đâu được.

Ồ! Ông ta đến phát ốm người lên vì cái tên Jackson. Tại sao tôi lại đem vấn đề đó ra làm gì! Ông không tán thưởng câu nói đùa của tôi. Tôi thật vừa bất nhã, vừa vô lễ. Tôi chẳng đã từng biết rằng trong nghề nghiệp của ông, những tình cảm riêng không đáng kể vào đâu hay sao? Lúc đi làm, ông để những tình cảm riêng ở nhà. Đến phòng giấy, ông chỉ còn những tình cảm nghiệp vụ thôi.

- Jackson lẽ ra có được bồi thường không? – Tôi hỏi.

- Có chứ! – Ông đáp. – Nghĩa là theo riêng tôi nghĩ thì đáng lẽ y phải được bồi thường. Nhưng đứng về mặt pháp lý thì không thể như thế được.

Cái hóm hỉnh và cái sắc sảo của ông vừa ban nãy xiêu bạt đi đâu mất, bây giờ ông đã bắt đầu tập hợp lại được.

- Xin ông nói cho tôi nghe, công lý với luật pháp có phải là một không? – Tôi hỏi.

- Cô đã dùng sai chữ đầu của danh từ[34], – ông đáp.

- Ông định nói uy quyền và luật pháp là một, có phải không? – Tôi hỏi và ông gật đầu. – Thế mà luật pháp làm ra là cốt để đảm bảo công lý cho người ta đấy.

- Đó mới là điều quái gở, – ông đáp. – Nhưng dù sao chúng ta vẫn có công lý.

- Chắc là ông đang nói những lời lẽ có tính chất nghiệp vụ, có phải thế không thưa ông?

Đại tá Ingram đỏ bừng mặt lên, đỏ thật sự. Ông lại nhìn quanh tìm lối để lẩn. Nhưng tôi chặn lối đi của ông và làm cho ông cứ phải đứng ngây như tượng.

- Xin ông cho biết, – tôi bảo, – từ bỏ những tình cảm riêng cho những tình cảm nghiệp vụ, như thế có thể gọi là tự mình bóp méo tâm hồn mình đi không?

Đại tá không trả lời. Ông cúi đi một cách thảm hại, gạt đổ cả một chậu cọ.

Sau đó, tôi thử các báo chí. Tôi viết một bài tường thuật về vụ Jackson, giọng bình tĩnh, ôn hoà, mực thước. Tôi không lên án những người tôi đã gặp nói chuyện, cũng không nêu tên họ ra. Tôi đưa những sự việc có thật về vụ này, nhắc lại những năm đằng đẳng Jackson làm cho nhà máy, sự cố gắng của anh để tránh cho nhà máy khỏi bị hư hại và tình trạng cực khổ đói rách của anh hiện nay. Ba tờ báo hàng ngày ở địa phương vứt bỏ bài của tôi, cả hai tờ báo hàng tuần cũng thế.

Tôi tìm cách nắm được Percy Layton.

Y tốt nghiệp đại học và đang tập sự làm phóng viên cho tờ báo có ảnh hưởng nhất trong số ba tờ báo hàng ngày. Tôi hỏi y vì sao các báo không chịu đưa vụ Jackson ra thì y cười. Y bảo:

- Đó là chính sách biên tập, chúng tôi có dính dáng gì đến đâu! Việc này là việc của các ông chủ nhiệm.

- Nhưng sao chính sách lại như thế?

- Chúng tôi với các công ty tư bản là một. Dù bà có trả tiền như thuê đăng quảng cáo, cũng

không thể nào đưa một bài như thế lên trên mặt báo được. Kẻ nào cố tình gian lận để đưa lên thì sẽ bị mất việc. Ngay bà có trả gấp mười giá đăng quảng cáo cũng không ai đăng cho bà.

- Thế chính sách riêng của ông thì sao? – Tôi hỏi. – Hình như việc của ông là bóp méo sự thật theo lệnh chủ, chủ ông lại theo lệnh của các công ty tư bản thì phải.

- Tôi không có liên quan gì đến việc đó. – Y tỏ vẻ khó chịu, nhưng rồi lại tươi cười ngay, như vừa tìm ra lối thoát. – Bản thân tôi không hề viết sai sự thật. Tôi không hề làm điều gì trái với lương tâm. Cố nhiên, hàng ngày thường xảy ra hàng đống chuyện ghê tởm. Nhưng làm thế nào được, những cái đó nó gắn chặt với cuộc sống hàng ngày... – Y nói quanh co, rất trẻ con.

- Tuy nhiên chắc ông cũng tính chuyện ngồi vào một cái ghế chủ nhiệm sau này và chủ trương một chính sách chứ?

- Đến lúc ấy thì tôi đã cứng rắn lên rồi, – y đáp.

- Bây giờ ông chưa cứng rắn, vậy ông cho tôi biết theo ý ông chính sách biên tập chung của các ông đúng ở chỗ nào?

- Tôi chẳng nghĩ ngợi cái gì hết, – y liền thoảng trả lời. – Trong nghề làm báo, muốn thành công thì đừng có húc đầu vào tường. Dù thế nào, tôi cũng đã học thuộc lòng được điều đó rồi.

Và y lắc cái đầu trẻ măng của y một cách rất khôn ngoan.

- Thế còn công lý? – Tôi hỏi gặng.

- Bà không hiểu mảnh khoé nhà nghề. Mọi việc rồi cũng đâu vào đấy cả, bởi vì lẽ tất nhiên nó phải phù hợp với công lý!

- Thật là mập mờ hết chỗ nói, – tôi lẩm bẩm. Nhưng tim tôi đau nhói thương cho cái tuổi trẻ của y và tôi cảm thấy phải thét lên hay oà lên khóc.

Tôi đã bắt đầu nhìn qua được cái vỏ ngoài của cái xã hội xưa nay tôi vẫn sống và thấy được những sự thật hãi hùng ở bên trong. Hình như có một âm mưu ngấm ngầm gì để hại Jackson và tôi đâm ra có thiện cảm với người luật sư mở mồm là than thở đã cãi cho Jackson. Cái âm mưu ngấm ngầm này đã trở thành rộng lớn. Nó không phải chỉ nhằm Jackson. Nó nhằm tất cả những công nhân đã bị què cụt trong nhà máy. Mà nó đã nhằm hại những người trong nhà máy này thì sao nó chẳng nhằm hại những người trong nhà máy khác? Trong thực tế, ở các ngành công nghiệp khác, tất cũng như thế chứ gì?

Nếu quả như thế thật thì xã hội chỉ là một điều gian dối. Tôi bủn rủn cả người trước những kết luận của chính mình. Hãi hùng quá, khủng khiếp quá, không ai có thể tin là thật được! Nhưng còn Jackson kia, còn cánh tay của anh kia, còn cả những vết máu trên áo tôi và những giọt máu từ trên xà nhà tôi rỏ xuống. Và còn nhiều Jackson (riêng ở nhà máy dệt đã có hàng trăm rồi, như lời Jackson nói). Jackson, tôi không tài nào trốn đâu cho thoát hình ảnh của anh.

Tôi đến thăm ông Wickson và ông Pertonwaithe là hai người nắm sổ vốn chính trong nhà máy. Nhưng tôi không tài nào làm cho họ xúc động như những người đốc công ăn lương của họ được. Tôi khám phá ra rằng họ có một nền đạo đức cao siêu hơn những người khác trong xã hội. Đó là một thứ đạo đức mà tôi dám gọi là đạo đức quý tộc, đạo đức của nhà chủ[35]. Họ

dùng những lời lẽ huênh hoang để nói về chính sách của họ và họ đồng nhất hoá chính sách của họ với công lý. Họ nói với tôi bằng một giọng cha chú và như muốn đưa tay ra che chở sự non nớt và sự thiếu kinh nghiệm của tôi. Trong tất cả những người tôi đã gặp, chỉ có họ là vô hy vọng hơn cả. Họ tin tưởng tuyệt đối rằng cách cư xử của họ là phải. Không còn phải bàn cãi lời thối gì về việc này hết. Họ tin chắc rằng chính tay họ cứu vớt xã hội, chính tay họ làm ra hạnh phúc cho mọi người trong xã hội. Họ vẽ một bức tranh thống thiết về những đau khổ mà theo họ đáng lẽ ra giai cấp công nhân phải chịu nếu không được họ cho công ăn việc làm. Những công ăn việc làm ấy, chính họ và chỉ có họ, do khôn ngoan sáng suốt, đã tạo ra cho xã hội.

Vừa gặp hai ông chủ đó về, tôi gặp luôn Ernest. Tôi kể lại cho anh nghe kinh nghiệm của tôi. Anh nhìn tôi hài lòng lắm và bảo:

- Hay quá! Cô đã bắt đầu tìm ra chân lý. Cô đã dựa vào kinh nghiệm bản thân để suy diễn ra thành những nhận xét chung. Đúng lắm. Trong cái bộ máy công nghiệp, chẳng ai là người tự do, trừ nhà đại tư bản mà ngay hẳn ta nữa cũng không tự do đâu. Cô xem đấy, các ông chủ hoàn toàn tin chắc rằng bất cứ làm một việc gì, họ cũng đều đúng, đều phải cả. Đó cũng là điều thậm vô lý trong tất cả cái trạng huống này. Họ bị cái bản chất người của họ trói lại đến nỗi không thể làm một việc gì hết nếu không tin chắc rằng làm như thế là đúng. Họ cần phải có một cái gì để thông qua, để thừa nhận những hành vi của họ.

“Khi nào muốn làm một việc gì – cố nhiên là việc kinh doanh – họ phải đợi đến lúc trong óc nảy ra một thứ quan niệm gì đó, có tính chất tôn giáo, hay đạo đức, hay khoa học, hay triết học, chứng minh rằng việc họ làm là đúng. Thế là họ hăm hở thực hiện mà không biết rằng chỗ yếu của tâm hồn con người là: dục vọng sinh ra tư tưởng. Bất cứ làm việc gì, họ cũng tìm ra được một lời phê chuẩn việc đó là tốt. Họ là những kẻ nguy hiểm nông cạn. Họ là những kẻ đạo đức giả. Thậm chí họ thấy cả cách làm điều ác để nảy ra điều thiện. Một trong những điều tưởng tượng rất khôi hài và có tính chất định lý mà họ đã nặn ra là họ khôn ngoan hơn, hữu ích hơn tất cả những người khác trong xã hội. Chính từ đó xuất phát ra lời phê chuẩn rằng họ có quyền quản lý bánh mì và bơ của tất cả những người khác trong xã hội. Họ đã phục hồi cả cái thuyết vua có quyền thay trời trị dân, và trường hợp của họ, tức là những ông vua thương mại[36].

“Lập trường của họ rất yếu, ở chỗ họ chỉ là hạng người kinh doanh. Họ không phải những nhà triết học. Họ không phải là những nhà sinh vật học, cũng không phải những nhà xã hội học. Giá phải thì cố nhiên mọi việc đã tốt. Một nhà kinh doanh giá kiêm cả một nhà sinh vật học hay xã hội học thì đại khái cũng có thể biết điều hay lẽ phải mà làm cho nhân loại. Nhưng ngoài lĩnh vực kinh doanh ra, họ là một bọn ngu xuẩn. Họ chỉ biết có kinh doanh thôi. Họ không hiểu gì về nhân quần xã hội, thế mà dám đứng lên làm trọng tài quyết định vận mệnh của hàng triệu người nghèo đói và tất cả hàng bao nhiêu triệu người khác đang bị ném dần vào cảnh nghèo đói. Một ngày kia lịch sử sẽ cười thối ruột họ ra”.

Tôi không có gì ngạc nhiên khi nói chuyện với bà Wickson và bà Pertonwaithe. Họ là những bà lớn, những người của xã hội[37]. Nhà họ lộng lẫy như những cung điện. Họ có dinh cơ rải rác khắp nước, trên núi, bên bờ hồ, ngoài bờ biển. Kẻ hầu người hạ tấp nập xung quanh họ và những hoạt động xã hội của họ thật là âm ỉ. Họ đỡ đầu các trường đại học và các nhà thờ và đặc biệt các vị mục sư thì cúi rạp xuống chân họ như một bầy nô lệ[38]. Tiền tài đã làm nên thế lực

của họ, và họ đã thành hai thế lực lớn. Họ có cả cái quyền trợ cấp cho tư tưởng đến một trình độ rất cao, như vừa rồi Ernest đã vạch ra cho tôi.

Họ bắt chước chồng như một lũ bú dũ và cũng dùng những lời lẽ huênh hoang như thế để nói về chính sách, nhiệm vụ và trách nhiệm của những người giàu có. Họ cũng tuân theo một thứ đạo đức như chồng họ, thứ đạo đức giai cấp của họ; và miệng họ tuôn ra hàng tràng những điều mà tai họ nghe không hiểu.

Cũng như chồng họ, họ phát khùng lên khi tôi thuật lại cho họ nghe tình cảnh khắc khổ của gia đình Jackson và khi tôi ngạc nhiên vì họ không cấp cho bác ta một món tiền nào. Họ tuyên bố không cần ai dạy họ làm những nghĩa vụ xã hội của họ. Khi tôi yêu cầu thẳng là phải giúp đỡ Jackson, họ cũng từ chối thẳng. Điều lạ lùng nhất là những lời từ chối của họ giống hệt nhau, mặc dầu tôi đến gặp riêng từng người và không ai biết tôi đã đến hoặc sẽ đến gặp người kia. Họ đều trả lời là họ rất hài lòng, nhân dịp này tuyên bố dứt khoát rằng họ nhất quyết không bồi thường trong những trường hợp cầu thả; và họ cũng không muốn vì trả những tiền tai nạn mà cám dỗ những người nghèo tự nguyện gây ra thương tật cho bản thân[39].

Cả hai người đàn bà này nữa, họ cũng đều thành khẩn. Họ tin tưởng cuồng nhiệt vào sự ưu việt của giai cấp họ và của bản thân họ. Họ có một quan niệm đạo đức của giai cấp họ để phê chuẩn những việc họ làm. Lúc lên xe ra về, tôi quay lại nhìn toà nhà đồ sộ của bà Pertonwaithe và tôi nhớ lại câu nói của Ernest: họ cũng bị trói vào máy móc, nhưng bị trói thế nào mà lại ngồi chót vót tận trên đỉnh kia.

Chương V

Những người hiếu học

Ernest có mặt ở nhà tôi luôn. Anh đến không phải chỉ vì ba tôi, cũng không phải chỉ vì những bữa tiệc tranh luận. Ngay hồi ấy tôi đã tự hào là do mình một phần cho nên anh mới hay lui tới. Chẳng bao lâu, tôi thấy ước đoán của tôi là đúng. Bởi vì không có ai yêu mà lại như Ernest Everhard bao giờ. Những lúc hoàn cảnh cho phép, anh nhìn tôi chăm chăm và xiết tay tôi ngày càng chặt hơn. Câu hỏi lộ ra trong khoé mắt anh từ lúc ban đầu đối với tôi ngày càng như một mệnh lệnh.

Lần đầu gặp anh, tôi có ấn tượng không tốt. Rồi tôi bị anh hút lại gần. Rồi tôi ghét cay ghét đắng anh khi đả kích giai cấp tôi và tôi. Sau đó nhận thấy anh không hề nói không cho giai cấp tôi và tất cả những lời phũ phàng chua xót anh đã thốt ra đều xứng đáng cả, tôi lại càng gần anh hơn nữa. Anh thành nhà tiên tri của tôi. Anh giúp tôi giật bỏ cái mặt nạ của xã hội, cho tôi nhìn thấy những sự thật ghê tởm không ai có thể chối cãi được.

Như tôi đã nói, chưa bao giờ có ai yêu mà lại như anh. Một thiếu nữ sống ở thành phố và đã học đến năm hai mươi tư tuổi nhất định phải có kinh nghiệm về tình yêu. Tôi đã từng có nhiều người theo đuổi, từ những sinh viên trẻ măng đến những giáo sư đã bạc đầu, cả những nhà hiền kinh và những nhà bóng tròn nổi tiếng nữa. Nhưng không ai tỏ tình với tôi như Ernest. Anh ôm tôi vào lòng lúc nào, tôi không biết nữa. Mối anh đặt lên môi tôi trước khi tôi kịp phản

đổi hay kháng cự. Trước sự sôi nổi của anh, cái phong cách chững chạc hình thức của những thanh niên khác thành ra lố bịch. Anh tấn công mãnh liệt quá, tôi không sao cưỡng lại được. Anh chẳng đề nghị gì cả. Anh ôm lấy tôi hôn và coi như thế là chúng tôi thành vợ chồng. Chúng tôi cũng không có gì phải thảo luận với nhau. Mãi về sau, chúng tôi chỉ bàn nhau đến ngày nào thì cưới.

Thật là có một không hai. Thật là khó tin. Ấy thế mà cũng như sự thử thách của chân lý mà anh nêu ra, cái đó vẫn vận dụng được. Tôi phớt lờ đời tôi cho nó. Và sự tin tưởng của tôi đặt cũng đúng chỗ thôi. Tuy nhiên, khi mới yêu nhau, cứ nghĩ đến cái cung cách anh tỏ tình yêu sôi nổi quá, mạnh mẽ quá như thế, tôi vẫn sợ. Nhưng cái sợ của tôi thật là vô căn cứ. Chưa một người phụ nữ nào lại có được một người chồng dịu dàng, ngọt ngào như thế. Cái dịu dàng hoà với cái dữ dội trong con người anh, cũng như cái ngượng ngịu và cái tự do phóng túng cùng hiện ra trên những dáng bộ của anh. Cái vẻ ngượng ngịu của anh, anh không giấu được, nhưng trông đến dễ thương. Cách cư xử của anh trong phòng khách nhà tôi làm cho tôi nhớ đến một chú bò thận trọng, khôn ngoan trong một cửa hàng bán đồ sứ![40] Trong tiềm thức vẫn có lúc tôi còn nghi hoặc, không rõ mình đã hoàn toàn yêu anh thật chưa; và đến lúc này sự nghi ngờ của tôi mới biến đi hẳn. Tối hôm đó thật là tuyệt. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt ở Câu lạc bộ những người hiếu học. Ernest đã vào tận sào huyệt độ gươm với các ông chủ. Hồi ấy Câu lạc bộ những người hiếu học là câu lạc bộ thượng lưu vào bậc nhất bên bờ Thái Bình Dương. Câu lạc bộ này do cô Brentwood, một cô gái nhà giàu ghê gớm, lập nên. Đối với cô, nó vừa là chồng, vừa là gia đình, vừa là nơi tiêu khiển. Hội viên gồm những tay giàu có nhất trong xã hội, những khối óc thông minh nhất trong giới nhà giàu. Để cho nó đượm màu tri thức, câu lạc bộ còn kết nạp thêm một số học giả nổi tiếng nữa.

Câu lạc bộ không có trụ sở nhất định. Mỗi tháng một kỳ, nó họp tại nhà riêng một hội viên để nghe một bài diễn giảng. Diễn giả thường vẫn được trả tiền. Nếu một nhà hoá học ở New York khám phá ra một điều gì mới lạ về radium chẳng hạn, câu lạc bộ thường chịu những chi phí đi đường cho ông ta đi suốt lục địa và đãi ông ta một món tiền hết sức hậu hĩ để đền bù vào chỗ thì giờ ông ta mất. Đối với những nhà thám hiểm ở Bắc cực hay Nam cực về và những tài năng mới xuất hiện trong văn học nghệ thuật cũng vậy. Người ngoài không ai được bước chân vào câu lạc bộ, vì họ chủ trương không để một cuộc tranh luận nào lọt lên mặt báo. Cho nên những chính khách lớn – cũng có nhiều dịp họ đến – có thể tha hồ nói những điều họ nghĩ trong óc.

Lúc này, tôi giở lại bức thư đã nhàu Ernest viết cho tôi hai mươi năm về trước. Tôi chép ra đây một đoạn:

“Ba em là hội viên Câu lạc bộ những người hiếu học, cho nên em có thể đến đấy được. Vậy thứ Ba tới, em nên đến. Trong những cuộc gặp gỡ trước em lay không chuyển các ông chủ bà chủ. Nếu em tới anh sẽ lay họ em. Anh sẽ làm cho các ông chủ bà chủ rống lên như một bầy thú dữ. Trước, em chỉ hỏi về đạo đức của họ thôi. Hỏi họ về đạo đức thì bao giờ họ cũng lên mặt hơn người. Nhưng anh sẽ dọa cướp túi tiền của họ. Cái bản chất nguyên thủy của họ lúc ấy mới rung chuyển đến tận gốc. Em mà đến được thì sẽ thấy một lũ người rừng bần quăn áo dạ hội gầm lên và nhe răng ra để bảo vệ một cái xương. Anh hứa trước là em sẽ thấy họ rống lên như một bầy thú; em sẽ thấy rõ tâm can của họ, thật không khác gì một bầy thú.

“Họ mời anh cốt để đập anh một trận tồi bời. Sáng kiến đó là của mụ Brentwood. Lúc mời anh mụ đã vụng về để lộ thâm ý của mụ ra.

Trước, đã có lần mụ làm cho họ được một trận cười no nê như thế. Họ đang khoái kiếm ra mấy anh cải lương hiền lành, dễ tin. Mụ Brentwood tưởng anh cũng hiền như một chú mèo con và cũng ngốc như một chị bò cái người ta nuôi trong nhà. Anh nói thật nhé, chính anh đã cho mụ ta có ấn tượng như vậy. Mụ ta mới đầu còn thử mãi, nhưng cuối cùng mụ ta cho anh là vô hại. Anh sẽ được một món bầm: hai trăm năm mươi đô-la. Đảng viên Đảng cấp tiến ra tranh ghế thống đốc cũng chỉ mất ngàn ấy tiền. Anh cũng sẽ phải mặc quần áo dạ hội. Họ bắt buộc anh phải mặc. Trong đời chưa bao giờ anh thắng bộ như vậy. Có lẽ anh sẽ thuê một bộ. Nhưng anh sẽ còn làm hơn thế nữa kia để chơi lại cho họ một vố”.

Trong số những nơi thường họp, tối hôm ấy, câu lạc bộ chọn nhà ông bà Pertonwaithe. Người ta kê thêm ghế trong phòng khách lớn, và tất cả có tới hai trăm “người hiếu học” ngồi nghe Ernest. Họ đúng là những ông hoàng trị vì xã hội. Tôi ngồi buồn tính nhẩm số tiền họ có, xoàng cũng được hàng trăm triệu đô-la. Họ không phải là những nhà giàu ăn không ngồi rồi đâu. Họ là những tay kinh doanh tham gia hết sức tích cực vào mọi mặt sinh hoạt công nghiệp và chính trị.

Chúng tôi đang ngồi thì cô Brentwood dẫn Ernest vào. Cả phòng xôn xao. Anh bận quần áo dạ hội, vai rộng, đầu cất lên hãnh diện, trông oai như một vị hoàng tử. Nhưng khi cử động, anh vẫn có cái dáng ngượng nghịu thường ngày. Tôi nghĩ, cứ riêng cái vẻ ngượng nghịu hay hay kia cũng khiến tôi có thể yêu được anh rồi. Tôi nhìn anh và biết rằng anh cũng đang thích chí lắm. Tôi cảm thấy mạch anh đập trong tay tôi, như khi anh xiết chặt tay tôi. Tôi cảm thấy môi anh như áp vào môi tôi. Tôi kiêu hãnh quá, những muốn đứng dậy nói to lên cho mọi người nghe tiếng: “Ernest là của tôi. Anh đã từng ôm tôi vào lòng anh, và trừ muôn ngàn những ý nghĩ cao cả của anh ra, chỉ có tôi, chỉ có mình tôi chiếm đoạt tâm trí anh!” Đến đầu phòng đằng kia, cô Brentwood giới thiệu anh với đại tá Van Gilbert và tôi biết là đại tá sẽ chủ tọa buổi họp. Đại tá Van Gilbert là một luật sư nổi tiếng chuyên cãi cho các công ty độc quyền. Không những thế, ông giàu không để đâu hết của. Số tiền thù lao nhỏ nhất mà ông ta chịu nhận là mười vạn đô-la. Ông là bậc thầy trong giới luật. Luật pháp trong tay ông cũng chỉ như một con rối cho ông giật. Ông nhào nặn luật pháp như người ta nặn đất thó, và ông có thể vặn vẹo, bóp méo luật pháp tùy theo ý ông. Nhìn bề ngoài và nghe cách biện luận của ông thì tưởng như ông là người cổ, nhưng thực ra trí tưởng tượng, kiến thức và thủ đoạn của ông rất mới, mới không kém gì những đạo luật mới nhất mà Nhà nước ban hành. Ông bắt đầu nổi tiếng từ khi thủ tiêu được tờ di chúc của Shardwell[41]. Riêng việc ấy ông được thù lao năm mươi vạn đô-la. Từ đó, ông lên vun vút như tên lửa. Ông thường được gọi là nhà luật sư lớn nhất trong nước – cố nhiên là luật sư của các công ty độc quyền. Không ai là không liệt ông vào hàng ba luật sư đại tài của Hoa Kỳ.

Ông bắt đầu nói mấy câu rất lịch sự nhưng cũng rất mỉa mai để giới thiệu Ernest. Ông châm biếm hết sức kín đáo. Ông gọi Ernest là nhà cải lương xã hội, thành viên của giai cấp công nhân và cử tọa đều tùm tùm cười. Tôi nghe thấy thế giận lắm, đưa mắt nhìn Ernest. Anh không có vẻ gì là tức vì những câu xỏ xiên tinh vi ấy. Tệ hơn nữa, hình như anh không biết họ xỏ xiên mình. Anh ngồi ngây như phỗng, trông đến là ngớ ngẩn. Tôi thoáng nghĩ: hay là anh sợ thế lực của họ, sợ óc thông minh của họ. Nhưng tôi mỉm cười ngay. Anh lừa thế nào được tôi! Ấy thế mà anh

lừa được người khác, cũng như anh đã lừa cô Brentwood. Cô ngồi ở một cái ghế trên hàng đầu, chốc chốc lại quay sang cười với các bạn, tỏ ý tán thưởng những lời xỏ ngọt của diễn giả.

Đại tá Van Gilbert hết lời, Ernest đứng dậy bắt đầu nói. Anh nói lý nhí, nhát gừng, giọng khiêm tốn, vẻ bối rối hiện trên mặt. Anh nói về xuất thân của anh trong giai cấp công nhân, hoàn cảnh sống nghèo hèn cơ cực của anh, trong đó xương thịt cũng như tâm hồn con người đều bị đọa đày, đói khát. Anh miêu tả những khát vọng là lý tưởng của anh trong tuổi thiếu thời, quan điểm của anh về cái thiên đường mà những người thuộc giai cấp trên đang sống.

- Hồi đó, tôi cho là bên trên đầu tôi chỉ có những tâm hồn vị tha, những tư tưởng trong sạch và cao quý, một đời sống trí tuệ hết sức phong phú. Tôi nghĩ như thế vì tôi đọc tiểu thuyết của "Tủ sách bờ biển"[42], trong đó trù những hạng trai tứ chiếng gái giang hồ ra, còn tất cả các ông, các bà, các cô, các cậu đều nghĩ những ý nghĩ tốt đẹp, nói những lời lẽ tốt đẹp và hành động như những nhà nghĩa hiệp. Tóm lại cũng như tôi thừa nhận có mặt trời mọc, hồi ấy tôi thừa nhận rằng trên đầu tôi chỉ toàn những cái hay, cái đẹp, cái cao quý, toàn là những cái nó đem lại cho con người thể diện và nhân phẩm, toàn là những cái nó làm cho cuộc đời đáng sống, toàn là những cái nó đền bù cho những nỗi vất vả, cơ cực của con người.

Anh tiếp tục kể đến cuộc đời anh trong nhà máy, thời kỳ anh học nghề đóng móng ngựa và sự gặp gỡ với những đảng viên xã hội. Anh bảo trong số những người này anh thấy những khối óc thông minh tuyệt vời, những trí tuệ sắc sảo, những nhà tu hành bị sa thải bởi vì đạo của họ rộng hơn tất cả các hội thánh thờ con bò vàng và những giáo sư đại học bị sa thải vì không chịu làm đầy tớ cho giai cấp thống trị. Anh bảo những đảng viên xã hội là những người cách mạng đấu tranh để lật đổ cái xã hội bất hợp lý ngày nay và để xây dựng cái xã hội hợp lý ngày mai. Anh còn nói nhiều nữa, viết ra thì dài quá; nhưng tôi sẽ không bao giờ quên anh đã tả lại quãng đời anh sống giữa những người cách mạng như thế nào. Cái điệu nhát gừng của anh mất hẳn. Giọng anh mạnh hẳn lên và đầy tự tin; nó cũng chói bùng bùng như bản thân anh, như những tư tưởng mà anh trình bày thao thao bất tuyệt. Anh bảo:

- Sống giữa những người cách mạng này, tôi cũng thấy lòng tin nồng nhiệt vào con người, lòng yêu lý tưởng chói lọi, lòng vị tha cao quý, sự quên mình và sự hi sinh không bờ bến; tóm lại tất cả những gì tốt đẹp nhất, sâu xa nhất của tâm hồn. Cuộc sống ở đây thật là trong sạch và hoạt động. Tôi tiếp xúc với những tâm hồn lớn, họ coi xương thịt và trí óc con người quý hơn đô-la. Đối với họ, tiếng kêu rên thoi thóp của những trẻ em chết đói trong những khu nhà lụp xụp còn có nhiều ý nghĩa hơn cái xa hoa phù phiếm của những kẻ chuyên tìm cách khuếch trương thương mại và làm bá chủ hoàn cầu. Chung quanh tôi chỉ toàn những người theo đuổi những mục đích cao cả và cố gắng một cách anh dũng. Ngày của tôi sáng như mặt trời, đêm của tôi sáng như sao. Đêm của tôi trong và mát như sương, ngày của tôi bùng bùng như lửa. Trước mắt tôi luôn luôn cháy rực hình ảnh của đức Chúa hy sinh, hình ảnh con người đầy nhiệt huyết bị chìm trong bể khổ, con người cần phải cứu vớt, cần phải giải thoát.

Cũng như những lần trước, tôi thấy nét mặt anh thay đổi hẳn. Ngọn lửa thiêng liêng cháy trong người anh bốc ra, sáng ngời vầng trán. Mắt anh còn ngời lên hơn nữa và toàn thân anh như rực rỡ hào quang. Những người khác, họ không nhìn thấy thế. Tôi biết, đó là những giọt lệ vui sướng và yêu đương đã làm mờ mắt tôi đi. Dẫu sao, ông Wickson ngồi đằng sau tôi không bị kích động như tôi. Tôi nghe thấy ông nói mĩa anh một câu rất to: "Thật là không tưởng!"[43]

Ernest vẫn nói tiếp. Anh kể cho mọi người biết anh đã tự mình nâng cao mình lên như thế nào, cho đến khi anh tiếp xúc với những người thuộc giai cấp trên và chen vai thích cánh với những người có địa vị cao trong xã hội. Thế là bao nhiêu ảo tưởng của anh đều tan vỡ hết cả, và anh tả lại nỗi thất vọng của anh bằng những lời lẽ không đẹp lòng cử tọa một chút nào. Bản chất tầm thường của họ đã làm cho anh sửng sốt. Anh biết rõ cuộc đời của họ chẳng có gì tốt đẹp, mỹ miều. Anh phát kinh người lên vì thấy họ ích kỷ quá. Anh càng sửng sốt hơn nữa vì họ không có sinh hoạt trí tuệ. Anh so sánh với giới cách mạng và không chịu được cái ngu xuẩn của giai cấp chủ nhân. Và lúc đó anh mới thấy mặc dầu họ xây những nhà thờ lộng lẫy và trả lương rất hậu cho những thầy tu đi giảng đạo, các ông chủ bà chủ đều duy vật một cách thô bỉ. Họ mở mồm là nói đến cái lý tưởng tầm thường và cái đạo đức tầm thường của họ, thế nhưng cái chìa khoá trong đời sống vật chất của họ vẫn là vật chất. Họ không có một nền đạo đức thật, chẳng hạn như nền đạo đức mà ngày xưa đức Chúa đã giảng cho loài người, nhưng ngày nay chẳng còn ai giảng nữa. Anh bảo:

- Tôi đã gặp những kẻ miệng tuyên bố chống chiến tranh và cầu nguyện Thần hoà bình, nhưng vẫn ấn súng vào tay bọn du côn[44] để bắn vào những người bãi công trong nhà máy của họ. Tôi đã gặp những người công phần trước cái tàn bạo của những trận đấu quyền ăn giải, nhưng họ nhúng tay vào những vụ gian lận thực phẩm và giết chết hàng ngàn, hàng vạn trẻ sơ sinh.

“Ông này đáng người thanh nhã, mặt mày quý phái, làm giám đốc bù nhìn, làm công cụ cho các công ty tư bản chuyên cướp bóc một cách bí mật đàn bà goá và trẻ mồ côi. Ông kia chuyên sưu tầm sách hay, sách đẹp và đỡ đầu cho văn học, nhưng vẫn đấm mồm cho một tên trùm du côn mặt sắt đen sì trong thành phố để khỏi bị nó lật tẩy. Ông chủ báo nọ chuyên đăng quảng cáo cho các loại thuốc có môn bài đã gọi tôi là một tên[45] mị dân khốn nạn vì tôi thách ông đăng sự thật về những thứ thuốc mà ông quảng cáo. Vị này nói về cái hay, cái đẹp của chủ nghĩa duy tâm và tự tâm của Thượng đế, vừa mới phản lại bè bạn trong một chuyến kinh doanh kiếm lời. Vị kia làm cột trụ cho nhà thờ và ủng hộ rất nhiều cho các cơ quan truyền giáo ra nước ngoài, đã bắt phụ nữ trong xưởng mình làm mười tiếng một ngày, trả cho họ một đồng lương chết đói và do đó đã trực tiếp khuyến khích nạn mãi dâm. Vị nọ cúng tiền để mở mang trường đại học và xây những thánh đường lộng lẫy, đã phản bội lời thề của mình trước toà án vì những chuyện tiền nong. Có ông trùm đường sắt đã bao nhiêu lần hứa hẹn giảm giá, lần nào cũng nuốt phăng cả cái danh dự người công dân, người thượng lưu lẫn người công giáo của mình. Vị nguyên lão nghị viên này là một công cụ, một kẻ nô lệ, một con rối nhỏ trong tay một tên trùm kinh doanh chính trị bất nhân, vô học[46]; vị thống đốc kia và vị chánh án nọ cũng vậy, cả ba vị đều có giấy đi xe lửa không mất tiền; và tất cả cái bộ máy kinh doanh chính trị, tên trùm bộ máy đó và công ty xe lửa cấp giấy phép đi không mất tiền kia đều thuộc quyền sở hữu một nhà tư bản mặt mày bóng loáng những mỡ.

“Thế đấy. Tôi tưởng lạc vào cõi thiên đường, nhưng tôi đã thấy mình giữa cái sa mạc hoang vu của chủ nghĩa con buôn. Tôi chẳng tìm thấy cái gì khác ngoài sự ngu si dốt nát, trừ trong lĩnh vực kinh doanh. Tôi chẳng thấy gì là trong sạch, là cao cả, là sinh động, mặc dù tôi thấy nhiều kẻ còn sinh và còn động sò sò ra đấy với tất cả cái thói tha của chúng. Tất cả tôi chỉ thấy ích kỷ và nhẩn tâm một cách kỳ quái, duy vật một cách thô bỉ, tham lam và quá ư thực tiễn”.

Ernest còn nói cho họ nghe rất nhiều về họ và về sự thất vọng của anh. Về mặt trí tuệ, họ làm cho anh phát ngấy; về mặt đạo đức và tinh thần, họ làm cho anh phát ốm; thành ra anh rất vui mừng trở lại với những người cách mạng của anh, những con người trong sạch, cao cả và sinh động, hoàn toàn khác các nhà tư bản.

- Và bây giờ, để tôi nói cho các ngài nghe về cuộc cách mạng đó, – anh tiếp.

Nhưng trước hết, tôi phải nói rằng những lời công kích kịch liệt của anh không hề khiến họ nao núng. Tôi nhìn ra bốn xung quanh thấy họ vẫn lên mặt cao hơn những lời kết tội của anh. Tôi nhớ lại câu anh nói với tôi: công kích họ về mặt đạo đức không ăn thua gì hết. Nhưng đầu sao tôi thấy cái ngôn ngữ táo tợn của anh đã bắt đầu tác động đến cô Brentwood. Cô tỏ vẻ bối rối, lo sợ.

Thoạt đầu Ernest nói về đạo quân cách mạng. Anh cho những con số về sức mạnh của đội quân này, theo kết quả bầu cử ở các nước. Cử tọa bắt đầu xao xuyến. Sự chăm chú hiện rõ trên nét mặt họ và tôi nhận thấy môi họ đều bị mím lại. Những lời khiêu chiến của anh thế là đã có tác dụng. Anh nói về tổ chức quốc tế của những người theo chủ nghĩa xã hội. Tổ chức đó gấn chặt một triệu rưỡi người xã chủ nghĩa Hoa Kỳ với hai mươi ba triệu rưỡi người xã hội chủ nghĩa khác trên thế giới. Anh bảo:

- Một đội quân cách mạng như thế, gồm hai mươi năm triệu người, là một lực lượng làm cho bọn cầm quyền và các giai cấp cầm quyền phải chùn tay và không thể coi thường. Đạo quân đó thét lớn lên rằng: “Quyết không nhân nhượng. Bay có gì, chúng tao sẽ lấy hết! Chúng tao sẽ lấy sạch sành sanh, lấy không từ một thứ gì. Chúng tao sẽ giằng khỏi tay bay chính quyền và vận mệnh nhân loại. Tay chúng tao đây! Tay chúng tao rất mạnh. Chúng tao sẽ lấy về chính phủ của bay, lâu đài của bay, cuộc đời an nhàn sung sướng của bay, và ngày ấy bay sẽ phải tự tay kiếm lấy miếng bánh nhét vào miệng bay cũng như người nông dân ngoài đồng hay người thư ký đói khát gầy còm trong thành phố. Tay chúng tao đây! Tay chúng tao là những bàn tay rất mạnh!” Anh vừa nói vừa đưa bộ vai tuyệt đẹp và đôi tay khổng lồ của anh ra. Hai bàn tay thợ rèn của anh quắp lại như móng con đại bàng. Anh như hiện thân của giới lao động nắm chính quyền, hai tay giơ ra để bóp nát những kẻ đang ngồi nghe anh nói. Tôi cũng thấy họ cũng hơi chùn trước cái hình ảnh cụ thể, dũng mãnh và hăm dọa đó của cách mạng. Nghĩa là bọn đàn bà thì chùn; họ hoảng hốt ra mặt. Nhưng bọn đàn ông không thế. Họ là những nhà giàu hoạt động chứ không phải là những nhà giàu ăn lương ngồi rồi. Họ là những người chiến đấu. Một tiếng như gầm gừ từ trong họng họ phát ra, rung lên trong không khí và rồi im bặt. Đó là tiếng mở đầu cho tiếng chó hú, tôi đã phải nghe nhiều lần trong buổi tối hôm ấy. Đó là biểu hiện của con vật trong con người, biểu hiện của cái bản năng nguyên thủy. Họ cũng không biết họ đã thốt ra tiếng kêu ấy nữa. Đó là tiếng hú của cả bầy, cả bầy thốt ra và cả bầy kêu không biết. Lúc đó, tôi nhìn rõ bộ mặt rắn đanh của họ và những làn chớp chiến đấu loé ra trong mắt họ. Và tôi nhận ra rằng không khi nào họ để cái quyền làm bá chủ thế giới của họ bị giằng khỏi tay họ một cách dễ dàng.

Ernest tiếp tục tấn công. Anh cắt nghĩa sơ dĩ có một triệu rưỡi người cách mạng ở Hoa Kỳ là do giai cấp tư bản đã quản lý xã hội hỏng. Anh phác ra điều kiện sinh hoạt kinh tế của con người nguyên thủy và của các dân tộc dã man thời nay, và vạch rõ rằng họ không có công cụ máy móc gì cả mà chỉ trông vào hiệu suất tự nhiên của mỗi người. Rồi vạch rõ sự phát triển

của máy móc và tổ chức xã hội đến giai đoạn hiện tại, khiến cho khả năng sản xuất của con người văn minh cao gấp hơn nghìn lần khả năng sản xuất của con người nguyên thủy. Anh bảo:

- Năm người có thể sản xuất ra bánh mì cho một nghìn người. Một người có thể sản xuất ra vải cho hai trăm năm mươi người, hàng len cho ba trăm người, và giày dép cho một nghìn người. Ta có thể kết luận rằng nếu quản lý xã hội tốt thì con người văn minh sẽ sung sướng hơn con người tiền sử rất nhiều. Nhưng nó có được như vậy thật không? Để ta xem. Ở Hoa Kỳ hiện nay có mười lăm triệu người sống trong cảnh nghèo khổ[47], tôi muốn nói họ ăn uống thiếu thốn, nhà ở tồi tàn không có những điều kiện tối thiểu để giữ lấy sức lao động bình thường. Ở Hoa Kỳ hiện nay, mặc dầu tất cả những cái mà người ta gọi là luật lao động, có ba triệu trẻ con làm lao công[48]. Trong vòng mười hai năm, như vậy là con số đó đã tăng gấp đôi. Và nhân đây, tôi xin hỏi các ngài cai quản xã hội, vì sao các ngài không công bố những con số kiểm tra nhân khẩu năm 1910? Tôi sẽ trả lời hộ các ngài: vì các ngài sợ! Những con số về sự cùng khốn sẽ thổi bùng một cuộc cách mạng hiện nay đang âm ỉ.

“Nhưng ta hãy trở lại những lời buộc tội của tôi. Con người văn minh khả năng sản xuất gấp một nghìn lần con người nguyên thủy, vậy tại sao ngày nay ở Hoa Kỳ lại có mười lăm triệu người không có chỗ ở tử tế, không được ăn uống tử tế? Vậy tại sao ngày nay ở Hoa Kỳ có ba triệu trẻ con làm lao công? Tôi buộc tội các ngài thật đấy! Giai cấp tư bản quản lý xã hội hỏng. Đứng trước thực trạng con người văn minh sống cực khổ hơn con người nguyên thủy mặc dù khả năng sản xuất của nó cao hơn gấp một nghìn lần, không thể có kết luận nào khác là giai cấp tư bản đã quản lý hỏng; là các ngài đã quản lý rất hỏng; thưa các ông chủ, là do lòng ích kỷ của các ngài, do tội ác các ngài gây nên, các ngài đã quản lý hỏng. Tối hôm nay các ngài không thể trả lời tận mặt tôi điều này. Tất cả giai cấp các ngài cũng thế thôi, nó không thể trả lời một triệu rưỡi người cách mạng ở Hoa Kỳ về điểm này được. Tôi thách các ngài trả lời đấy. Hơn thế nữa, tôi còn dám quả quyết rằng tôi nói xong các ngài sẽ không trả lời. Về điểm này, các ngài sẽ câm như hến, mặc dầu miệng các ngài sẵn sàng ba hoa về bất cứ một điều gì khác.

“Các ngài thất bại trong công việc quản lý của các ngài. Các ngài đã biến văn minh thành lò sát sinh. Các ngài vừa tham lam, vừa mù quáng. Các ngài đã dám ngang nhiên và đến tận bây giờ vẫn còn ngang nhiên đứng giữa cơ quan luật pháp tuyên bố rằng không thể kiểm ra tiền lời nếu không bắt trẻ nhỏ, thậm chí nếu không bắt trẻ sơ sinh lao động. Các ngài đừng vội tin ngay lời tôi nói, nhưng tội các ngài quả đã khắc thành bia, đã chép thành sách. Các ngài đã ru ngủ lương tâm các ngài bằng những lời dông dài về lý tưởng và đạo đức. Các ngài béo mập lên vì uy quyền, của cải. Các ngài say sưa vì thắng lợi. Nhưng các ngài không khác gì ong đực ăn bám trong các tổ ong. Một ngày kia bầy ong thợ làm ra mật sẽ xông đến kết thúc cuộc đời no nê béo tốt của các ngài. Một triệu rưỡi người thuộc giai cấp công nhân tuyên bố rằng họ sắp tập hợp nốt những lực lượng còn lại của họ để giành lấy quyền cai trị xã hội ở trong tay các ngài. Thưa các ông chủ, các bà chủ, cách mạng tức là như thế. Các ông chủ, bà chủ giỏi thì cứ ngăn nó lại”.

Giọng nói của Ernest còn vang lên một lúc lâu trong gian phòng rộng lớn. Rồi lại có tiếng như gầm gừ từ trong cổ họng các thánh giả phát ra cũng như tôi vừa nghe ban nãy, và chừng mười hai người đứng dậy la lớn lên để lưu ý đại tá Van Gilbert. Tôi thấy hai vai cô Brentwood rung rung, vắn vẹo, tưởng cô đang cười Ernest, tôi cáu quá. Nhưng tôi nhận ra ngay không phải cô cười, mà cô đang bị một cơn hỗn loạn thần kinh. Cô hoảng hồn lên vì việc cô làm: Cô đã ấn

vào giữa cái “Câu lạc bộ Những người hiếu học” thần thánh của cô một trái bom nổ chậm.

Đại tá Van Gilbert không chú ý đến mười mấy người đang đỏ mặt say mặt đòi phát biểu ý kiến. Chính ông cũng đang tức điên lên. Ông đứng phắt dậy xua hai tay, nói lắp bắp không ra tiếng. Nhưng chỉ một lúc sau, ông lại tuôn ra một tràng dài. Song đó không phải là những lời lẽ đỉnh đac của vị luật sư mười vạn đô-la, không phải cái hùng biện khoa trương lỗi thời của ông nữa. Ông hét lên:

- Tầm bậy! Tầm bậy! Trong đời tôi, tôi chưa thấy ai nói năng tầm bậy đến như thế. Này ông bạn trẻ tuổi! Ông đừng tưởng ông nói có điều gì mới đâu! Tất cả những điều ông nói, tôi học ở trường đại học từ trước khi ông ra đời kia! Cái thuyết xã hội chủ nghĩa của ông Jean Jacques Rousseau đề xướng ra đã gần hai thế kỷ nay rồi. Quay về với ruộng đất! Thật là thoái hoá, thật là hủ lậu! Khoa sinh vật học của chúng tôi dạy rằng đó là một điều phi lý. Cổ nhân nói rất đúng, dốt đặc còn hơn hay chữ lỏng. Hôm nay ông đã chứng minh điều đó với cái mớ lý luận điên rồ của ông. Tầm bậy! Tầm bậy! Trong đời tôi chưa bao giờ tôi phát lợm giọng lên vì những lời lẽ tầm bậy quá đáng thế. Lợm giọng vì những câu suy diễn nông nổi, vì cách lập luận trẻ con của ông!

Đại tá Van Gilbert tỏ vẻ rất khinh bỉ và bệ vệ ngồi xuống. Tất cả cử tọa tán thành. Bọn đàn bà kêu lên the thé và bọn đàn ông lại lầm rầm lầm rầm trong cổ họng. Một nửa trong số mười hai người đòi phát biểu ý kiến nhao lên nói một lúc. Thật là rầm rầm như cái chợ. Chưa bao giờ những bức tường đồ sộ ở nhà bà Pertonwaithe lại chứng kiến một cảnh tượng như thế. Một bọn ăn bận quần áo dạ hội đang gầm lên, đang rống lên kia, lại là những vị thống lĩnh nền công nghiệp, những vị chủ soái của xã hội, những vị thường ngày rất điềm đạm, lạnh lùng. Quả là Ernest đã làm cho họ sôi lên sùng sục khi anh giơ cánh tay ra đe dọa túi tiền của họ, cánh tay mà họ coi như cánh tay của một triệu rưởi người cách mạng.

Nhưng bất kỳ tình thế nào, Ernest cũng không bao giờ mất bình tĩnh. Trước khi đại tá Van Gilbert ngồi đằng hoàng xuống ghế, anh đã đứng dậy xô ra phía trước. Anh quát:

- Một người một chữ!

Tiếng nói của anh từ lồng ngực dội ra, át cả cử tọa đang trong cơn sóng gió. Khí thế của anh làm cho họ phải im lặng.

- Một người một chữ! – Lần này anh nói nhẹ nhàng hơn. – Để tôi trả lời đại tá Van Gilbert đã. Rồi hãy đến những người khác. Nhưng nhớ một người một thôi. Đừng có làm loạn lên! Đây không phải là sân đá bóng. – Anh quay sang phía đại tá Van Gilbert nói tiếp. – Còn ngài, ngài đã trả lời được những câu tôi nói đâu, hoàn toàn chưa trả lời một tí nào. Ngài mới chỉ đưa ra mấy lời khẳng định độc đoán, hùng hổ, về khả năng trí tuệ của tôi. Lối ăn nói của ngài có lẽ dùng trong việc kinh doanh thì tốt, nhưng dùng với tôi thì không thể được! Tôi không phải là anh công nhân ngả mũ cầm tay đến xin ngài tăng lương hay xin ngài đảm bảo an toàn lao động. Đối với tôi thì ngài chớ ăn nói hàm hồ. Ngài hãy giữ thái độ như thế đối với những kẻ ăn lương của ngài kia. Họ sẽ không dám cãi lại ngài vì ngài nắm trong tay miếng cơm, manh áo cuộc đời của họ.

“Còn về cái thuyết quay về với thiên nhiên ngài bảo ngài đã học ở trường đại học, tôi xin

phép nói thẳng ra rằng từ đó ngài không học thêm được cái gì nữa. Cũng như tính vi phân không có liên quan gì với kinh thánh, chủ nghĩa xã hội không có liên quan gì đến trạng thái thiên nhiên hết. Tôi đã bảo là ngoài việc kinh doanh ra thì giai cấp của ngài rất ngu. Thừa ngài, chính ngài là một ví dụ rạch ròi chứng minh cho lời tôi nói”.

Thấy nhà luật sư mười vạn đô-la của mình bị trị một trận ghê gớm như thế, cô Brentwood không sao chịu nổi. Cơn hỗn loạn thần kinh của cô càng nặng hơn. Cô khóc dờ mếu dờ và được dìu ra ngoài. Thật cũng may cho cô, vì sau đó tình hình còn căng thẳng hơn thế nữa.

- Xin ngài chớ vội tin lời tôi nói, – Ernest tiếp, sau khi bị ngắt lời. – Chính những nhà học giả của các ngài sẽ đồng thanh chứng minh rằng các ngài là ngu. Chính những người đã được các ngài thuê để cung cấp kiến thức cho các ngài sẽ vạch cho ngài biết là ngài nhầm. Ngài hãy đến hỏi viên trợ lý xã hội học tầm thường nhất của các ngài xem thuyết quay về với thiên nhiên của Rousseau với chủ nghĩa xã hội khác nhau như thế nào. Ngài hãy hỏi những nhà kinh tế học và những nhà xã hội học tư sản chính thống lớn nhất của các ngài; ngài hãy tra cứu sách giáo khoa nói về vấn đề đó hiện đang xếp đống trong những thư viện mà các ngài trợ cấp; tất cả đều sẽ trả lời rằng thuyết quay về với thiên nhiên và chủ nghĩa xã hội không có điểm nào phù hợp với nhau hết. Trái lại họ sẽ đồng thanh khẳng định rằng thuyết quay về với thiên nhiên và chủ nghĩa xã hội hoàn toàn đối lập với nhau. Tôi nhắc lại, các ngài đừng vội tin lời tôi nói làm gì! Sự ngu xuẩn của các ngài đều có ghi rành rành trong sách, trong chính những cuốn sách của các ngài mà các ngài không thèm đọc ấy. Và về mặt ngu xuẩn thì ngài cũng chỉ là một tiêu biểu cho giai cấp của ngài mà thôi.

“Thưa ngài đại tá Van Gilbert, ngài giỏi luật pháp, giỏi kinh doanh. Ngài giỏi khoa hầu hạ các công ty tư bản và làm cho tiền lời của họ tăng lên bằng cách bóp méo luật pháp. Tốt lắm. Ngài thật đáng mặt vĩ nhân. Ngài hãy trung thành với nghề nghiệp của ngài. Ngài là một luật sư đại tài! Nhưng ngài là một nhà sử học rất tồi, về sinh vật học thì ngài là người đương thời của Pliny[49]!

Đại tá Van Gilbert cựa quậy hoài trên ghế. Trong phòng im phăng phắc. Cử tọa ngồi ngây ra với nhau. Chưa bao giờ họ thấy vị đại tá Van Gilbert bị xỉ vả tàn tệ như thế. Thật không ai ngờ, không thể ngờ được. Vị đại tá Van Gilbert, con người làm bạt vía các quan chánh án mỗi khi ngài đứng dậy cãi ở toà. Nhưng Ernest không nhân nhượng với kẻ thù.

- Tôi nói thế không phải có ý chê trách gì ngài đâu. Mỗi người có một nghề. Có điều là ngài nên làm nghề của ngài, để mặc tôi làm nghề của tôi. Ngài đã chuyên môn hoá rồi. Khi nào nói về hiểu biết luật pháp, về trốn tránh luật pháp và nặn ra pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho các công ty tư bản ăn cướp, tôi xin gục đầu xuống sát đất để bái phục ngài. Nhưng đến môn xã hội học, đến nghề của tôi, thì cũng xin ngài nên gục đầu xuống sát đất, dưới chân tôi. Ngài nên nhớ cho như thế. Đồng thời xin ngài nhớ cho rằng cái môn luật pháp của ngài giỏi lắm cũng chỉ bền được một ngày, làm ngài không đủ sức nghiên cứu những môn học có giá trị được quá một ngày. Cho nên những lời khẳng định độc đoán và những lời suy diễn vội vàng của ngài về các vấn đề sử học, xã hội học đều không xứng với chỗ hơi thở ngài mất đi để phát biểu những lời đó.

Ernest nghỉ một lát và chăm chú nhìn đại tá Van Gilbert đang tím mặt lại vì tức giận, ngực

hỗn hển, người vắn vẹo trên ghế, hai bàn tay trắng trẻo hết nắm vào lại xoè ra. Rồi anh nói tiếp.

- Nhưng hình như ngài vẫn còn hơi để nói thì phải. Được, tôi sẽ để cho ngài dùng nốt chỗ hơi ấy. Tôi buộc tội giai cấp ngài. Ngài hãy chỉ cho tôi xem lời buộc tội của tôi sai ở chỗ nào. Tôi đã vạch cho người thấy nỗi khổ của con người hiện đại. Ba triệu trẻ con làm nô lệ ở Hoa Kỳ, không có chúng lao động thì giai cấp các ngài dùng hồng kiếm ra tiền lời, và mười lăm triệu người thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nhà ở. Tôi đã chỉ rõ khả năng sản xuất của con người hiện đại, do tổ chức xã hội và sử dụng máy móc, đã cao hơn khả năng sản xuất của con người nguyên thủy gấp một nghìn lần. Và tôi khẳng định rằng, do hai sự kiện trên không thể có kết luận nào khác là giai cấp tư bản đã quản lý hỏng. Lời buộc tội của tôi là như thế. Tôi thách ngài trả lời. Không, tôi còn đi xa hơn thế nữa kia. Tôi quyết đoán rằng các ngài sẽ không trả lời. Ngài có giỏi thì đem nốt chỗ hơi thở còn lại của ngài ra đập tan lời quyết đoán của tôi đi. Ngài bảo tôi là nói năng tầm bậy. Ngài hãy chỉ cho tôi biết tầm bậy ở chỗ nào, thưa đại tá Van Gilbert? Ngài hãy trả lời đi! Trả lời những điều mà tôi và một trăm năm mươi vạn đồng chí của tôi buộc tội giai cấp ngài và ngài đi!

Đại tá Van Gilbert quên mất rằng ông đang chủ tọa và theo phép lịch sự thì ông phải nhường người khác nói, vì họ đang làm ồn ồn cả phòng. Ông đứng phắt dậy, khua chân múa tay, vứt bỏ cả cái khoa hùng biện lẫn cái vẻ điềm đạm thường ngày của ông đi đâu mất. Ông mạt sát Ernest là miệng còn hơi sữa, là mị dân. Ông không tiếc lời công kích giai cấp công nhân, gọi giai cấp công nhân là những đồ bỏ đi, những phường vô tích sự. Sau khi ông đã tuôn ra một tràng dài những lời thô bỉ, Ernest đáp:

- Trong giới luật, ngài quả là người khó giữ cho khỏi đi chệch vấn đề nhất, tôi chưa bao giờ gặp phải. Việc tôi ít tuổi không liên quan gì đến những điều tôi vừa nói hết, việc giai cấp công nhân vô tích sự cũng vậy.

Tôi buộc tội giai cấp tư bản đã quản lý xã hội không tốt. Ngài không trả lời. Ngài không dám trả lời. Vì sao vậy? Có phải vì ngài trả lời không được không? Ngài là người biện hộ cho tất cả các cử tọa này. Tất cả mọi người ở đây, trừ tôi ra, đều dán mắt vào miệng ngài. Họ chờ ngài trả lời thay cho họ vì họ không trả lời được. Còn tôi, như tôi đã nói từ trước, tôi biết rằng không những ngài không trả lời, mà ngài còn không dám trả lời.

- Thật quá lắm, không thể nào tha thứ được nữa! – Đại tá Van Gilbert quát ầm lên. – Ông có định chửi chúng tôi thì ông bảo!

- Ngài không trả lời, đó mới là không tha thứ được. – Ernest nghiêm nghị đáp. – Về mặt trí tuệ, không ai có thể bị ai chửi được cả. Chửi, về bản chất của nó, là một điều hoàn toàn cảm tính. Ngài hãy lấy lại bình tĩnh. Tôi đứng về mặt trí tuệ buộc tội giai cấp tư bản đã quản lý hỏng. Ngài hãy đứng về mặt trí tuệ mà trả lời tôi.

Đại tá Van Gilbert ngồi im. Ông nhăn mặt lại và làm ra bộ kể cả không thềm đối đáp với một tên vô lại.

- Xin ngài chớ ử rũ quá như thế, – Ernest nói. – Ngài nên tự an ủi rằng chưa có người nào trong giai cấp ngài trả lời được câu buộc tội đó. – Anh quay về phía những người đang nhao nhao định nói. – Bây giờ đến các ngài. Các ngài khai hỏa đi. Và các ngài đừng quên tôi thách tất

cả các ngài trả lời câu mà đại tá Van Gilbert không trả lời được.

Tôi không thể viết ra đây tất cả những điều Ernest phát biểu trong cuộc tranh luận được. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng rằng trong ba tiếng đồng hồ ngắn ngủi mà có thể nhiều lời qua tiếng lại như thế. Dẫu sao, thật là tuyệt. Địch thủ càng phát khùng, Ernest lại càng chọc tức. Anh thật là uyên bác. Anh biết dùng từng chữ, từng câu, từng lời lẽ sắc như gươm để đâm vào tận ruột gan họ. Anh vạch rõ từng điểm vô lý họ nói ra. Tam đoạn luận này sai, kết luận kia không dính với tiêu đề, tiền đề nọ là một câu bịp bợm vì nó lập lờ gói ghém cái kết luận mà đáng lẽ người ta phải chứng minh. Chỗ này sai, chỗ kia là cãi chày cãi cối, chỗ nọ là nói mò, không đúng với chân lý đã được thể nghiệm và đã chép thành sách.

Anh cứ tiếp tục như thế. Có lúc anh bỏ gươm dùng chùy, xung tảo, đột hữu, đập tơi bời những ý kiến họ đưa ra. Lúc nào anh cũng đòi họ đem thực tế ra nói chuyện, nhất định không chịu cãi lý thuyết. Và những sự thật anh đưa ra đã làm cho họ thua liểng xiểng. Họ dả kích giai cấp công nhân thì anh đáp: “Các ngài chớ nên làm cái lối lươn ngoắt chê trách dài. Như vậy có phải là trả lời câu buộc tội của chúng tôi đâu. Chúng tôi kết tội rằng mặt các ngài bần, các ngài hãy chứng minh mặt các ngài là không bần cho tôi xem”. Và anh bảo tận mặt tất cả bọn họ: “Tại sao các ngài không trả lời câu buộc tội rằng giai cấp các ngài đã quản lý hỏng? Các ngài nói chuyện huyền thuyên tận đâu đâu, chưa ngài nào trả lời tôi cả. Có phải tại các ngài không thể trả lời được không?” Mãi cuối buổi tranh luận, ông Wickson mới lên tiếng. Chỉ có mình ông còn giữ được vẻ điềm đạm, và Ernest cũng có phần nể ông hơn những người khác.

- Không cần phải trả lời gì hết, – ông Wickson chậm rãi nói. – Tôi vừa ngạc nhiên vừa ghê tởm theo dõi toàn bộ cuộc tranh luận. Thừa các ngài cùng giai cấp với tôi, tôi ghê tởm các ngài. Các ngài xử sự không khác gì một lũ học trò ngốc nghếch. Việc gì phải nói đạo đức, việc gì phải làm như sấm sét trong một cuộc tranh luận như thế này! Các ngài không xứng đáng làm những người cai quản xã hội, không xứng đáng với giai cấp của các ngài. Các ngài nhiều lời quá, nhưng phỏng lời các ngài có ăn thua vào đâu! Đó chẳng qua là tiếng muỗi vo ve bên tai con gấu. Thừa các ngài, con gấu nó đứng kia (ông giơ tay chỉ Ernest). Các ngài vo ve lắm chỉ làm cho nó thêm nhón ra thôi.

“Các ngài hãy tin lời tôi nói, tình hình bây giờ rất nghiêm trọng. Con gấu nó đang giơ chân định giẫm bẹp chúng ta. Nó bảo ở Hoa Kỳ hiện nay có một triệu rưỡi người cách mạng. Đó là sự thật. Nó bảo ý định của bọn chúng nó là cướp lấy chính quyền của chúng ta, cướp lâu đài của chúng ta, cướp lấy cuộc đời an nhàn sung sướng của chúng ta. Đó cũng là sự thật. Xã hội sắp có biến đổi, sắp có biến đổi lớn; nhưng may thay, không phải biến đổi như con gấu nó dự đoán đâu. Con gấu nói là nó sẽ giẫm bẹp chúng ta. Giả sử chúng ta đè bẹp nó đi thì sao?” Lại có tiếng rầm rầm từ trong cổ họng mọi người phát ra làm náo động cả gian phòng, và người này gật đầu với người kia tỏ vẻ tán thành, tin tưởng. Mặt họ bỗng trở nên quắc thước. Họ đúng là những người chiến đấu.

- Nhưng muốn đè bẹp con gấu thì không phải vo ve mà được đâu, – ông Wickson nói tiếp bằng một giọng lạnh lùng, bình tĩnh. – Gấu thì phải săn! Chúng ta sẽ trả lời con gấu không phải bằng lời. Chúng ta sẽ trả lời bằng đạn. Chúng ta đang nắm chính quyền trong tay, không ai có thể phủ nhận điều đó. Chúng ta sẽ dựa vào chính quyền của chúng ta để giữ lấy chính quyền.

Chợt ông quay lại nhìn Ernest. Quang cảnh lúc ấy thật là hồi hộp.

- Đấy, câu trả lời của chúng tôi đấy. Chúng tôi không hoài lời nói với các anh. Các anh bảo tay các anh mạnh lắm phỏng? Được, các anh cứ giơ ra cướp lâu đài, cướp cuộc đời an nhàn sung sướng của chúng tôi mà xem. Chúng tôi sẽ cho các anh biết sức mạnh là thế nào, chúng tôi sẽ trả lời các anh bằng trái phá, bằng bom, bằng súng máy[50]. Chúng tôi sẽ di những nhà cách mạng của anh dưới gót chân chúng tôi, chúng tôi sẽ giẫm lên mặt các anh mà đi. Thế giới này là của chúng tôi. Chúng tôi là chủ của nó, nó sẽ mãi mãi là của chúng tôi. Còn cái đám lao động, chúng nó gục đầu xuống đất đen từ khi bắt đầu có lịch sử kia, anh đã muốn nghe lịch sử thì tôi nói cho anh nghe. Chừng nào tôi, những người cùng giai cấp với tôi và những người nối nghiệp chúng tôi còn nắm chính quyền thì bọn lao động các anh còn phải gục đầu xuống đất đen. Chính quyền! Đó mới thực là danh từ chúa tể của các danh từ, phải, chính quyền! Không phải Thượng đế, cũng không phải Thần tài, mà là chính quyền. Anh hãy đọc đi đọc lại cho đến bao giờ thuộc lòng thì thôi: Chính quyền!

- Thế mới đúng là trả lời, – Ernest điềm nhiên đáp. – Chỉ có thể trả lời như thế thôi, ngoài ra không có cách nào trả lời khác. Chính quyền! Giai cấp vô sản chúng tôi cũng đang kêu gọi giành chính quyền. Chúng tôi đã có kinh nghiệm xương máu rằng kêu gọi công lý, kêu gọi chính nghĩa, kêu gọi lòng nhân đạo với các ngài đều không ăn thua gì hết. Tim các ngài cứng rắn ngang với gót chân các ngài dùng để dẫm lên mặt những người nghèo. Chính vì thế mà chúng tôi kêu gọi giành chính quyền. Ngày tuyển cử, chúng tôi sẽ dùng quyền đầu phiếu của chúng tôi để giành lấy chính quyền ra khỏi tay các ngài... - Cứ cho rằng ngày tuyển cử các anh được đa số, tuyệt đại đa số đi chẳng nữa, phỏng các anh làm gì nổi chúng tôi? – Ông Wickson ngắt lời hỏi. – Giả sử sau khi các anh đắc cử, chúng tôi nhất định không trao chính quyền cho các anh thì đã sao?

- Ngay cả trường hợp ấy chúng tôi cũng đã tính trước rồi, – Ernest đáp. – Trường hợp ấy, chúng tôi sẽ trả lời các ngài bằng súng đạn. Chính quyền! Chính các ngài đã tôn nó là chúa tể các danh từ. Tốt lắm, chúng tôi sẽ có chính quyền. Ngài muốn hỏi, nếu chúng tôi thắng trong tuyển cử mà các ngài cứ khăng khăng không chịu trao lại bộ máy Nhà nước mà chúng tôi đã giành được một cách hoà bình, theo đúng hiến pháp, thì chúng tôi sẽ làm gì ư? Tôi xin nói, ngày ấy chúng tôi sẽ trả lời các ngài, trả lời bằng trái phá, bằng bom, bằng súng máy.

“Các ngài không trốn đâu cho thoát tay chúng tôi. Đúng là vừa rồi ngài đã đọc lên sự thật trong lịch sử. Đúng là từ khi bắt đầu có lịch sử, những người lao động vẫn bị dìm đầu xuống bùn đen. Tôi đồng ý với ngài, hoàn toàn đồng ý. Chính quyền sẽ là chúa tể, cũng như từ trước đến nay nó vẫn là chúa tể. Nó là một cuộc đấu tranh giai cấp. Cũng như giai cấp các ngài đã lật đổ giai cấp quý tộc phong kiến, giai cấp tôi, giai cấp công nhân cũng sẽ lật đổ các ngài. Nếu ngài sẵn lòng nghiên cứu sinh vật học và xã hội học cũng kĩ như ngài nghiên cứu sử học, ngài sẽ thấy cái bước kết thúc đó là tất nhiên không thể tránh được. Dù một năm nữa, điều đó không quan trọng, nhất định giai cấp các ngài sẽ bị lật đổ. Nó sẽ bị lật đổ bằng bạo lực, sẽ bị tiêu diệt bằng chính quyền. Đội quân lao động chúng tôi cũng đã từng học đi học lại cho đến thuộc lòng danh từ ấy.

Chính quyền! Đúng là danh từ chúa tể!

Thế là tối hợp mặt của những người Hiếu học kết thúc.

Chương VI

Những bức phác họa

Vào hồi này, những dấu hiệu của những biến cố sắp xảy ra bắt đầu đầy dẫy. Ernest đã phải bản khoản về chủ trương của ba tôi tiếp những lãnh tụ xã hội và công đảng trong nhà và tham dự công khai những hội nghị của Đảng Xã hội. Thấy anh lo ngại, ba tôi chỉ cười. Về phần tôi: tôi học được rất nhiều trong khi tiếp xúc với các thủ lĩnh, các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân. Tôi nhìn rõ mặt trái của cuộc đời. Tôi mến phục lòng vị tha và lòng yêu lý tưởng cao thượng của họ, đồng thời kinh ngạc trước nền văn chương khoa học và triết học rộng lớn của chủ nghĩa xã hội mở ra trước mắt tôi. Tôi học rất mau, nhưng không đủ mau để hiểu ngay từ lúc ấy hoàn cảnh của chúng tôi nguy hiểm như thế nào. Có nhiều người lên tiếng cảnh cáo, nhưng tôi không để ý. Chẳng hạn bà Pertonwaithe và bà Wickson, hai nhân vật có một ảnh hưởng xã hội ghê gớm trong thành phố đại học của chúng tôi, đã tung đủ dư luận rằng tôi là một thiếu nữ quá sốt sắng, ương bướng và có một khuynh hướng tai hại là thích can thiệp vào những công việc của người khác. Nhìn lại vai trò tôi đã đóng trong khi đi điều tra vụ Jackson, tôi thấy thế cũng chỉ là dĩ nhiên thôi. Nhưng tôi đã đánh giá thấp hậu quả của một dư luận như thế, do hai bà chúa tể xã hội nhiều quyền lực như thế tung ra. Thật ra tôi cũng để ý thấy bạn bè đối với tôi có phần dè dặt; nhưng tôi cho rằng đó là do họ không tán thành việc tôi dự định kết hôn với Ernest. Mãi về sau Ernest mới vạch cho tôi thấy thái độ chung của giai cấp tôi không phải là ngẫu nhiên. Họ có thái độ như thế chính là do có những kẻ giết dây ngằm một cách có tổ chức.

- Em đã chứa trong nhà một kẻ thù giai cấp, - anh bảo tôi. - Không những em đã cho ở, mà còn cho tình yêu và cho cả bản thân mình nữa. Như thế là em đã phản lại giai cấp em. Em đừng nghĩ rằng em sẽ thoát, không bị nó trừng trị đâu!

Nhưng trước đó ít lâu, một buổi chiều, Ernest đang ngồi với tôi thì ba tôi về. Chúng tôi thấy cụ đang cơn giận dữ - giận dữ một cách triết học. Ba tôi rất ít khi giận dữ thật. Nhưng thỉnh thoảng cụ cũng cho phép giận dữ chút ít, gọi là thôi. Cụ gọi đó là thuốc bổ! Cụ bước vào phòng, chúng tôi đã thấy ngay là cụ vừa dùng liều thuốc bổ đó xong.

- Các con nghĩ sao? - Cụ hỏi. - Ba mới ăn cơm với lão Wilcox về. (Wilcox là viên giám đốc đại học về hưu trí. Những tư tưởng tồn kho trong bộ óc khô héo của ông so với hồi 1870 thì mới mẻ, nhưng từ đó đến nay ông không hề nghĩ đến chuyện tu bổ cho hoàn chỉnh). Lão ta mời ba. Lão ta cho người đến mời. - Ba tôi ngừng một lát. Chúng tôi đợi. - Các con ạ, việc xảy ra một cách rất lịch sự, ba công nhận như thế. Nhưng ba bị khiển trách. Mà lại bị cái thằng cha hủ lậu ấy khiển trách mới tức chứ!

- Con cuộc là con đã biết vì sao ông bị khiển trách rồi, - Ernest nói.

Ba tôi cười:

- Tôi cho anh đoán ba câu.

Ernest đáp:

- Con chỉ cần đoán một câu thôi mà cũng chẳng phải là đoán. Cứ suy luận cũng biết. Ông bị khiển trách vì đời tư phải không ạ?

- Chính thế! Sao anh đoán được?

- Con đã biết thế nào rồi cơ sự cũng phải đi như vậy. Con đã nói với ông từ trước rồi còn gì.

Ba tôi trầm ngâm:

- Ừ, anh có nói trước thật. Nhưng tôi không thể tin như thế được. Dẫu sao tôi lại được thêm một bằng chứng rõ rệt để cho vào quyển sách của tôi.

- Nhưng đã thấm vào đầu, – Ernest nói tiếp. – Ông mà chứa các đảng viên xã hội và cấp tiến trong nhà, kể cả con nữa, ông còn gặp những tai vạ, và tai vạ tày đình kia!

- Chính lão Wilcox cũng bảo tôi thế. Lão ta bảo tất cả những việc tôi làm là không có bảo đảm, là không có gì hay ho, là hoàn toàn không có lợi và trái với những truyền thống và những chủ trương của trường Đại học. Lão ta còn nói thêm nhiều câu mập mờ như thế. Tôi không sao cột được lão ta vào một vấn đề gì nhất định. Nhưng tôi đã làm cho lão ta lúng túng to. Lão ta cứ luôn mồm nhắc đi nhắc lại rằng đứng về mặt khoa học, tôi là một người mà lão ta rất kính nể và tất cả mọi người đều kính nể. Lão ta phải làm một nhiệm vụ mà lão ta không thích một tí nào. Tôi thấy rõ ràng là lão ta không thích.

- Thì lão ta có được tự do hành động đâu, – Ernest nói. – Đeo cái thanh sắt nô lệ[51] vào chân, có phải lúc nào người ta cũng làm ra bộ dễ chịu được đâu!

- Đúng như thế, tôi đã làm cho lão ta phun ra rất nhiều chuyện. Lão ta bảo chưa bao giờ số tiền trường đại học cần phải tiêu lại vượt quá số tiền nhà nước định trợ cấp nhiều như năm nay. Chỗ hụt ấy chỉ có thể do những nhà giàu trợ cấp. Họ mà thấy trường đại học đi chệch lý tưởng cao cả của nhà trường, tức là theo đuổi những hoạt động có tính cách trí tuệ thuần túy, thì nhất định họ méch lòng. Khi tôi hỏi dồn lão ta rằng đời tư của tôi phỏng có liên quan gì đến việc làm cho trường đại học đi chệch lý tưởng cao cả của nó, lão ta liền ngó ý sẵn sàng cho tôi nghỉ hai năm ăn cả lương để sang châu Âu giải trí và nghiên cứu khoa học. Cố nhiên, trong hoàn cảnh hiện tại, tôi không thể nhận lời được.

- Giá ông nhận lời thì tốt hơn nhiều, – Ernest nghiêm trang nói.

- Nhưng đó là một âm mưu mua chuộc, – ba tôi phản đối, và Ernest gật đầu. – Cái thằng ăn mày ấy còn bảo người ta bàn ra tán vào quanh các bàn trà về việc con gái tôi ngang nhiên đi với một người tai tiếng như anh, và việc đó không hợp với tập quán, phẩm cách của trường đại học. Riêng lão ta thì lão ta chẳng thấy gì đáng nói đâu. Ô hô! Nhưng mà người ta xì xào và chắc tôi cũng hiểu như thế.

Tin đó làm Ernest suy nghĩ. Anh sầm mặt xuống, vừa trang nghiêm vừa tức giận. Một lúc sau anh nói:

- Nhất định là ngoài cái lý tưởng đại học ra, còn có một cái gì khác núp đằng sau. Lại có kẻ nào gây áp lực với ông ta đấy thôi.

- Anh tin thế ư? – Ba tôi hỏi, vẻ mặt tò mò hơn là lo sợ.

Ernest bảo:

- Trong đầu con bắt đầu có một quan niệm đang thành hình, nhưng chưa rõ rệt lắm. Để con nói ông nghe. Trong lịch sử thế giới, chưa bao giờ xã hội lại nhiều sóng gió ghê gớm như bây giờ. Những biến đổi nhanh chóng trong hệ thống công nghiệp của chúng ta đang gây ra những biến đổi không kém phần nhanh chóng trong tất cả những cơ cấu tôn giáo, chính trị và xã hội của chúng ta. Một cuộc cách mạng vô hình và dữ dội đang hình thành trong cơ cấu của xã hội chúng ta. Người ta chỉ có thể cảm thấy những cái đó một cách lơ mờ thôi. Nhưng những cái đó nó lẩn vào không khí, chính lúc này này. Người ta có thể cảm thấy trước sự xuất hiện của một cái gì rộng lớn, mơ hồ và đáng sợ. Con cũng không dám hình dung sẵn trong óc xem những cái đó sẽ kết tinh thành cái gì. Tối hôm nọ ông đã nghe lão Wickson nói. Đằng sau những điều y nói, chính là những cái không tên và không hình mà con đang cảm thấy. Trong thâm tâm, y rất sợ những cái đó và chính mối lo sợ này đã khiến cho y phát biểu như vậy.

- Anh muốn nói là... – ba tôi bắt đầu rồi ngừng lại.

- Con muốn nói, một cái bóng đen khổng lồ đang bắt đầu lan ra trên đất nước, đe dọa tất cả mọi người. Ông muốn gọi nó là bóng của một thiểu số thống trị cũng được, con cũng chỉ dám ước đoán như thế là sát nhất thôi. Bản chất nó ra sao, con cũng chẳng muốn tưởng tượng ra nữa[52].

Nhưng điều con muốn nói là: ông đang ở vào một cái thế rất nguy hiểm, một cái nguy hiểm mà chính con cũng không lường trước nổi. Con lo cho ông lắm, nên lại càng thấy nổi nguy hiểm đó là ghê gớm. Ông nên nghe con, nhận lời đi nghỉ thì hơn.

- Làm thế thì hèn nhát quá, – ba tôi phản đối.

- Không hèn nhát một chút nào cả. Ông đã có tuổi. Ông đã làm tròn sự nghiệp của ông: một sự nghiệp vĩ đại cho xã hội. Ông nên để cuộc chiến đấu hiện tại cho những người trẻ tuổi và khoẻ mạnh cáng đáng. Thanh niên chúng con có công việc của chúng con. Xảy ra chuyện gì, đã có em Avis ở bên con. Avis sẽ thay mặt ông ở tiền tuyến.

Ba tôi không đồng ý:

- Nhưng họ không thể hại tôi được. Nhờ trời tôi là một người độc lập.Ồ! Anh cứ tin chắc rằng tôi rất hiểu một giáo sư phụ thuộc vào trường đại học về mặt kinh tế có thể bị họ làm cho điều đứng như thế nào. Nhưng tôi sống độc lập. Tôi làm giáo sư không phải vì đồng lương, tôi cứ trông vào lợi tức riêng cũng đủ ung dung chán. Họ có muốn cắt cũng chỉ có thể cắt được lương của tôi là cùng.

- Ông vẫn chưa rõ, – Ernest trả lời. – Nếu tất cả những điều con lo ngại xảy ra thì lợi tức riêng và ngay cả số vốn của ông cũng có thể bị tước đoạt một cách dễ dàng như số tiền lương.

Ba tôi im lặng mấy phút. Cụ suy nghĩ rất lung và tôi thấy những nét quả quyết hiện lên trên khuôn mặt cụ. Sau cùng, cụ bảo:

- Tôi sẽ không nghỉ đâu, – cụ ngừng lại một lát. – Tôi sẽ tiếp tục viết cuốn sách của tôi[53].

Rất có thể anh lầm. Nhưng dù anh lầm hay không lầm, tôi sẽ vẫn ở lại vị trí chiến đấu của tôi.

Ernest bảo:

- Vâng, càng hay. Ông đang đi cùng một đường với Giám mục Morehouse và đi đến một tai vạ tương tự. Cả ông lẫn đức Giám mục đều sẽ thành vô sản trước khi bị chúng nó triệt.

Câu chuyện chuyển sang đức Giám mục và chúng tôi yêu cầu Ernest cho biết anh đã dẫn người đi làm những gì.

- Tôi đã dẫn đức Giám mục làm một cuộc du hành qua địa ngục và sau đó đức Giám mục đã phát ốm lên về mặt linh hồn. Tôi đưa ông đi thăm gia đình mấy anh em công nhân nhà máy. Tôi đã chỉ cho ông thấy những con người bị bộ máy công nghiệp làm cho xơ xác như những con tàu đắm và ông đã nghe họ kể lại cuộc đời của họ. Tôi đã dẫn ông đến những hang cùng ngõ hẻm của San Francisco và ông đã thấy nạn nghiện rượu, nạn mãi dâm và tội ác có một căn nguyên sâu xa hơn là sự đồi bại thiên bẩm của con người. Ông bị ốm nặng và phiền hơn hết là trí óc ông loạn cả lên. Ông thật là người đạo đức. Ông xúc động mạnh quá. Và cũng như mọi khi, ông không thực tế một chút nào cả. Ông cứ thế lơ lửng trên mây với những ảo tưởng về đạo đức và kế hoạch truyền giáo trong cái tầng lớp có học thức. Ông thấy có nhiệm vụ nặng nề phải làm sống lại tinh thần xưa của nhà thờ và truyền đạt bức thư của nhà thờ cho các ông chủ của xã hội. Ông đã bị nung nấu dữ quá. Chóng muộn thế nào ông cũng bức ra và thế nào tai vạ cũng phải xảy đến. Tai vạ đó sẽ xảy đến dưới hình thức nào, tôi cũng chịu không đoán được. Ông là một tâm hồn trong sạch và cuồng nhiệt nhưng mà sao xa thực tế thế. Tôi chịu không nắm được ông. Ông đang bay về Gethsemane[54]. Sau thì ông sẽ đến núi Calvary để chịu đóng đinh lên thánh giá. Những người có tâm hồn cao thượng như ông sinh ra là để đóng đinh lên thánh giá.

- Thế còn anh? – Tôi hỏi, và nụ cười trên môi tôi chẳng qua chỉ giấu một mối lo ngại thật sự của tình yêu.

- Anh thì không! – Anh cười trả lời. – Anh có thể bị xử tử hay bị ám sát, nhưng không khi nào anh sẽ bị đóng đinh lên thánh giá. Anh bám rễ xuống đất chắc chắn lắm rồi, không khi nào anh chịu rời mặt đất đâu.

- Nhưng tại sao anh lại làm cho đức Giám mục phải lên thánh giá? – Tôi hỏi. – Chắc anh sẽ không chối rằng anh là nguyên nhân gây ra việc đó.

Anh vặn hỏi lại tôi:

- Hiện nay có hàng triệu người sống nhọc nhằn, khổ sở. Vậy sao anh lại để cho một tâm hồn giàu sang thoải mái yên hưởng cái giàu sang thoải mái đó là thế nào?

- Thế tại sao anh lại khuyên ba đi nghỉ?

- Vì anh không phải là một tâm hồn trong sạch và cuồng nhiệt. Vì anh là người không ai lay chuyển nổi và rất ích kỷ. Vì anh yêu em và nói như Ruth ngày xưa thì “người thân của em tức là người thân của anh”. Về phần đức Giám mục, ông không có con. Và lại dù kết quả có mỏng manh, tiếng kêu than yếu ớt và bất lực của ông vẫn sẽ có lợi một chừng mực nào cho cách mạng. Những việc như thế, nhỏ bé thì nhỏ bé, vẫn đáng kể như thường.

Tôi không thể đồng ý với Ernest. Tôi hiểu rất rõ bản chất cao quý của đức giám mục Morehouse và tôi không thể quan niệm rằng tiếng nói của người cất lên vì công lý lại chỉ là một tiếng kêu than yếu đuối và bất lực. Tôi chưa thật thấu hiểu những sự thật phũ phàng của cuộc đời như Ernest. Anh thấy rõ tâm hồn lớn lao của đức giám mục rồi cuộc cũng chỉ là hão huyền, và chẳng bao lâu, nhìn những biến cố xảy ra, tôi cũng thấy rành rành như thế. Ít lâu sau, Ernest kể cho tôi nghe bằng một giọng hài hước rằng chính phủ vờ anh ra làm bộ trưởng bộ Lao động. Tôi mừng quính lên. Lương bổng sẽ cao và sẽ làm cho hạnh phúc của chúng tôi thêm phần bảo đảm. Vả lại công việc đó cũng thích hợp với Ernest. Thêm vào đấy, tôi vốn tự hào vì anh, cho nên lại càng cho rằng người ta vờ anh ra như vậy tức là thừa nhận những tài năng của anh. Lúc đó tôi để ý thấy mắt anh long lanh một cách ranh mãnh. Anh cười tôi.

- Chắc anh sẽ không từ chối chứ? – Tôi hỏi, giọng run run.

- Đây là một âm mưu mua chuộc, – anh nói. – Đằng sau âm mưu này có bàn tay quỷ quyết của lão Wickson và đằng sau lão Wickson có bàn tay của những tên to đầu hơn. Cái thủ đoạn đánh cắp những người chỉ huy của đội quân lao động, cái thủ đoạn ấy đã cũ lắm rồi, nó có từ khi có đấu tranh giai cấp kia. Đáng thương thay giới cần lao bị bội phản. Em có biết bao nhiêu thủ lĩnh của nó đã từng bị mua chuộc như thế không? Mua một người chủ soái còn rẻ hơn đương đầu với hắn cùng với cả đội quân của hắn, rẻ hơn nhiều. Đã có... nhưng thôi, anh không muốn nhắc tên kẻ nào nữa. Nghĩ đến thật là buồn. Em yêu quý của anh, anh là một thủ lĩnh lao động. Anh không thể bán mình đi được. Ngoài trăm nghìn lý do khác, cứ nhớ đến hình ảnh người cha già khốn khổ của anh và cái cung cách ông cụ bị vắt sức cho đến chết là anh cũng đủ thấy mình không thể làm điều đó.

Anh ứa hai hàng nước mắt, người anh hùng lớn lao và dũng mãnh của tôi. Không bao giờ anh có thể tha thứ được cái cung cách lương tâm của cha anh bị bóp méo, những lời nói dối bẩn thỉu và những sự ăn cắp ti tiện mà cha anh buộc phải làm để có miếng ăn nhét vào miệng lũ con. Có lần Ernest nói với tôi như thế này:

- Cha anh là một người tốt, tâm hồn cha anh rất cao cả, thế mà nó cũng bị sự mọi rợ của cuộc sống bóp méo, huỷ hoại và làm cho mòn mỏi đi. Cha anh đã bị biến thành một con vật khốn khổ vì bàn tay của lũ chủ, những con vật quá cả loài vật. Đáng lẽ cha anh vẫn còn sống đến bây giờ như ba em mới phải. Cha anh lực lưỡng lắm. Nhưng cha anh đã bị máy móc cầm tù và đã lao lực cho đến chết để làm ra tiền lời. Đúng như thế. Để làm ra tiền lời. Máu của cha anh đã biến thành tiệc rượu, thành đồ trang sức, thành những thú vui phê phởn của bọn nhà giàu vô công rồi nghề và ăn bám, của bọn chủ cười lên đầu cha anh, một lũ súc vật quá cả loài vật.

Chương VII

Ảo ảnh của đức Giám mục

Ernest biên thư cho tôi: “Đức Giám mục cuồng lên rồi. Ông đang ở tít trên mây. Tối hôm nay, ông sẽ bắt đầu chấn chỉnh cái thế giới khốn khổ của chúng ta. Ông sắp sửa công bố bức thư của ông. Ông báo với anh thế, anh can ngăn không được. Tối hôm nay ông sẽ chủ tọa buổi họp mặt ở I.P.H.[55] và sẽ gói thêm bức thư của ông trong phần nhận xét mở đầu.

“Anh đến rủ em cùng đi nghe có được không? Dĩ nhiên thế nào ông cũng sẽ thất bại. Em sẽ rất khổ tâm vì thế, cả đức Giám mục cũng vậy. Nhưng đối với em cái đó sẽ là một bài học thực tế rất tốt. Em yêu quý, em cũng biết là được em yêu thì anh tự hào đến thế nào và cũng vì anh muốn được em biết đến giá trị vẹn toàn nhất của anh, cho nên anh muốn chuộc lại trước mắt em cái chỗ có phần nào chưa xứng đáng của anh. Lòng tự hào của anh muốn rằng em sẽ phải tin chắc sự suy nghĩ của anh là đúng đắn và hợp với lẽ phải. Quan điểm của anh thật là tàn nhẫn; nhưng một tâm hồn cao thượng như tâm hồn đức Giám mục cũng thật là hảo huyền và sự hảo huyền đó sẽ chứng minh cho em thấy người ta bắt buộc phải tàn nhẫn như thế.

“Tối nay em đến nhé. Những việc xảy ra có thể rất đáng buồn, nhưng anh cảm thấy rằng nó sẽ chỉ làm cho em gần gũi với anh hơn nữa thôi”.

Tối hôm ấy I.P.H. triệu tập một cuộc họp ở San Francisco[56] để xét vấn đề đạo đức suy đồi và cách bổ cứu. Đức Giám mục Morehouse chủ tọa. Người ngồi trên bục, vẻ mặt rất cáu kỉnh và tôi nhận thấy đầu óc người đang bị căng thẳng ghê gớm. Bên cạnh người là Giám mục Dickinson; bác sĩ Jones khoa trưởng khoa đạo đức học trường đại học California; bà W. W. Hurd, một nhà tổ chức những việc từ thiện nổi tiếng; ông Philip Ward, một nhà bác ái cũng không kém phần nổi tiếng; và nhiều ngôi sao cỡ nhỏ hơn trên nền trời đạo đức và từ thiện. Giám mục Morehouse đứng dậy, cất tiếng đột ngột: “Tôi dong xe ngoài phố. Lúc ấy là ban đêm. Chốc chốc tôi lại nhìn ra ngoài. Mắt tôi bỗng như mở ra và tôi thấy bộ mặt thật của mọi sự. Thoạt tiên tôi giơ tay lên che mặt để khỏi phải nhìn quang cảnh hãi hùng, và rồi trong đêm tối, câu hỏi đã đến với tôi: Phải làm gì? Phải làm gì? Một lát sau, câu hỏi đó lại đến với tôi dưới hình thức khác: Chúa sẽ làm gì? Cùng với câu hỏi, một luồng ánh sáng hình như tràn ngập không trung và tôi nhìn thấy nhiệm vụ của tôi hiện ra chói lọi như ánh mặt trời, cũng như Saul đã thấy nhiệm vụ của mình trên con đường đi Damascus.

“Tôi cho dừng xe, bước xuống và sau mấy phút nói chuyện, tôi mời hai cô gái điếm lên ngồi với tôi. Nếu Chúa nói đúng thì hai kẻ khốn khổ kia là chị em của tôi và họ chỉ còn trông vào sự yêu thương trù mẫn của tôi để may ra có thể trở nên trong sạch.

“Tôi sống ở một phố đẹp nhất San Francisco. Nhà tôi ở trị giá mười vạn đô-la; đồ đạc, sách vở và những tác phẩm nghệ thuật đáng giá chừng ấy nữa. Nhà tôi ở là một dinh thự. Không, đó là một toà lâu đài kẻ ăn người ở ra vào tấp nập. Cho đến nay tôi vẫn không hiểu lâu đài dùng để làm gì. Tôi cứ tưởng dùng để ở. Nhưng bây giờ, tôi biết rồi. Tôi đem hai người gái điếm ngoài phố về lâu đài của tôi, để cho họ ở cùng với tôi. Và tôi hy vọng sẽ mời những chị em xấu số như

thể về ở chật tất cả các phòng trong toà lâu đài đó”.

Cử tọa mỗi lúc một xôn xao thêm và nét mặt những người ngồi trên bục mỗi lúc một thêm lộ vẻ kinh ngạc và hoảng sợ. Đến nỗi Giám mục Dickinson đứng dậy, bước ra khỏi bục chủ tịch và phòng họp, vẻ mặt rất khó chịu.

Nhưng Giám mục Morehouse, mắt tràn đầy những ảo ảnh của mình, quên hết chung quanh và cứ tiếp tục: “Ôi! Các anh em chị em, trong cách xử sự ấy, tôi đã tìm được câu giải đáp cho tất cả những khó khăn của mình. Trước tôi không biết xe cộ dùng để làm gì, nhưng bây giờ tôi đã hiểu. Nó dùng để chuyên chở những người yếu, người ốm, người già nua; nó dùng để tỏ lòng tôn kính đối với những người đã mất cả đến ý thức về sự tử hủ.

“Trước, tôi không hiểu người ta xây dựng lâu đài để làm gì, nhưng bây giờ tôi đã tìm ra công dụng của nó. Những lâu đài của Nhà thờ cho những người ngã gục bên lề đường, cho những người đang hấp hối”.

Đức Giám mục ngừng lại hồi lâu, không đủ sức chống lại sự kiềm chế của những ý nghĩa bên trong và loay hoay tìm cách nào tốt nhất để diễn đạt nỗi lòng mình:

“Hỡi những người anh em thân yêu, tôi không đủ tư cách nói với các người bất cứ một điều gì về luân lý. Tôi đã sống quá lâu trong ô nhục, tôi mong gì cứu mang kẻ khác được. Nhưng hành động của tôi đối với hai người đàn bà này, đối với hai người em gái này, đã chỉ cho tôi thấy rằng muốn tìm con đường tốt hơn, kể cũng dễ thôi. Đối với những ai tin ở Chúa và những lời Chúa dạy, giữa con người với con người không thể có mối quan hệ nào khác là quan hệ yêu thương. Lòng yêu thương mạnh hơn tội lỗi, mạnh hơn cả cái chết. Cho nên tôi tuyên bố với những người giàu tiền bạc có mặt ở đây là họ có nhiệm vụ phải làm những điều tôi đã làm và đang làm. Mỗi một người sống sung túc hãy đem một người ăn cắp về nhà đối xử như anh em, hãy đem một phụ nữ xấu số về nhà đối xử như chị em. Như vậy San Francisco sẽ không cần đến lực lượng cảnh sát, đến quan toà nữa; nhà tù sẽ biến thành nhà thương và những kẻ tội phạm sẽ biến đi cùng với các tội ác.

“Chúng ta phải hiến cả bản thân chúng ta, không được chỉ được hiến có tiền bạc. Chúng ta phải làm như Chúa đã làm, đó chính là lời kêu gọi của Nhà thờ hôm nay. Chúng ta đã đi lạc ra ngoài giáo huấn của Chúa. Chúng ta đang tự thiêu hủy trong các vạc dầu bằng thịt của chúng ta. Chúng ta đã đặt con bò vàng lên ngai thờ đức Chúa. Tôi có sẵn ở đây một bài thơ tóm tắt hết cả câu chuyện. Tôi muốn đem ra đọc. Bài thơ này do một tâm hồn lạc, nhưng nhận xét sự vật rất sáng suốt viết ra[57]. Đừng nên hiểu lầm rằng nó đả kích vào Nhà thờ Cơ đốc. Nó đả kích vào tất cả mọi Nhà thờ, đả kích vào sự lộng lẫy, sự xa hoa của tất cả những giáo đồ đã đi chệch con đường của Chúa và sống cách biệt những con chiên của Chúa. Bài thơ như sau:

Dưới vòm cao tiếng kèn bạc vang ngân;

Đám dân lành sụp quỳ trong khiếp sợ;

Và tôi thấy giáo chủ thành La Mã.

Cưỡi cỗ người đi như một thiên thần.

Như giáo sĩ, áo chùng Ngài trắng muốt,

*Như Đức vua, áo choàng Ngài đỏ tươi.
Giáo hoàng đi, hào quang tỏa sáng ngời.
Thánh miện ba tầng vàng, trên trán mượt.
Trái tim tôi vượt ngàn trùng quá khứ,
Đến biển cô đơn, nơi Người[58] lữ thứ,
Muốn ngả lưng không tảng đá gối đầu.
- Chồn cáo có hang, chim trời có tổ.
Riêng mình ta lê bước chân sâu khổ
Cạn từng ly nước mắt, muối lòng đau”.*

Cử tọa xôn xao nhưng không hưởng ứng. Đức giám mục Morehouse không biết thế. Người vẫn quả quyết đi con đường của mình.

“Chính vì thế mà tôi nói với những người giàu ở đây, với tất cả mọi người giàu: các người đã chèn ép tàn nhẫn những con chiên của Chúa. Các người đã bịt tai trước những tiếng kêu than trên khắp nước, những tiếng kêu của đau thương, của sầu khổ mà các người không muốn nghe nhưng rồi các người sẽ bắt buộc phải nghe. Chính vì thế cho nên tôi nói...” Nhưng đến đây, ông Jones và ông Ward đã đứng dậy từ trước, liền nắm lấy tay đức Giám mục và dìu người ra khỏi bục, giữa lúc cử tọa sững sốt ngồi nghen thở vì chứng tai gai mắt.

Vừa ra ngoài phố, Ernest phá lên cười nghe rất tàn nhẫn và dã man. Cái cười của anh xói vào thần kinh tôi. Tôi cố nén nước mắt và tim tôi như muốn vỡ ra.

- Thế là ngài đã truyền bá bức thư của ngài rồi, – Ernest kêu lên. – Cái cử tọa Thiên chúa giáo của đức Giám mục thường ngày rất yêu đức Giám mục. Nhưng khi nhân tính và bản chất dịu hiền kín đáo của đức Giám mục loạn óc. Em có thấy họ dìu ông ra khỏi bục một cách ân cần như thế nào không? Thật đến thánh cũng phải bật cười trước cái cảnh tượng ấy.

- Dù sao, những lời đức Giám mục nói và việc người làm tối hôm nay cũng sẽ gây một ấn tượng sâu sắc.

- Em tưởng thế à? – Ernest hỏi, giọng giễu cợt.

Tôi gật đầu.

- Thế nào cũng gây được dư luận, – tôi nói quả quyết. – Anh có thấy lúc người nói, các phóng viên ngồi ghi lia lịa như một lũ điên ấy không? – Báo ngày mai sẽ không đăng một dòng nào đâu!

- Em không tin được, – tôi kêu lên.

- Rồi em xem, – anh trả lời. – Sẽ không có lấy một dòng, lấy một ý nghĩ của ông đâu! Báo hàng ngày là cái gì? Là sự im những tin tức hàng ngày, có thể thôi.

- Nhưng còn những phóng viên? – Tôi cãi. – Em trông thấy họ kia mà!

- Tất cả những điều ông nói, sẽ không một chữ nào được in đâu. Em quên mất các ông chủ báo rồi à? Lương bổng của họ lệ thuộc vào chính sách của họ. Chính sách của họ là không cho in bất cứ cái gì đe dọa thực sự nền trật tự đã có. Bài nói của đức Giám mục là một sự công kích dữ dội vào luân lý hiện hành. Đó là một tà đạo. Họ diu ông ra khỏi diễn đàn là cốt ngăn không cho ông đem tà đạo ra thuyết thêm nữa. Các báo chí sẽ rửa tội cho ông bằng im lặng và quên lãng. Báo chí Hoa Kỳ ấy ư? Chẳng qua chỉ là một cái bấu ký sinh bám trên mình giai cấp tư bản. Chức năng của nó là phục vụ chế độ hiện hành bằng cách đóng khuôn dư luận và nó phục vụ rất đắc lực.

“Để anh nói trước các sự việc cho em nghe. Báo chí ngày mai sẽ thuật lại sơ sài rằng đức Giám mục sức khoẻ sút kém, ngài làm việc vất vả quá cho nên tối hôm qua ngài quy. Vài ngày sau sẽ có tin thần kinh ngài suy sụp và đàn chiên biết ơn ngài đã để ngài đi nghỉ. Sau đó thì trong hai điều thế nào cũng sẽ xảy ra một: hoặc là Giám mục sẽ nhận thấy con đường mình đã đi là sai lầm và đi nghỉ về sẽ thành một người khoẻ mạnh, không còn bị ảo ảnh mê hoặc nữa; hoặc nếu không, ngài sẽ còn là điên và em có thể chờ đợi các báo chí đăng tin một cách lâm ly thống thiết rằng đức Giám mục bị loạn óc. Sau đó, đức Giám mục sẽ được ngồi một chỗ và đem những ảo ảnh của mình ra kể lể cho bốn bức tường nghe”.

-Ồ, anh đi xa quá! – Tôi kêu lên.

- Trước mắt xã hội, như thế đúng là loạn óc, – Ernest đáp. – Một người lương thiện nếu không loạn óc, ai lại đem gái điếm và ăn cắp về nhà mà nuôi như nuôi anh chị ấy bao giờ? Kể ra Chúa Cơ đốc ngày xưa khi chết có hai thằng ăn trộm ở bên thật, nhưng đó lại là chuyện khác. Lại nói về loạn óc. Người ta đã không đồng ý với ai thì bao giờ quá trình suy tưởng của người kia chẳng là hỏng. Do đó mà óc của người kia hỏng. Óc hỏng và loạn óc, phỏng làm gì có ranh giới? Một người lành mạnh và lại bất đồng ý kiến về căn bản với những kết luận lành mạnh nhất, điều đó không thể nào quan niệm được.

“Trong báo chiều hôm nay có một ví dụ rất hay. Chị Mary McKenna, nhà ở phía nam phố Chợ. Chị nhà nghèo, nhưng là một người đàn bà lương thiện. Chị lại yêu nước nữa. Nhưng chị hiểu sai về lá cờ Mỹ. Xưa nay người ta vẫn tưởng lá cờ Mỹ tượng trưng cho sự che chở chị cũng tưởng như thế. Và chị đã bị một chuyện như thế này: Chồng chị bị tai nạn, phải đi nằm bệnh viện đã ba tháng. Chị phải đi giặt quần áo thuê, nhưng cũng không đủ trả tiền nhà. Chúng nó đã đuổi chị. Trước hết, chị kéo quốc kỳ Mỹ lên trước cửa và chị đứng dưới quốc kỳ, tuyên bố rằng thể theo sự che chở của lá quốc kỳ, không ai có quyền ném chị ra đường. Sau thì sao? Chị bị bắt đưa ra toà vì... loạn óc. Hôm nay, chị được các nhà chuyên môn về bệnh loạn óc khám nghiệm. Họ khám thấy chị loạn óc thật. Chị bị giam vào nhà điên Napa”.

- Anh tìm ví dụ xa xôi quá, – tôi cãi. – Cứ đặt giả thuyết là em bất đồng ý kiến với tất cả mọi người về cách viết một cuốn sách văn học, có ai vì thế lại nhốt em vào nhà điên bao giờ?

- Đúng lắm, – anh đáp. – Bất đồng ý kiến như vậy không thành một sự đe dọa cho xã hội. Sự khác nhau là ở chỗ ấy. Bất đồng ý kiến như Mary McKenna và đức Giám mục là một mối đe dọa cho xã hội. Nếu tất cả những người nghèo đều không chịu trả tiền thuê nhà và đều nấp dưới lá cờ Mỹ cả thì sẽ ra thế nào? Quyền tư hữu của các trạch chủ sẽ tan rã. Những quan điểm của đức

Giám mục cũng vậy, rất nguy hiểm đối với xã hội. Thế cho nên mời ông vào nhà điên.

Nhưng tôi nhất định không tin.

- Em cứ đợi xem, – Ernest nói.

Và tôi đợi.

Sáng hôm sau, tôi cho đi mua tất cả các báo. Không báo nào đăng lấy một lời của đức Giám mục Morehouse. Một hai tờ đưa tin rằng đức Giám mục đã quá xúc động. Còn những diễn giả tiếp sau, tuy nói nhặt như nước ốc nhưng vẫn được đưa lên báo một cách rộng rãi.

Ít lâu sau, báo chí đăng một tin rất ngắn ngủi rằng đức Giám mục, vì lao lực thái quá, phải đi nghỉ để lấy lại sức khỏe. Càng ngẫm càng thấy Ernest nói đúng. Nhưng có một điều là không ai nói đức Giám mục loạn óc hay suy nhược thần kinh cả. Và tôi cũng không ngờ tới con đường đau khổ ghê gớm mà đức Giám mục sẽ phải đi qua, con đường lên núi Calvary, lên câu rút, mà Ernest đã đoán trước cho Người.

Chương VIII

Những người phá máy

Ngay trước khi Ernest ứng cử vào Quốc hội trong danh sách Đảng Xã hội, ba tôi tổ chức một bữa tiệc mà ba tôi gọi riêng trong nhà là bữa tiệc “Lãi và Lỗ”. Ernest gọi bữa tiệc là bữa tiệc của những người phá máy. Trong thực tế, đó là một bữa tiệc của các nhà doanh nghiệp – lẽ dĩ nhiên là những nhà doanh nghiệp nhỏ. Theo tôi nghĩ thì không có người nào trong bọn họ kinh doanh quá số vốn hai mươi vạn đô-la. Họ đúng là đại diện cho giới kinh doanh thuộc tầng lớp giữa. Trong bữa tiệc có ông Owen, ở hãng “Silverberg, Owen và Công ty”, một hãng thực phẩm lớn có nhiều chi nhánh. Chúng tôi vẫn thường mua thực phẩm ở đó. Có cả những người hùn vốn vào hãng dược phẩm lớn Kowalt và Washburn, và ông Asmunsen, chủ một mỏ đá granite lớn ở quận Contra Costa. Còn có nhiều người khác vào loại chủ hay hùn vốn ở những xưởng máy nhỏ, những hãng buôn nhỏ, những doanh nghiệp nhỏ, tóm lại những nhà tư bản nhỏ.

Trông họ không đến nỗi nhột lăm. Họ là những người mặt mũi sắc sảo, nói năng đơn giản và sáng sủa. Họ đồng thanh kêu ca về những công ty đại tư bản và những tư-rót. Khẩu hiệu của họ là “Tiêu diệt các tư-rót”. Mọi sự chèn ép đều do các tư-rót mà ra, và tất cả, không trừ ai, đều tố khổ như thế. Họ chủ trương rằng Chính phủ phải nắm lấy quyền sở hữu về những tư-rót như đường sắt và bưu điện và phải đánh thuế lợi tức hết sức nặng, lũy tiến một cách dữ dội để phá bỏ những tích lũy khổng lồ. Để sửa chữa những tệ lậu ở địa phương, họ cũng chủ trương thành phố nắm quyền sở hữu những công trình có tính chất công ích như nước, khí thấp, điện thoại và xe điện.

Câu chuyện của ông Asmunsen về những nỗi điều đứng của ông trong việc làm chủ mỏ đá đặc biệt là hay. Ông thú thực rằng mỏ đá ông không đem lại một chút lợi nhuận nào, mặc dầu khối lượng kinh doanh rất đáng kể, do chỗ San Francisco bị trận động đất lớn tàn phá. Công cuộc xây dựng lại San Francisco kéo dài sáu năm, tổng số doanh thu của ông tăng lên bốn lần,

rồi tám lần, thế mà ông cũng không giàu thêm được chút nào.

- Công ty đường sắt có phần lại còn biết rõ việc kinh doanh của tôi hơn cả tôi nữa kia, – ông nói. – Những khoản chi tiêu của tôi, nó biết không sai một xu, nó thuộc cả các điều khoản trong những hợp đồng của tôi. Nó làm cách nào mà biết rõ như thế được tôi cũng chỉ đoán phỏng chừng thôi. Chắc nó phải có điệp viên trong đám nhân viên của tôi, chắc nó còn lui tới tất cả những người kí hợp đồng với tôi nữa. Các ngài xem, tôi vừa kí được một hợp đồng lớn, tiền lời tưởng đã ngon ơ, thế là giá vận tải từ mỏ đá ra thị trường lập tức tăng lên. Họ cũng không thêm giải thích gì cả. Công ty đường sắt đã nuốt chửng chỗ tiền lời của tôi. Trong những trường hợp như thế, tôi không có cách nào để làm cho họ xét lại việc tăng giá. Ngược lại, những khi có tai nạn, phí tổn khai thác tăng lên, hoặc hợp đồng khó nhai hơn, y như họ hạ giá vận chuyển. Kết quả là thế nào? Lãi lớn lãi nhỏ của tôi, công ty đường sắt nó nắn hết.

Ernest ngắt lời hỏi:

- Số còn lại tính đến cùng cũng chỉ xấp xỉ tiền lương trả cho ông như trả cho một viên giám đốc, nếu công ty đó là chủ mỏ đá chứ gì?

- Chính thế, – ông Asmunsen trả lời. – Vừa mới rồi, tôi tính sổ sách suốt mười năm qua. Té ra số tiền lời kiếm được cũng chỉ vừa bằng tiền lương của một viên giám đốc. Khác nào chính công ty đường sắt có cái mỏ đá ấy và thuê tôi điều khiển.

- Tuy vậy vẫn có chỗ khác, – Ernest cả cười. – Là đáng lý ra, công ty phải gánh tất cả những rủi ro mà ông đã vui lòng gánh giúp.

- Rất đúng, – ông Asmunsen buồn rầu đáp.

Sau khi để mọi người phát biểu ý kiến, Ernest bắt đầu hỏi đến những người chung quanh. Anh hỏi ông Owen trước.

- Ông mở chi nhánh ở thành phố Berkeley này chừng sáu tháng rồi đấy nhỉ?

- Phải.

- Từ ngày ấy, tôi thấy ba tiệm bán thực phẩm nhỏ ở các góc phố đóng cửa. Nguyên nhân chắc là do chi nhánh của ông?

Ông Owen gật đầu cười, thoả mãn.

- Họ mong gì địch với chúng tôi được!

- Sao lại không địch được?

- Vốn chúng tôi to hơn. Kinh doanh to bao giờ cũng ít khi lỗ và bao giờ cũng nhiều hiệu lực hơn.

- Như thế là cửa hàng của ông nuốt số lãi của ba cửa hàng nhỏ. Tôi hiểu. Nhưng ông hãy nói cho tôi biết, những người chủ ba cửa hiệu ấy về sau ra sao?

- Một người lái cam-nhông giao hàng cho hãng chúng tôi. Còn hai người kia tôi không rõ.

Ernest đột nhiên quay sang phía ông Kowalt:

- Ông luôn luôn bán phá giá[59], vậy số phận những chủ hiệu thuốc nhỏ bị ông dồn vào góc tường ra làm sao?

- Trong bọn họ có ông Haasfurther hiện nay phụ trách bộ phận đơn thuốc của chúng tôi.

- Và ông đã thu hết những món lời mà họ đang kiếm được chứ gì?

- Nhất định rồi! Chính vì thế cho nên chúng tôi mới ra kinh doanh.

- Còn ông, – chợt Ernest hỏi ông Asmunsen, – ông rất khó chịu vì việc công ty đường sắt ăn hết lãi của ông có phải không?

Không có tiếng trả lời

Ông Asmunsen gật đầu.

- Bằng cách hút tay trên những người khác, có phải không?

Ernest gặng hỏi.

- Có thể mới kiếm ra lời chứ, – ông Asmunsen trả lời cộc lốc.

- Vậy ra cái trò kinh doanh tức là kiếm lời bằng cách hút tay trên người khác và ngăn không cho người ta hút tay trên mình để kiếm lời. Nó là như thế, có phải không?

Ernest phải nhắc lại câu hỏi, ông Asmunsen mới chịu trả lời:

- Phải, chính thế. Tuy vậy chúng tôi không phản đối người khác kiếm lời, miễn là nó đừng quá quắt.

- Chắc ông muốn nói quá quắt nghĩa là ketch sù. Thế có khi nào ông tự phản đối, không cho mình thu những món lời ketch sù không?

Ông Asmunsen thú nhận một cách rất trang nhã rằng quả ông có cái nhược điểm ấy thật. Đến đây Ernest lại quay sang người khác, một người tên là Calvin, nguyên là chủ một hãng sữa lớn.

- Thời gian gần đây, ông chống với tư-rót sữa. Bây giờ ông lại theo chính sách của Đảng Kho thóc[60]. Tại sao thế?

- Ồ! Tôi đã chịu bỏ cuộc đâu! – Ông Calvin đáp, dáng điệu trông cũng khá hung hăng. – Muốn chống bọn tư-rót, chỉ có một lĩnh vực có thể chống được là lĩnh vực chính trị. Tôi đang chiến đấu trên lĩnh vực đó. Để tôi giải thích cho ông nghe. Cách đây mấy năm, các chủ sữa chúng tôi muốn làm gì thì làm, đều là theo ý chúng tôi.

- Nhưng các ông có cạnh tranh nhau kia mà, – Ernest ngắt lời.

- Phải, và chính cái đó làm cho tiền lời phải hạ xuống. Chúng tôi cố tập hợp thành tổ chức, nhưng luôn luôn bị những chủ sữa độc lập chọc thủng hàng ngũ. Rồi tư-rót sữa ra đời.

- Do số tư bản thặng dư của hãng Standard Oil[61] cấp vốn, – Ernest nói.

- Đúng thế, – ông Calvin công nhận. – Nhưng thời gian ấy chúng tôi không biết. Nhân viên

của tờ-rót sữa vắt dùi cui đến tìm chúng tôi. Họ bảo: “Vào thì kiếm bầm, hoặc nếu ở ngoài thì chết đói”. Phần đông chúng tôi gia nhập tờ-rót. Đó là loại người không chết đói. Ồ, mới đầu, nó trả cũng bầm. Giá sữa mỗi lít tăng một xu. Một phần tư xu do chúng tôi hưởng. Ba phần kia thuộc về tờ-rót. Rồi giá sữa lại tăng thêm một xu nữa, nhưng chúng tôi không được xơ múi một tí gì. Chúng tôi kêu đều vô hiệu. Tờ-rót đã nắm quyền làm chủ. Chúng tôi mới vỡ nhẽ ra mình chỉ còn là những quân cờ. Cuối cùng một phần tư xu hưởng thêm cũng bị rút mất. Rồi bọn tờ-rót bắt đầu thất thông lọng. Phỏng chúng tôi còn làm gì được nữa? Chúng tôi đã bị bóp chết. Không làm gì còn những chủ sữa nữa, chỉ còn độc một hãng tờ-rót sữa.

- Nhưng nếu giá sữa của họ tăng lên hai xu, tôi tưởng các ông có thể cạnh tranh với họ được chứ? – Ernest gợi ý một cách hóm hỉnh.

- Chúng tôi cũng tưởng thế. Chúng tôi cũng đã thử. – Ông Calvin ngừng một lát. – Nhưng chúng tôi đã lụn bại. Tờ-rót có thể tung sữa ra thị trường với giá rẻ hơn sữa của chúng tôi. Nó bán vẫn được lãi chút ít, trong khi chúng tôi bán hoàn toàn lỗ vốn. Tôi mất năm vạn đô-la trong cuộc mạo hiểm đó. Một số lớn chúng tôi vỡ nợ. Những chủ sữa thế là bị quét sạch.

- Như thế là tờ-rót cướp lãi của các ông, – Ernest nói. – Và các ông nhảy vào làm chính trị định để ban hành luật pháp mới, quét sạch tờ-rót và cướp lại số tiền lãi chứ gì?

- Những khi diễn thuyết trước các chủ trại, chính tôi cũng vẫn nói như thế. Những lời ông vừa phát biểu tức là gói ghém được tất cả ý nghĩa của chúng tôi.

- Nhưng tờ-rót sản xuất sữa vẫn rẻ hơn các chủ sữa độc lập, có phải không? – Ernest hỏi.

- Còn nói gì nữa! Nó tổ chức như trời ấy, lại dùng toàn máy móc tối tân. Vốn của nó bao nhiêu, làm gì nó không làm thế được?

- Điều đó khỏi phải bàn, – Ernest đáp. – Nhất định là nó làm được như thế và nó đương làm như thế.

Đến đây, ông Calvin lao vào một bài diễn văn chính trị để trình bày quan điểm của mình. Một số người khác theo dõi ông một cách nhiệt tình và tất cả đều la lên phải phá các tờ-rót.

- Ốc họ đơn giản một cách đáng thương hại, – Ernest nói thêm với tôi. – Họ đã nhìn thấy cái gì thì họ nhìn thấy rất rõ, chỉ phải một nỗi là họ không nhìn được xa quá tầm mũi của họ thôi.

Một lát sau, anh lại tiếp tục cuộc thảo luận và theo thói thường đặc biệt của anh, anh lái cho đến hết buổi tối.

- Tôi đã chú ý nghe tất cả các ông, – anh bắt đầu, – và tôi thấy rõ rằng các ông là những người kinh doanh theo lối chính thống. Đối với các ông thì cuộc đời tóm tắt lại tức là tiền lời. Các ông có một lòng tin chắc chắn và bền bỉ rằng các ông sinh ra chỉ cốt để kiếm lời. Duy có một điều phiền, là giữa lúc các ông đang kiếm lời thì các tờ-rót đến cướp tiền lời của các ông. Thế là các ông ở một tình trạng tiến thoái lưỡng nan, trái hẳn với cái mục đích các ông sinh ra ở đời, và theo các ông tưởng thì chỉ có một lối ra là đập tan cái tổ chức nó đã cướp đoạt tiền lời của các ông.

“Tôi đã nghe rất kỹ. Tôi thấy chỉ có một cái tên này là tóm tắt được bản chất của các ông.

Tôi sẽ gọi các ông bằng cái tên ấy. Các ông là những người phá máy. Các ông có hiểu một người phá máy là thế nào không? Để tôi nói các ông nghe. Hồi thế kỷ mười chín, ở nước Anh, đàn ông đàn bà dệt vải bằng khung cửi tay ngay ở trong nhà. Sản xuất theo cái hệ thống tại gia này vừa chậm, vừa xấu, lại vừa tốn kém. Về sau, máy hơi nước và các loại máy móc giảm nhẹ lao động ra đời. Một nghìn máy dệt tập trung trong một nhà máy lớn và do một cái máy trung ương làm chuyển động, dệt rẻ hơn những thợ dệt dùng khung cửi tay ở nhà rất nhiều. Trong nhà máy là chế độ tổ hợp, đứng trước chế độ đó, sự cạnh tranh tàn lụi đi. Những người đàn ông đàn bà làm việc cho bản thân mình trên những khung cửi tay bây giờ vào nhà máy điều khiển những máy dệt và họ làm không phải cho bản thân họ nữa, mà cho các ông chủ tư bản. Dần dần trẻ con vào làm việc ở các máy dệt, công hạ hơn và choán chỗ của người lớn. Những người này do đó mà thành khốn đốn. Mức sống của họ sụt hẳn xuống. Họ chết đói và họ đổ tất cả cho máy móc. Họ bèn phá máy. Họ không thành công bởi vì họ quá là ngây dại.

“Thế mà các ông chưa hiểu bài học đó. Sau một thế kỷ rưỡi, lại đến lượt các ông định phá máy. Chính các ông cũng phải thú thực rằng máy móc của các tư-rót làm việc có hiệu suất hơn và rẻ hơn các ông. Chính vì thế mà các ông không thể cạnh tranh với những máy đó. Chính vì thế mà các ông muốn phá những máy đó. Các ông còn ngây dại hơn cả những người công nhân ngây dại bên nước Anh, và trong khi các ông găm lên đòi phục hồi sự cạnh tranh thì các tư-rót cứ tiếp tục tiêu diệt các ông.

“Tất cả các ông tự trung chỉ nói có mỗi một chuyện: sự tiêu diệt của cạnh tranh và sự ra đời của tổ hợp. Chính ông, ông Owen, ông đã tiêu diệt sự cạnh tranh ở Berkeley đây khi chi nhánh của ông có hiệu lực hơn. Thế mà khi cảm thấy bị các tổ hợp khác, các tư-rót, chèn ép, ông liền kêu la ầm ĩ. Đó chính vì ông không phải là một tư-rót. Nếu ông là một tư-rót thực phẩm cho tất cả nước Mỹ, ông sẽ hát bài hát khác. Và bài hát của ông sẽ là: “Thượng đế hãy phù hộ cho các tư-rót. Nhưng cái tổ hợp nhỏ bé của ông không phải là một tư-rót và chính ông cũng không biết sự bất lực của nó. Ông bắt đầu đoán trước được những ngày cuối cùng của chính mình. Ông cảm thấy rằng bản thân ông cùng với những chi nhánh của ông chỉ là một quân cò trên bàn cờ. Ông nhìn thấy những nhà giàu đầy thế lực ngày càng lên cao và càng thêm thế lực, ông cảm thấy những bàn tay bọc sắt của họ thò xuống những món tiền lời của ông và véo đây một miếng, kia một miếng, bàn tay của tư-rót đường sắt, tư-rót dầu lửa, tư-rót thép, tư-rót than; và ông biết rằng cuối cùng, những bàn tay đó sẽ tiêu diệt ông, sẽ cướp đến phần trăm cuối cùng của những món lời ít ỏi của ông.

“Thưa ông, ông quả là một người xấu chơi. Khi ông dùng cái tổ hợp ưu việt của ông để bóp chết ba hiệu thực phẩm ở Berkeley đây, ông phồng ngực lên, ông ca ngợi hiệu lực và đầu óc kinh doanh, ông gửi vợ sang châu Âu bằng những món tiền lời ông đã thu được bằng cách nuốt sống ba hiệu thực phẩm còm kia. Đó tức là chó ăn thịt chó. Ông đã ăn thịt người kia, những kẻ địch của ông. Nhưng rồi đến lượt ông bị những con chó lớn hơn ăn thịt, thế là ông rít lên. Những điều tôi nói với ông đều đúng với tất cả những người đang ngồi ở cái bàn này. Tất cả các ông đều đang rít lên. Tất cả các ông đang lâm vào nước cờ bí và tất cả các ông đang rít lên vì thế. Nhưng trong lúc các ông rít lên thì các ông không trình bày sự thể một cách minh bạch như tôi trình bày. Các ông không thú nhận rằng chính các ông thích bóp nặn tiền lời của người khác và các ông kêu la ầm ĩ là bởi vì có những kẻ khác đang bóp nặn tiền lời của các ông. Các ông thật là quỷ quyệt. Các ông toàn nói lảng sang chuyện khác. Các ông làm những bài diễn văn

chính trị kiểu tư bản nhỏ như ông Calvin làm vừa rồi. Ông Calvin ông nói gì? Tôi còn ghi được vài câu của ông: “Những nguyên tắc cốt rể của chúng ta là vững chắc”. “Điều mà đất nước này đòi hỏi là quay trở về với những phương pháp Mỹ căn bản – tức là tự do cơ hội cho tất cả mọi người...” “Tinh thần tự do trong đó đất nước này đã ra đời”, “hãy trở về với nguyên tắc của tổ tiên chúng ta”.

Khi ông ta nói “tự do cơ hội cho tất cả mọi người”, ông muốn nói đến cái tự do bóp nặn tiền lời, cái tự do ấy hiện nay đã bị các tư-rót tước đoạt mất của ông. Và cái điều vô lý ở trong đó là các ông cứ nhắc đi nhắc lại mãi những câu ấy rồi về sau các ông tin những câu ấy thật. Các ông muốn có cơ hội cướp bóc đồng loại bằng cách thức nhỏ nhặt của các ông, các ông lại tự thôi miên đến cái độ các ông tưởng rằng các ông muốn có tự do. Các ông tham lam, bần thủ, nhưng ma lực của những câu các ông nói làm cho các ông tin rằng các ông là những người ái quốc. Khát vọng về tiền lời của các ông thật ra chỉ là sự ích kỷ đến tột độ, nhưng các ông đã khéo biến tướng nó thành sự chăm sóc vị tha đối với nhân loại đau khổ! Thôi, giữa chúng ta với nhau, xin các ông hãy thành thật lấy một lần thôi, hãy nhìn thẳng vào sự thật và gọi thẳng tên nó ra”.

Bàn tiệc có nhiều người đỏ bừng mặt vì tức giận, nhưng đồng thời họ cũng tỏ ra lo ngại. Họ hơi sợ con người trẻ tuổi mặt mày hiền từ nhưng nói như dao chém và có một đặc điểm khủng khiếp là gọi cái cán mai bằng cái cán mai. Ông Calvin vội vã xin trả lời:

- Sao lại không? Sao chúng ta lại không thể quay trở về với lối sống của cha ông chúng ta từ khi thành lập nước Cộng hoà! Ông nói nhiều điểm đúng, ông Everhard ạ, mặc dầu nghe rất chối tai. Nhưng ở đây, giữa chúng ta với nhau, chúng ta có thể nói toạc móng heo ra được. Ta không cần phải úp mở: ta cứ công nhận sự thật như ông Everhard đã vạch trắng nó ra. Đúng là những người tư bản nhỏ chúng tôi chạy theo tiền lời và các tư-rót đã cướp mất của chúng tôi. Đúng là chúng tôi muốn phá vỡ các tư-rót để giữ lấy tiền lời. Tại sao chúng tôi lại không thể làm thế được? Tại sao lại không, tôi hỏi. Tại sao lại không?

- À, bây giờ chúng ta đã đi vào bản chất của sự vật, – Ernest nói ra vẻ hài lòng. – Tại sao lại không phỏng? Để tôi trả lời các ông nghe, mặc dầu tôi nói có phần chối tai đấy. Các ông có thấy không, các ông nghiên cứu việc kinh doanh theo lối cò con của các ông nhưng các ông chưa hề nghiên cứu sự tiến hoá của xã hội. Các ông đang sống giữa giai đoạn quá độ trong sự tiến hoá kinh tế, nhưng các ông không hiểu thế, và cái đó đã khiến cho các ông lầm lẫn. Tại sao các ông lại không thể quay trở lại phỏng? Là bởi vì các ông không thể nào quay trở lại được. Các ông không thể bắt sông chảy ngược về nguồn được. Cho nên các ông cũng không thể bắt ngọn trào tiến hoá kinh tế chảy ngược dòng. Joshua làm cho mặt trời đứng yên trên đất Gibeon, nhưng các ông còn muốn hơn cả Joshua. Các ông muốn mặt trời đi giật lùi. Các ông muốn thời gian đi ngược lại, từ giữa trưa trở về sáng. Đứng trước những máy móc tiết kiệm sức lao động, nền sản xuất có tổ chức, hiệu lực mỗi ngày một lớn mạnh của những hợp doanh, các ông muốn làm cho mặt trời kinh tế lùi lại chừng một thế hệ, về thời kỳ không có tư bản lớn, không có máy móc lớn, không có đường sắt, thời kỳ nhung nhúc những nhà tư bản nhỏ, họ sát phạt lẫn nhau trong một nền kinh tế vô chính phủ và sản xuất thì thô sơ, lãng phí, vô tổ chức và tốn kém. Các ông nên tin lời tôi, việc của Joshua tiếng vậy còn dễ hơn, vả lại đã ruồng bỏ những tư bản nhỏ các ông rồi. Mặt trời của các nhà tư bản nhỏ đang lúc lặn. Nó sẽ không bao giờ mọc lại đâu. Ngay giữ nó đứng nguyên một chỗ, các ông cũng không đủ sức làm. Các ông đương lâm vào con

đường diệt vong, số phận các ông là phải biến hết khỏi bộ mặt xã hội.

“Đó là nghiêm lệnh của tiến hoá. Đó là lời của Thượng đế. Tổ hợp mạnh hơn cạnh tranh. Con người cổ sơ ẩn náu trong khe đá. Nó hợp lực đánh nhau với những thú dữ ăn thịt người. Kẻ thù đó là những con vật cạnh tranh với nhau, trong khi người cổ sơ là một vật biết hợp quần và chính vì thế mà nó vươn được lên địa vị chúa tể các loài vật. Và từ đó tới nay con người đã dựng lên những tổ hợp ngày càng rộng lớn. Đó tức là tổ hợp đối địch với cạnh tranh; cuộc đấu tranh đó diễn ra từ hàng nghìn thế kỉ nay và cạnh tranh bao giờ cũng bại. Cho nên những ai gia nhập hàng ngũ của cạnh tranh cuối cùng nhất định bị tiêu diệt.

- Nhưng chính các tơ-rót cũng do cạnh tranh đẻ ra, – ông Calvin ngắt lời.

- Đúng rồi, – Ernest đáp. – Và chính các tơ-rót đã tiêu diệt cạnh tranh. Thì ông cũng đã nói rằng chính vì thế cho nên ông không kinh doanh sữa nữa.

Lần đầu tiên có tiếng cười chạy quanh bàn tiệc và cả ông Calvin cũng phải hòa theo mọi người để cười chính bản thân ông. Ernest tiếp tục:

- Và bây giờ, vì ta đang nói đến các tơ-rót, ta hãy nên làm sáng tỏ một vài điều. Tôi sẽ phát biểu một số ý kiến, và nếu các ông không đồng ý, các ông cứ việc nói. Nếu các ông im lặng tức là các ông đã đồng ý. Có phải máy dệt vải nhiều hơn và rẻ hơn khung cửi tay không? – Anh ngừng một lát, nhưng không ai có ý kiến gì. – Thế thì phá máy dệt đi để trở lại phương pháp dệt tay vừa thô sơ vừa tốn kém, như vậy có phải là tối vô lý không? – Mọi người gật đầu đồng ý. – Có đúng cái hình thức tổ hợp gọi tên là tơ-rót có hiệu lực lớn hơn và sản xuất rẻ hơn hàng nghìn xí nghiệp nhỏ cạnh tranh với nhau không? – Vẫn không ai phản đối. – Như vậy tiêu diệt các tổ hợp tiết kiệm và nhiều hiệu lực ấy đi có là bất hợp lý không?

Một lúc lâu vẫn không ai trả lời. Về sau, ông Kowalt lên tiếng.

- Vậy thì làm thế nào? – ông hỏi. – Chúng tôi chỉ thấy một lối thoát duy nhất là phá các tơ-rót để khỏi bị chúng thống trị.

Lập tức Ernest sôi lên sùng sục:

- Tôi sẽ vạch cho các ông một lối khác, – anh nói. – Ta không nên phá những máy móc thần tình ấy, nó sản xuất vừa nhiều, vừa tốt lại vừa rẻ. Ta hãy nắm lấy quyền kiểm soát nó. Ta hãy lợi dụng cái hiệu lực và cái rẻ của nó. Ta hãy điều khiển nó để phục vụ cho chúng ta. Ta hãy gạt bỏ những kẻ hiện nay làm chủ những máy móc thần tình đó. Cái đó, thưa các ông, chính là chủ nghĩa xã hội, một thứ tổ hợp rộng hơn các tơ-rót, một tổ hợp kinh tế và xã hội lớn nhất trên hành tinh chúng ta từ xưa đến nay. Nó phù hợp với sự tiến hoá. Chúng tôi đương đầu với sự tổ hợp bằng một tổ hợp rộng lớn hơn. Đó là phe chiến thắng. Các ông nên đến với những người xã hội chủ nghĩa chúng tôi và đứng vào phe chiến thắng.

Đến đây, có ý kiến bất đồng. Nhiều người lắc đầu xì xào.

- Được, các ông thích trở thành những vật lỗi thời kia, – Ernest cả cười. – Các ông thích làm như các cụ tổ kia. Số phận các ông là sẽ bị tiêu diệt cũng như tất cả những rơi rớt di truyền từ mấy đời để lại bị tiêu diệt. Có bao giờ các ông tự hỏi đến lúc những tổ hợp lớn hơn những tơ-rót di truyền từ mấy đời thì các ông sẽ gặp phải những chuyện gì không? Có bao giờ các ông

nghĩ đến các ông sẽ đứng chân ở chỗ nào khi bản thân những tư-rót lớn hợp nhất lại thành một cái tổ hợp của những tổ hợp – thành một tư-rót xã hội, kinh tế và chính trị không? – Anh quay ngoắt lại phía ông Calvin. – Ông hãy cho biết tôi nói có đúng không? Ông bắt buộc phải lập một đảng chính trị mới vì những đảng cũ đều nằm trong tay các tư-rót. Trở lực chính cho việc tuyên truyền của Đảng Kho thóc các ông, chính là các tư-rót. Đảng sau mỗi một trở lực các ông vấp phải, đảng sau mỗi một đòn đánh vào các ông, đảng sau mỗi một thất bại các ông phải chịu, đều có bàn tay các tư-rót. Có phải thế không? Ông nói cho tôi nghe.

Ông Calvin im lặng, có vẻ không được thoải mái lắm.

- Ông nói đi, – Ernest giục bằng một giọng khuyến khích.

- Đúng, – ông Calvin thú nhận. – Chúng tôi nắm được cơ quan lập pháp ở bang Oregon và đã đưa thông qua được một bộ luật bảo hộ rất tuyệt, nhưng đạo luật đó đã bị một viên thống đốc, tay sai cho các tư-rót phủ quyết. Chúng tôi bầu được một viên thống đốc ở Colorado thì cơ quan lập pháp lại ngăn cản không cho ông ta nhận chức. Hai lần chúng tôi đưa thông qua một thứ thuế quốc gia về lợi tức thì hai lần Tòa án tối cao bác bỏ, coi như trái với Hiến pháp. Tòa án đều nằm trong tay các tư-rót. Chúng ta là dân chúng, chúng ta trả tiền các quan toà không được sộ lắm. Nhưng rồi sẽ có thời kỳ...

- Mà các tư-rót sẽ họp nhau lại để kiểm soát tất cả việc lập pháp, mà tập đoàn các tư-rót bản thân nó sẽ thành chính phủ, – Ernest ngắt lời.

- Không khi nào, không khi nào, – mọi người nhao nhao lên. Ai nấy đều có vẻ bức tức, hung hăng.

- Các ông hãy nói cho tôi nghe, – Ernest hỏi, – nếu thời kỳ đó đến, các ông sẽ làm gì?

- Chúng tôi sẽ dốc toàn lực nổi dậy, – ông Asmunsen hét lớn và nhiều người lên tiếng ủng hộ quyết định của ông.

- Thế thì nội chiến rồi còn gì, – Ernest dọa.

- Nội chiến thì nội chiến, – ông Asmunsen đáp và tất cả những người ngồi ở bàn đảng sau chỗ ông hưởng ứng rầm rầm. – Chúng tôi chưa quên những chiến công oanh liệt của ông cha. Vì tự do của chúng ta, chúng tôi sẵn sàng chiến đấu và hi sinh.

Ernest mỉm cười nói:

- Các ông đừng quên vừa rồi chúng ta đã mặc nhiên đồng ý với nhau rằng tự do ở trường hợp các ông có nghĩa là tự do bóp chẹt người khác để kiếm lời.

Bàn tiệc lúc này âm ỉ phần nộ, tưởng chừng sắp có đánh nhau đến nơi; nhưng giọng Ernest át tiếng ồn ào.

- Tôi hỏi thêm câu nữa. Khi các ông dốc toàn lực nổi dậy thì lý do khiến các ông nổi dậy sẽ là việc các tư-rót nắm được chính phủ trong tay. Như vậy để chống với lực lượng của các ông, chính phủ sẽ dùng quân đội chính quy, thủy quân, dân vệ, cảnh sát, nói tóm lại tất cả bộ máy chiến tranh có tổ chức của nước Mỹ. Vậy thì lực lượng của các ông đâu?

Sự sợ hãi hiện trên mặt mọi người. Họ chưa kịp trấn tĩnh, Ernest đã nói luôn:

- Các ông có nhớ không, cách đây không lâu, quân đội chính quy của chúng ta chỉ có năm vạn người. Nhưng quân số mỗi năm một tăng và bây giờ lên đến ba mươi vạn.

Anh tiếp tục tấn công:

- Chưa hết. Trong khi các ông bo bo đuổi theo cái bóng ma yêu quý của các ông là tiền lời và các ông thuyết luân lý về cái bùa hộ mệnh của các ông là sự cạnh tranh, thì các tư-rót đã hoàn thành những việc to lớn hơn và khủng khiếp hơn kia. Lại còn tổ chức dân vệ.

- Đó chính là lực lượng của chúng tôi! – Ông Kowalt kêu to. – Với tổ chức đó, chúng tôi sẽ đánh bật sự tấn công của quân đội chính quy.

- Thế có nghĩa là chính các ông sẽ gia nhập dân vệ, – Ernest vặn lại, – và các ông sẽ bị điều đi Maine, đi Florida, đi Philippines hay một nơi nào khác để đàn áp những đồng chí của các ông đang làm nội chiến vì tự do. Trong khi đó, những đồng chí của các ông ở Kansas, Wisconsin hay ở các bang khác sẽ gia nhập dân vệ và sẽ đến California dìm cuộc nội chiến của bản thân các ông trong biển máu.

Lần này, tất cả đều kinh ngạc thật sự và lặng đi không nói được.

Sau cùng ông Owen lẩm bẩm:

- Chúng tôi sẽ không gia nhập dân vệ. Thế là xong. Chúng tôi cũng không đến nổi gốc thế đâu.

Ernest phá lên cười.

- Các ông không hiểu về quyền lực của các tư-rót. Các ông không vào cũng không được. Các ông sẽ bị bắt vào dân vệ.

- Còn có một thứ mà vẫn gọi là dân luật chứ? – Ông Owen nhấn mạnh.

- Không có đâu, một khi chính phủ đã tuyên bố thiết quân luật. Đến ngày mà các ông dốc hết lực lượng ra để nổi dậy, lực lượng của các ông sẽ quay lại đập vào các ông. Dù không muốn, các ông cũng sẽ phải vào dân vệ. Tôi vừa nghe thấy có người nói đến luật tự do thân thể. Các ông sẽ không được hưởng luật tự do thân thể đâu, mà sẽ chỉ được hưởng luật khám nghiệm thi thể thôi. Nếu các ông không chịu vào dân vệ, hoặc không chịu tuân theo lệnh một khi đã nhập ngũ; các ông sẽ ra trước toà án quân sự và các ông sẽ bị bắn chết như những con chó. Luật pháp là như thế.

- Đó không phải là luật pháp! – Ông Calvin nói rất quả quyết. – Không có thứ luật pháp nào như thế. Ông bạn trẻ tuổi ạ, ông mê ngủ rồi. Sao, ông không nói điều động dân vệ sang Philippines à? Như thế trái với Hiến pháp. Hiến pháp quy định rõ ràng: không được điều động dân vệ ra khỏi nước.

- Hiến pháp thì có liên quan gì đến việc đó? – Ernest hỏi. – Các Toà án đứng ra giải thích Hiến pháp và như ông Asmunsen đã công nhận thì Toà án là con đẻ của các tư-rót. Vả lại, như tôi đã nói, luật pháp nó là như thế. Có luật pháp như thế từ lâu rồi. Từ chín năm nay rồi, thưa

các ông.

- Nghĩa là chúng tôi có thể bị bắt vào dân vệ à? – Ông Calvin tỏ vẻ không tin. – Nghĩa là nếu chúng tôi không chịu đi thì họ sẽ đem ra toà án quân sự đặc biệt xử bắn à?

- Chính thế, – Ernest đáp.

- Chúng ta chưa nghe nói đến đạo luật ấy bao giờ là làm sao nhỉ, – ba tôi hỏi và tỏ ra ngạc nhiên lắm.

- Vì hai lý do, – Ernest nói. – Trước hết vì chưa cần phải ban hành đạo luật đó. Nếu cần thì các ông cũng đã được nghe nói sớm kia rồi. Sau nữa vì đạo luật đó được thông qua chớp nhoáng ở Quốc hội và ở Thượng nghị viện, thông qua một cách bí mật, thực ra thì không có thảo luận. Dĩ nhiên, các báo không dám động gì đến nó. Nhưng những đảng viên xã hội chúng tôi biết chuyện đó. Chúng tôi đã cho đăng trên báo chí của chúng tôi. Nhưng các ông có đọc báo chí của chúng tôi bao giờ đâu!

- Tôi vẫn cho là ông mê ngủ, – ông Calvin khẳng khẳng không chịu. – Nước ta không bao giờ lại cho phép làm như thế.

- Nhưng nước ta đã cho phép rồi đấy, – Ernest trả lời. – Còn về chuyện các ông bảo tôi mê ngủ, – Ernest cho tay vào túi rút ra một cuốn sách nhỏ, – các ông hãy nó cho tôi nghe, đây có phải là mê ngủ không?

Anh mở cuốn sách ra đọc:

- “Điều khoản Một, ra sắc luật vân vân và vân vân, – tổ chức dân vệ bao gồm tất cả những công dân nam giới, khoẻ mạnh, từ mười tám tuổi trở lên và bốn mươi tuổi trở xuống, trú ngụ tại bang, các địa hạt và quận Columbia...

“Điều khoản Bảy. Tất cả các sĩ quan hay những người bị trưng tập vào dân vệ – Thừa các ông, các ông nên nhớ chiếu theo điều khoản Một, tất cả các ông đều là những người bị trưng tập – nếu không chịu trình diện với sĩ quan tuyển binh sau khi được gọi như đã quy định ở đây, sẽ bị đưa ra toà án quân sự và phải chịu những hình phạt của toà án đó.

“Điều khoản Tám. Toà án quân sự xử những sĩ quan hay những chiến đấu viên thường trong dân vệ, sẽ gồm toàn sĩ quan của tổ chức dân vệ.

“Điều khoản Chín. Dân vệ khi được gọi ra để phục vụ nước Mỹ sẽ phải tuân theo những điều lệnh và những quy định về chiến tranh cũng như quân đội chính quy của nước Mỹ.

“Đấy, tình cảnh các ông là như thế, thừa các ông công dân nước Mỹ, các đồng chí dân vệ của tôi. Cách đây chín năm, những đảng viên xã hội chúng tôi tưởng rằng đạo luật đó chỉ nhắm vào giới cần lao. Nhưng chính nó cũng nhắm cả vào các ông nữa thì phải. Trong cuộc thảo luận ngăn ngừa được giới cầm quyền cho phép, nghị sĩ Wiley tuyên bố rằng dự luật đó tạo nên một lực lượng dự trữ để nắm lấy cổ “lũ dân đen” – chính các ông cũng chỉ là dân đen, thừa các ông – “và để bảo vệ trong mọi trường hợp bất trắc đời sống tự do và quyền sở hữu”. Tương lai, khi nào các ông dốc hết lực lượng ra để nổi dậy, xin các ông nhớ cho rằng các ông sẽ nổi dậy chống quyền sở hữu của các tư-rót và quyền tự do được pháp luật công nhận cho các tư-rót

bóp cổ các ông. Thừa các ông, nanh các ông đã bị nhổ rồi. Vuốt các ông đã bị gọt rồi. Đến ngày các ông dốc hết lực lượng ra nổi dậy thì các ông đã hết nanh vuốt, và các ông sẽ yếu như một đàn sên”.

- Tôi không tin! – Ông Kowalt kêu lên. – Không làm gì có luật nào như thế. Đây chỉ là một tin vịt do đám đảng viên xã hội các ông tung ra thôi.

- Dự luật đó được đại biểu Dick ở bang Ohio đưa ra Hạ nghị viện ngày 30 tháng 7 năm 1902, – Ernest đáp. – Nó được đem thảo luật chớp nhoáng. Nó được Thượng nghị viện thông qua ngày 14 tháng 1 năm 1903. Và đúng bảy ngày sau, được Tổng thống Mỹ phê chuẩn[62].

Chương IX

Một giấc mộng có tính chất toán học

Giữa sự kinh ngạc do những lời phát giác của anh gây nên, Ernest lại bắt đầu nói:

- Mười hai người trong bọn các ông buổi tối hôm nay đã nói rằng chủ nghĩa xã hội không thể thành công được. Các ông đã nói không thể được thì bây giờ tôi xin chứng minh là không tránh được. Không những việc các nhà tư bản nhỏ các ông bị tiêu diệt là không thể tránh được, mà cả việc các nhà đại tư bản và các tư-rót bị tiêu diệt cũng sẽ không tài nào tránh được. Các ông nên nhớ, ngọn trào tiến hoá không bao giờ chảy lui. Nó cứ thế chảy lên phía trước, từ chỗ cạnh tranh đến chỗ tổ hợp, từ tổ hợp khổng lồ, rồi đến chủ nghĩa xã hội, tức là tổ hợp khổng lồ nhất. Các ông bảo là tôi mê ngủ. Được lắm! Tôi sẽ cho các ông biết những phương trình toán học trong giấc mơ của tôi. Tôi thách các ông chứng minh được rằng những bài toán tôi làm là sai. Tôi sẽ phát triển tính chất không thể tránh được của sự sụp đổ của hệ tư bản, và sẽ diễn giải một cách toán học vì sao nó phải sụp đổ. Tôi bắt đầu, và nếu mở đầu có điều gì ra ngoài đề thì cũng xin các ông chịu khó nghe. Trước tiên, ta hãy xét quá trình của một ngành công nghiệp riêng biệt, và nếu tôi nói có chỗ nào các ông không đồng ý, các ông cứ ngắt lời. Đây là một nhà máy giày. Nhà máy này mua da về đóng thành giày. Đây là một số da trị giá trăm đô-la. Nó đi qua nhà máy và ra dưới hình thức giày, trị giá cứ cho là hai trăm đô-la. Như vậy nghĩa là thế nào? Cộng vào tiền da, ta thấy thêm một giá trị là một trăm đô-la. Thêm như thế nào? Để ta xem. Tư bản và lao động đã làm tăng thêm cái giá trị một trăm đô-la đó. Tư bản cung cấp nhà máy và trả mọi khoản phí tổn. Lao động cung cấp lao động. Do hai bên tư bản và lao động phối hợp cho nên dôi ra thêm một giá trị là một trăm đô-la. Đến đây thì tất cả các ông có đồng ý không? – Mọi người gật đầu tán thành.

“Lao động và tư bản đã sản xuất ra một trăm đô-la ấy, bây giờ họ đem chia nhau. Thống kê những khoản chia này gồm toàn phân số; cho nên muốn tiện, chúng ta tính phỏng chừng cũng được. Cứ cho rằng tư bản lấy một phần là năm mươi đô-la và lao động, về phần mình, cũng lĩnh một số tiền lương ngang như thế. Chúng ta sẽ không cãi cọ nhau về sự phân chia này[63]. Cần gì phải cãi nhau, vì hai bên thế nào cũng phải chia nhau theo tỉ lệ này hay tỉ lệ khác. Đến đây xin các ông nhớ cho rằng cái gì đã đúng với quá trình của một ngành công nghiệp riêng biệt thì đúng với quá trình của tất cả các ngành công nghiệp. Tôi nói có đúng không? – Bàn tiệc lại biểu

lộ sự đồng tình.

“Bây giờ, ví thử lao động sau khi nhận được năm mươi đô-la của mình, muốn mua lại giày. Nó chỉ có thể mua được năm mươi đô-la thôi. Thật là rõ, có phải không?”

“Bây giờ ta đi từ quá trình riêng biệt này đến toàn bộ quá trình công nghiệp ở nước Mỹ, gồm cả da, nguyên liệu, vận tải, bán hàng, tất cả mọi thứ. Ta cứ tính tròn tổng số sản xuất của cái của nước Mỹ là bốn tỉ đô-la. Như vậy, cũng trong thời gian ấy, lao động được hai tỉ đô-la tiền lương. Sản xuất ra tất cả là bốn tỉ đô-la. Lao động có thể mua lại được bao nhiêu? Hai tỉ. Chỗ này không có gì phải thảo luận, tôi chắc thế. Về vấn đề này, tỉ lệ tôi đưa ra quá ư là rộng rãi rồi. Do hàng nghìn thủ đoạn, mưu mô của tư bản, ngay đến một nửa tổng số sản lượng lao động cũng không mua lại được.

“Nhưng thôi, cứ bảo là lao động mua lại được hai tỉ. Như vậy rõ ràng là lao động chỉ có thể tiêu thụ được hai tỉ. Vẫn còn hai tỉ, lao động không thể mua lại để tiêu thụ”.

- Ngay đến hai tỉ của nó, lao động cũng không tiêu thụ hết đâu, – ông Kowalt nói. – Nếu nó tiêu cho hết thì làm gì còn tiền gửi ở các quỹ tiết kiệm?

- Tiền mà lao động gửi ở các quỹ tiết kiệm chỉ là một số vốn dự trữ, vừa tích lũy được đã là tiêu hết ngay. Đó là những món để dành, phòng lúc già nua, miếng bánh cất trong chạn để hôm sau ăn. Không, lao động tiêu thụ hết toàn bộ những sản phẩm nó có thể mua lại được bằng tiền lương.

“Còn hai tỉ dành cho tư bản. Sau khi đã trả các khoản phí tổn, liệu nó có tiêu dùng hết chỗ còn lại không? Tư bản có tiêu dùng hết cả hai tỉ của nó không?”

Ernest ngừng lại, hỏi thẳng một số người. Họ lắc đầu.

- Tôi không biết, – một người trong bọn họ thú thật.

- Có, các ông có biết, – Ernest nói tiếp. – Các ông hãy ngừng lại và hãy nghĩ một lát. Nếu tư bản tiêu hết phần của mình, tổng số tư bản không thể tăng lên được. Nó sẽ đứng yên một chỗ. Nếu các ông xem lịch sử kinh tế nước Mỹ, các ông sẽ thấy tổng số tư bản tăng lên không ngừng. Như thế là tư bản không tiêu thụ hết phần của nó. Các ông có nhớ thời kì nước Anh nắm rất nhiều trái khoán của chúng ta trong ngành đường sắt không? Sau nhiều năm chúng ta đã mua lại những trái khoán đó. Như vậy nghĩa là thế nào? Tư bản đã mua lại những trái khoán bằng cái phần không tiêu dùng đến đó lấy trong phần mà tư bản không tiêu dùng hết. Vả lại, ngay từ khi bắt đầu có hệ thống tư bản chủ nghĩa, tư bản chưa bao giờ tiêu dùng hết phần của nó.

“Và bây giờ ta đi vào sự việc. Hàng năm, ở Mỹ sản xuất ra của cải. Lao động mua lại và tiêu thụ hai tỉ. Tư bản không tiêu thụ hết hai tỉ còn lại. Còn một số thừa lớn không tiêu thụ. Chỗ thừa ấy dùng để làm gì? Nó có thể dùng làm gì? Lao động không thể tiêu thụ được vì lao động đã tiêu hết lương rồi. Tư bản cũng không tiêu thụ hết chỗ thừa ấy, vì theo bản chất của nó, nó tiêu thụ hết sức rồi còn đâu. Cho nên chỗ thừa vẫn còn đó. Nó có thể dùng làm gì? Nó đã được dùng làm gì?”

- Người ta bán nó ra ngoài, – ông Kowalt đáp, – tuy Ernest không hỏi ông.

- Chính thế, – Ernest đồng tình. – Chính do chỗ thừa đó mà chúng ta đang cần có thị trường ở ngoài. Chỗ thừa đó được bán ra ngoài. Nó bắt buộc phải bán ra ngoài. Không có cách nào khác để giữ nó đi được. Và cái chỗ thừa không tiêu thụ hết đó bán ra ngoài biến thành cái chúng ta gọi là cán cân thương mại có lợi cho chúng ta... các ông vẫn đồng ý với tôi đấy chứ?

- Nhất định rồi, những điều ABC về thương mại ấy, nói ra làm gì cho mất thì giờ, – ông Calvin nói xẵng. – Chúng tôi đều thuộc lòng cả rồi.

- Tôi phải trình bày kỹ lưỡng những điều ABC đó ra, chính là để làm cho các ông hết cãi, – Ernest đáp. – Cái hay của nó là ở chỗ ấy. Và tôi sắp làm cho các ông hết cãi ngay bây giờ đây. Nào!

“Nước Mỹ là một nước tư bản đã phát triển được tài nguyên của mình. Do hệ thống công nghiệp tư bản chủ nghĩa của nó, nó có một số hàng thừa không tiêu thụ phải cho thoát ra ngoài[64]. Tình hình nước Mỹ như thế, mà tình hình các nước tư bản phát triển khác cũng thế. Mỗi nước đều có một số hàng thừa không tiêu thụ. Các ông đừng quên rằng họ đã buôn bán với nhau, tuy thế nhưng số hàng thừa vẫn còn. Lao động ở tất cả các nước đó đã tiêu hết tiền lương không mua được một tí hàng thừa nào nữa.

Tư bản ở tất cả các nước đó đã tiêu thụ tất cả những cái nó có thể tiêu thụ được, đúng với bản chất của tư bản. Thế là vẫn còn hàng thừa. Các nước đó không thể đem những số hàng thừa trao đổi lẫn nhau được. Vậy muốn tống tắng chỗ đó đi thì họ làm thế nào?

- Bán cho các nước tài nguyên không phát triển, – ông Kowalt gợi ý.

- Đúng thế. Các ông xem, lập luận của tôi rõ ràng và đơn giản đến nỗi tự các ông lại phát triển nó trong óc các ông. Bây giờ, ta hãy đi một bước nữa. Ví phỏng nước Mỹ sử dụng chỗ hàng thừa đó vào một nước tài nguyên không phát triển, nước Brazil chẳng hạn. Các ông nên nhớ rằng chỗ hàng thừa đó vượt ra ngoài phạm vi thương mại, vì những hàng thương mại đã tiêu thụ cả rồi. Vậy thì nước Mỹ được nước Brazil trả cho cái gì?

- Vàng, – ông Kowalt nói.

- Nhưng vàng trên thế giới chỉ có hạn, có nhiều đâu, – Ernest bẻ.

- Vàng dưới hình thức những khế ước cầm cố, những trái khoán, vân vân, – ông Kowalt nói chữa lại.

- Giờ thì ông nói trúng, – Ernest bảo. – Nước Mỹ đưa số hàng thừa đó đi, nhận về của nước Brazil là những trái khoán hay những đảm bảo. Như vậy nghĩa là nước Mỹ sẽ có quyền sở hữu về những đường sắt ở Brazil. Rồi làm sao nữa?

Ông Kowalt suy nghĩ và lắc đầu.

- Để tôi nói cho các ông nghe, – Ernest tiếp tục. Như vậy nghĩa là những tài nguyên của nước Brazil cũng sẽ được phát triển. Bây giờ ta sang điểm sau. Khi nước Brazil dưới chế độ tư bản chủ nghĩa đã phát triển những tài nguyên của nó, bản thân nó cũng sẽ có một số hàng thừa không tiêu thụ. Nó có thể tống số hàng thừa đó sang Mỹ được không? Không, vì bản thân Mỹ cũng có một số hàng thừa. Nước Mỹ có thể làm như trước kia, nghĩa là tống số hàng thừa của

mình sang Brazil được không? Không, vì Brazil bây giờ cũng đang có hàng thừa.

“Sự thể sẽ ra sao? Cả Mỹ lẫn Brazil cùng phải tìm những nước khác tài nguyên không phát triển để trút chỗ hàng thừa sang những nước ấy. Nhưng do bản thân cái quá trình trút hàng thừa đó, lại đến lượt tài nguyên của các nước ấy được phát triển. Không bao lâu, họ có hàng thừa và lại đi tìm trút sang các nước khác. Bây giờ, xin các ông hãy nghe tôi nói. Hành tinh của chúng ta cũng chỉ to có chừng ấy thôi. Các nước trên thế giới cũng chỉ có bấy nhiêu thôi. Đến khi tất cả các nước trên thế giới cho đến nước nhỏ nhất cũng đều có hàng thừa trên tay và đứng chạm trán với tất cả các nước khác cũng có hàng thừa trên tay như mình, khi ấy thì sẽ xảy ra cái gì?

Anh ngừng lại và chăm chú nhìn những người đang nghe anh nói. Vẻ lúng túng trên mặt họ trông đến là thú vị. Nhưng trên mặt họ còn có cả vẻ lo sợ nữa. Từ những ý niệm trừu tượng, Ernest đã vạch ra một viễn cảnh cho họ thấy. Họ đã thấy, và họ sợ lắm.

- Chúng ta đã bắt đầu bằng ABC, ông Calvin ạ, – Ernest nói hóm hỉnh. – Bây giờ tôi đã trình bày nốt với ông tất cả bảng chữ cái. Nó rất đơn giản. Cái hay của nó là ở đấy. Chắc chắn là ông đã có sẵn một câu trả lời. Thế nào? Lúc tất cả các nước trên thế giới đều có hàng thừa không tiêu thụ, thì sẽ xảy ra cái gì? Hệ thống tư bản chủ nghĩa của các ông sẽ chạy đi đâu?

Ông Calvin luống cuống lắc đầu. Dĩ nhiên là ông đang cố tìm xem trong lập luận của Ernest có chỗ nào sai để đập.

- Để tôi cùng với ông ôn lại thật nhanh những vấn đề đã thảo luận, – Ernest nói. – Chúng ta bắt đầu từ một quá trình công nghiệp riêng biệt, một nhà máy giày. Chúng ta đã thấy rằng ở đây sự phân chia sản phẩm do hai bên phối hợp làm ra cũng giống như sự phân chia trong toàn bộ tất cả những quá trình công nghiệp. Chúng ta đã thấy rằng lao động với số lương của mình chỉ có thể mua được bấy nhiêu sản phẩm và tư bản không tiêu thụ hết số sản phẩm còn lại. Chúng ta đã thấy sau khi lao động đã tiêu thụ tất cả các thứ mua được bằng tiền lương và sau khi tư bản đã tiêu thụ tất cả những thứ nó cần, vẫn còn lại một số hàng thừa không tiêu thụ. Chúng ta đã đồng ý với nhau rằng chỗ thừa đó chỉ có thể đem sử dụng ở nước ngoài. Chúng ta cũng đã đồng ý với nhau rằng kết quả của việc trút hàng thừa sang một nước khác là nước đó sẽ phát triển được tài nguyên và trong một thời gian ngắn, nước đó sẽ có một số hàng thừa không tiêu thụ. Chúng ta mở rộng cái quá trình đó ra tất cả các nước trên hành tinh chúng ta, đến cái giai đoạn mỗi nước hàng năm, hàng ngày sản xuất ra một số hàng thừa không tiêu thụ, không thể trút vào một nước nào khác được. Và bây giờ, tôi hỏi lại các ông. Chúng ta đã dùng những số hàng thừa ấy để làm gì?

Lại không ai trả lời.

- Thế nào ông Calvin? – Ernest hỏi.

- Tôi xin chịu, – ông Calvin thú thật.

- Tôi chưa bao giờ tưởng tượng đến chuyện như thế, – ông Asmunsen nói. – Thế nhưng nó lại cứ rõ như ban ngày.

Đây là lần đầu tôi được nghe trình bày học thuyết của Karl Marx[65] về giá trị thặng dư.

Ernest trình bày đơn giản quá, đến nỗi chính tôi, tôi cũng phân vân và ngồi ngẩn người ra.

- Tôi sẽ mách các ông một cách để trút bỏ các hàng thừa, – Ernest nói. – Các ông đem đồ xuống biển. Mỗi năm các ông hãy đem hàng trăm triệu đô-la giày dép, lúa mì, quần áo tất cả các thứ hàng hoá đồ xuống biển. Như thế có phải ổn không nào?

- Dĩ nhiên là ổn, – ông Calvin đáp. – Nhưng ông nói như thế thì thật là vô lí.

Ernest đập lại nhanh như chớp:

- Dễ thường ông hô hào quay về với những lẽ lối cổ lỗ sĩ của ông cha thì ông không vô lí hẳn, thừa nhà phá máy? Vậy muốn trút bỏ chỗ hàng ế thừa, ông đề nghị phương pháp gì? Ông muốn tránh vấn đề hàng ế thừa bằng cách không sản xuất ra hàng ế thừa nữa. Và muốn tránh không sản xuất hàng ế thừa nữa thì ông đề nghị cách gì? Cách quay lại với phương thức sản xuất cổ sơ, hết sức lung tung, vô trật tự và bất hợp lí, hết sức lãng phí và đắt. Cái phương thức ấy thì nhất định không thể nào sản xuất ra hàng thừa.

Ông Calvin nuốt nước bọt. Mũi nhọn đã đâm trúng đích. Ông lại nuốt nước bọt một lần nữa rồi ho để dọn giọng.

- Ông nói đúng. Tôi xin chịu. Kể thì vô lí thật. Nhưng tôi cũng cần phải làm một cái gì chứ. Đó là một việc sống còn đối với giai cấp trung lưu chúng tôi. Chúng tôi không chịu chết đâu. Thà rằng vô lí, thà rằng trở lại những phương pháp thô sơ và tốn kém của ông cha, như thế vẫn hơn. Chúng tôi sẽ kéo nền công nghiệp trở lại tình trạng trước khi có các tơ-rót. Chúng tôi sẽ phá máy. Xem ông làm gì chúng tôi nào?

- Nhưng các ông không thể nào phá được máy, – Ernest đáp. – Các ông không thể bắt ngọn trào tiến hoá chảy ngược lại được. Chống lại các ông có hai lực lượng lớn, lực lượng nào cũng mạnh hơn giai cấp trung lưu các ông cả. Bọn đại tư bản các tơ-rót, nói vắn tắt một câu, họ không để cho các ông kéo lùi lại đâu. Họ không muốn máy móc bị phá hoại. Và lớn hơn cả, mạnh hơn cả các tơ-rót, có lực lượng lao động. Nó không để các ông phá máy đâu. Quyền chiếm hữu thế giới cùng với quyền chiếm hữu máy móc nằm giữa các tơ-rót và lao động. Đó là nơi hai bên dàn thế trận. Không bên nào muốn phá máy cả. Nhưng cả hai bên cùng muốn chiếm máy. Trong cuộc chiến đấu đó, không có chỗ cho giai cấp trung lưu. Giai cấp trung lưu là một người chim chích ở giữa hai anh khổng lồ. Các ông có thấy không, thưa các ông giai cấp trung lưu đang hấp hối và đáng thương hại, các ông bị kẹp giữa hai cái thớt cối, và lúc này cái cối đã bắt đầu xay rồi.

“Tôi đã chứng minh một cách toán học cho các ông thấy sự đổ vỡ không thể tránh được của hệ thống tư bản chủ nghĩa khi tất cả các nước đều có trong tay một số hàng ế thừa không tiêu thụ và cũng không bán đi được. Hệ thống tư bản chủ nghĩa sẽ sụp đổ dưới cái cơ cấu khủng khiếp của lợi nhuận mà chính nó đã dựng lên. Và ngày ấy sẽ không xảy ra một vụ phá máy nào đâu. Cuộc đấu tranh sẽ nhằm để giành quyền sở hữu các máy móc. Nếu lao động thắng, con đường các ông đi sẽ dễ dàng. Nước Mỹ, và chắc chắn là toàn thể thế giới, sẽ bước vào một kỉ nguyên mới lạ và thần kì. Đời sống con người sẽ không bị máy móc đè dẫm xuống nữa mà sẽ được máy móc làm cho tươi đẹp hơn, sung sướng hơn, cao thượng hơn. Các ông là giai cấp trung lưu đang bị tiêu diệt, các ông hãy đi với lao động, lúc đó thì chỉ có lao động thôi; như vậy,

các ông sẽ được dự phần vào sự phân phối công bằng những sản phẩm do những máy móc kì diệu ấy làm ra cùng với tất cả những người lao động khác, và chúng ta, tất cả chúng ta, sẽ chế tạo những máy móc mới, còn kì diệu hơn thế nữa. Và sẽ không còn hàng thừa ứ không tiêu thụ, vì không còn lợi nhuận nữa.

- Nhưng ví thử các tư-rót thắng trong cuộc chiến đấu giành quyền chiếm hữu máy móc và thế giới thì sao? – Ông Kowalt hỏi.

Ernest trả lời:

- Khi ấy thì cả các ông lẫn lao động, tất cả chúng ta đều sẽ bị nghiền nát dưới gót sắt của một nền chuyên chế tàn nhẫn và khủng khiếp hơn tất cả các nền chuyên chế đã từng bôi nhọ những trang sử của loài người. Cái tên xứng với nền chuyên chế đó, chính là “*Gót sắt*”[66] !

Tất cả đều nín lặng hồi lâu. Tất cả đều suy nghĩ rất lung tung, khác hẳn những lúc thường.

- Nhưng cái chủ nghĩa xã hội đó chẳng qua là một giấc mộng thôi, – ông Calvin nói, và ông nhắc lại “một giấc mộng”.

- Vậy tôi sẽ xin trình bày với các ông cái này, nó không phải là một giấc mộng đâu, – Ernest đáp. – Và cái đó, tôi sẽ gọi là bọn thiếu số thống trị. Các ông gọi là giới Tài phiệt. Cả hai ta cùng muốn chỉ bọn đại tư bản và các tư-rót. Ta hãy xem ngày nay quyền hành nằm ở đâu. Muốn vậy, ta hãy phân tích xã hội theo đúng sự phân chia giai cấp của nó.

“Trong xã hội có ba giai cấp lớn. Đầu tiên là giai cấp tài phiệt gồm những chủ nhà băng lớn, những đại tư bản đường sắt, những giám đốc công ty khách sạn và những vua tư-rót. Rồi đến giai cấp trung lưu, giai cấp của các ông, bao gồm những chủ trại, nhà buôn, nhà tiểu công nghiệp, và những người làm nghề tự do. Giai cấp thứ ba và sau rốt là giai cấp của tôi, giai cấp vô sản, gồm những người thợ ăn lương[67] .

“Các ông không thể chối cãi rằng việc chiếm hữu các của cải trong xã hội tạo nên quyền lực chính ở nước Mỹ. Ba giai cấp này chiếm hữu những của cải đó như thế nào? Con số đây! Trong tổng số những người có làm một nghề nghiệp gì ở nước Mỹ, chỉ có chín phần nghìn thuộc giai cấp tài phiệt, thế mà giai cấp tài phiệt chiếm hữu bảy mươi phần trăm tổng số tài sản. Giai cấp trung lưu chiếm hai mươi tư tỉ. Hai mươi chín phần trăm những người có làm một nghề là thuộc giai cấp trung lưu, và họ chiếm hữu hai mươi năm phần trăm tổng số tài sản. Còn lại giai cấp vô sản. Nó chiếm hữu bốn tỉ. Trong tất cả những người có làm một nghề thì bảy mươi phần trăm là từ giai cấp vô sản mà ra. Vậy thì quyền hành nằm trong tay ai, thưa các ông?

- Theo các con số chính ông đưa ra thì giai cấp trung lưu chúng tôi còn mạnh hơn giới lao động, – ông Asmunsen nhận xét.

- Các ông có gọi chúng tôi là yếu thì cũng không vì thế mà các ông mạnh hơn trước sức mạnh của giai cấp tài phiệt, – Ernest đáp lại. – Vả lại, tôi đã chịu thua các ông đâu? Có một sức mạnh lớn hơn của cải, lớn hơn ở chỗ nó không thể lấy đi được. Sức mạnh của chúng tôi, sức mạnh của giai cấp vô sản, là ở trong những bắp thịt của chúng tôi, trong bàn tay chúng tôi để bỏ phiếu, trong ngón tay chúng tôi để bóp cò súng. Sức mạnh đó không ai cướp đi được của chúng tôi. Nó là sự sống, nó là sức mạnh mạnh hơn của cải, và là thứ của cải không thể cướp đi

được.

“Nhưng sức mạnh của các ông thì có thể cướp đi được. Nó có thể bị cướp khỏi các ông. Ngay bây giờ bọn tài phiệt đang cướp đi của các ông. Cuối cùng nó sẽ bị cướp hết. Và lúc bấy giờ thì các ông hết, không còn là giai cấp trung lưu nữa. Các ông sẽ xuống với chúng tôi. Các ông sẽ thành vô sản. Và cái hay nhất là các ông sẽ tăng cường sức mạnh cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ đón các ông như anh em, và chúng ta sẽ kề vai chiến đấu vì sự nghiệp của nhân loại.

“Các ông xem, lao động không có gì cụ thể để cướp đi được. Phần của cải của đất nước do nó nằm trong tay gồm có quần áo, đồ đạc và ở nơi này nơi khác, trong những trường hợp rất hữu hữu, một căn nhà bày biện không lấy gì làm sang trọng. Nhưng các ông thì có của cải cụ thể; các ông có hai mươi bốn tỉ, và giai cấp tài phiệt sẽ lấy đi của các ông. Dĩ nhiên, rất có thể giai cấp vô sản sẽ lấy đi trước cũng nên. Các ông không nhìn thấy thế đứng của các ông hay sao, thưa các ông? Giai cấp trung lưu là chú cừ non đang run lẩy bẩy giữa con sư tử và con cọp. Con này không ăn thịt các ông thì con kia sẽ ăn thịt. Và nếu giai cấp tài phiệt nuốt các ông trước thì giai cấp vô sản sẽ nuốt giai cấp tài phiệt sau, chứ còn sao nữa? Đó chỉ là vấn đề thời gian thôi.

“Ngay chỗ của cải bây giờ của các ông cũng không đem lại cho các ông hết cả quyền lực thật đáng lẽ các ông có. Trong lúc này, sức nằm trong của cải của các ông chỉ là một chiếc vỏ sò rỗng. Vì thế cho nên các ông đang kêu cái tiếng kêu chiến đấu yếu ớt và nhỏ bé của các ông lên: “Hãy quay về lẽ lối của ông cha chúng ta”. Các ông thấy rõ sự bất lực của các ông. Các ông biết rằng sức mạnh của các ông là một cái vỏ sò rỗng. Và tôi sẽ chỉ cho các ông thấy sự trống rỗng đó.

“Những người chủ trại thì có thể lực gì? Hơn năm mươi phần trăm là nô lệ, căn cứ vào chỗ họ chỉ là những người đi thuê đất hay đã phải cầm đất. Và tất cả họ đều là nô lệ hết, căn cứ vào chỗ các tư-rót đã chiếm hoặc kiểm soát (kể thì cũng vậy thôi, nhưng như thế còn khá hơn), những phương tiện để đưa hoa lợi ra thị trường như kho ướp lạnh, đường sắt, máy trục và đường tàu thủy. Và thêm vào đó, các tư-rót kiểm soát thị trường. Về tất cả các mặt đó những người chủ trại không có thể lực gì cả. Còn về thể lực chính trị và cai trị của họ, lát nữa tôi sẽ đề cập đến, khi nói về thể lực chính trị và cai trị của tất cả giai cấp trung lưu.

“Ngày này qua ngày khác, các tư-rót bóp chết các chủ trại cũng như chúng đã bóp chết ông Calvin và tất cả những người chủ sữa khác. Và ngày này qua ngày khác, những nhà buôn cũng bị bóp chết theo cách ấy. Các ông có nhớ trong sáu tháng tư-rót thuốc lá quét sạch hơn bốn trăm cửa hàng thuốc lá ở thành phố New York như thế nào không? Những chủ tràn than ngày trước bây giờ ở đâu? Tôi không nói, bây giờ các ông cũng biết rằng tư-rót đường sắt nằm trong tay hoặc kiểm soát toàn bộ các khu vực than già và than béo. Tư-rót Standard Oil[68] chẳng chiếm hữu hai chục đường hàng hải đó sao? Ấy là không kể nó còn lập lò đúc, một thứ kinh doanh nhỏ ké vào đấy. Có một vịnh thành phố ở Mỹ đêm nay thấp điện của những công ty do hãng Standard Oil nắm hoặc kiểm soát, và cũng ở gần ấy thành phố, tất cả mọi ngành vận chuyển điện khí trong thành phố, ở ngoại ô và nối liền các thành phố đều nằm trong tay Standard Oil. Những nhà tư bản nhỏ ngày trước có chân trong hàng nghìn doanh nghiệp đã chết, các ông đã biết cả đấy. Đấy cũng chính là con đường các ông đang đi.

“Nhà tiểu công nghiệp cũng giống như người chủ trại; cả nhà tiểu công nghiệp lẫn chủ trại

ngày nay, nghĩ cho cùng, đều bị dồn vào một mối lệ thuộc phong kiến. Về phương diện này, những người làm nghề tự do và những nghệ sĩ đều là những tiện dân, trừ trên danh nghĩa, trong khi những nhà chính trị là một lũ tay sai. Ông Calvin, tại sao ông lại làm việc suốt ngày suốt đêm để tổ chức những chủ trại cùng với những tầng lớp khác thuộc giai cấp trung lưu thành một đảng chính trị mới? Tại vì các chính khách của những chính đảng cũ không muốn dây dưa với những ý kiến đã cũ rích của ông, và với những ý kiến cũ rích của ông họ không muốn dây dưa vì họ là, như tôi đã nói, là tay sai, là đầy tớ của bọn tài phiệt.

“Tôi đã nói những người làm nghề tự do và những nghệ sĩ là một lớp tiện dân. Không là tiện dân thì là cái gì? Tất cả, từ giáo sư đến nhà truyền giáo, đến nhà báo, họ đều bám lấy chức vụ của họ bằng cách hàu hạ bọn tài phiệt, và công việc của họ là truyền bá thuần một loại tư tưởng vô hại hoặc có lợi cho bọn tài phiệt. Bất cứ lúc nào, nếu họ truyền bá những tư tưởng đe dọa quyền lợi của bọn tài phiệt, họ sẽ mất việc; và trong trường hợp này, nếu họ không đành dậm được gì cho những ngày vận hạn, họ sẽ rớt xuống giai cấp vô sản, và hoặc là họ trở thành những người kích động quần chúng công nhân. Và các ông đừng quên rằng chính báo chí, toà giảng và trường đại học nhào nặn dư luận và cầm nhịp cho bước đi tinh thần của quốc gia. Còn các nghệ sĩ, họ chẳng qua chỉ là một loại đi đi chiêu những thích thú dễ tiện của bọn tài phiệt.

“Nhưng rất cuộc, của cải tự nó không phải là thực quyền, nó chỉ là phương tiện để đi tới quyền lực, và nói đến quyền lực tức là nói đến chính phủ. Ngày nay, ai là người kiểm soát Chính phủ? Giai cấp vô sản với con số hai mươi triệu người nằm trong nhiều ngành hoạt động khác nhau chẳng? Ngay đến các ông cũng bật cười vì ý kiến này. Có phải giai cấp trung lưu với tám triệu người làm nghề khác nhau không? Cũng chẳng khác gì giai cấp vô sản. Vậy thì ai kiểm soát chính phủ? Giai cấp tài phiệt với con số ít ỏi là một phần tư triệu người. Nhưng một phần tư triệu người ấy cũng không kiểm soát chính phủ, mặc dầu họ làm nhiệm vụ của những tên vệ binh tình nguyện. Chính là bộ óc của giai cấp Tài phiệt kiểm soát chính phủ, và bộ óc đó bao gồm bảy[69] nhóm nhỏ nhưng rất có thể lực. Và các ông không nên quên rằng trong thực tế, những nhóm đó hiện giờ đang phối hợp hành động với nhau.

“Để tôi vạch cho các ông thấy thế lực của một nhóm thôi, nhóm đường sắt. Nó dùng bốn vạn luật sư để đánh bại nhân dân trước toà án. Nó phát vô số những thẻ đi lại không mất tiền cho các quan toà, chủ nhà băng, chủ nhiệm các báo, giáo sĩ, người của trường đại học, nhân viên các cơ quan lập pháp nhà nước, và Quốc hội. Nó duy trì những tổ chức sang trọng của các lobby[70] ở thủ phủ mỗi bang và ở thủ đô toàn quốc, nó dùng một đội quân đông đảo luật sư nhỏ và những chính khách nhỏ, nhiệm vụ của bọn này là tham dự những uỷ ban tuyển cử, triệu tập hội nghị các đảng phái, lung lạc các bồi thẩm, hối lộ các quan toà và làm đủ mọi cách để bênh vực quyền lợi của nó[71].

“Thưa các ông, tôi mới chỉ phác qua thế lực của một trong số bảy nhóm hợp thành bộ óc của giai cấp tài phiệt[72]. Hai mươi bốn triệu của cải của các ông không cung cấp nổi cho các ông hai mươi năm xu quyền lực chính trị. Đó là một cái vỏ sò rỗng và chẳng bao lâu ngay cái vỏ sò rỗng đó cũng sẽ bị cướp khỏi tay các ông. Ngày nay giai cấp tài phiệt nắm tất cả mọi quyền lực trong tay. Ngày nay, nó làm ra luật pháp, vì nó nắm được Thượng nghị viện, Quốc hội, các Toà án và các cơ quan lập pháp của bang. Và không phải chỉ có thế. Đằng sau luật pháp, phải có lực lượng để thi hành luật pháp. Ngày nay giai cấp Tài phiệt làm ra luật pháp, và để

tăng cường luật pháp, nó có dưới quyền chỉ huy của nó, cảnh sát, quân đội, thủy quân, sau rốt là dân vệ, nghĩa là các ông, và tôi và tất cả chúng ta”.

Sau đó không ai thảo luận gì nữa, và được một lát thì tan tiệc. Tất cả đều lặng lẽ khuất phục, và cuộc chia tay rất âm thầm. Hình như hầu hết vẫn còn khiếp đảm về cái viễn ảnh tương lai mà họ chưa nhìn thấy.

- Tình hình quả nghiêm trọng thật, – ông Calvin nói với Ernest. – Tôi không có gì phải tranh luận với ông về cách thức ông vừa mô tả nó ra. Tôi chỉ không đồng ý với ông về việc ông lên án giai cấp trung lưu. Chúng tôi sẽ còn sống, và chúng tôi sẽ lật đổ các tư-rót.

- Và quay về với các lẽ lỗi của ông cha, – Ernest nói nốt hộ.

- Ngay thế đi nữa, – ông Calvin trả lời nghiêm nghị. – Tôi biết đó cũng là một cách phá máy và như thế là vô lí. Nhưng tất cả cuộc đời hiện nay đều có vẻ vô lí, do những mưu mô của bọn tài phiệt. Dù sao, cái trò phá máy của chúng tôi ít ra cũng còn thiết thực và có thể làm được, chứ không như giấc mộng của ông. Giấc mộng xã hội chủ nghĩa của ông chỉ là... đúng như thế, chỉ là một giấc mộng. Chúng tôi không thể theo ông được.

- Tôi chỉ mong ông và các bạn ông hiểu biết chút ít về sự tiến hoá của xã hội học, – Ernest trả lời bằng một giọng mong mỗi khi hai người bắt tay nhau. – Nếu các ông hiểu biết những cái đó thì chúng tôi cũng có thể tránh được khá nhiều khó khăn.

Chương X

Cơn lốc

Liên ngay sau bữa tiệc với các nhà doanh nghiệp là một thời kì khủng khiếp, những biến cố liên tiếp xảy ra như sấm sét; và tôi, cái tôi bé bỏng vẫn quen sống nếp sống bình thản trong thành phố đại học yên tĩnh, thấy mình với tất cả những việc riêng của mình bị cuốn vào cơn lốc của những sự kiện lớn trên thế giới. Có phải vì yêu Ernest mà tôi đã thành một người cách mạng không, hay vì anh đã giúp tôi nhìn thấy rõ cái xã hội tôi đang sống, tôi cũng không biết nữa, nhưng tôi đã thành một người cách mạng, và tôi lao vào những sự kiện đang quay cuồng diễn ra, những sự kiện mà cách đây ba tháng tôi không tài nào quan niệm được.

Cuộc khủng hoảng trong số phận riêng của tôi đến cùng một lúc với những khủng hoảng lớn trong xã hội. Trước hết, ba tôi bị sa thải khỏi trường đại học. Ồ, không phải bị sa thải theo nghĩa đen đâu. Ba tôi bị buộc phải xin từ chức, có thể thôi. Bản thân việc này không có gì đáng kể lắm. Thật ra, ba tôi lại lấy thế làm thú vị. Ba tôi đặc biệt thú vị ở chỗ cụ bị sa thải chớp nhoáng như thế là vì cụ cho xuất bản cuốn sách “Kinh tế và giáo dục”. Cái đó đã xác nhận những lập luận của cụ, cụ bảo thế. Phỏng còn có bằng chứng nào tốt hơn để chứng minh rằng nền giáo dục đã bị giai cấp tư bản thống trị.

Nhưng bằng chứng ấy không bao giờ lọt ra ngoài. Không ai biết ba tôi đã bị cưỡng bức rời khỏi trường đại học. Ba tôi là một nhà bác học tiếng tăm lớn. Đưa một tin như thế ra, cùng với lí do cụ bị buộc phải từ chức, có thể gây ít nhiều cảm phẫn trên toàn thế giới. Báo chí không hết

lời ca tụng và đề cao cụ, hoan nghênh cụ đã bỏ cái nghề dạy học vừa vất vả vừa nhạt nhẽo để dốc hết thời giờ vào việc nghiên cứu khoa học. Mới đầu ba tôi còn cười. Về sau cụ nổi giận – vẫn cái kiểu giận dữ mà cụ gọi là thuốc bổ. Rồi đến việc cuốn sách bị thủ tiêu. Sự thủ tiêu này tiến hành bí mật đến nỗi thoát đầu chúng tôi không biết gì hết. Cuốn sách vừa xuất bản đã phần nào kích động nhân dân trong nước. Ba tôi bị báo chí tư bản đập một cách lịch sự: nói chung, tất cả đều lấy làm tiếc cho một nhà bác học lớn như thế lại rời bỏ lĩnh vực của mình phiêu lưu sang lĩnh vực xã hội học mà mình hoàn toàn không biết để rồi bị lạc lối. Cứ như thế luôn trong một tuần. Ba tôi cười thầm và cụ bảo là cụ điểm trúng huyết của chủ nghĩa tư bản. Và rồi đột nhiên các báo chí và các tập san phê bình im hẳn, không nói gì đến cuốn sách nữa. Và cuốn sách cũng đột nhiên biến khỏi thị trường, vào các hàng sách không thể tìm được lấy một cuốn. Ba tôi biên thư cho các nhà xuất bản và được trả lời là các bản in đã rủi ro bị hư hại. Tiếp theo đó là cả một sự thư đi thư về rất rắc rối. Cuối cùng bị dồn vào thế không thể úp mở được nữa: các nhà xuất bản phải tuyên bố rằng họ tự thấy không có khả năng in lại cuốn sách, nhưng cũng sẵn lòng từ bỏ bản quyền của họ về cuốn sách đó.

- Ông có đi khắp nước cũng không tìm được một nhà xuất bản nào chịu sờ vào cuốn đó, – Ernest nói. – Chẳng những thế, con mà vào trường hợp ông thì con sẽ đi tìm chỗ trốn ngay. Ông mới chỉ nếm qua mấy đòn khai vị của cái Gót sắt thôi.

Nhưng ba tôi chỉ là một nhà khoa học. Ba tôi thấy người nào nhảy ngay đến kết luận thì không bao giờ tin. Một thí nghiệm khoa học không được tiến hành xong đến chi tiết thì không phải là thí nghiệm. Cho nên ba tôi kiên nhẫn đi một vòng khắp các nhà xuất bản. Họ xin lỗi đủ mọi cách: nhưng không nhà nào chịu xem cuốn sách cả.

Ba tôi chịu rằng cuốn sách đã thực sự bị thủ tiêu. Ba tôi định đưa việc này lên báo, nhưng bài cụ gửi đến không được đăng. Trong một hội nghị chính trị của Đảng Xã hội, thấy có mặt nhiều phóng viên, cụ tưởng dịp tốt đã đến. Cụ đứng dậy kể lại việc thủ tiêu cuốn sách. Hôm sau cụ đọc báo và cụ cười. Nhưng rồi cụ nổi khùng đến một độ mà tất cả cái tính chất thuốc bổ đều bị gạt đi hết. Các báo không đả động gì đến cuốn sách, nhưng lại xuyên tạc hẳn cử chỉ của cụ. Họ bóp méo những câu, những chữ và biến những nhận xét mực thước và rất thận trọng của cụ thành một bài diễn văn vô chính phủ và đầy vẻ khiêu khích. Họ làm rất khéo. Ví dụ, tôi còn nhớ một câu. Cụ dùng danh từ “cách mạng xã hội”. Phóng viên chỉ bỏ hai chữ “xã hội”. Hãng Thông tấn liên hiệp bèn lấy cái đó truyền đi khắp nước, và khắp nước nhao nhao cả lên. Cụ bị gán cho cái tên hư vô chủ nghĩa và vô chính phủ, và trong một bức tranh đả kích được in ra rộng rãi, người ta vẽ cụ đang phất một lá cờ đỏ dẫn đầu một lũ người tóc dài, vẻ mặt hung dữ, tay cầm đuốc, dao găm, và bom phá.

Báo chí viết những bài xã luận dài, đầy giọng thoá mạ, công kích hết sức dữ dội cụ là vô chính phủ, và nói lấp lửng rằng thần kinh cụ bị suy sụp. Cái cách xử sự đó của báo chí tư bản không phải là chuyện mới, Ernest bảo chúng tôi thế. Nó thường phái phóng viên đến tất cả các cuộc họp của Đảng Xã hội, dụng ý là để xuyên tạc và bóp méo những lời phát biểu đặt làm cho giai cấp trung lưu khiếp nhược, không dám bắt tay với giai cấp vô sản. Và Ernest nhắc đi nhắc lại, khuyên ba tôi thôi đừng đấu tranh nữa mà nên lánh đi một nơi. Báo chí của Đảng Xã hội phát động đấu tranh và tất cả những ai đọc báo trong giai cấp công nhân đều biết là cuốn sách bị thủ tiêu. Nhưng cũng chỉ có giai cấp công nhân biết thôi. Liền sau đó một nhà xuất bản lớn

chuyên xuất bản sách về chủ nghĩa xã hội, tên là nhà Kêu gọi giác ngộ, điều đình với ba tôi để cho in cuốn sách đó. Ba tôi phấn khởi lắm, nhưng Ernest rất ngại cho cụ.

- Con đã nói với ông là tình thế chúng ta lúc này rất nguy hiểm, bất chợt sẽ xảy ra việc gì không biết, - anh khẩn khoản. - Quanh ta đang bí mật diễn ra những việc tày đình. Ta có thể cảm thấy. Ta không biết là việc gì, nhưng mà có. Tất cả bộ máy đang quay cuồng với những việc đó. Ông đừng hỏi con, chính con cũng không biết. Xã hội đang quay cuồng và có một cái gì đó đang sắp sửa kết tinh. Nó đang kết tinh. Việc thủ tiêu cuốn sách là một chất kết tủa[73] báo hiệu cái đó. Bao nhiêu sách đã bị thủ tiêu? Chúng ta không có một ý niệm gì hết. Chúng ta thật là mù mịt. Chúng ta không làm thế nào mà biết được. Đấy rồi ông xem, thể nào báo chí xã hội chủ nghĩa và các nhà xuất bản xã hội chủ nghĩa cũng sẽ bị thủ tiêu. Con sợ là sắp bị đến nơi rồi. Chúng ta cũng sắp bị bóp cổ đến nơi rồi.

Ernest bắt mạch tình hình nhanh hơn các đảng viên xã hội khác: trong vòng hai hôm, cuộc tấn công thứ nhất bắt đầu. Tờ Kêu gọi giác ngộ là một tờ báo hàng tuần, số phát hành trong giai cấp vô sản là bảy mươi năm vạn mỗi kì. Nó cũng thường ra những số đặc biệt luôn, phát hành từ hai đến năm triệu bản. Những số đặc biệt này phát hành được là nhờ những đội công nhân tình nguyện tập hợp xung quanh tờ báo Tiếng gọi. Đòn đầu tiên là đánh vào những số đặc biệt đó, và là một đòn búa tạ. Do một quy định độc đoán của Bưu điện, những ấn phẩm đó bị coi như không nằm trong phần lưu hành bình thường của tờ báo, và do đó không được chuyển.

Một tuần sau, Bộ Bưu điện quyết định rằng tờ báo này có tính chất phiến loạn và gạt hẳn nó ra ngoài sự chuyên chở của Bưu điện. Đó là một đòn ghê gớm đánh vào việc tuyên truyền chủ nghĩa xã hội. Tờ Kêu gọi ở trong một tình trạng tuyệt vọng. Nó dự định một kế hoạch gửi báo đến những người mua dài hạn bằng con đường của những công ty xe lửa tốc hành, nhưng họ không nhận. Thế là tờ Kêu gọi chết. Nhưng chưa chết hẳn. Tờ Kêu gọi dự định tiếp tục bộ phận xuất bản sách của nó. Hai vạn cuốn sách của ba tôi đang đóng, và máy còn đang in thêm. Một buổi tối, một đám đông kéo đến bất thần, vừa phát lá cờ Mỹ và hát những bài ca ái quốc, vừa châm lửa vào nhà máy in lớn của báo Kêu gọi, và tiêu huỷ sạch sành sanh nhà máy đó.

Lúc này Girard, ở Kansas, là một thành phố yên tĩnh, thái bình. Ở đây chưa bao giờ có những cuộc rối loạn của lao động. Tờ Kêu gọi trả lương theo quy định của Công đoàn; trong thực tế, nó là xương sống của thành phố, vì nó cấp việc làm cho hàng trăm người cả nam lẫn nữ. Cái đám đông kia không phải là dân Girard. Đám người đó như từ dưới đất chui lên và sau khi hoàn thành nhiệm vụ, lại chui xuống đất. Ernest nhìn thấy trong việc này một tầm nghiêm trọng hết sức ghê gớm.

- Bọn Trăm đen[74] đang được tổ chức ở Mỹ, - anh nói. - Đây mới là bước đầu. Sẽ còn nhiều chuyện như thế này. Cái Gót sắt đã bắt đầu thành hung hãn.

Thế là cuốn sách của ba tôi bị tiêu huỷ. Tiếp đó chúng tôi phải mục kích nhiều việc do bọn Trăm đen gây nên. Tuần này qua tuần khác, lại thêm nhiều tờ báo của phong trào xã hội chủ nghĩa bị Bưu điện xoá tên, không chuyên chở; và nhiều khi bị bọn Trăm đen phá cả máy in của phong trào. Dĩ nhiên các báo chí trong nước ủng hộ chính sách phản động của giai cấp thống trị và các báo chí xã hội chủ nghĩa đã bị thủ tiêu đều bị xuyên tạc và bôi nhọ, trong khi bọn Trăm đen được đưa lên thành những nhà ái quốc chân chính và những người cứu nguy cho xã

hội. Những lời xuyên tạc này được tin là thật, đến nỗi ngay những giáo sĩ thành thật cũng lên toà giảng ca ngợi bọn Trăm đen, tuy họ tỏ vẻ tiếc về sự cần thiết phải dùng vũ lực.

Lịch sử đang chuyển biến gấp. Cuộc tuyển cử mùa thu sắp đến, và Ernest được Đảng Xã hội chỉ định ra tranh cử vào Quốc hội. Anh có rất nhiều khả năng trúng cử. Cuộc bãi công của ngành ô-tô buýt ở San Francisco bị phá. Và tiếp luôn đó, cuộc bãi công của anh em phu xe ngựa, xe bò bị phá. Hai cuộc thất bại này rất tai hại cho giới lao động đã được tổ chức. Tất cả liên đoàn Mặt trận đường thủy, cùng với đồng minh của họ ở các ngành kiến trúc, đã ủng hộ những người phu xe ngựa, xe bò; và tất cả đã tan tác thảm hại. Đó là một cuộc bãi công đẫm máu. Cảnh sát dùng dùi cui đánh vỡ đầu không biết bao nhiêu người, danh sách người chết càng tăng thêm, vì một cỗ súng máy đặt ở những kho thóc của công ty Marsden đã quạt vào những người bãi công.

Do những việc trên, mọi người đều căm thù. Mọi người đều thêm máu, đều khao khát trả thù. Bị đánh bại trên miếng đất do họ tự chọn lấy, họ sẵn sàng trả thù trên mặt trận chính trị. Họ vẫn duy trì được tổ chức công đoàn của họ, và cái đó cho họ sức mạnh để tiến hành cuộc đấu tranh chính trị đang tiếp diễn. Ernest ngày càng có cơ trúng cử. Càng ngày càng có thêm nhiều tổ chức mới quyết định ủng hộ những đảng viên xã hội, và chính Ernest cũng không nhận được cười khi anh được tin tổ chức Lao động xe đám ma và tổ chức Lao công vật lông gà cũng gia nhập trận tuyến của anh. Giới lao động trở nên bướng bỉnh. Họ đổ xô đến các hội nghị của Đảng Xã hội với một nhiệt tình điên dại, nhưng họ dừng dừng trước những thủ đoạn lừa lọc của những chính khách thuộc đảng phái cũ. Những nhà hùng biện của các đảng phái cũ thường được chào đón bằng những phòng họp trống rỗng, thỉnh thoảng họ cũng gặp được những phòng họp chật ních, nhưng họ thường bị làm cho thất điên bát đảo, đến nỗi nhiều khi họ phải gọi lực lượng dự trữ của cảnh sát đến để can thiệp.

Lịch sử ngày càng chuyển gấp. Không khí rung lên vì những việc đang xảy ra hay sắp xảy ra. Cả nước sắp lâm vào một thời kì khủng hoảng[75] do một loạt những năm phồn vinh gây nên. Đúng như thế, trong những năm phồn vinh này, cái khó khăn tổng những hàng ế thừa không tiêu thụ hết ra nước ngoài ngày càng trở nên khó khăn thêm. Các ngành công nghiệp đều làm ít giờ đi; nhiều nhà máy lớn nghỉ việc chờ tiêu thụ hàng thừa; và lương bắt đầu bị cắt tã cắt hữu.

Cuộc bãi công lớn của công nhân cơ khí cũng bị phá vỡ. Hai mươi vạn công nhân cơ khí cùng với năm mươi vạn đồng minh ở các ngành luyện kim bị đánh bại trong cuộc đấu tranh đẫm máu nhất làm rung chuyển nước Mỹ từ trước đến nay. Công nhân đã phải dàn trận đánh nhau với bọn phá bãi công[76] có vũ trang do các hội chủ đưa ra chiến trường; bọn Trăm đen xuất hiện ở nhiều nơi lẻ tẻ, phá hoại các di sản; và do đó mười vạn quân chính quy của nước Mỹ đã được gọi ra để chấm dứt toàn bộ việc này bằng vũ lực. Một số thủ lĩnh lao động bị xử bắn; nhiều người khác bị phạt tù, và hàng nghìn người trong hàng ngũ bãi công bị tập trung vào những bãi nuôi bò[77] và bị lính tráng hành hạ rất tàn tệ.

Bây giờ là lúc phải trả nợ cho những năm phồn vinh, trả bằng một giá rất đắt. Khắp mọi thị trường đều ứ đọng, khắp mọi thị trường đều suy sụp; và trong cuộc tổng sụt giá, giá lao động sụt nhanh hơn cả. Cả nước co quắp vì những rối loạn trong công nghiệp. Chỗ này bãi công, chỗ kia bãi công, khắp mọi nơi lao động bãi công; và nếu họ không bãi công thì cũng bị bọn tư bản đẩy ra ngoài. Báo chí đầy rẫy những chuyện lao động và máu. Và tất cả những cái đó, bọn Trăm

đen đã đóng vai trò của chúng. Bạo động, đốt nhà, phá hoại lung tung các tài sản là nhiệm vụ của chúng, và chúng hoàn thành nhiệm vụ một cách rất thành thạo. Tất cả quân đội chính quy được điều ra trận, nói là để đối phó với những hành động của bọn Trăm đen[78]. Các thành phố lớn nhỏ đều như trại lính, và người lao động bị bắn chết như chó. Bọn phá bãi công được tuyển mộ trong đội quân đông đảo của những người thất nghiệp; và khi bọn phá bãi công bị các công đoàn đánh bại, bao giờ quân đội chính quy cũng ra mặt để đàn áp công đoàn: Rồi lại còn dân vệ. Cho đến lúc này, vẫn chưa cần phải trông vào đạo luật bí mật về dân vệ. Mới có bộ phận dân vệ chính thức ra hoạt động, nó ra hoạt động ở khắp mọi nơi và trong giai đoạn khủng bố này, quân đội chính quy được chính phủ bổ sung mười vạn người nữa.

Chưa bao giờ lao động bị đánh tứ tung như thế. Đây là lần đầu tiên bọn đại thống soái của nền công nghiệp, bọn thiếu số thống trị, ném toàn lực lượng để lấp vào lỗ hổng của các hội chủ đang chiến đấu. Các hội này trong thực tế thuộc giai cấp trung lưu, và lúc này, bị thời buổi khó khăn và thị trường suy sụp thúc bách, và được bọn đại thống soái của nền công nghiệp giúp đỡ, chúng đã giáng cho các tổ chức lao động một thất bại khủng khiếp và quyết định. Đây là một liên minh có tính chất toàn năng, nhưng là liên minh giữa con sư tử với con cừu non, và không bao lâu giai cấp trung lưu cũng đã nhận thế.

Giới lao động máu me bê bết, không nói không rằng, nhưng đã bị quật ngã. Tuy nhiên, không phải vì nó thất trận mà thời thế khó khăn. Bản thân các ngân hàng, tức là lực lượng quan trọng nhất của bọn thiếu số thống trị cũng tiếp tục thu hồi những khoản tiền cho vay. Nhóm Wall Street[79] biến thị trường chứng khoán thành một xoáy nước ghê gớm cuốn sạch sành sanh của cải trong nước. Và từ những đồng hoang tàn khốc liệt, dựng lên hình thù của bọn thiếu số thống trị mới ra đời: thảm nhiên, lạnh lùng và đầy tự tin. Cái bình thảm và cái tự tin của nó thật khủng khiếp. Không những nó đã dùng thế lực rộng lớn của bản thân, mà còn dùng cả thế lực của Ngân quỹ nước Mỹ để thực hiện những kế hoạch của nó.

Bọn thống soái công nghiệp đã quay lại sửa giai cấp trung lưu. Những hội chủ đã từng giúp chúng cấu xé lao động, nay lại bị những bạn đồng minh ngày nào quay ra cấu xé. Giữa sự tàn tạ của lớp người trung lưu, của các nhà doanh nghiệp và các nhà tiểu công nghiệp, các tư-rót đứng vững. Không, các tư-rót không phải chỉ đứng vững. Chúng hoạt động. Chúng gieo gió, gieo gió không chút chùn tay; vì chỉ mình chúng biết gặt cơn bão lốc để kiếm lời. Và những món lời đó ư? Thật là những món lời kéch xù. Bản thân chúng có đủ sức mạnh để đương đầu với cơn bão táp mà chính chúng đã thổi lên, cho nên chúng tha hồ hời hững của cải trôi giạt xung quanh chúng. Tài sản trong nước lụn bại một cách thảm hại, không thể tưởng tượng được, và các tư-rót đã được thêm vô kể là của cải, thậm chí chúng mở rộng kinh doanh sang nhiều lĩnh vực mới, và bao giờ cũng là bằng cách gây thiệt hại cho giai cấp trung lưu.

Thế là mùa hè năm 1912 đã chứng kiến trận đòn ngăm kết liễu cuộc đời của giai cấp trung lưu. Chính Ernest cũng lấy làm sửng sốt, vì việc này tiến hành mau lẹ quá. Anh lắc đầu như để báo một điềm gở và nhìn trước thấy cuộc tuyển cử vào mùa thu tới sẽ vô hy vọng. Anh bảo tôi:

- Vô ích, chúng ta đã bị đánh bại rồi. Cái Gót sắt đã xuất hiện. Anh đặt hy vọng vào một cuộc thắng lợi hoà bình, bằng phương pháp đầu phiếu. Anh nhầm. Chính lão Wickson nói đúng. Chúng ta sẽ bị tước nốt những quyền tự do ít ỏi còn sót lại; cái Gót sắt sẽ dẫm lên mặt chúng ta; không còn cách nào khác là giai cấp công nhân phải làm một cuộc cách mạng đổ máu. Cố nhiên

chúng ta sẽ thắng. Nhưng cứ nghĩ đến cuộc đổ máu đó, anh lại rùng mình.

Và từ đó Ernest gửi gắm tất cả lòng tin vào cách mạng. Về điểm này, anh đi trước Đảng của anh. Những đồng chí xã hội của anh không đồng ý được với anh. Họ vẫn khẳng định tin rằng có thể đạt được thắng lợi trong tuyển cử. Không phải là họ đã bị choáng váng vì đòn đầu. Họ không thiếu bình tĩnh, không thiếu can đảm. Họ chỉ không tin, có thể thôi. Ernest không tài nào làm được cho họ biết lo sợ đúng mức về việc bọn thiếu số thống trị sắp lên nắm chính quyền. Họ có phần nào xao xuyến vì những lời anh nói, nhưng họ quá tin ở sức mình. Trong lí luận của họ về sự tiến hoá xã hội, không có chỗ nói đến bọn thiếu số thống trị, cho nên bọn thiếu số thống trị không thể có được.

- Chúng tôi sẽ cử anh vào Quốc hội, và mọi việc sẽ ổn thoả, họ nói với anh thế trong một cuộc họp bí mật của chúng tôi.

Ernest lạnh lùng hỏi:

- Thế đến lúc chúng nó kéo tôi ra khỏi Quốc hội, bắt tôi đứng sát vào tường và bắn phọt óc tôi ra, thì các anh sẽ làm thế nào?

- Lúc bấy giờ, chúng tôi sẽ nổi dậy, – mười hai người đồng thanh trả lời, – và sẽ huy động hết lực lượng ra.

- Lúc bấy giờ, các anh sẽ bơi trong máu của các anh, – Ernest đáp. – Bài hát ấy tôi đã từng nghe giai cấp trung lưu hát rồi; và bây giờ thì giai cấp ấy với lực lượng của nó biến đâu cả rồi?

Chương XI

Cuộc phiêu lưu lớn

Lão Wickson không cho người đến tìm ba tôi. Hai người tình cò gặp nhau trên một chuyến phà sang San Francisco, thành thử lời lão ta cảnh cáo ba tôi không phải đã được suy tính từ trước. Giá hai người không tình cò gặp nhau, có lẽ cũng không có lời cảnh cáo ấy. Tuy nhiên, không phải kết cục sẽ khác đi đâu. Ba tôi thuộc dòng dõi vững vàng và lâu đời của những người Mayflower[80], và nòi nào thì giống ấy. Lúc về nhà, cụ bảo tôi:

- Ernest nói đúng. Ernest là một thanh niên rất đặc biệt và ba muốn con làm vợ hãnh hơn là làm vợ chính thẳng Rockefeller, hay là làm vợ Anh hoàng.

- Có chuyện gì thế ba? – tôi lo ngại hỏi.

Bọn thiếu số thống trị sẽ giẫm lên mặt hai cha con mình. Lão Wickson nói với ba như thế. Kể đối với một tên tài phiệt thì hãnh cũng vào loại khá tử tế. Hãnh dạm trước là sẽ để ba trở lại trường đại học. Con thấy thế nào? Cái lão Wickson bắn thiu: lúc nào cùng chỉ khư khư giữ lấy tiền ấy, lại có quyền quyết định ba có được dạy hay không được dạy ở trường đại học của nhà nước à? Hãnh còn đề nghị hơn thế nữa: hãnh đề nghị sẽ để ba làm chủ tịch một học viện lớn về khoa học vật lí đang dự định thành lập. Thì bọn thiếu số thống trị cũng phải trút cái chỗ hàng thừa của chúng đi bằng cách nào chứ, con có thấy không?

“Ông có nhớ tôi đã nói gì với anh chàng đảng viên xã hội yêu con gái ông không? Lão Wickson hỏi ba tôi thế. Tôi nói với hắn rằng chúng tôi sẽ làm như thế cho mà xem. Riêng đối với ông, tôi hết sức kính trọng ông ở cương vị một nhà bác học, nhưng nếu ông để số phận của ông hoà lẫn với số phận của giai cấp vô sản, thì được, ông hãy giữ mặt cho cẩn thận, có thể thôi.” Và rồi lão ta quay lưng lại bỏ đi.

Chúng tôi kể chuyện này cho Ernest nghe, anh bảo:

- Như thế có nghĩa là chúng mình phải lấy nhau sớm hơn em dự định.

Thoạt đầu, tôi không hiểu lập luận của anh, nhưng ít lâu sau, tôi hiểu. Thời kì đó nhà máy sợi Sierra chia lãi ba tháng... hay nói đúng hơn: đáng lẽ phải chia lãi ba tháng vì ba tôi không nhận được phần của mình. Sau nhiều ngày chờ đợi, ba tôi viết giấy cho thư kí. Lập tức có thư trả lời rằng trong sổ sách của công ty không hề ghi là ba tôi có vốn bỏ vào đó và bức thư yêu cầu một cách lịch sự cho xin tài liệu rõ ràng hơn.

- Ba sẽ cho nó tài liệu rõ ràng, cho nó trắng mắt ra! – Ba tôi nói, và cạy ra ngân hàng để rút những chứng khoán về số tiền cổ phần của cụ, gửi ở đó.

- Ernest là một người rất đặc biệt, – ba tôi nói lúc tôi giúp ba tôi cởi áo khoác ngoài, sau khi ba tôi ở ngân hàng về. – Ba nhắc lại, con ạ, chàng trai trẻ của con tôi là một thanh niên rất đặc biệt.

Tôi đã có kinh nghiệm. hể lúc nào cụ khen Ernest như vậy là sắp xảy ra một tai hoạ gì.

- Chúng đã giẫm lên mặt ba rồi, – cụ bảo. – Không chứng khoán, kết của ba rỗng không. Con và Ernest phải cưới gấp đi.

Ba tôi bao giờ cũng trung thành với những phương pháp áp dụng trong phòng thí nghiệm. Cụ đã đưa nhà máy Sierra ra trước toà. Cụ không kiểm soát được toà án, nhưng nhà máy Sierra kiểm soát. Điều đó đã cắt nghĩa tất cả câu chuyện. Cụ đã bị luật pháp đánh bại hoàn toàn, và sự lừa đảo vô liêm sỉ này đã thắng.

Đến bây giờ, tôi vẫn buồn cười mỗi khi nhìn lại việc đó và nhớ lại cái cung cách ba tôi bị đánh bại như thế nào. Cụ tình cờ gặp lão Wickson giữa một phố ở San Francisco, cụ mắng hắn là thằng đểu. Cụ liền bị bắt vì xúc phạm đến người khác, bị phạt một số tiền trước toà án vì cảnh, và phải cam đoan không được sinh sự nữa. Thật là lỗ bịch đến nỗi chính khi về đến nhà, cụ cũng không nhin được cười. Những báo chí địa phương đã cuồng lên công kích cụ. Họ nói cứ như thật về thứ siêu vi trùng bạo động nó tác hại trong cơ thể những người theo chủ nghĩa xã hội; và ba tôi vì xưa nay vẫn sống một cuộc đời bình dị, đã được viện ra để làm một ví dụ cụ thể để cho người khác xem thứ siêu vi trùng bạo động đã hoạt động như thế nào. Nhiều tờ báo còn nói úp mở rằng ba tôi đã bị suy nhược vì nghiên cứu khoa học quá sức và gợi ý nên nhốt cụ vào một nhà điên. Đây không phải chỉ là những lời nói suông, cụ cũng không nhin được cười. Những báo chí địa phương đã cuồng lên công kích cụ. Sắp nguy đến nơi rồi. Nhưng ba tôi cũng đủ khôn ngoan để nhận thấy thế. Cụ đã học bài học kinh nghiệm của Giám mục Morehouse. Và cụ đã học thuộc bài học đó. Cụ làm thính, mặc cho bất công trút lên đầu cụ và theo tôi nghĩ thì cụ đã làm cho kẻ thù phải ngạc nhiên thật.

Rồi đến chuyện ngôi nhà, chính cái ngôi nhà chúng tôi đang ở. Tự nhiên có giấy đến cho biết là đã hết hạn chuộc nhà, và chúng tôi bị mất quyền sở hữu. Cố nhiên, làm gì có chuyện cầm nhà mà phải chuộc. Đất chúng tôi đã mua hẳn, nhà xây xong chúng tôi trả tiền ngay. Cả nhà lẫn đất, chúng tôi chưa hề cầm cho ai, cũng chưa hề gán nợ cho ai. Mặc dầu vậy vẫn có giấy cầm nhà viết rất hợp thể thức, rất đúng pháp luật, có chữ kí của ba tôi hẳn hoi, lại có ghi cả số tiền lãi đã trả trong mấy năm nữa. Ba tôi không hề kêu ca gì hết. Cụ đã từng bị cướp hết tiền như thế nào thì bây giờ cụ bị cướp mất nhà như thế. Và cụ cũng không cầu cứu ai. Bộ máy xã hội đã nằm trong tay những kẻ quyết tâm hại cụ. Vốn sẵn có máu triết gia trong người, cụ thôi không nổi giận nữa.

- Thế nào ba cũng sẽ vụn xương với chúng nó, – ba tôi bảo tôi. – Nhưng ba sẽ cố tìm cách tránh được phần nào hay phần ấy. Ba già rồi, xương cốt bây giờ giòn lắm. Lạy Chúa, ba thật không muốn sống những ngày cuối cùng của đời mình trong một nhà điên.

Việc này làm cho tôi nhớ đến đức Giám mục, trong suốt bao nhiêu trang tôi quên không nói đến. Nhưng trước hết, để tôi nói về đám cưới của tôi đã. Trong lúc nước sôi lửa bỏng, đám cưới của tôi thật chẳng có nghĩa lí gì, cho nên tôi cũng chỉ nói qua.

- Bây giờ ba con ta sắp thành vô sản thực thụ rồi, – ba tôi nói khi chúng tôi bị đuổi ra khỏi nhà. – Ba vẫn thường ao ước được hiểu biết thực sự về giai cấp vô sản như người chồng tương lai của con. Bây giờ thì ba sẽ được tự mình nhìn tự mình học.

Ba tôi chắc phải có nhiều máu phiêu lưu. Ba tôi nhìn tai hoạ của chúng tôi bằng con mắt phiêu lưu. Cụ không hề giận dữ, cũng không hề cảm thấy gì chua chát. Cụ như một triết gia. Tính cụ rất đơn giản, cho nên cụ không tính đến chuyện thù hằn, và cụ sống rất nhiều trong thế giới tinh thần để khỏi thấy thiếu những tiện nghi vật chất mà chúng tôi đã từ bỏ. Khi chúng tôi dọn đến San Francisco ở trong bốn căn buồng tồi tàn của một khu phố tồi tàn phía nam Phố Chợ, cụ bước vào cuộc phiêu lưu với thái độ vui vẻ, phởn phơ như một đứa trẻ con, phối hợp với nhãn quang sáng suốt và hiểu biết rộng rãi của một trí tuệ khác thường. Thật ra cụ không bao giờ bị bế tắc về mặt trí tuệ. Cụ nhận định rất đúng về các giá trị. Những giá trị có tính chất toán học và khoa học. Ba tôi là một vĩ nhân. Cụ có một trí tuệ và một tâm hồn mà chỉ những vĩ nhân mới có. Ở một vài khía cạnh, cụ còn vĩ đại hơn cả Ernest là người mà tôi chưa thấy có ai vĩ đại hơn.

Bản thân tôi cũng thấy khuây khoả đôi chút vì sự thay đổi cách sống này. Ít nhất tôi cũng đang thoát khỏi sự đày ải có tổ chức mà chúng tôi càng ngày càng phải chịu đựng nhiều ở thành phố đại học, từ khi bọn thiếu số chính trị ra đời trù dập chúng tôi. Sự thay đổi này đối với tôi cũng giống như một cuộc phiêu lưu lớn nhất trong các cuộc phiêu lưu, vì nó là phiêu lưu của tình yêu. Sự thay đổi trong số phận của chúng tôi đã đẩy gấp đám cưới của tôi, và khi dọn đến bốn căn phòng ở Pell Street trong khu phố hạ lưu ở San Francisco thì tôi đã là một người đàn bà có chồng.

Và trong tất cả những thứ còn lại, có cái này: tôi đã làm cho Ernest sung sướng. Tôi đã dẫn thân vào cuộc đời bão táp của anh, không phải để quấy rầy anh thêm, mà để anh có những phút sống thanh thản, êm đềm. Tôi đã đem lại được sự nghỉ ngơi cho anh. Đó là cái báu vật duy nhất mà tôi không mất. Dem lại quên lãng và ánh sáng vui tươi cho những con mắt mệt mỏi tôi

nghiệp của anh: còn có niềm vui nào lớn hơn và có thể làm cho tôi hãnh diện hơn! Ôi những con mắt mệt mỏi thân yêu! Ít có ai làm việc say mê bằng anh và suốt đời anh, anh đã làm việc say mê cho người khác. Đó là tất cả cái lớn lao của anh khi anh còn sống làm người. Ernest là một nhà nhân đạo chủ nghĩa, một người của tình yêu. Tinh thần anh là tinh thần của người ra trận. Thân thể anh là thân thể của võ sĩ và thiên tài anh là thiên tài của chim đại bàng. Nhưng đối với tôi, anh tế nhị và dịu dàng như một nhà thơ. Chính anh cũng là một nhà thơ. Anh là một ca sĩ trên hành động. Suốt đời anh, anh hát bài hát của con người. Anh làm như vậy vì lòng yêu thương vô hạn đối với con người. Vì con người, anh đã hiến cả đời anh, và anh đã hi sinh cũng như đức Chúa đã hi sinh trên thánh giá.

Và làm tất cả những việc đó, anh không hề hi vọng vào một sự đền bù nào của tương lai. Trong quan niệm của anh về sự vật, không có cuộc đời tương lai. Ở trong anh chói ngời sự bất tử, nhưng anh lại không muốn thành bất tử. Và đó là chỗ mâu thuẫn của con người anh. Tâm hồn nồng cháy của anh bị chế ngự bởi triết học lạnh lùng và khô khan của nhất nguyên luận duy vật. Tôi vẫn thường bác lập luận của anh và nói với anh rằng tôi đo sự bất tử của anh bằng đôi cánh của tâm hồn anh: và tôi phải sống những thế hệ không cùng mới nhận định được đúng tầm rộng lớn của nó. Những lúc ấy, anh chỉ cười; anh đưa hai cánh tay ra ôm lấy tôi và gọi tôi là nhà siêu hình học dịu hiền của anh; về mỗi một biến đi và tôi thấy mắt anh tràn ngập ánh sáng của tình yêu, bản thân thứ ánh sáng đó cũng là dấu hiệu mới mẻ và đầy đủ báo trước sự bất tử của anh.

Anh còn gọi tôi là nhà nhị nguyên luận, và giải thích cho tôi rõ Kant, bằng lí tính thuần túy, đã thủ tiêu lí tính để tôn thờ Thượng đế như thế nào. Anh so sánh và buộc tội tôi đã hành động không khác gì Kant. Tôi nhận tội, nhưng vẫn cho hành vi đó là rất duy lí. Anh thấy thế chỉ càng thêm ghì chặt tôi vào lòng và cười như một người yêu Thượng đế hết sức thật lòng. Tôi thường không công nhận rằng di truyền và hoàn cảnh có thể cắt nghĩa được tính độc đáo và thiên tài của anh cũng như tôi không công nhận rằng những ngón tay mò mẫm lạnh lùng của khoa học có thể một ngày kia nắm được để phân tích và xếp loại cái bản chất lập lờ như ma trôi nó nấp ngay trong thực thể của cuộc sống.

Tôi cho rằng không gian là hiện hình của Chúa và linh hồn là một hình chiếu của tính tình Chúa, và khi Ernest gọi tôi là nhà siêu hình học dịu hiền của anh thì tôi gọi anh là nhà duy vật bất tử của tôi. Và chúng tôi yêu nhau, và chúng tôi sung sướng, và tôi tha thứ cho anh là người duy vật, vì cái sự nghiệp lớn lao anh đang tiến hành trong xã hội mà không một chút cầu lợi cả về tinh thần, và vì tính khiêm tốn đến cực độ của anh nó ngăn không cho anh kiêu hãnh và không cho anh có ý thức về bản thân anh cũng như về tâm hồn cao cả của anh.

Nhưng anh vẫn kiêu hãnh như thường. Đã là một con đại bàng như anh thì không kiêu hãnh làm sao được? Anh lập luận rằng một con người trần phàm nhỏ bé mà cảm thấy mình giống Thượng đế như vậy còn đẹp hơn là Thượng đế cảm thấy mình giống Thượng đế. Cho nên anh rất hài lòng thấy mình sẽ chết như tất cả mọi người. Anh thích đọc một đoạn thơ. Anh chưa bao giờ được xem hết cả bài, mà anh tìm mãi cũng không biết tác giả là ai. Tôi chép lại đoạn thơ đó ra đây, không phải chỉ vì anh yêu nó, mà bởi vì nó thu tóm được cái nghịch cảnh của anh: thu tóm được tâm hồn anh và quan niệm của anh về tâm hồn mình. Có lí nào một người đã từng đọc bài thơ dưới đây với tất cả tấm lòng bùng bột sôi nổi, nồng cháy lại vẫn chỉ là một hạt bụi

để huỷ diệt, một chút sinh lực như phù du, một hình hài ngắn ngủi? Đoạn thơ đó như sau:

Vui tiếp niềm vui, và thêm, thêm nữa
Quyền đó của tôi từ lúc ra đời
Tôi ngợi ca tháng ngày tôi bất tuyệt
Vang tận bờ dương thế xa xôi
Dù phải chịu trăm nghìn lần cái chết
Cho đến ngày cùng tận của thời gian
Tôi nốc cạn cốc rượu nồng hạnh phúc
Bất chấp tuổi đời, bất chấp không gian,
Nốc mật uy quyền, nốc men kiêu hãnh
Nốc ngọt ngào êm dịu của tình yêu
Tôi quỳ gối nốc cho đến tận cạn
Ôi rượu nồng thơm ngọt bao nhiêu!
Mừng sự sống, tôi mừng luôn cái chết
Tiếng hát tung bừng cháy bỏng làn môi
Cho đến khi tôi từ giã cuộc đời
Trao cốc lại cho một thằng tôi khác!

◦

◦ ◦

Người bị đuổi khỏi thiên đường êm mát
Chính là tôi, thưa Thượng đế, là tôi
Và khi cả đất trời sụp đổ
Tôi sẽ ở đây với loài người nặng nợ
Vì thế giới của tôi lộng lẫy yêu kiều
Thế giới của muôn vàn niềm đau thân thiết
Từ tiếng trẻ thơ chào đời kêu thét
Đến nước mắt chan hoà người mẹ sinh con

◦

Thôi thúc bởi nhịp tim cuộn cuộn
 Của một loài không có ai sinh
 Đang quẩn quại trong trần ai khát vọng
 Dòng máu hào hùng trong tôi dâng sóng
 Dập tắt ngọn lửa thiêng tiêu huỷ cuộc đời
 Tôi là người, là người, là người,
 Người từ thớ thịt đường gân rung động
 Đến chỗ tận cùng xác hoá bụi tro
 Từ trong bào thai âm thầm bóng tối
 Đến nơi linh hồn phiêu diêu chói lọi
 Thế giới này chính là thịt xương tôi
 Theo tôi muốn, nó bùng lên nhẩy múa
 Và niềm khao khát một thiên đường bị thánh thần nguyên rửa
 Sẽ bào sâu tận ruột trái đất này
 Thượng đế ơi!
 Khi tôi nốc ánh cầu vồng ngũ sắc
 Toả mệnh mông từ cốc rượu đời
 Nỗi khổ đau của đêm dài vô tận
 Không đủ dài cho giấc mơ tôi

Người bị đuổi khỏi thánh đường êm mát
 Chính là tôi, thưa Thượng đế, là tôi
 Tôi sẽ ở đây với loài người nặng nợ
 Vì thế giới của tôi lộng lẫy yêu kiều
 Thế giới của muôn vàn niềm vui thân thiết
 Từ ánh sáng những bình minh Bắc cực
 Đến những chiều tình tự, những đêm yêu.[81]

Ernest luôn luôn làm việc quá sức. Anh đứng vững được là nhờ có một sức khoẻ phi thường, nhưng sức khoẻ đó vẫn không làm mất được cái nhìn mệt mỏi của anh. Nhưng con mắt mệt mỏi đáng yêu của anh? Không đêm nào anh ngủ được quá bốn tiếng rưỡi. Ấy thế mà anh vẫn không có đủ thời giờ để làm tất cả những công việc anh muốn làm. Anh không một phút nào xao lãng công tác tuyên truyền vận động và anh luôn luôn được mời trước một thời gian rất lâu để đi diễn giảng cho các tổ chức thợ thuyền. Rồi đến chiến dịch tuyển cử. Riêng chiến dịch này, một người phải làm cật sức mới hết được những việc anh làm. Do các nhà xuất bản xã hội chủ nghĩa bị đóng cửa, anh mất luôn cả số tiền nhuận bút ít ỏi của anh và anh chật vật lắm mới đủ ăn, vì ngoài tất cả những hoạt động của anh, anh còn phải kiếm sống. Anh dịch rất nhiều cho các tạp chí, về những đề tài khoa học và triết học; anh đi đến khuya mới về, người mệt nhoài vì không khí căng thẳng của chiến dịch tuyển cử, và lại chú ý đầu vào công việc dịch thuật cho đến sáng. Ngoài tất cả những việc đó ra, lại còn việc học tập. Anh theo đuổi việc học tập của anh cho đến lúc chết, và anh học mài học miệt. Tuy vậy anh vẫn thu xếp được thì giờ để săn sóc tôi và làm cho tôi sung sướng. Việc này thực hiện được là cũng do tôi cố gắng hoà lẫn hoàn toàn đời tôi vào đời anh. Tôi học tốc kí và đánh máy, và trở thành thư kí của anh. Anh luôn luôn nói với tôi là tôi đã làm giảm một nửa công việc của anh; và tôi lại càng cố gắng tự học để có thể thấu hiểu những công việc anh làm. Chúng tôi chăm nom lẫn nhau, chúng tôi cùng nhau làm việc và cùng nhau vui chơi.

Chúng tôi có những lúc âu yếm nhau xen trộm vào thời giờ làm việc – một lời nói, một cái vuốt ve hoặc một cái nhìn cháy rực yêu thương, – và càng như thế những phút giây âu yếm của chúng tôi lại càng thêm đầm ấm. Chúng tôi sống ở trên cao, nơi không khí huy hoàng rực rỡ, nơi người ta làm việc cho nhân loại, nơi mà những tính toán ích kỉ và bản thủ không đặt được chân vào. Chúng tôi yêu tình yêu và tình yêu của chúng tôi không có cái gì làm vấy bẩn được, ngày càng vươn lên chỗ tuyệt đẹp. Và trong tất cả các thứ, đến nay chỉ còn lại một điều: tôi đã làm tròn nhiệm vụ của tôi, tôi đã đem những giây lát nghỉ ngơi lại cho anh, cho con người làm việc nhọc nhằn vì người khác, cho con người trần phàm yêu quý có đôi mắt mệt mỏi của tôi.

Chương XII

Đức Giám mục

Sau ngày cưới, tôi tình cờ gặp Giám mục Morehouse. Nhưng tôi phải kể các việc theo thứ tự. Sau hôm Người bước ra ở cuộc họp I.P.H, vốn là một tâm hồn hiền hoà, đức Giám mục đã làm theo sự thôi thúc của bạn bè, đi nghỉ. Người trở về kiên quyết hơn bao giờ hết trong việc truyền bá bức thư của Nhà thờ. Trước sự kinh ngạc lớn của Hội thánh, bài giảng đầu tiên của Người giống hệt những lời Người kêu gọi trong cuộc họp trước. Người nhắc lại, phát triển hơn nữa và đưa nhiều chi tiết đáng thất vọng về việc Nhà thờ đã đi chệch những lời dạy của Chúa và việc con bò vàng đã được dựng lên ngay thờ thay cho đức Chúa.

Và kết quả là dù muốn hay không muốn, Người cũng đã bị đưa tới một nhà điều dưỡng tư cho những người bị bệnh thần kinh, trong khi đó thì báo chí cho đăng những bài tường thuật

cảm động về cơn khủng hoảng tinh thần và tính chất chí tôn của Người. Người bị giam lỏng trong viện điều dưỡng. Tôi có yêu cầu nhiều lần, nhưng đều bị từ chối, không được đến gặp; và tôi hết sức rầu lòng vì cái thảm cảnh một người khoẻ mạnh, bình thường và tâm hồn rất cao cả đang bị đè bẹp dưới cái ý muốn tàn nhẫn của xã hội. Bởi vì đức Giám mục là một người khoẻ mạnh, bình thường và cao cả. Như Ernest đã nói, tất cả những thiếu sót của Người là ở chỗ Người có những ý niệm sai lệch về sinh học và xã hội học, và do những ý niệm sai lệch của Người, Người đã không đi được đúng đường để chỉnh đốn mọi việc trong xã hội. Tôi rất hãi hùng vì sự bất lực của đức Giám mục. Nếu Người cứ khẳng khẳng đi vào chân lí như Người đã nhìn thấy, Người sẽ bị giam vào nhà điên, và Người sẽ không thể làm gì được. Tiền bạc của Người, địa vị của Người và văn hoá của Người đều không cứu nổi Người. Những quan điểm của Người đều có hại cho xã hội, và xã hội không thể quan niệm rằng những quan điểm nguy hại như thế lại có thể phát sinh ra ở một bộ óc lành mạnh. Ít ra thì, theo tôi, thái độ chung cũng là như vậy.

Nhưng đức Giám mục mặc dầu tâm hồn hiền hoà, trong trắng, Người không phải là không tinh ý. Người nhìn thấy rõ những nguy hiểm của Người. Người thấy mình bị mắc trong một tấm lưới nhện và tìm cách trốn thoát. Bị bè bạn bỏ rơi không giúp đỡ - ba tôi, Ernest và tôi rất sẵn sàng giúp Người nhưng lại không được nhờ tới - Người đành phải chiến đấu một mình. Và trong sự cô độc bắt buộc của viện điều dưỡng, Người khỏi. Người lại khoẻ mạnh như thường. Mắt Người thôi không nhìn thấy những ảo ảnh nữa; óc Người đã tẩy rửa được các tư tưởng kì khôi cho rằng nhiệm vụ của xã hội là phải nuôi đàn chiên của Chúa.

Như lời tôi nói, Người đã trở nên lành mạnh, lành mạnh hoàn toàn, báo chí và những người của Nhà thờ hân hoan chào mừng Người trở lại. Một lần tôi đến Nhà thờ dưới quyền Người cai quản. Người giảng kinh giống hệt như Người vẫn hằng giảng ngày xưa, trước khi mắt Người nhìn thấy ảo ảnh. Tôi thất vọng và thấy chướng cả tai. Như vậy tức là xã hội đã đánh cho Người đến gục rồi sao? Người có phải là Người không kham nổi những cố gắng phi thường đó và ngoan ngoãn đầu hàng cái trật tự hiện hành?

Tôi đến thăm Người trong toà nhà lồng lầy của Người. Người thay đổi một cách thảm hại. Người gầy hăn đi và trên mặt có nhiều nét trước kia tôi chưa bao giờ thấy. Rõ ràng là Người bối rối vì tôi đến. Trong khi nói chuyện, Người kéo tay áo hoài, ông ra vẻ bứt rứt lắm; mắt Người không để yên mà nhìn ngang nhìn ngửa, nhìn đủ mọi phía để tránh gặp mặt tôi. Tâm trí Người như đang bận nghĩ một việc gì; trong câu chuyện của Người, có những chỗ ngắt quãng kì lạ, những chỗ thay đổi chủ đề đột ngột và Người nói đầu Ngô mình Sở không đâu vào đâu cả. Có thể nào đây lại là con người trầm tĩnh, giống hệt đức Chúa, có đôi mắt trong sáng, cái nhìn mạnh bạo và tâm hồn cứng cỏi mà tôi đã từng biết xưa kia: Người đã bị nhào nặn lại. Người đã bị làm cho khiếm nhược đến phải quy hàng. Tâm hồn Người mềm yếu quá. Nó không đủ sức mạnh để đương đầu với bầy chó sói có tổ chức trong xã hội.

Tôi cảm thấy buồn không sao tả xiết. Người nói năng mập mờ, khó hiểu và rất lo sợ những điều tôi có thể nói ra, thành thử tôi không có bụng dạ nào để hỏi han Người nhiều. Người nói xa xôi về bệnh tình của Người. và chúng tôi nói chuyện nhát gừng về Nhà thờ, về việc chữa cái dương cầm và những việc từ thiện nhỏ nhặt; và Người nhìn tôi ra vẻ, vẻ nhẹ nhõm hiện rõ trên nét mặt. Trước thái độ đó, tôi những muốn bật cười, giá như tim tôi không ứ đầy nước mắt.

Ồi, người anh hùng bé nhỏ đáng thương! Giá tôi biết rõ như thế nhỉ! Người đang chiến đấu như một người khổng lồ, thế mà tôi không ngờ đến. Đơn thương độc mã giữa hàng triệu đồng loại. Người đang tiến hành cuộc chiến đấu của Người. Người rất ghê sợ không khí của nhà điên, nhưng Người vẫn muốn trung thành với chân lí và lẽ công bằng. Bị hai cái đó giằng xé, Người đã quyết tâm bám chặt lấy chân lí và lẽ công bằng, nhưng Người đơn độc đến nỗi ngay tôi Người cũng không dám tin. Người đã học bài học kinh nghiệm của Người quá kĩ. Nhưng chỉ ít lâu sau, tôi biết rõ thái độ của Người. Một hôm đức Giám mục biến mất. Người không báo trước cho ai biết về việc Người ra đi. Ít ngày sau vẫn thấy Người không trở về, người ta bắt đầu xì xào rằng Người đã tự tử trong một cơn loạn óc. Nhưng ý nghĩ đó đã tiêu tan khi người ta biết.

Người đã bán hết của cải - dinh thự của Người trong thành phố, biệt thự của Người ở Menlo Park, tranh và những sưu tập nghệ thuật của Người và cả cái tủ sách mà Người rất quý nữa. Rõ ràng là Người đã tẩu tán hết tài sản trước khi bỏ đi.

Việc đó xảy ra giữa lúc bản thân chúng tôi cũng đang bị lao đao, và mãi đến khi dọn về nhà mới, chúng tôi mới có thì giờ để thắc mắc về những việc mà đức Giám mục đã làm. Rồi mọi việc bỗng nhiên sáng tỏ. Một hôm, vào lúc sâm sẩm tối, tôi chạy qua phố để đến hiệu thịt mua sườn về làm cơm chiều cho Ernest. Trong hoàn cảnh mới của chúng tôi, chúng tôi gọi bữa ăn cuối cùng trong ngày là "bữa cơm chiều".

Vừa lúc tôi ở hiệu thịt ra, một người ở cửa hàng thực phẩm đằng góc phố cũng đi ra. Một cảm giác quen thuộc rất kỳ lạ khiến tôi nhìn lại một lượt nữa, nhưng người đó đã rẽ sang phố khác và đi rất gấp. Tôi thoáng thấy trên đôi vai xuôi và mớ tóc bạc giữa khoảng vành mũ và cổ áo của người đó một cái gì đó gợi lại cho tôi những kí ức mơ hồ. Tôi rảo bước, cố dẹp những ý nghĩ đang thành hình trong óc tôi. Không, không có lí nào. Đức Giám mục đời nào lại mặc quần áo lao động bạc phếch, dài lê thê và bọt cả đũng ra như thế!

Tôi đứng lại, mình lại cười mình, và định thôi không đuổi theo nữa. Nhưng tôi bị đôi vai và mớ tóc bạc quen quen kia ám ảnh. Tôi lại đi rảo bước. Vừa lúc đi vượt lên trên, tôi liếc nhìn rất nhanh vào mặt người đó; rồi tôi quay ngoắt lại: thì ra đức Giám mục thật.

Người cũng đứng sững lại, miệng há hốc. Cái túi giấy to Người cầm bên tay phải rơi xuống vỉa hè, bụi ra và một đồng khoai tây rơi tung toé, nảy cả lên chân Người và lên chân tôi. Người nhìn tôi vừa ngạc nhiên vừa sợ hãi, rồi Người như xẹp xuống cất tiếng thở dài. Tôi đưa tay ra. Người bắt tay tôi và tôi thấy tay Người nhóp nhóp. Người cứ đặng hăng hoài ra vẻ rất bối rối và Người vãi cả mồ hôi trán. Trông cũng biết là Người đang khiếp sợ lắm.

- Khoai tây! - Người thì thầm yếu ớt. - Quý lắm!

Cả hai chúng tôi cúi xuống nhặt và lại cho khoai vào cái túi rách. Lần này thì Người ôm khư khư cái túi trên tay. Tôi cố nói để Người hiểu là tôi rất sung sướng được gặp lại Người, và vì vậy Người phải đi ngay về nhà với tôi.

- Ba con mà được gặp cha thì ba con sướng lắm, - tôi nói. - Nhà con ở cách đây có vài bước đường thôi.

- Cha không đến được, - Người nói. - Cha vội phải đi. Thôi con về nhé.

Người lấm lét nhìn bốn chung quanh như sợ bị lộ và nhất định bỏ đi. Người thấy tôi lẻo đẻo đi theo và kiên quyết không chịu rời Người. Người bảo: - Cho cha biết nhà ta ở đâu, cha sẽ đến thăm sau. - Không, - tôi cương quyết trả lời. - Mời cha đến ngay bây giờ. Người nhìn những củ khoai tây vãi tung trên tay Người và mấy gói đồ nhỏ Người ôm ở tay bên kia.

- Quả tình cha không thể đến được, - Người nói. - Như thế này thật là khiếm nhã, nhưng thôi con bỏ quá cho cha. Giá mà con cũng biết chuyện đó nhỉ! Trông vẻ mặt người như muốn rời rã ra, nhưng Người tự chủ được ngay.

- Vả lại còn chỗ thức ăn này, - Người nói tiếp. - Đây là một trường hợp rất đáng thương. Thật là kinh khủng. Bà lão đã già rồi. Cha phải mang đến ngay cho bà ta. Bà ta đói. Cha phải đi ngay tức khắc. Con hiểu chứ? Rồi cha sẽ đến đằng nhà. Cha hứa với con thế. - Để con cùng đi với cha, - tôi tự nguyện nói. - Có xa không, thưa cha? Người thở dài và đành chịu. - Cách đây có hai dãy nhà thôi, - Người nói. - Ta đi mau lên.

Dưới sự hướng dẫn của đức Giám mục, tôi đã được biết rõ hơn về khu phố tôi đang sống. Tôi không ngờ có thể có những cảnh khổ cực thê thảm đến như thế. Dĩ nhiên, như vậy là do tôi không chú ý đến việc từ thiện. Tôi càng thấy rõ Ernest có lí khi anh ví những việc từ thiện như một lá thuốc cao dán trên một cái ung thư. Phương thuốc của anh tức là cắt bỏ cái ung thư đi; trả lại cho người thợ chỗ sản phẩm người đó đã làm ra; trợ cấp cho những người già cả đã từng lao động một cách vẻ vang cho xã hội. Như vậy sẽ không cần đến những việc từ thiện. Tin chắc như thế, tôi cùng với anh đem hết sức ra làm việc cho cách mạng, chứ không hao phí năng lực của mình để tìm cách xoa dịu những vết thương xã hội luôn luôn để ra từ sự bất công của chế độ.

Tôi theo đức Giám mục vào một gian phòng nhỏ, dài chừng mười ba bộ[82], rộng chừng mười bộ, ở mãi tít nhà trong. Chúng tôi thấy một bà cụ già bé nhỏ người Đức - sáu mươi tư tuổi, theo lời đức Giám mục. Bà cụ tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi vào, nhưng bà cụ gật đầu chào rất nhã nhặn và tiếp tục khâu một chiếc quần đàn ông đặt trên đầu gối bên cạnh bà cụ, ở dưới sàn, là một đồng quần như thế. Đức Giám mục thấy trong nhà hết củi, hết than, bỏ ra ngoài đi mua.

Tôi cầm một chiếc quần lên và xem xét công việc của bà cụ.

- Thưa bà, có sáu xu đấy thôi, - bà cụ vừa nói vừa khẽ lắc đầu và vẫn khâu tiếp. Bà cụ khâu chậm, nhưng khâu luôn tay. Hình như bà cụ đã bị cái động từ "khâu" hoàn toàn chế ngự. - Công phu như thế này mà họ chỉ trả có bấy nhiêu thôi à? - Tôi ngạc nhiên hỏi. - Cụ làm mất bao nhiêu thì giờ?

- Vâng, họ chỉ trả có thế, - bà cụ trả lời. - Làm xong thì được sáu xu: mỗi cái khâu mất hai tiếng đồng hồ. Nhưng mà nhà chủ không biết đến chuyện ấy, - bà cụ vội vàng nói thêm, sợ bị chủ rầy rà sau này. - Tôi làm chăm lắm. Tôi bị thấp ở cánh tay. Chị em còn con gái họ làm nhanh hơn nhiều. Họ khâu xong một chiếc chỉ bằng nửa thời giờ của tôi thôi. Ông chủ ấy rất tử tế. Ông ấy cho tôi mang việc về nhà làm, vì bây giờ tôi già rồi và tiếng máy chạy ầm ầm làm cho tôi chóng mặt. Ông ấy mà không tử tế thì tôi cũng đến chết đói...

"Vâng, những người làm ở xưởng, họ được tám xu. Nhưng bà bảo làm thế nào? Công việc

đến người trẻ làm còn chẳng đủ, huống hồ người già... Thường tôi chỉ nhận được có một chiếc là hết. Thỉnh thoảng mới được như hôm nay, họ trao cho tám chiếc, phải làm xong trước khi đêm. Tôi hỏi bà cụ làm việc bao nhiêu giờ, bà cụ trả lời cái đó tùy theo từng mùa.

- Mùa nực: đơn đặt hàng ùn đến, tôi làm từ năm giờ sáng đến chín giờ tối. Nhưng mùa đông trời rét quá. Chưa làm tay đã cóng lại. Thành thử phải làm khuya hơn, nhiều khi đến tận nửa đêm.

"Vâng, mùa nực năm nay thật là xúi quá. Thời buổi khó khăn. Chắc là Chúa giận. Một tuần nay ông chủ mới trao cho tôi việc này là một đấy. Kể ra, không có việc làm thì cũng chẳng dám ăn nhiều. Tôi cũng đã quen thế rồi. Suốt đời tôi đi khâu thuê, ở bên nước tôi ngày trước, rồi ở cái đất San Francisco này nữa; tất cả ba mươi ba năm rồi.

"Nếu được trả tiền nhà thì mọi việc đều ổn thoả cả. Ông chủ nhà ông ấy tử tế lắm, nhưng ông ấy phải thu tiền nhà. Thế là phải, chứ còn gì nữa. Cái buồng này ông ấy chỉ lấy có ba đô-la. Như vậy là rẻ lắm rồi. Nhưng mỗi tháng xoay được ba đô-la có phải là chuyện dễ đâu?

Bà cụ lại không nói nữa và vừa gật gù vừa tiếp tục ngồi khâu. - Như vậy, cụ chi tiêu chắc là phải dè xẻn lắm nhỉ, - tôi hỏi. Bà cụ gật đầu.

- Sau khi trả tiền nhà rồi, thì cũng không đến nổi lắm. Dĩ nhiên, mua thịt về ăn thì không được. Cũng không có sữa để pha cà-phê. Nhưng ngày nào cũng được một bữa, và thỉnh thoảng lại được hai bữa.

Bà cụ nói câu sau cùng đó một cách tự hào. Giọng bà cụ đượm một vẻ đắc thắng. Nhưng trong khi bà cụ im lặng ngồi khâu, tôi nhận thấy đôi mắt vui vui của bà cụ giấu một nỗi buồn ghê gớm và hai bên mép của bà cụ rũ xuống. Mắt bà cụ nhìn tận đâu đâu. Bà cụ vội vã đưa tay lên dụi mắt cho khỏi mờ để tiếp tục khâu cho tốt.

- Không, không phải cái đó nó làm cho người ta đau lòng đâu, - bà cụ giải thích. - Đói mãi nó cũng quen đi. Tôi khóc chính là vì đứa con gái tôi. Nó đã bị máy nghiền chết. Nó làm việc đó vất vả thật, nhưng tôi không hiểu sao được. Nó rất khoẻ. Nó còn trẻ, mới có bốn mươi, và nó mới làm được ba mươi năm. Kể ra, nó bắt đầu có sớm quá thật, nhưng mà nhà tôi mất. Nồi hơi trong xưởng nhà tôi làm bị nổ. Bà bảo lúc ấy chúng tôi còn biết xoay xở ra sao nữa? Nó lên mười nhưng nó khoẻ lắm. Khốn nạn, cái máy may đã giết mất con tôi. Đúng như thế. Nó giết chết con bé, mặc dầu con bé làm nhanh nhất xưởng. Tôi cứ nghĩ đến chuyện đó luôn, thành ra tôi biết. Vì thế tôi không thể làm việc ở xưởng được. Cái máy may làm cho đầu óc tôi quay cuồng lên. Lúc nào tôi cũng nghe thấy nó bảo: "Tao giết nó, tao giết nó!" Và cái máy cứ kêu lên như thế suốt ngày. Tôi nghĩ đến con tôi, không tài nào làm việc được nữa.

Đôi mắt già nua của bà cụ lại nhoà đi một lần nữa, và bà cụ phải lau nước mắt trước khi tiếp tục khâu. Tôi nghe thấy đức Giám mục lật đặt bước lên cầu thang, liền mở cửa. Trông Người mới ngộ làm sao chứ? Người cõng trên lưng một nửa túi than, bên trên có một tí củi thanh để nhóm lửa. Mặt Người bám đầy những bụi than xuống góc phòng bên cạnh lò sưởi và lau mồ hôi bằng một chiếc mùi-soa bằng vải thô. Tôi hầu như không tin vào những giác quan của mình nữa. Đức Giám mục đen chùi chùi như một anh phu than, bận một chiếc áo sơ-mi bằng vải bông rẻ tiền đứt cả khuy cổ và một chiếc quần mặc ngoài của anh em lao công! Nghịch mắt

nhất là chiếc quần đã bột cả đũng, dài lượt thượt xuống tận gót chân và giữ ở háng bằng một chiếc thắt lưng da hẹp bản, y hệt những người lao công vẫn mặc.

Mặc dầu đức Giám mục có vẻ nóng bức, hai bàn tay sưng húp đáng thương của bà cụ già đã cứng đi vì lạnh. Trước khi từ biệt bà cụ, đức Giám mục đã nhóm xong lửa và tôi cũng đã gọt xong khoai tây cho vào luộc. Dần dần về sau, tôi được biết thêm có nhiều trường hợp tương tự trường hợp của bà cụ, và nhiều trường hợp còn thê thảm hơn, chìm trong những chỗ sâu thẳm khủng khiếp của những dãy nhà bên láng giềng.

Chúng tôi về nhà thấy Ernest đang hốt hoảng vì sự vắng mặt của tôi. Sau khi cái ngạc nhiên ban đầu của cuộc gặp mặt đã hết, đức Giám mục ngồi ngả lưng trên ghế, duỗi thẳng hai chân mặc quần vải thô và thở dài khoan khoái. Chúng tôi là những bạn cũ đầu tiên Người gặp lại từ khi Người bỏ đi, Người bảo chúng tôi thế; và trong những tuần gần đây, chắc Người khổ tâm vì nỗi cô độc của mình lắm. Người nói với chúng tôi kể cũng đã nhiều, mặc dầu Người nói nhiều hơn về niềm vui mà Người cảm thấy trong khi thực hiện những lời răn của Chúa.

- Bởi vì bây giờ, tôi đang nuôi những con chiên của Chúa, - đức Giám mục nói. - Tôi đã học được một bài học lớn. Dạ dày có yên thì phần hồn mới yên được. Đàn chiên của Người phải được nuôi bằng bánh mì, với bơ, với khoai tây, với thịt; sau đó, và chỉ có sau đó, tâm trí họ mới sẵn sàng nhận những thức ăn tinh khiết hơn.

Đức Giám mục ăn bữa ăn tôi nấu một cách ngon lành. Ngày trước, đến nhà tôi, Người không bao giờ ăn ngon miệng như thế. Chúng tôi nói chuyện về những ngày đó, và Người bảo rằng trong đời chưa bao giờ Người thấy khoẻ như bây giờ.

- Bây giờ tôi toàn đi bộ, - Người nói. Và Người hơi đỏ mặt khi nhớ tới thời kì còn lên xe xuống ngựa, coi đó như một tội lỗi khó lòng chuộc lại được. - Sức khoẻ của tôi vì thế càng tăng lên, - Người nhanh nhẩu nói thêm. - Và tôi rất sung sướng, hết sức sung sướng, đúng như thế. Mãi đến bây giờ tôi mới thật là người của Chúa.

Tuy thế nhưng trên mặt Người vẫn hiện lên một nỗi đau khổ thường xuyên, nỗi khổ đau của nhân loại mà Người lấy làm nỗi đau khổ của chính mình. Người nhìn thẳng vào cuộc đời, và cuộc đời lộ trần truồng ra thật là khác hẳn những điều Người đã đọc trong những cuốn sách in Người xếp trong thư viện. - Và chính ông phải chịu trách nhiệm về tất cả những cái đó, ông

bạn trẻ tuổi ạ, - Người nói thẳng với Ernest. Anh đâm luống cuống, ngượng nghịu. - Tôi... tôi đã báo trước để cụ rõ rồi kia mà, - Ernest lắp bắp.

- Không, ông hiểu sai rồi, - đức Giám mục đáp, - tôi nói đây không phải để trách móc, mà để cảm ơn. Tôi phải cảm ơn ông đã chỉ đường cho tôi đi. Ông đã dẫn tôi đi từ những lí thuyết về cuộc sống đến cuộc sống thật. Ông đã vén những tấm màn giả dối dậy lên bộ mặt thật của xã hội. Trong lúc tôi còn tối tăm thì ông là ánh sáng, nhưng bây giờ thì tôi cũng đã nhìn thấy ánh sáng rồi. Và tôi rất sung sướng. Duy có một điều... - Đức Giám mục ngập ngừng một cách đau khổ và mắt Người lơ đãng vì sợ hãi. - Duy có một điều là người ta hành tôi. Tôi không làm gì hại ai. Tại sao họ không muốn để cho tôi yên? Nhưng cũng chưa phải thế. Chính là cái cách họ hành ấy kia. Giá họ lấy roi đánh nát thịt tôi ra, hoặc họ đem tôi đi thiêu sống, hoặc họ đóng đinh tôi lên cây thập giá, đầu dốc ngược xuống dưới đất, giá như thế tôi lại không sợ. Đàng này họ

nhốt tôi vào nhà điên! Các bạn cứ nghĩ xem! Tôi ở trong một nhà điên. Thật là phần nộ! Tôi đã thấy mấy trường hợp ở nhà điên. Họ lên cơn rất dữ dội. Cứ nghĩ đến, máu tôi cũng đủ đông lại rồi. Bị cầm tù từ nay cho đến khi xuống lỗ giữa những cảnh điên cuồng hò hét ấy ư! Không! Không! Không thể được. Không thể như thế được! - Người xua xua hai bàn tay, toàn thân Người run lên và co rúm lại trước cái hình ảnh Người vừa gọi lại. Nhưng một lát sau, Người lại bình tĩnh như thường.

- Các bạn tha lỗi cho tôi, - Người nói bằng một giọng chất phác. - Thần kinh tôi bây giờ nó khốn khổ như thế đấy! Nhưng nếu vì làm công việc của Chúa mà phải tới nơi đó, thôi thì cũng đành. Phỏng tôi là cái gì mà lại than phiền? Nhìn Người, tôi những muốn kêu lên: "Đức cha vĩ đại! Ôi, người anh hùng. Người anh hùng của chúa!" Buổi tối hôm ấy, chúng tôi được biết thêm về những việc Người làm.

- Tôi bán cái nhà của tôi đi, - Người nói. - Nói đúng hơn, có bao nhiêu nhà, tôi bán hết. Tôi bán cả những cửa của cải khác nữa. Tôi biết là tôi phải làm bí mật, nếu không họ sẽ lấy hết của tôi. Thật là kinh khủng. Nhiều lúc tôi cứ ngạc nhiên mãi: với số tiền hai chục vạn đô-la, có thể mua được vô số khoai tây, bánh mì, thịt, than, củi. - Người quay sang phía Ernest: - Ông bạn trẻ ạ, ông nói rất đúng. Lao động họ làm ra bao nhiêu, thế mà lương thì mạt hạng. Thật là khủng khiếp. Suốt đời tôi, tôi chưa hề mớ tay vào một việc gì, trừ cái việc nói như rỗng như phượng cho một lũ Pharisees nghe. Trước tôi cứ tưởng là tôi đi truyền bá sứ mệnh của Nhà thờ, và do đó cho nên tôi đáng giá một nửa triệu đô-la. Tôi cũng chẳng hiểu một nửa triệu đô-la mua được cơ man nào là khoai tây, là bánh mì, là bơ, là thịt. Tôi còn nhận thức được hơn thế nữa kia. Tôi nhận thức được rằng tất cả số khoai tây, bánh mì, bơ và thịt bò đó là của tôi, thế mà tôi không hề lao động để làm ra nó. Như vậy, rõ ràng là có kẻ nào khác đã lao động để tạo nên những thứ đó và bị cướp mất những thứ đó. Và khi đi xuống giữa đám dân nghèo, tôi đã thấy những kẻ bị cướp đoạt kia, những kẻ đói rách, cực khổ vì bị cướp đoạt. Chúng tôi kéo Người lại câu chuyện Người đang kể:

- Tiền ấy ư? Tôi gửi ở nhiều nhà băng khác nhau, dưới những tên khác nhau. Bây giờ thì đừng hòng cướp đi của tôi, vì sẽ không bao giờ có thể phát hiện ra được. Tiền, thật là quý hết chỗ nói. Nó mua được bao nhiêu là thức ăn! Trước kia, chẳng bao giờ tôi biết tiền dùng để làm gì. - Chúng tôi rất mong được một phần chỗ tiền đó để dùng vào việc tuyên truyền, - Ernest trầm ngâm nói. - Được như thế thì ích lợi vô cùng. - Ông chắc như thế ư? - đức Giám mục hỏi. - Tôi không tin tưởng vào chính trị lắm. Thực ra, tôi sợ là tôi không hiểu về chính trị. Ernest rất tế nhị trong những vấn đề như thế. Anh không hỏi lại, mặc dầu anh hiểu rằng Đảng Xã hội đang điều đứng vì thiếu quỹ.

- Tôi ngủ ở nhà trọ rẻ tiền, - đức Giám mục nói tiếp. - Nhưng tôi rất sợ. Tôi không bao giờ ở lâu một chỗ. Cùng một lúc tôi thuê hai phòng ở những nhà lao động trong hai khu phố khác nhau. Kể cũng quá quắt thật đấy. Tôi biết, nhưng cần phải thế. Tôi kéo lại một phần bằng cách làm bếp lấy, mặc dầu thỉnh thoảng tôi cũng đến ăn ở những tiệm cà-phê rẻ tiền và tôi đã khám phá ra một điều: Đêm khuya, lúc trời lạnh buốt mà ăn *tamales*[83] thì thật tuyệt. Phải một nỗi đắt quá. Nhưng tôi đã tìm ra một chỗ mua một hào được ba cái, ăn không ngon bằng những nơi khác, nhưng được cái nóng sốt. "Cuối cùng, tôi đã tìm ra việc để làm cho nhân loại và được như vậy là nhờ có ông, ông bạn trẻ tuổi ạ. Việc đó là việc của Chúa. Đức Giám mục nhìn tôi và mắt

người long lanh lên: - Cô đã bắt gặp tôi đang nuôi con chiên của Chúa. Và dĩ nhiên là cả hai người sẽ cùng giữ bí mật cho tôi.

Người nói vẻ thung dung lắm, nhưng nghe cũng biết là trong bụng Người rất sợ. Người hứa sẽ lại thăm chúng tôi. Một tuần sau, chúng tôi đọc báo thấy nói đến đức Giám mục Morehouse. Người đã bị đưa vào nhà điên Napa và trường hợp của người tuy vậy cũng vẫn còn chút hi vọng. Chúng tôi tìm hết cách để gặp Người, để làm cho trường hợp của Người được xét lại và điều tra lại, nhưng vô hiệu. Chúng tôi cũng không tài nào biết được gì thêm về Người, ngoài những lời tuyên bố lấp đi lấp lại là vẫn còn có một vài hi vọng mỏng manh rằng Người sẽ khỏi bệnh.

- Chúa Jesus ngày xưa bảo người nhà giàu trẻ tuổi bán hết của cải của mình đi. - Ernest nói bằng một giọng chua chát. - Cụ Giám mục tuân theo lời Chúa dạy mà đem tất cả các thứ mình có cho người nghèo tức là điên. Không còn bàn cãi lời thôi gì nữa. Xã hội đã lên tiếng như vậy rồi..

Chương XIII

Cuộc tổng bãi công

Cố nhiên, Ernest được bầu vào Quốc hội, giữa lúc quần chúng đổ xô theo chủ nghĩa xã hội, hồi cuối năm 1912. Một yếu tố lớn đã giúp cho số phiếu của Đảng Xã hội tăng lên, đó là việc đánh đổ Hearst. Việc này giai cấp tài phiệt coi cũng dễ như trở bàn tay. Mỗi năm Hearst bỏ mười tám triệu đô-la để ra các loại báo khác nhau. Ông ta thu về số tiền đó - còn hơn nữa là khác - là nhờ chỗ giai cấp trung lưu gửi đăng quảng cáo. Nguồn thế lực tài chính của ông ta hoàn toàn trông vào giai cấp trung lưu. Các tư-rót không đăng quảng cáo[84] . Muốn triệt Hearst, chỉ cần tước hết các quảng cáo của ông ta là đủ. Giai cấp trung lưu vẫn chưa bị tiêu diệt toàn bộ. Bộ xương khổng lồ của nó vẫn còn, nhưng đã hết sức mạnh. Các nhà tiểu công nghiệp và tiểu doanh nghiệp còn sống sót hoàn toàn bị bọn tài phiệt thao túng. Họ không còn cái hồn kinh tế, cũng không còn cái hồn chính trị của họ nữa. Khi bọn tài phiệt ra lệnh, họ liền rút quảng cáo vẫn đăng trên các báo chí của Hearst.

Hearst chống lại rất anh dũng. Ông ta chịu lỗ mỗi tháng một triệu rưỡi để ra báo. Ông ta tiếp tục đăng quảng cáo mặc dầu không ai trả tiền. Bọn tài phiệt ra lệnh, cho các nhà tiểu doanh nghiệp và tiểu công nghiệp tới tấp gửi thư về đòi ông ta phải thôi không được đăng những quảng cáo cũ của họ nữa. Hearst cứ đăng. Toà án sức về bắt thôi, Hearst vẫn cứ đăng. Ông ta bị sáu tháng tù vì tội khinh thường không tuân lệnh toà án, giữa lúc ông ta vỡ nợ vì bị không biết bao nhiêu người kiện đòi bồi thường. Ông ta không thoát ra lối nào được. Bọn tài phiệt đã tuyên án ông ta. Các toà án đều nằm trong tay bọn tài phiệt để thi hành án. Và Hearst đổ thì Đảng Dân chủ mà ông ta vừa nắm được cũng đổ theo.

Sau khi Hearst và Đảng Dân chủ bị phá sản, những người theo Hearst chỉ còn hai con đường. Một là vào Đảng Xã hội; hai là vào Đảng Cộng hoà. Thế là bao nhiêu công lao của Hearst làm để tuyên truyền giả danh cho chủ nghĩa xã hội, chúng tôi thừa hưởng hết; vì tuyệt đại đa số những người theo ông ta chạy sang với chúng tôi. Hồi này là hồi các chủ trại bị tước đoạt tài sản. Giá không có Đảng Kho thóc đẩy lên hoạt động một cách ngăn ngừa và vô ích, thì chúng tôi còn nhờ thế mà được thêm nhiều phiếu. Ernest và các lãnh tụ của Đảng Xã hội đấu tranh rất quyết liệt để tranh thủ các chủ trại, nhưng việc các báo chí và nhà xuất bản của Đảng Xã hội bị thủ tiêu đã trở thành một trở ngại quá lớn, trong khi việc tuyên truyền miệng chưa được tổ chức chu đáo. Thành thử những nhà chính trị như ông Calvin, bản thân là chủ trại bị tước đoạt tài sản từ lâu, đã tranh thủ được các chủ trại và ném lực lượng chính trị của họ vào một cuộc chiến đấu vô ích. Một hôm, Ernest cười rĩ rượi nói: - Khốn khổ thay các ông chủ trại! Các tư-rót bịt hết lối tiến thoái của họ rồi!

Tình hình quả như thế thật. Bảy tư-rót lớn câu kết với nhau, hùn chỗ hàng ế thừa khổng lồ của chúng lại và lập một tư-rót trang trại. Từ lâu các công ty xe lửa kiểm soát giá vận tải, cùng với các chủ ngân hàng và bọn đầu cơ chứng khoán, kiểm soát giá thị trường. đã bóp hầu bóp cổ các chủ trại và dồn họ vào thế phải đi vay nợ. Từ lâu bọn chủ ngân hàng, và tất cả các tư-rót lớn, đã bỏ ra những món tiền kếch sù cho các chủ trại vay. Các chủ trại đã sa vào lưới. Chỉ còn

có việc kéo lưới lên là xong hết và tơ-rót trang trại đã làm việc đó.

Thời kì khó khăn năm 1912 đã gây ra một tình trạng bế tắc khủng khiếp trên thị trường nông phẩm. Giá hàng bị đánh tụt ghê gớm khiến nhiều người vỡ nợ, trong khi đó thì các công ty xe lửa đề gãy lưng con lạc đà chủ trại bằng những giá vận tải cắt hòng. Thành thử các chủ trại buộc phải vay nợ ngày càng nhiều trong khi họ không sao trả được những món nợ cũ. Tiếp đó, các văn tự cầm cố hết hạn và họ bắt buộc phải trả nợ. Các chủ trại đành nộp ruộng đất cho tơ-rót trang trại. Họ cũng chẳng còn cách nào khác. Nộp ruộng đất xong, các chủ trại đi làm cho các tơ-rót trang trại, trở thành quản lí, quản đốc, đốc công và lao công thường. Họ làm thuê để lấy lương. Nói vắn tắt một câu thì họ thành một lũ nông nô bị trói chặt vào ruộng đất bằng đồng lương để sống. Họ không thể thoát li chủ được, vì chủ họ chính là bọn tài phiệt. Họ không thể ra thành phố, vì ở đó cũng vẫn là bọn tài phiệt nắm quyền kiểm soát. Họ chỉ còn một lối thoát; dời bỏ ruộng đất để đi tha phương cầu thực, tóm lại, để chết đói. Mà ngay lối thoát này cũng bị nốt, vì Nhà nước đã thông qua và đem thi hành ráo riết những đạo luật nghiệt ngã về việc tha phương cầu thực.

Cố nhiên ở một vài nơi, do hoàn cảnh đặc biệt, có những chủ trang trại, thậm chí những tập đoàn chủ trại thoát khỏi cảnh bị tước đoạt tài sản. Nhưng họ chỉ là những trường hợp lẻ tẻ, không đáng kể, và đến năm sau thì họ cũng chịu chung một số phận như những người khác[85].

Vì thế cho nên cuối năm 1912, các lãnh tụ Đảng Xã hội, trừ Ernest, quả quyết rằng chủ nghĩa tư bản đã đến ngày cáo chung, chính là như vậy. Nào là thời thế khó khăn, cơ man nào là người thất nghiệp, nào là tầng lớp chủ trại và giai cấp trung lưu bị tiêu diệt, nào là các nghiệp đoàn bị đánh bại không ngóc đầu lên được nữa; những người xã hội chủ nghĩa đã tưởng chủ nghĩa tư bản đến lúc hết thời, hèn nào họ chẳng thách đọ gắng với bọn tài phiệt.

Khổ thay, chúng tôi thật đã đánh giá quá thấp sức mạnh của kẻ địch! Ở khắp nơi, những người xã hội chủ nghĩa đều tuyên bố họ sắp thắng trong tuyển cử và nhận định tình hình bằng những lời lẽ quyết đoán hết sức. Giai cấp tài phiệt nhận lời thách thức. Sau khi cân nhắc, tính toán, nó đã dùng thủ đoạn chia rẽ để đánh bại chúng tôi. Chính bọn tài phiệt thông qua bọn tay sai bí mật, đã la lối lên rằng chủ nghĩa xã hội là vô thần, xúc phạm đến Chúa, chính bọn tài phiệt đã kích các giáo hội, nhất là Nhà thờ Cơ đốc, vào một trận tuyển, và cướp của chúng tôi một phần phiếu của nhân dân lao động. Dĩ nhiên cũng chính bọn tài phiệt thông qua bọn tay sai bí mật, đã khuyến khích Đảng Kho thóc, thậm chí đã phát triển Đảng này vào các thành phố lớn, vào hàng ngũ của giai cấp trung lưu đang giãy chết.

Tuy nhiên quần chúng đông đảo vẫn đổ xô theo chủ nghĩa xã hội. Nhưng, đáng lẽ chúng tôi đại thắng và giành được những chức vụ chủ chốt trong bộ máy hành chính và đa số trong các cơ quan lập pháp, thì chúng tôi lại bị thiếu số. Chúng tôi có bầu được năm mươi nghị sĩ quốc hội thật, nhưng khi họ nhận nhiệm vụ vào mùa xuân 1913, họ tự thấy không có một chút quyền lực nào. Tuy vậy, họ vẫn còn may mắn hơn người của Đảng Kho thóc: những người này giành được nhiều chức vụ trong chính phủ của mười hai bang, nhưng không được nhậm chức. Bọn người đang giữ những chức vụ nói trên nhất định không rút lui, mà toà án thì đều nằm trong tay tập đoàn thiểu số thống trị. Nhưng thôi, nói đến những sự kiện này thì sớm quá. Tôi phải kể lại cái thời kì sóng gió vào mùa đông năm 1912 đã.

Thời thế khó khăn trong nước đã khiến cho sức tiêu dùng của toàn dân sụt xuống một cách ghê gớm. Lao động thất nghiệp không có tiền mua bán. Kết quả là số hàng ế thừa trong tay giai cấp tài phiệt tăng đến một mức chưa từng thấy. Chúng bắt buộc phải đẩy số hàng ế thừa đó ra nước ngoài và cần tiền để thực hiện những âm mưu khổng lồ của chúng. Vì cố tìm mọi cách để tống số hàng thừa ra thị trường thế giới, bọn tài phiệt vấp phải nước Đức. Các cuộc chạm trán về kinh tế thị trường đưa đến chiến tranh, cuộc chạm trán đặc biệt này cũng vậy. Tên vua chiến tranh nước Đức chuẩn bị, và nước Hoa Kỳ cũng chuẩn bị.

Nguy cơ chiến tranh treo trên đầu mọi người như một đám mây đen khủng khiếp. Người ta đã dựng xong sân khấu cho một cuộc thảm họa thế giới; vì khắp thế giới đều khủng hoảng, lao động dấy lên, các giai cấp trung lưu phá sản, thất nghiệp đầy rẫy, và chạm quyền lợi ngày càng nhiều trên thị trường thế giới, khắp nơi người ta bàn tán xôn xao cách mạng xã hội chủ nghĩa[86].

Tập đoàn thiểu số thống trị muốn gây chiến tranh với nước Đức. Chúng muốn chiến tranh vì nhiều lí do. Chiến tranh nổ ra thì chúng sẽ tha hồ đục nước thả câu, chúng sẽ đánh tráo những con bài quốc tế. sẽ kí kết những hiệp ước và những khối liên minh mới, sẽ tha hồ phát tài. Ngoài ra, chiến tranh sẽ giúp chúng tiêu thụ những hàng ế thừa trong nước, giảm những đội quân thất nghiệp đang đe dọa tất cả các nước và khiến cho tập đoàn thiểu số thống trị có chỗ thở để chúng hoàn chỉnh các kế hoạch của chúng và đem thực hiện. Chiến tranh sẽ giúp cho tập đoàn thiểu số thống trị thực sự nắm được thị trường thế giới. Chiến tranh còn tạo ra một đội quân thường trực lớn không cần phải thái hời và trong đầu óc nhân dân, khẩu hiệu "nước Mỹ chống nước Đức" sẽ thay thế cho khẩu hiệu "chủ nghĩa xã hội chống tập đoàn thiểu số thống trị".

Và nếu không có những người xã hội chủ nghĩa thì chiến tranh đã đưa đến tất cả những kết quả đó thật. Một cuộc hội nghị bí mật giữa những người lãnh đạo phong trào ở miền Tây đã nhóm họp trong bốn gian phòng tí tẹo của chúng tôi, ở phố Pell. Trước hết, hội nghị bàn về lập trường mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải có. Trên thế giới, đây không phải lần đầu tiên những người xã hội chủ nghĩa dập tắt ngọn lửa chiến tranh[87], nhưng ở Hoa Kỳ đây là lần đầu tiên chúng tôi làm như vậy. Sau hội nghị, chúng tôi tiếp xúc với tổ chức toàn quốc của Đảng, và không bao lâu điện mặt mã của chúng tôi đánh đi đánh về qua Đại Tây Dương, giữa chúng tôi và Ban Thường vụ Quốc tế.

Những người xã hội chủ nghĩa Đức sẵn sàng phối hợp hành động với chúng tôi. Họ có tất cả trên năm triệu người, nhiều người nằm ngay trong quân đội thường trực, và thêm vào đó có quan hệ rất tốt với các tổ chức công đoàn. Ở cả hai nước, những người xã hội chủ nghĩa đều ra một tuyên bố táo bạo chống chiến tranh và dọa tổng bãi công. Và trong khi chờ đợi, họ chuẩn bị tổng bãi công. Không những thế, các đảng cách mạng ở tất cả các nước đều công bố nguyên tắc xã hội chủ nghĩa về việc giữ hoà bình quốc tế bằng mọi cách, dù có phải khởi nghĩa hay làm cách mạng ở trong nước thì cũng làm.

Cuộc tổng bãi công đã thắng lợi lớn lao duy nhất mà những người xã hội chủ nghĩa Mỹ chúng tôi giành được. Ngày 4 tháng 12, đại sứ Mỹ ở thủ đô nước Đức bị triệu hồi. Đêm hôm đó, một hạm đội của Đức tấn công vào Honolulu, đánh đắm ba tuần dương hạm Mỹ cùng với một

tàu tuần tiểu hải quân và nã đại bác vào thành phố. Hôm sau, cả hai nước Đức và Hoa Kỳ cùng tuyên chiến, và trong vòng không đầy một tiếng đồng hồ, những người xã hội chủ nghĩa kêu gọi bãi công ở cả hai nước.

Đây là lần đầu tiên tên Đức hoàng hiếu chiến phải đương đầu với nhân dân nước y, những người làm cho bộ máy đế quốc của y hoạt động. Không có những người này thì y không thể làm cho đế quốc của y chạy được. Chỗ mới của tình hình là họ làm một cuộc khởi nghĩa thụ động. Họ không tấn công. Họ không làm gì hết, và bằng cách chẳng làm gì hết, họ đã trói chặt tay của tên vua chiến tranh nước họ. Tên vua chiến tranh này không mong gì hơn là tìm được cơ hội tốt để thả đàn chó chiến tranh của y ra cho xông vào cắn xé giai cấp vô sản đang làm loạn ở nước y. Nhưng y không làm được. Y không huy động được quân đội ra mặt trận, cũng không trừng trị được lũ thần dân cứng cổ. Bộ máy đế quốc của y không còn một bánh xe nào hoạt động. Không có lấy một đoàn tàu chạy, không có lấy một bức điện báo truyền trên đường dây bởi vì nhân viên điện báo và nhân viên hoả xa đều đã nghỉ việc cùng với các tầng lớp nhân dân khác.

Và bên Đức thế nào thì bên Hoa Kỳ cũng thế! Cuối cùng, giới lao động có tổ chức đã rút được bài học của họ. Bị đánh bại trên trận địa mà tự mình đã chọn lấy, họ đã rời bỏ trận địa đó và chuyển sang trận địa chính trị của những người xã hội chủ nghĩa; vì cuộc tổng bãi công là một cuộc bãi công chính trị. Vả lại, giới lao động có tổ chức đã bị đánh bại một cách hết sức tàn bạo, họ cũng chẳng cần gì nữa. Họ tham gia bãi công cũng vì họ đã hoàn toàn thất vọng. Công nhân vứt dụng cụ và bỏ việc hàng triệu người. Đặc biệt đáng chú ý là anh em công nhân cơ khí. Đầu họ còn bê vết máu, tổ chức của họ rõ ràng đã bị phá tan, ấy thế mà họ cũng xuống đường đấu tranh, cùng với đồng minh của họ là những anh em công nhân ở các ngành luyện kim.

Ngay cả những anh em lao công thường và những người lao động không có tổ chức cũng bỏ việc. Cuộc tổng bãi công đã khoá chặt mọi ngành hoạt động, đến nỗi cũng không ai có thể đi làm được. Ngoài ra, chị em phụ nữ đã tỏ ra là những người cổ vũ bãi công hăng nhất. Họ kiên quyết chống chiến tranh. Họ không muốn chồng con họ phải đi làm bia đỡ đạn. Rồi thì ý niệm tổng bãi công đã ăn sâu vào tâm lí nhân dân. Nó đập vào óc hài hước của họ. Ý niệm đó lan nhanh như bệnh dịch. Trẻ em bãi khoá ở tất cả các trường, và những giáo viên nào đến dạy cũng đều phải rời các phòng vắng tanh vắng ngắt trở về nhà. Cuộc tổng bãi công diễn ra dưới hình thức một cuộc cấm trại lớn có tính chất toàn quốc. Tinh thần đoàn kết của lao động nổi bật hẳn lên và kêu gọi trí tưởng tượng của tất cả mọi người. Và sau hết thì cái trò chơi khổng lồ này cũng chẳng có gì nguy hiểm. Khi mà tất cả mọi người đều phạm tội thì biết trừng trị ai?

Nước Hoa Kỳ bị tê liệt, không còn ai biết là đang xảy ra chuyện gì nữa. Báo chí không, thư từ không, điện tín không. Mỗi địa phương đều bị hoàn toàn cô lập, chừng như có một khoảng hoang vu hàng vạn dặm ngăn cách nó với phần thế giới còn lại. Trong thực tế, thế giới như không còn tồn tại nữa. Và tình trạng này đã được duy trì trong một tuần lễ.

Ở San Francisco, chúng tôi không hề biết bên kia vịnh, ở Oakland hoặc Berkeley, đang xảy ra việc gì. Tình trạng này gây cho người ta một cảm giác kì dị nặng như đá đeo. Hình như một thiên thể gì rất lớn nằm chết còng queo ra đó. Mạch của xứ sở đã ngừng đập. Cả nước đã chết thật sự. Không có tiếng cam-nhông, có tiếng điện chạy vo vo trên không, không có ô-tô qua lại, không có tiếng rao của trẻ bán báo, không có gì hết, ngoài những con người thỉnh thoảng lướt

đi nhanh như bóng ma và bản thân họ cũng đã bị cái im lặng đè dể xuống và biến thành hư ảo.

Và trong cái tuần lễ im lặng đó, tập đoàn thiểu số thống trị đã được nhân dân dạy cho một bài học. Và nó đã học thuộc bài học đó. Cuộc tổng bãi công là một bài cảnh cáo. Không thể để nó tái diễn được. Tập đoàn thiểu số thống trị sẽ để mắt đến việc này.

Hết một tuần lễ, chừng như đã xếp đặt từ trước những nhân viên điện báo của Đức và Hoa Kỳ đều trở lại làm việc. Thông qua họ các lãnh tụ xã hội chủ nghĩa ở cả hai nước cùng gửi tối hậu thư cho bọn cầm quyền. Phải chấm dứt ngay chiến tranh, bằng không cuộc tổng bãi công sẽ tiếp diễn. Cũng chẳng phải lâu la gì hai bên mới hiểu được nhau. Bọn cầm quyền tuyên bố xoá bỏ chiến tranh và dân chúng cả hai nước đều làm việc trở lại.

Chính việc lập lại hoà bình này đã đưa đến khối liên minh giữa nước Đức và nước Hoa Kỳ. Thật ra đó là một liên minh giữa Đức hoàng và tập đoàn thiểu số thống trị Hoa Kỳ nhằm chống lại một kẻ thù chung là giai cấp vô sản cách mạng ở cả hai nước. Về sau, khi những người xã hội chủ nghĩa Đức lật đổ ngai vàng của tên vua chiến tranh, chính tập đoàn thiểu số thống trị Hoa Kỳ lại giở mặt huỷ bỏ khối liên minh này. Đó cũng chính là cái đích mà bọn thiểu số thống trị trước đây đã từng nhằm: tiêu diệt địch thủ lớn nhất của chúng trên thị trường thế giới. Đức hoàng về vườn rồi thì nước Đức không còn hàng ế thừa bán ra nước ngoài nữa. Do bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân Đức sẽ tiêu dùng tất cả những thứ họ sản xuất ra. Lẽ dĩ nhiên họ sẽ có đưa một số vật phẩm họ sản xuất ra nước ngoài đổi lấy những thứ họ không sản xuất, nhưng số hàng này hoàn toàn khác với số hàng ế thừa không tiêu dùng hết. Khi mọi người biết tin bọn thiểu số thống trị trở mặt với Đức hoàng, Ernest bảo:

- Tôi đánh cuộc rằng tập đoàn thiểu số thống trị sẽ tìm được cách biện bạch. Cũng như thường lệ, chúng sẽ tin rằng chúng làm như thế là đúng.

Và sự thật thì tập đoàn thiểu số thống trị đã tự bào chữa trước công chúng rằng chúng đã hành động như vậy là để cứu nhân dân Mỹ, vì quyền lợi của họ đang bị đe dọa. Chúng đã gạt được tên địch thủ đáng căm ghét của chúng ra khỏi thị trường thế giới và đã tạo điều kiện cho nước Mỹ sử dụng chỗ hàng ế thừa trên thị trường đó. Và Ernest bình luận:

- Cái chỗ thậm vô lí trong việc này chính là chúng mình phải khoanh tay ngồi nhìn một bọn người ngu xuẩn quản lí những quyền lợi của mình. Bọn chúng tạo điều kiện cho chúng mình bán thêm hàng ra nước ngoài có nghĩa là chúng bắt chúng mình phải tiêu thụ ít đi ở trong nước.

Chương XIV

Bước đầu của sự kết thúc

Ngay từ tháng giêng năm 1913, Ernest đã nhìn thấy hướng phát triển của tình hình, nhưng anh không sao làm cho các lãnh tụ khác của phong trào thấy rõ được viễn ảnh của cái Gót sắt đã thành hình trong tâm trí anh. Họ quá ư tin tưởng. Sự biến thì xảy ra quá dồn dập và tiến rất mau đến chỗ tuyệt đỉnh. Một cuộc khủng hoảng đã diễn ra trong phạm vi thế giới. Tập đoàn

thiếu số thống trị Mỹ đã thực sự nắm được thị trường thế giới và hai chục nước đã bị quăng ra khỏi thị trường đó với chỗ hàng ế thừa không tiêu thụ được cũng không bán được ở trong tay. Đối với những nước như thế, chỉ còn một cách là tổ chức lại. Họ không thể tiếp tục phương pháp sản xuất hàng ế thừa của họ được. Họ thấy chủ nghĩa tư bản đối với họ như vậy là sụp đổ, không còn hi vọng gì nữa.

Việc tổ chức lại những nước đó tiến hành dưới hình thức một cuộc cách mạng. Đó là một thời kì hỗn loạn, người ta phải dùng bạo lực. Những tổ chức xã hội và những chính phủ ở khắp mọi nơi đều sụp đổ. Trừ một vài nước, còn thì ở khắp mọi nơi, bọn chủ tư bản trước đây đều chống lại kịch liệt để bảo vệ tài sản của chúng. Nhưng giai cấp vô sản chiến đấu đã giành được chính phủ trong tay bọn chúng rồi. Rốt cùng, câu nói cổ điển của Marx đã được thực hiện: "Hồi chuông báo hiệu giờ chết của tư hữu tư bản chủ nghĩa đã điểm. Bọn người chuyên đi tước đoạt tài sản của người khác sẽ bị tước đoạt hết tài sản". Và những chính phủ tư bản sụp đổ đến đâu, thì lập tức có những hợp tác xã nổi lên thay thế. "Vì sao nước Hoa Kỳ lại đi lệt bệt đằng sau như vậy?"; "Anh em cách mạng Mỹ, hãy hoạt động lên!"; "Nước Mỹ làm sao thế này?"

Đó là những bức thư của những đồng chí chúng tôi đã thành công ở những nước khác gửi cho chúng tôi. Nhưng chúng tôi không tài nào ngóc dậy được. Tập đoàn thiếu số thống trị đã đứng vững trên đường đi. Cái khối lù lù của nó, giống như một con quái vật khổng lồ, đã bịt lối chúng tôi. Chúng tôi trả lời: "Các đồng chí hãy chờ đến sang xuân, lúc chúng tôi nắm chính quyền. Lúc ấy các đồng chí sẽ rõ".

Đằng sau câu trả lời của chúng tôi có một điều bí mật. Chúng tôi đã tranh thủ được các đảng viên Kho thóc, và sang xuân tất cả sẽ có mười hai bang do họ nắm, theo những kết quả bầu cử mùa thu vừa rồi. Tất cả sẽ có mười hai nước cộng hoà hợp tác xã được thành lập cùng một lúc. Sau đó, phần còn lại cũng dễ giải quyết thôi.

- Thế lỡ những đảng viên Kho thóc bị phá sản, không nắm được các ghế đó thì sao? - Ernest hỏi. Và các đồng chí của anh gọi anh là người động mớ mồm là nói đến tai họa.

Song việc các đảng viên Kho thóc không nhậm chức vẫn chưa phải là nguy cơ chính mà Ernest lo ngại. Anh nhìn thấy trước rằng những công đoàn lớn sẽ bội phản và sẽ phân hoá thành đẳng cấp.

- Ghent đã dạy cho bọn thiếu số thống trị cách thức gây nên tình trạng đó rồi. - Ernest nói. - Tôi đánh cuộc rằng bọn thiếu số thống trị đã dùng cuốn "Chủ nghĩa phong kiến từ thiện" của lão ta làm sách giáo khoa[88]. Tôi sẽ không bao giờ quên buổi đêm hôm đó. Sau một cuộc bàn cãi sôi nổi với sáu lãnh tụ công đảng. Ernest quay lại nói với tôi bằng một giọng bình tĩnh: - Thế này là hết. Cái Gót sắt đã thắng. Chúng ta sắp bị tiêu diệt đến nơi rồi.

Cuộc hội nghị nhỏ này nhóm họp ở nhà tôi. Nó không có tính chất chính thức. Nhưng Ernest cùng với các đồng chí của anh đều cố vận động những lãnh tụ công đảng để họ cam kết sẽ động viên quần chúng của họ tham gia cuộc tổng bãi công sắp tới. Trong số sáu lãnh tụ công đảng có mặt, O'Connor, chủ tịch Hội công nhân cơ khí, là người từ chối cương quyết hơn cả. Y nhất định không cam kết điều đó. - Ông đã thấy đấy, sách lược bãi công và tẩy chay cũ của các ông khiến cho các ông bị đánh tơi bời ra còn gì. - Ernest nói. O'Connor và những lãnh tụ công đảng khác gật đầu.

- Mà các ông cũng đã thấy, chỉ cần một cuộc tổng bãi công là đủ, - Ernest tiếp. - Chúng tôi đã ngăn chặn được chiến tranh với nước Đức. Chưa bao giờ tinh thần đoàn kết và sức mạnh của lao động lại được phô trương đẹp đẽ như thế. Lao động có thể và sẽ cai quản thế giới. Nếu các ông tiếp tục bắt tay với chúng tôi thì nhất định chúng ta sẽ chấm dứt được ách tư bản. Đó là mối hi vọng duy nhất của các ông. Còn hơn thế nữa kia, thì các ông đã biết đấy. Không có lối nào thoát đâu! Nếu các ông cứ theo những sách lược cũ thì bất kì làm cái gì các ông cũng sẽ thất bại. Chỉ riêng cái việc bọn chủ tư bản nắm trong tay các toà án cũng đủ làm cho các ông thất bại rồi[89].

- Ông kết luận vội vàng quá, - O'Connor đáp. - Ông không biết hết các lối thoát. Vẫn còn một lối thoát khác. Việc của chúng tôi thì chúng tôi phải biết hết chứ. Chúng tôi phát ốm người lên vì bãi công rồi. Chính vì bãi công mà chúng tôi bị đánh tơi bời. Nhưng từ nay về sau, thì chúng tôi không bao giờ cần phải tung quần chúng của chúng tôi ra nữa. - Thế lối thoát của ông là gì? - Ernest hỏi thẳng. O'Connor cười lắc đầu: - Tôi có thể nói để ông rõ điều này, là trước đây chưa bao giờ chúng tôi nằm ngủ cả, cho nên lúc này chúng tôi không mê ngủ đâu. - Chắc các ông cũng chẳng có gì phải sợ hãi hay phải xấu hổ chứ nhỉ? - Ernest nói kháy. - Tôi nghĩ việc của chúng tôi thì chúng tôi phải biết rõ hơn ai hết, - y đáp. - Cứ xem cái lối các ông giấu như mèo giấu cút ấy thì cũng biết đó là một việc mờ ám, - Ernest nổi giận nói.

- Bài học kinh nghiệm của chúng tôi đã phải trả bằng mồ hôi, bằng máu. Cho nên sau này nếu chúng tôi có được hưởng cái gì thì cũng đều do chúng tôi khổ công mà có. Phải biết làm phúc cho mình trước, rồi mới đi làm phúc cho người... Máu Ernest sôi lên:

- Nếu các ông sợ không dám nói cho tôi nghe lối thoát của các ông thì để tôi nói toạc nó ra cho các ông nghe. Các ông định theo voi hít bã mía. Các ông đã bắt tay với kẻ thù. Đó, việc các ông đã làm là như thế. Các ông đã bán rẻ sự nghiệp của lao động, của tất cả những người lao động. Các ông đang bỏ trận địa như một lũ hèn nhát.

- Tôi không nói lời thôi, - O'Connor cau gắt. - Tôi nghĩ rằng làm thế nào có lợi nhất cho chúng tôi, điều đó tất chúng tôi phải biết hơn các ông.

- Nhưng còn làm thế nào có lợi nhất cho tất cả số người lao động còn lại thì các ông không thèm quan tâm lấy một xu. Các ông giờ chân ra đá họ lăn xuống huyệt.

- Tôi không nói lời thôi, - O'Connor đáp. - Ông chỉ cần biết tôi là chủ tịch Hội công nhân cơ khí, và việc của tôi là phải trông nom đến quyền lợi của những người mà tôi đại diện, có thể thôi.

Sau đó các lãnh tụ công đảng bỏ về. Với một vẻ trầm tĩnh anh thường có khi gặp thất bại, anh phác qua cho tôi thấy trình tự những biến cố sẽ xảy ra. Anh bảo:

- Những người xã hội chủ nghĩa vẫn thường vui mừng báo trước cái ngày nhân dân lao động có tổ chức bị đánh bại trên lĩnh vực công nghiệp, sẽ bước sang lĩnh vực chính trị. Bây giờ thì cái Gót sắt đã đánh bại các công đoàn trên lĩnh vực công nghiệp và đẩy họ sang lĩnh vực chính trị; nhưng đáng lẽ việc đó là một điều đáng mừng cho chúng ta thì trái lại nó sẽ là một nguồn phiền lụy. Cái Gót sắt đã có kinh nghiệm rồi. Chúng ta đã vạch cho nó thấy sức mạnh của chúng ta trong cuộc tổng bãi công. Nó đã tìm biện pháp để ngăn ngừa một cuộc tổng bãi công khác. -

Nhưng bằng cách nào cơ? - tôi hỏi.

- Có gì đâu, nó sẽ trợ cấp cho các công đoàn lớn. Các công đoàn này sẽ không tham gia cuộc tổng bãi công sắp tới. Thành thử sẽ không có tổng bãi công. - Nhưng cái Gót sắt không thể duy trì một chương trình tổn kém như thế mãi được, - tôi phản đối.

- Ồ, nó có trợ cấp cho tất cả các công đoàn đâu! Cái đó không cần thiết. Tình hình rồi sẽ diễn biến như thế này: nó sẽ tăng lương và giảm giờ làm trong các công đoàn đường sắt, công đoàn luyện kim, công đoàn kĩ sư và công đoàn cơ khí. Ở những công đoàn đó sẽ tiếp tục có những điều kiện ưu tiên hơn. Có chân trong những công đoàn này sẽ không khác gì kiếm được một ghế ngồi trên thiên đường.

- Em vẫn chưa nhìn thấy thế, - tôi phản đối. - Thế còn những công đoàn khác thì sẽ sao? Những công đoàn ở ngoài vẫn nhiều hơn những công đoàn đứng trong cái tổ hợp đó kia mà?

- Những công đoàn khác sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị hết. Bởi vì công nhân đường sắt, công nhân cơ khí và kĩ sư, công nhân đúc sắt và đúc thép, họ làm công việc chủ yếu, có tính chất sinh tử, của nền văn minh cơ khí chúng ta. Em có thấy thế không nào? Một khi đã nắm chắc được họ, cái Gót sắt sẽ bắt chấp tất cả những người lao động khác. Sắt, thép, than, cơ khí và vận tải hợp lại thành cái xương sống của tất cả bộ máy công nghiệp.

- Thế còn than? - Tôi hỏi. - Có đến gần một triệu công nhân mỏ kia mà?

- Trong thực tế, họ là những lao động không có chuyên môn. Họ không đáng kể. Họ sẽ bị hạ lương và tăng giờ làm. Họ sẽ phải làm nô lệ cũng như tất cả chúng ta, và trong tất cả chúng ta đây, không khéo họ sẽ trở thành khốn đốn và ngu muội nhất, không khác gì súc vật. Họ sẽ bị cưỡng bức phải lao động, y hệt như các chủ trại lúc này đang cưỡng bức phải lao động cho bọn trùm tư bản đã cướp không ruộng đất của họ. Và tất cả những công đoàn đứng ngoài tổ hợp rồi cũng thế. Em cứ chờ mà xem: họ dao động và đi đến chỗ tan rã và các đoàn viên của họ trở thành một lũ nô lệ bị cái dạ dày lép kẹp của bản thân và luật pháp của Nhà nước dồn đến chỗ đầu tắt mặt tối.

"Em có biết thằng Farley[90] và bọn tay chân của chúng chuyên đi phá hoại bãi công sau này sẽ ra sao không? Để anh nói cho em nghe. Cái nghề phá bãi công sẽ hết. Sẽ không còn bãi công nữa. Thay thế cho các cuộc bãi công sẽ có những cuộc khởi nghĩa của nô lệ. Farley và đồng đảng của nó sẽ được cất nhắc lên làm cai tù. Ồ, mà gọi thế cũng không đúng: phải gọi là làm những kẻ củng cố pháp luật mà Nhà nước ban hành để cưỡng bách mọi người lao động. Sự bội phản của những công đoàn lớn sẽ làm cho cuộc đấu tranh của chúng ta phải kéo dài hơn, có thể thôi. Cách mạng bao giờ sẽ thắng lợi, và sẽ thắng lợi ở đâu có trời biết!

- Nhưng trước sức mạnh của tập đoàn thiểu số thống trị câu kết chặt chẽ với công đoàn lớn, liệu còn có thể tin tưởng được rằng cách mạng rồi ra sẽ thắng lợi không? - Tôi hỏi. - Liệu cái tổ hợp đó có thể vĩnh viễn được không? Anh lắc đầu:

- Một trong những quy luật chung chúng ta rút ra là tất cả những chế độ xây dựng trên nền tảng giai cấp và đẳng cấp đều mang sẵn trong mình nó những mầm mống diệt vong. Một chế độ xã hội xây dựng trên nền tảng giai cấp thì làm sao ngăn ngừa được đẳng cấp? Cái Gót sắt không thể nào ngăn ngừa được đẳng cấp và cuối cùng, đẳng cấp sẽ tiêu diệt cái Gót sắt. Bọn

thiếu số thống trị đã phát triển rồi công đoàn được ưu đãi cũng sẽ phát triển đẳng cấp. Cái Gót sắt sẽ tìm mọi cách để ngăn ngừa, nhưng nó sẽ thất bại.

"Trong các công đoàn được ưu đãi, có những bông hoa của các giới lao động nước Mỹ. Họ là những người có sức mạnh và có năng lực. Họ đã qua một cuộc cạnh tranh để giành lấy một chân cho mình mới thành được đoàn viên trong những công đoàn đó. Tất cả những công nhân có đủ điều kiện ở Hoa Kỳ sẽ nuôi tham vọng trở thành đoàn viên những công đoàn được ưu đãi. Tập đoàn thiếu số thống trị sẽ khuyến khích tham vọng đó và sự cạnh tranh do nó đẻ ra. Thành thử những con người cách mạng sẽ bị mua đi mất và sẽ đem sức mạnh của mình ra ủng hộ tập đoàn thiếu số thống trị.

"Mặt khác, những đẳng cấp lao động, những đoàn viên của những công đoàn ưu đãi sẽ tìm mọi cách để biến tổ chức của họ thành những phường hội kín mít. Và họ sẽ làm được như vậy. Có chân trong các đẳng cấp lao động sẽ thành một vấn đề gia truyền. Con sẽ nối nghiệp cha, và những sức mạnh mới, từ các nguồn sức mạnh vô tận là đám dân thường sẽ không chảy vào đó nữa. Như vậy có nghĩa là những đẳng cấp lao động sẽ mục nát đi và sẽ ngày càng suy yếu. Trong lúc đó, đứng về mặt tổ chức mà nói, họ sẽ tạm thời trở thành toàn năng. Họ sẽ như bọn vệ binh hoàng cung ở cổ La Mã và sẽ nổ ra những cuộc đảo chính giống như những cuộc đảo chính trong hoàng cung, giúp cho họ nắm chính quyền. Nhưng rồi tập đoàn thiếu số thống trị sẽ nổi lên nắm chính quyền. Tình trạng đó sẽ khiến cho sự suy yếu không thể tránh được của các đẳng cấp cứ thế tiếp diễn một cách ngày càng sâu sắc, và cuối cùng thì quần chúng nhân dân nắm lấy mọi quyền hành.

Ernest đã phác ra trước một quá trình tiến hoá chậm chạp của xã hội giữa lúc lần đầu tiên anh bị thất vọng, do các công đoàn lớn làm phản. Tôi chưa bao giờ đồng ý với anh về điều đó. và ngay lúc này, giữa lúc tôi viết những dòng này, tôi lại càng phản đối kịch liệt, phản đối hơn bao giờ hết; bởi vì ngay lúc này, mặc dầu Ernest đã qua đời, chúng tôi đang tiến sát nút một cuộc khởi nghĩa nó sẽ quét sạch tất cả bọn thiếu số thống trị. Tuy nhiên, tôi cũng đã trình bày ra đây lời Ernest tiên đoán, bởi vì đó là lời tiên đoán của anh. Mặc dầu anh tin là thật, anh đã làm việc hết mình để cho cái lời tiên đoán đó không thành hiện thực. Anh đã làm việc như một người khổng lồ, và hơn ai hết, anh đã tạo điều kiện cho cuộc khởi nghĩa mà chúng tôi đang chờ hiệu lệnh để cho nổ ra[91]. Chiều hôm đó, tôi hỏi Ernest. - Nhưng nếu bọn thiếu số thống trị vẫn còn, thì những số hàng ế thừa khổng lồ hàng năm chúng thu về được sẽ ra thế nào?

- Những số hàng ế thừa, chúng sẽ phải tiêu thụ bằng cách này hay cách khác. Em cứ tin chắc là bọn thiếu số thống trị sẽ tìm được cách tiêu thụ. Chúng sẽ cho xây những con đường tráng lệ. Khoa học và nghệ thuật, sẽ đạt được những thành tựu lớn. Khi bọn thiếu số thống trị đã nô dịch được nhân dân, chúng sẽ có thì giờ dành cho những việc khác.

Chúng sẽ trở thành những người tôn thờ cái đẹp. Chúng sẽ thành những người yêu nghệ thuật. Các nghệ [92] sĩ sẽ lao động dưới sự lãnh đạo của chúng và sẽ được thưởng công rất hậu. Kết quả là nền đại nghệ thuật sẽ ra đời, bởi vì các nghệ sĩ sẽ không phải đánh đĩ với cái thị hiếu tư sản của giai cấp trung lưu như từ trước đến nay nữa. Sẽ có một nền đại nghệ thuật, anh nói thật đấy. Những thành phố kì công sẽ mọc lên, khiến cho những thành phố thời xưa trở thành vô vị, rẻ tiền. Và trong những thành phố đó, bọn thiếu số thống trị sẽ ngự trị để tôn thờ cái đẹp.

"Như thế đấy, số hàng ế thừa sẽ bị phí phạm thường xuyên, trong khi lao động phải nai lưng ra làm. Việc xây dựng những công trình và những thành phố vĩ đại đó sẽ đem lại cho hàng triệu người lao động bình thường một khẩu phần chết đói. Bởi vì cái khối lượng khổng lồ những hàng ế thừa bắt buộc phải phí phạm trên một quy mô khổng lồ ngang như thế, và bọn thiếu số thống trị sẽ xây dựng như thế trong hàng nghìn năm, à quên, hàng vạn năm. Chúng sẽ xây những công trình mà người Ai Cập và người Babylon ngày xưa chưa bao giờ mơ ước tới: và khi bọn thiếu số thống trị đã hết đời rồi thì những con đường vĩ đại và những thành phố kì công của chúng sẽ còn lại: tinh thần tương thân tương ái của nhân dân lao động sẽ bước những bước rộn ràng trên những con đường đó và sẽ toả ánh sáng chói ngời trong những thành phố đó[93].

Những thứ đó, bọn thiếu số thống trị sẽ xây dựng lên, bởi vì chúng không thể dừng xây dựng được. Những công trình vĩ đại đó sẽ là một hình thức tiêu xài chỗ của cái thừa, cũng giống như các giai cấp thống trị ở Ai Cập thời xưa đã từng tiêu xài chỗ của cái thừa chúng cướp bóc được của nhân dân bằng cách xây dựng đền đài và kim tự tháp. Dưới ách bọn thiếu số thống trị, sẽ có một giai cấp phát đạt: không phải giai cấp thầy tu đâu, mà là giai cấp nghệ sĩ. Và thay thế cho tầng lớp thương nhân của giai cấp tư sản sẽ là những đẳng cấp lao động. Và bên dưới sẽ là một cái vực thẳm trong đó lớp dân đen, tức là tuyệt đại đa số nhân dân, sẽ đau đớn ê chề, sẽ chết đói, sẽ rửa xác ra, nhưng bao giờ cũng vẫn sinh sôi nảy nở. Và cuối cùng cũng chưa ai biết là một ngày nào họ sẽ đứng lên khỏi vực thẳm; các đẳng cấp lao động và tập đoàn thiếu số thống trị sẽ sụp đổ tan tành; và rồi cuối cùng, sau một quá trình của nhiều thế kỉ, sẽ là thời đại của con người bình thường. Trước đây anh vẫn mơ ước được thấy cái ngày đó; nhưng bây giờ thì anh biết rằng anh sẽ không bao giờ thấy được.

Anh ngừng một lát, nhìn tôi và nói tiếp.

- Xã hội tiến hoá chậm ghê cơ, chậm đến phát sợ lên, có phải không, em yêu quý của anh?

Tôi vòng tay ôm chặt lấy anh, và anh nép đầu vào ngực tôi:

- Em hát đi cho anh nghe, - anh thì thầm, nũng nịu. - Anh đã nhìn thấy một ảo ảnh và bây giờ anh muốn quên đi.

Chương XV

Những ngày cuối cùng

Gần đến cuối tháng giêng năm 1913, tập đoàn thiếu số thống trị công khai hoá thái độ đối với các công đoàn được ưu đãi. Báo chí đưa tin: nhân viên đường sắt, công nhân đúc sắt và đúc thép, kĩ sư và công nhân cơ khí được tăng lương và giảm giờ làm theo một chế độ chưa từng có. Nhưng người ta không nói hết sự thật. Bọn thiếu số thống trị không dám cho phép nói hết sự thật. Thực ra, tiền lương được nâng cao lên hơn nhiều, và những đặc quyền đặc lợi tương xứng với tiền lương cũng lớn hơn nhiều. Tất cả những cái đó đều được giữ bí mật, nhưng rồi vẫn bị tiết lộ. Đoàn viên những công đoàn được ưu đãi về nói với vợ, vợ họ lại đi nói bô lô bô la và không bao lâu tất cả giới lao động đều biết hết chuyện.

Đó chẳng qua chỉ là sự phát triển của cái thủ đoạn mà hồi thế kỉ thứ mười chín người ta gọi là chia phần ăn cướp. Trong cuộc xung đột công nghiệp thời đó, người ta đã cố thực hiện việc chia lợi nhuận. Nghĩa là các nhà tư bản đã ra sức xoa dịu công nhân bằng cách cắt nhả quyền lợi cho họ để họ thiết tha với công việc. Nhưng chế độ chia lợi nhuận vừa buồn cười, vừa không thể thực hiện được. Giữa một hệ thống xung đột công nghiệp, chia lợi nhuận chỉ có kết quả trong những trường hợp riêng biệt mà thôi, bởi vì nếu tất cả lao động và tất cả tư bản cùng chia lợi nhuận với nhau thì tình hình lại sẽ trở lại y như khi chưa chia lợi nhuận.

Cho nên từ cái ý kiến không thực tế là chia lợi nhuận, đã nảy ra một ý kiến thực tế là chia phần ăn cướp. "Hãy trả nhiều lương cho chúng tôi và quàng nặng vào cổ nhân dân", đó là khẩu hiệu của những công đoàn mạnh. Và lẽ tẻ ở một vài nơi, cái chính sách ích kỉ này đã vận dụng được kết quả. Quàng gánh nặng vào cổ nhân dân có nghĩa là quàng nặng vào cổ quảng đại quần chúng lao động không có tổ chức và lao động tổ chức yếu ớt. Những lớp công nhân đó đã thực sự trả chỗ tiền tăng lương cho những anh em của họ mạnh cánh hơn và là đoàn viên những công đoàn đã trở thành những tổ chức độc quyền. Tôi xin nói, ý kiến đó đã được đưa đến một kết luận tất nhiên như vậy, trên một quy mô lớn như vậy, chẳng qua cũng do sự câu kết giữa bọn thiểu số thống trị và các công đoàn được ưu đãi[94].

Ngay từ khi bí mật về sự phản bội của những công đoàn được ưu đãi lọt ra ngoài, giới lao động đều nhao nhao cả lên. Tiếp đó các công đoàn được ưu đãi rút ra khỏi các tổ chức quốc tế và cắt đứt mọi liên hệ với họ. Rồi thì tình hình rối ren lên và các cuộc bạo động nổ ra. Bọn đoàn viên của những công đoàn được ưu đãi bị vạch mặt chỉ tên là những kẻ phản bội trong các tiệm rượu, các nhà chứa, ngoài đường phố, trong công xưởng, và đâu đâu chúng cũng bị những người đồng chí mà chúng đã dê hèn bỏ rơi xông vào đánh.

Không biết bao nhiêu cái đầu vỡ, và có nhiều kẻ bị giết. Không một đoàn viên nào của những công đoàn được ưu đãi thoát không bị đánh. Chúng phải tập hợp thành từng bọn để đến xưởng làm và đi từ xưởng về nhà. Bao giờ chúng cũng đi ở giữa đường. Đi trên vỉa hè thì có mà vỡ sọ vì ăn gạch và đá củ đậu từ trên các cửa sổ và các nóc nhà ném xuống. Chúng được phép mang vũ khí và bọn cầm quyền giúp chúng đủ mọi cách. Những ai đụng vào chúng đều bị phạt tù dài hạn và bị đối xử tàn tệ trong tù. Trong khi đó thì ngoài những đoàn viên của những công đoàn được ưu đãi ra, không một người nào được phép mang vũ khí. Vi phạm luật đó bị coi như một tội nặng và bị trừng trị thích đáng.

Giới lao động bị nhục mạ tiếp tục trả thù bọn phản bội. Thế là ranh giới giữa các đẳng cấp được vạch ra. Con cái những công nhân bị bội phản đem con cái bội phản ra đánh nhưr tử, đến nỗi bọn này không dám thò mặt ra phố chơi, cũng không dám đi học nữa. Cả vợ con họ hàng bọn phản bội cũng bị đả kích, còn hiệu thực phẩm ở góc phố bán hàng cho chúng thì bị tẩy chay.

Kết quả là bọn phản bội và gia đình chúng bị đánh tứ phía phải họp nhau thành bè đảng. Thấy không thể nào ở yên được giữa những người vô sản mà chúng đã phản bội, chúng dọn đến những khu vực mới chỉ có mình chúng ở. Về mặt này, chúng cũng được bọn thiểu số thống trị biệt đãi. Bọn thiểu số thống trị xây cho chúng những toà nhà hiện đại và hợp vệ sinh, giữa những khu đất rộng rãi: đó đây lại có cả vườn hoa và sân chơi. Con cái chúng theo học trường riêng và trong những trường này khoa thủ công và khoa thực hành được chuyên môn hoá.

Thành thử sự cách biệt này ngay từ lúc đầu đã để lại một kết quả không thể tránh được: đẳng cấp. Đoàn viên những công đoàn được ưu đãi trở thành một tầng lớp quý tộc trong nhân dân lao động. Chúng tách rời hẳn những người lao động khác. Chúng được nhà ở tốt hơn, quần áo tốt hơn, ăn uống tốt hơn và đối xử tốt hơn. Và chúng càng cuồng lên chạy theo đuôi bọn tài phiệt để chia phần ăn cướp.

Trong khi đó, bộ phận còn lại của giai cấp công nhân càng bị đối xử tàn tệ hơn trước. Họ được chút quyền lợi nào thì đã bị cướp đi hết và tiền lương cùng với mức sống của họ sụt xuống rất nhanh. Các trường học do đó bị tan vỡ và nền giáo dục cưỡng bách dần dần không còn nữa. Số người không biết đọc biết viết trong thế hệ trẻ tăng lên một cách khủng khiếp.

Nước Mỹ chiếm được thị trường thế giới đã đẩy các nước khác vào con đường tan rã. Ở khắp mọi nơi, các tổ chức hành chính và các chính phủ đều đang sụp đổ hoặc đang biến đổi. Đức, Ý, Pháp, Úc và New Zealand đang bận thành lập những nước cộng hoà hợp tác xã. Đế quốc Anh đang rạn vỡ thành từng mảnh. Nước Anh rối bời vì trăm nghìn việc. Khởi nghĩa sôi sục ở Ấn Độ. Khắp châu Á hô vang: "Châu Á của người Châu Á!" Nấp sau lời hô đó là nước Nhật Bản, luôn luôn thúc đẩy và giúp đỡ những chủng tộc da vàng và da đen chống người da trắng. Và trong khi Nhật Bản mơ thành một đế quốc lục địa và ra sức thực hiện giấc mơ đó thì đồng thời nó thủ tiêu cách mạng vô sản ở bên trong. Đó chỉ đơn thuần là một cuộc chiến tranh đẳng cấp, anh em phu phen chống bọn võ sĩ đạo và những người xã hội chủ nghĩa trong giới phu phen đã bị hành hình hàng vạn. Bốn vạn người đã bị giết chết trong các trận chiến đấu đường phố ở Tokyo và trong các trận tấn công xốc nổi vào cung điện Nhật hoàng. Thành phố Kobe là một lò sát sinh; vụ tàn sát công nhân dệt bằng súng liên thanh đã trở thành kinh điển khét tiếng là vụ hành hình ghê gớm nhất chưa từng bao giờ thấy, do những bộ máy chiến tranh hiện đại tiến hành. Trong tất cả các bọn thống trị thì dã man nhất là bọn thiếu số thống trị Nhật Bản lúc đó đang nổi lên. Nước Nhật thống trị phương Đông và một mình nắm tất cả phần châu Á của thị trường thế giới, trừ Ấn Độ.

Nước Anh đã dè bẹp được cuộc cách mạng vô sản bên trong và vẫn giữ được Ấn Độ, mặc dầu nó đã gần kiệt quệ. Nhưng nó bắt buộc phải nhả các thuộc địa lớn ra, thành thử những người xã hội chủ nghĩa đã xây dựng được Úc và New Zealand thành những nước cộng hoà hợp tác xã. Và cũng chính vì thế mà "nước mẹ" mất cả Canada. Nhưng Canada đã dè bẹp được cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa bên trong, nhờ có cái Gót sắt giúp sức. Đồng thời cái Gót sắt đã giúp Mexico và Cuba đàn áp khởi nghĩa. Kết quả là cái Gót sắt đứng vững như bàn thạch ở Tân thế giới. Nó đã gắn chặt thành một khối chính trị vững chắc tất cả miền Bắc châu Mỹ, từ kênh đào Panama đến Bắc Băng Dương.

Nước Anh phải hi sinh các thuộc địa lớn mà cũng chỉ giữ được có mình Ấn Độ. Nhưng đó hoàn toàn cũng chỉ là nhất thời. Cuộc đấu tranh với Nhật Bản và các nước còn lại ở châu Á để giành Ấn Độ chẳng qua mới chỉ đi đến chỗ hoà hoãn. Nước Anh sớm muộn thế nào cũng mất Ấn Độ và biến cố đó sẽ mở màn cho cuộc đấu tranh giữa khối đoàn kết các nước châu Á và thế giới.

Và trong khi tất cả thế giới bị xé nát vì các cuộc xung đột thì người Mỹ chúng tôi cũng không yên ổn, thái bình. Sự phản bội của các công đoàn lớn đã chặn bước tiến của cách mạng vô sản ở nước chúng tôi, nhưng khắp mọi nơi đều nổ ra bạo động. Cộng vào những cuộc nổi dậy của lao

động và sự bất bình của các chủ trại cùng những tầng lớp còn lại của giai cấp trung lưu, còn có một cuộc phục hưng tôn giáo nó bùng lên như lửa cháy. Một chi nhánh của giáo phái "Cơ đốc phục sinh"[95] đột nhiên xuất đầu lộ diện và tuyên bố đã đến ngày tận thế.

- Thật là loạn, thật là rối như bòng bong, Ernest kêu lên. - Bao nhiêu xung khắc, bao nhiêu xu hướng trái ngược nhau? Thế này thì mong gì thực hiện được đoàn kết?

Và quả thật cuộc phục hưng tôn giáo đã lan ra trên một quy mô ghê gớm. Nhân dân vì quá nghèo khổ và vì chán chường mọi sự trên đời, hết sức mong mỏi được lên thiên đường và họ hi vọng bọn thống soái tàn bạo của nền công nghiệp sẽ không thể nào lọt được vào đó cũng như con lạc đà không thể nào lọt qua được lỗ kim. Bọn thầy tu có đôi mắt man rợ như mắt thú rừng đổ đi khắp nước để truyền giáo; và mặc dầu các nhà đương cục nghiêm cấm và những người không tuân lệnh đều bị hành hạ, vẫn có những cuộc họp mặt tôn giáo dưới hình thức cấm trại và những cuộc họp mặt này càng quật bùng ngọn lửa cuồng tín lên.

Người ta hô hoán lên rằng đã bắt đầu đến ngày tận thế. Khắp bốn phương trời đều nổi gió. Do tay Chúa xoay vần, các dân tộc đều lâm vào cảnh tao loạn cấu xé lẫn nhau. Thời kì này là thời kì thịnh hành của mê tín và tà thuật. Thầy bói và thầy số, thầy tiên tri nhan nhản. Nhân dân bỏ việc hàng trăm hàng nghìn để trốn lên núi chờ Chúa hiện xuống lên thiên đường. Nhưng Chúa không xuống: còn họ thì bị chết đói một số lớn. Trong lúc tuyệt vọng, họ đi cướp phá các trang trại để lấy lương thực và những sự hỗn loạn vô chính phủ do họ gây ra ở các thị trấn nông thôn lại càng làm tăng thêm nỗi thống khổ của lớp chủ trại bất hạnh đã bị cướp đoạt hết tài sản.

Nhưng các trang trại và các kho thóc lại là tài sản của cái Gót sắt. Quân đội được phái về nông thôn như nước chảy và bọn người cuồng tín bị lính tráng dùng lưỡi lê tuốt trần điệu về thành phố hàng đàn hàng lũ để tiếp tục làm việc. Về đến đấy họ lại liên tiếp nổi loạn. Lãnh tụ của họ bị hành hình vì tội phản loạn, hoặc bị giam vào nhà điên. Những người bị hành hình ngang nhiên nhận cái chết với niềm vui sướng của những kẻ tuấn tử vì đạo. Thời kì này là một thời kì điên loạn. Tâm trạng bất an lan rộng. Trong những đồng lầy, những sa mạc và những vùng đất hoang từ Florida đến Alaska, những toán người da đỏ còn sống sót nhảy nhót như những bóng ma và chờ đợi cứu thế của họ xuất hiện.

Và giữa tất cả những cái ấy, với một sự điềm đạm và một niềm tự tin kinh khủng, vẫn tiếp tục nổi bật lên hình thù con quái vật của các thời: Tập đoàn thiểu số thống trị. Nó dùng bàn tay sắt và cái Gót sắt để khuất phục hàng triệu nhân dân đang nổi dậy, nó dẹp tan mọi rối loạn để dựng nên trật tự và ngay trên cái đồng hỗn độn đó thiết lập nền móng và dinh lũy của nó.

- Hãy chờ đến ngày chúng tôi nhậm chức, - các đảng viên đảng Kho thóc tuyên bố thế. và ông Calvin thuật lại cho chúng tôi nghe tại nhà riêng chúng tôi ở phố Pell. Các bạn hãy nhìn vào những bang mà chúng đã chiếm được. Có những người xã hội chủ nghĩa các bạn ủng hộ khi chúng tôi ra làm việc, chúng tôi sẽ làm cho chúng phải đổi giọng. Những người xã hội chủ nghĩa thì nói:

- Hàng triệu quần chúng bất bình và tất cả những người bị bần cùng hoá là chúng ta. Các đảng viên Kho thóc đi với chúng ta, cả các chủ trại giai cấp trung lưu và những lao công thường nữa. Chế độ tư bản rồi sẽ tan tành. Sang tháng sau là chúng ta sẽ cử năm mươi người vào Quốc

hội. Chỉ hai năm nữa, tất cả các chức vụ sẽ do chúng ta nắm, từ chức Tổng thống cho xuống đến chức bắt chó ở các tỉnh. Trước những nhận định đó, Ernest lắc đầu nói:

- Các bạn có bao nhiêu súng? Các bạn có biết lấy đâu ra được nhiều chì để đúc đạn? Còn về chế tạo thuốc nổ thì các bạn cứ tin lời tôi, phương pháp hoá học tốt hơn là phương pháp cơ khí.

Chương XVI

Kết thúc

Đến lúc Ernest và tôi đi Washington, ba tôi không đi theo. Cụ đã mê cuộc đời vô sản. Cụ coi khu phố lụp xụp gần nhà chúng tôi như một phòng thí nghiệm xã hội học lớn, và cụ mãi mê theo đuổi những cuộc điều tra vô tận của cụ. Cụ đánh bạn với những anh em lao công và được coi như người nhà trong hai chục gia đình. Cụ làm cả các việc vặt, coi đó là trò tiêu khiển đồng thời là việc nghiên cứu khoa học. Cụ làm như vậy một cách thích thú, và bao giờ cụ cũng về nhà với những trang ghi chép dày đặc và sẵn sàng kể cho chúng tôi nghe những chuyện mạo hiểm mới. Cụ đúng là một nhà bác học mầu mực.

Kể ra ba tôi không cần phải đi làm, vì Ernest dịch sách cũng kiếm đủ cho ba người chúng tôi sống. Nhưng cụ cứ khăng khăng theo đuổi cái bóng ma thân thiết của cụ và nếu xét qua những công việc cụ làm thì đó phải là một con ma luôn luôn thay hình đổi dạng. Tôi sẽ không bao giờ quên cái buổi tối hôm ấy cụ đem về nhà một hòm hàng cụ đeo đi bán rong, có đủ cả dây giày và dây đeo quần, và một hôm khác tôi vào mua hàng ở một hiệu thực phẩm thì lại gặp chính ba tôi ra phục vụ. Sau đó thì tôi không còn ngạc nhiên khi thấy ba tôi làm bồi cho một quán rượu bên kia phố trong một tuần lễ. Cụ làm nghề gác đêm, đi rao bán khoai tây ngoài phố, dán nhãn hiệu trong một xưởng đóng đồ hộp, làm lao công trong một xưởng làm hộp giấy, đi khiêng nước cho một kíp công nhân đường xe điện. Cụ còn gia nhập cả công đoàn rửa bát đĩa vừa đúng trước khi tổ chức này tan rã.

Nói về ăn mặc thì tôi cho rằng gương đức Giám mục đã lôi cuốn được ba tôi, vì chính ba tôi cũng bận một tấm áo lót rẻ tiền bằng vải bông của anh em lao công và một chiếc quần mặc ngoài thắt bằng dải rút. Tuy nhiên, ba tôi vẫn còn giữ một tập quán do cuộc sống trước kia để lại: đến bữa ăn trưa, hay đúng hơn, đến bữa ăn tối, bao giờ cụ cũng đóng bộ chỉnh tề.

Sống với Ernest thì dù ở đâu tôi cũng thấy hạnh phúc: và niềm vui sướng của ba tôi trong hoàn cảnh đổi mới của chúng tôi càng làm cho hạnh phúc của tôi thêm toàn vẹn.

- Hồi còn nhỏ, tính ba rất tò mò, - ba tôi bảo. - Ba thường muốn biết tại sao lại có cái này, cái nọ và những cái đó diễn ra như thế nào. Chính vì thế mà ba thành một nhà vật lí học. Cuộc đời đối với ba lúc này cũng đầy vẻ hiếu kì như hồi ba còn nhỏ: và chính vì cuộc đời đầy vẻ hiếu kì cho nên nó mới đáng sống.

Thỉnh thoảng ba tôi lần mò ra tận khu bán hàng và rạp hát ở phía bắc Phố Chợ. Cụ đến đấy để bán báo, chạy hàng sách và mở cửa xe ngựa cho khách lên xuống. Một hôm, nhân đóng cửa một chiếc xe, ba tôi chạm trán với lão Wickson. Chiều về, cụ kể lại cho tôi nghe chuyện đó bằng

một giọng rất thú vị.

- Lão Wickson nhìn chòng chọc vào ba, khi ba đóng cửa xe lại. Hắn bất giác kêu lên: "Ồ, thế này thì chết thật!" Hắn nói đúng như thế: "Ồ, thế này thì chết thật!" Hắn đỏ mặt lên và bối rối quá: đến nỗi quên cả trả tiền ba. Nhưng chắc là hắn định thần được ngay, vì chiếc xe vừa đi được dăm chục bước thì quay trở lại. Hắn thò đầu ra ngoài. "- Chết thật, giáo sư, thế này thì thật là quá quẩn, - hắn nói. - Tôi có thể giúp gì ngài được không? "- Tôi đóng cửa xe cho ngài, - ba đáp. - Theo lệ thường thì ngài có thể cho tôi một hào. "- Lại thế nữa ư, - hắn kêu lên. - Tôi muốn nói: giúp cái gì cho ra tằm ra món kia!

"Hắn nói đây chắc chắn là nói đúng đắn đấy. Có khi lương tâm gỗ đá của hắn thoáng bị day dứt cũng không biết chừng, thành thử ba đứng suy nghĩ mất một lúc. Khi ba bắt đầu trả lời, vẻ mặt hắn rất chăm chú, nhưng các con phải nhìn mặt nó khi cha vừa nói xong kia! "- Ngài có thể trả lại cho tôi cái nhà, - ba nói, - cùng với cổ phần của tôi ở nhà máy dệt Sierra. Ba tôi ngừng lại một lát. - Thế hắn nói thế nào? - Tôi sốt ruột hỏi.

- Còn nói thế nào được nữa? Hắn chẳng nói năng gì cả. Nhưng ba bảo "Tôi mong ngài sung sướng". Hắn rất ngạc nhiên nhìn ba. Ba liền hỏi:

"Thưa ngài, xin ngài cho tôi biết, ngài có sung sướng không?" Hắn liền ra lệnh cho xà-ích đánh xe đi và vừa đi vừa nguyên rửa kính người. Hắn không cho ba hào nào, hắn lại càng không trả nhà và cổ phần kinh doanh. Đấy con xem, cái nghề chạy rong ngoài phố của ba toàn những chuyện thử lửa như thế đấy.

Ba tôi tiếp tục sống trong mấy căn phòng của chúng tôi ở phố Pell, còn Ernest và tôi đi Washington. Rõ ràng cái trật tự cũ đã chết và trận đòn kết thúc đến mau hơn tôi tưởng. Trái với chờ đợi của chúng tôi, không có gì cản trở những nghị sĩ của Đảng Xã hội ngồi vào ghế của họ.

Mọi việc đều tiến hành êm ả và tôi cười khi thấy Ernest nhận định rằng cái êm ả đó chính lại là điều dở.

Chúng tôi thấy các đồng chí xã hội chủ nghĩa của chúng tôi đầy tự tin, lạc quan vì sức mạnh của họ và vì những việc mà họ sắp làm. Một số ít đảng viên Kho thóc được bầu vào Quốc hội càng làm tăng thêm sức mạnh của chúng tôi, và hai bên phối hợp với nhau chuẩn bị đặt một chương trình hành động. Ernest đem hết lòng thành thật và nghị lực ra tham gia vào những công việc đó, mặc dầu thỉnh thoảng anh vẫn bật ra nói một cách bâng quơ: "Nói về chế tạo chất nổ thì tôi cam đoan rằng phương pháp hoá học tốt hơn là phương pháp cơ khí".

Đảng Kho thóc bắt đầu gặp khó khăn trước, ở những bang mà họ đã chiếm được trong cuộc tuyển cử vừa rồi. Có tất cả mười hai bang, nhưng những đảng viên Kho thóc trúng cử không tài nào nhậm chức được. Những người đương chức không chịu rút. Họ chỉ viện một lí do đơn giản là tuyển cử không hợp lệ, và làm cho tình hình rối mù lên bằng những thủ tục pháp lí. Các đảng viên Kho thóc đều bất lực. Nơi trông cậy cuối cùng của họ là toà án, nhưng toà án lại do phe địch nắm.

Lúc này là lúc nguy hiểm. Nếu những đảng viên Kho thóc bị đánh lừa kia mà nổi khùng lên thì mọi việc đều đi đứt. Những người xã hội chủ nghĩa chúng tôi phải tìm hết cách để kìm họ

lại. Có nhiều ngày nhiều đêm Ernest không lúc nào chợp mắt. Những người lãnh đạo cao cấp của Đảng Kho thóc nhìn thấy tai họa, và hành động hoàn toàn nhất trí với chúng tôi. Nhưng cũng bằng vô ích. Tập đoàn thiểu số thống trị muốn bạo động. Không phải bàn cãi lời thôi gì nữa: chính bọn nhân viên khiêu khích đã gây nên cuộc khởi nghĩa nông dân.

Cuộc khởi nghĩa nổ ra trong mười ba bang, những chủ trại đã bị tước đoạt tài sản dùng bạo lực chiếm lấy chính phủ các bang. Cổ nhiên như vậy là trái với hiến pháp, và cổ nhiên chính phủ Hoa Kỳ đưa quân đội ra chiến trường. Bọn nhân viên khiêu khích đi xui giục nhân dân ở khắp nơi. Chúng là những phái viên của cái Gót sắt cải trang làm thợ thủ công, chủ trại và công nhân nông nghiệp. Ở Sacramento, thủ phủ bang California, các đảng viên Kho thóc nắm được chính quyền. Tức thì hàng nghìn mật thám được tung vào thành phố. Trong những cuộc bạo động hoàn toàn chỉ gồm có chúng, chúng đốt phá, cướp bóc các dinh thự và nhà máy. Chúng khích động nhân dân đến độ họ hòa theo chúng đi ăn cướp. Chúng đem rượu phân phát thùng lớn thùng nhỏ cho dân nghèo để kích thích tâm trí họ. Và rồi khi mọi việc đã sẵn sàng, binh lính của nước Hoa Kỳ bắt đầu ra sân khấu. Thực ra đó là binh lính của cái Gót sắt. Mười một ngàn người, đàn ông, đàn bà, trẻ con, bị bắn giết trên các đường phố ở Sacramento hoặc bị tàn sát ngay trong nhà họ. Chính phủ quốc gia nắm lấy chính phủ bang, thế là hết chuyện.

Ở California thế nào thì ở các nơi khác cũng thế. Tất cả các bang do Đảng Kho thóc nắm đều bị tàn phá và tắm trong máu. Thoạt tiên, bọn mật thám và bọn "Trăm đen" gây rối loạn, rồi thì quân đội được phái đến. Không khí khủng bố bao trùm tất cả các thị trấn nông thôn. Trang trại, kho tàng, làng mạc, thành phố cháy suốt ngày suốt đêm, khói bốc ngất trời. Mìn bắt đầu nổ. Các cầu xe lửa và các đường hầm xuyên núi bị phá sập và các đoàn tàu liên tiếp bị lật đổ. Những người chủ trại khốn khổ bị bắn chết và bị treo cổ vô tội vạ. Sự trả thù cũng rất khốc liệt: nhiều tên tài phiệt và nhiều sĩ quan bị giết. Trong lòng người chỉ còn có máu và căm thù. Quân đội chính quy tàn sát các chủ trại hết sức dã man, không khác gì họ là người da đỏ. Và quân đội chính quy làm như vậy không phải là không có lí do. Họ bị tiêu diệt hai nghìn tám trăm người trong những trận đánh mìn khủng khiếp ở Oregon, và cũng vì trúng mìn mà nhiều đoàn tàu đã bị phá huỷ ở nhiều nơi, làm nhiều lúc. Thành thử quân đội chính quy cũng phải chiến đấu để bảo toàn tính mạng, không khác gì các chủ trại.

Còn về dân vệ thì đạo luật dân vệ năm 1903 được đem ra áp dụng và công nhân ở bang này bị cưỡng bức đi bắn giết đồng chí của họ ở những bang khác, nếu không tuân lệnh thì bị xử tử. Cổ nhiên, lúc đầu, đạo luật dân vệ đem áp dụng không phải là êm thấm. Nhiều sĩ quan dân vệ bị giết và nhiều lính dân vệ đã bị toà án quân sự xử tử. Những lời tiên đoán của Ernest hết sức đúng với trường hợp của ông Kowalt và ông Asmunsen không chịu làm nghĩa vụ. Hai người được xưng tội cấp tốc. Toà án quân sự là phần thưởng của họ, và trường bắn quân sự là nơi kết thúc đời họ. Họ bị xử tử: lưng quay vào đội lính hành hình.

Nhiều người trai tráng bỏ trốn lên núi để khỏi phải đi dân vệ. Họ sống ngoài vòng pháp luật và mãi tới thời bình mới bị trừng trị. Họ bị trừng trị rất nặng. Chính phủ ra một bản tuyên cáo gọi những công dân trốn tránh pháp luật ở trên núi phải trở về trong thời hạn ba tháng. Đúng hạn, một nửa triệu binh lính được điều về những tỉnh miền núi trong khắp nước. Không điều tra, không xét xử. Bất cứ người nào bị bắt gặp bất cứ ở đâu đều bị bắn chết tại chỗ. Quân đội hoạt động trên cơ sở làm cho không còn lại một người nào sống ngoài vòng pháp luật trên núi

nữa. Một vài nhóm chiếm được những vị trí vững mạnh chống lại rất anh dũng, nhưng cuối cùng thì tất cả những người trốn không đi dân vệ đều bị chết.

Tuy vậy vẫn còn một bài học trực tiếp hơn đập mạnh vào tâm trí nhân dân: đó là sự trấn áp dân vệ bang Kansas. Cuộc nổi loạn ở Kansas xảy ra ngay khi bắt đầu có những cuộc hành quân chống Đảng Kho thóc. Sáu nghìn dân vệ đã nổi loạn. Trước đó họ đã tỏ ra rất phần nộ và rất ngỗ ngược liên tiếp trong nhiều tuần lễ, và vì vậy cho nên họ giữ lại trại. Dầu sao, họ công khai nổi loạn sớm như vậy cũng là do có bọn nhân viên khiêu khích thúc đẩy.

Đêm hôm 22 tháng tư, họ nổi dậy giết chết gần hết sĩ quan, chỉ có một số nhỏ trốn thoát. Việc đó vượt cả âm mưu của cái Gót sắt, vì bọn nhân viên khiêu khích đã làm việc quá ư đặc lực. Nhưng mọi sự đều có lợi cho cái Gót sắt. Chính nó đã chuẩn bị cho cuộc khởi loạn nổ ra, và sẽ vin vào việc nhiều sĩ quan bị giết để bào chữa cho những hành động sau này. Như một trò ảo thuật, bốn vạn binh lính của quân đội chính quy vây kín những người bất mãn. Đây hoàn toàn là một cái bẫy. Đoàn dân vệ khốn khổ lúc đó mới thấy súng máy của mình đã bị đánh tráo và đạn trong các kho họ chiếm được không vừa cỡ súng. Họ kéo cò trắng hàng, đối phương cũng không hề đếm xỉa. Không một ai sống sót. Tất cả sáu nghìn người đều bị tiêu diệt. Trước họ còn bị bắn bằng đại bác và súng cối, về sau, đến lúc tuyệt vọng, họ xung phong ra phá vòng vây thì bị quét bằng liên thanh. Tôi đã nói chuyện với một người được mục kích trong thảm cảnh ấy, ông ta bảo người lính dân vệ nào tiến đến gần súng liên thanh nhất cũng còn cách xa một trăm năm mươi mã. Mặt đất ngổn ngang xác chết. Cuối cùng, kị binh xông vào dùng súng lục và kiếm kết thúc cuộc tàn sát, thậm chí cho ngựa xéo lên trên những người bị thương để di họ xuống đất.

Đồng thời với việc tiêu diệt Đảng Kho thóc, đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa của công nhân mỏ. Đó là cố gắng cuối cùng của giới lao động đã vào tổ chức. Bảy mươi năm vạn công nhân mỏ xuống đường bãi công. Nhưng vì họ phân tán trên khắp nước cho nên không sử dụng được lực lượng bản thân của họ. Họ bị cô lập trong từng tỉnh và bị đánh tơi bời, cuối cùng phải quy thuận. Thế là hàng loạt người bị bắt đi làm nô lệ. Tên Pocock[96] được lĩnh chức cai quản nô lệ và đồng thời, lĩnh luôn cả mối thù truyền kiếp của những người vô sản. Y bị mưu sát không biết bao nhiêu lần, nhưng hình như y có bùa hộ mệnh. Chính y phải chịu trách nhiệm về việc đem chế độ giấy căn cước của Nga hoàng áp dụng cho công nhân mỏ và việc xoá bỏ quyền tự do di chuyển của họ từ nơi này sang nơi khác ở trong nước.

Trong khi đó, những người xã hội chủ nghĩa vẫn đứng vững. Giữa lúc Đảng kho thóc ngắc ngoải trong máu lửa và giới lao động có tổ chức bị tan rã, thì những người xã hội chủ nghĩa giữ thái độ hoà bình để cố củng cố tổ chức bí mật của họ. Những đảng viên Kho thóc trách, chúng tôi cũng mặc. Chúng tôi trả lời một cách đúng đắn rằng chúng tôi mà khởi nghĩa lúc này thì toàn bộ cách mạng bị tiêu diệt. Cái Gót sắt mới bắt đầu thì do dự vì phải đối phó một lúc với tất cả giai cấp vô sản, nhưng về sau đó thấy làm như vậy không đến nỗi khó như nó tính, và lúc này nó không mong muốn gì hơn là chúng tôi nổi dậy. Nhưng chúng tôi hết sức tránh điều đó, mặc dầu bọn nhân viên khiêu khích chui vào hoạt động nhan nhản trong hàng ngũ chúng tôi. Trong những ngày đầu này bọn tay sai của cái Gót sắt áp dụng những phương pháp rất vụng về. Chúng còn phải học nhiều, và các đội chiến đấu của chúng tôi đã làm cỏ bọn chúng. Thật là một công tác khốc liệt và đẫm máu, chúng tôi chiến đấu cho cuộc sống và cho cách mạng, và chúng

tôi phải lấy gậy của kẻ thù đập lên lưng kẻ thù. Tuy nhiên, chúng tôi làm rất thận trọng. Không một tên tay sai nào của Gót sắt bị thủ tiêu mà không có xét xử. Rất có thể chúng tôi giết nhầm, nhưng nếu có thì cũng hoạ hoàn hảo. Tham gia những Đội chiến đấu là những người can đảm nhất, nhiều tính chiến đấu nhất và giàu lòng hi sinh nhất trong các đồng chí chúng tôi. Mười năm sau, có lần Ernest đã làm một con tính với những số liệu do những chỉ huy của các Đội chiến đấu cung cấp, và anh kết luận rằng tính trung bình, người nhiều bù người ít, các nam nữ đội viên đều có năm năm tuổi đội. Những đồng chí trong các Đội chiến đấu đều là anh hùng cả, và điều đặc biệt nhất là họ phản đối việc giết người. Họ đã vi phạm ngay chính bản chất của họ. Tuy vậy, họ rất yêu tự do và đều biết rằng đối với sự nghiệp chung thì hi sinh bao nhiêu cũng vẫn là chưa đủ[97].

Nhiệm vụ mà chúng tôi tự đặt ra cho chúng tôi gồm tất cả ba điểm. Một là khử bọn mật thám của cái Gót sắt lẫn lút trong hàng ngũ chúng tôi. Hai là tổ chức những Đội chiến đấu và ngoài ra thì lập những tổ chức bí mật chung của Cách mạng, và ba là bí mật cài người của chúng tôi vào tất cả các ngành do tập đoàn thiểu số thống trị nắm - vào các đảng cấp lao động và nhất là hàng ngũ các nhân viên điện báo, các thư kí bàn giấy, vào quân đội, trà trộn với bọn nhân viên khiêu khích và bọn cai tù. Đây là một việc rất lâu dài và nguy hiểm và chúng tôi thường bị những vố thất bại sâu cay.

Cái Gót sắt đã thắng trong cuộc chiến tranh công khai nhưng chúng tôi vẫn giữ vững vị trí trong một cuộc chiến tranh mới, kì lạ và khủng khiếp, một cuộc chiến tranh ngầm, mà chúng tôi phát động. Mọi thứ đều vô hình, và có nhiều cái bất ngờ. Đúng là xầm đánh nhau với xầm. Tuy vậy vẫn có kỉ luật, có mục tiêu, có kiểm tra đôn đốc. Chúng tôi chui vào toàn bộ tổ chức của cái Gót sắt trong khi đó bọn mật thám của cái Gót sắt lại chui vào tổ chức của chúng tôi. Đây là một cuộc chiến tranh âm thầm, rất dễ lạc hướng, đầy những mưu thần chước quỷ, bên này giăng bẫy bên kia. Mạng người lúc nào cũng treo lên sợi tóc, mà đã chết thì chết một cách đau đớn, ê chề. Những nam nữ đồng chí gần gũi nhất, thân yêu nhất của chúng tôi mất tích rất nhiều. Hôm nay chúng tôi không bao giờ thấy mặt họ nữa, thế là chúng tôi biết họ đã bỏ mình.

Ở đâu cũng vậy, không ai còn biết tin cậy vào ai được nữa. Kẻ này cùng hoạt động với chúng tôi, tất cả chúng tôi đều biết rõ, ấy thế mà vẫn có thể làm mật thám cho cái Gót sắt như thường. Chúng tôi phá hoại tổ chức của cái Gót sắt bằng những nhân viên công tác bí mật của chúng tôi, và cái Gót sắt lại phá trả chúng tôi bằng mật thám của nó nằm ngay trong tổ chức của nó. Bên phía tổ chức của chúng tôi thì cũng vậy. Và mặc dầu không còn biết tin cậy vào ai, chúng tôi vẫn bắt buộc phải lấy sự tin cậy làm cơ sở cho những hoạt động của mình. Chúng tôi thường bị bội phản luôn. Con người ta vốn yếu đuối. Cái Gót sắt có khả năng để mua chuộc bằng tiền tài, bằng những cuộc hành lạc trong các thành phố kì công của chúng. Chúng tôi thì chỉ có thể đem lại cho con người sự toại nguyện vì thấy mình trung thành với một lí tưởng cao cả. Và số tiền lương duy nhất Cách mạng có thể trả cho những người trung thành là nguy hiểm liên miên, là nhục hình và chết chóc.

Như tôi đã nói, con người vốn yếu đuối, và chính vì nó yếu đuối nên chúng tôi bắt buộc phải có một lối xử trí riêng trong phạm vi khả năng của chúng tôi. Lối xử trí đó là cái chết. Vì cần thiết cho nên chúng tôi bắt buộc phải trừng trị bọn phản bội. Cứ một tên làm phản là chúng tôi tung mười mười hai người đồng chí trung thành ra để báo thù. Chúng tôi có thể thất bại trong

việc thi hành những nghị quyết thủ tiêu kẻ thù như bọn Pocock chẳng hạn; nhưng có một việc chúng tôi đã làm thì không thể nào thất bại được, đó là việc trừng trị bọn phản bội ngay trong hàng ngũ chúng tôi. Có đồng chí được phép của Đảng giả vờ phản bội để có thể vào những thành phố kì công mà thi hành bản án đối với những kẻ phản bội thật. Trong thực tế chúng tôi đã gây một không khí ghê gớm đến nỗi mọi người đều thấy phản bội chúng tôi còn nguy hiểm hơn là trung thành với chúng tôi.

Cách mạng đã mang một tính chất tôn giáo sâu sắc. Chúng tôi tôn thờ lí tưởng trước đài Cách mạng, nó chính là con người chúng tôi. Đàn ông đàn bà hiến mình cho sự nghiệp, và người ta dâng cả những trẻ sơ sinh cho Cách mạng cũng như ngày xưa người ta dâng cho đức Chúa trời. Chúng tôi là những người yêu nhân loại.

Chương XVII

Tấm áo gia nô màu đỏ

Đồng thời với việc tiêu huỷ các bang do Đảng Kho thóc nắm, các đảng viên Kho thóc ở Quốc hội cũng biến mất. Họ bị đưa ra xử vì tội phản quốc và ghế của họ bị tay sai của cái Gót sắt chiếm đoạt. Những người xã hội chủ nghĩa chỉ còn là một thiểu số thảm hại, và họ biết rằng họ cũng sắp bị tiêu diệt đến nơi. Quốc hội và Thượng nghị viện là những sự phô trương hão, những trò hề. Những vấn đề quốc sự được đem bàn luận trang nghiêm và được thông qua theo những hình thức cũ, nhưng trong thực tế thì chỉ phải làm có một việc là đóng cái dấu thủ tục hiến pháp lên những uỷ nhiệm của tập đoàn thiểu số thống trị.

Sự kết thúc của chúng tôi xảy đến giữa lúc Ernest đang đấu tranh hết sức kịch liệt. Hôm đó Quốc hội tranh luận về dự luật cứu tế thất nghiệp. Tình hình khó khăn năm trước đã dìm đồng bào quần chúng vô sản xuống dưới cả mức độ chết đói, loạn lạc liên miên ở khắp nước lại càng làm cho họ chìm sâu trong cùng khổ. Hàng triệu người chết đói trong lúc bọn thiểu số thống trị và tay chân của chúng thừa mứa hàng hoá ế thừa không tiêu thụ hết[98].

Chúng tôi gọi những người cùng khổ này là "đám dân của vực thẳm"[99] và Đảng Xã hội đề ra dự luật về thất nghiệp chính là để giảm bớt những nỗi đau khổ kinh hồn cho họ. Nhưng cái Gót sắt không nghĩ như vậy. Nó đang chuẩn bị cho hàng triệu người đó đi làm theo cách của nó, nhưng cách đó không phải là cách của chúng tôi. Vì vậy, nó đã ra lệnh phải bỏ phiếu bác dự luật của chúng tôi. Ernest và các đồng chí của anh đều biết có cố gắng cũng bằng thừa, vô ích, nhưng họ đã hết cả kiên nhẫn vì thấy tình trạng bế tắc kéo dài. Họ muốn phải xảy ra một việc gì. Họ cũng chẳng làm nên trò trống gì đâu nhưng điều họ mong muốn nhất là chấm dứt các trò hề lập pháp trong đó họ là những diễn viên bất đắc dĩ. Họ không rõ kết cục sẽ có thể thê thảm đến thế là cùng.

Hôm ấy tôi ngồi trong hành lang. Tất cả chúng tôi đều biết sắp có một biến cố khủng khiếp xảy ra. Nó như đang lơ lửng trên trời, cứ nhìn binh lính đem vũ khí xếp hàng ở hành lang và các sĩ quan tụ tập ở các cửa nghị viện thì rõ. Tập đoàn thiểu số thống trị sắp tấn công đến nơi. Ernest đang nói. Anh tả những nỗi thống khổ của những người thất nghiệp, tưởng chừng anh

đang nuôi cái ảo vọng làm cho những trái tim và những lương tâm kia xúc động. Nhưng những đảng viên Dân chủ và Cộng hoà cười ầm lên để chế nhạo anh và hội trường đầy những tiếng la ó không khác gì chợ vỡ. Ernest bắt đầu đối chiến thuật.

- Tôi biết tất cả những điều tôi nói đều không mấy may ảnh hưởng đến các ngài. Các ngài làm gì có tâm hồn mà ảnh hưởng được. Các ngài là một loài không có xương sống, là những cây thịt nhão. Các ngài huênh hoang tự xưng là Cộng hoà, là Dân chủ? Làm gì có những người Cộng hoà và những người Dân chủ trong Nghị viện này? Các ngài là một bọn liếm gót giày, một bọn dĩ bợm, một bọn người do giai cấp tài phiệt nặn ra. Các ngài dùng những lời lẽ cũ rích để nói huênh hoang về lòng yêu tự do của các ngài; trong khi đó thì các ngài mặc tẩm áo gia nô màu máu của cái Gót sắt nó phát cho.

Đến đây, những tiếng la ó và những tiếng thét "Trật tự! Trật tự!" át giọng anh đi và anh giữ thái độ khinh bỉ cho đến khi tiếng ồn ào đã hầu như lắng xuống. Anh vung tay chỉ vào tất cả bọn chúng, quay lại nói với các đồng chí của anh: - Các đồng chí nghe, bầy thú béo mập nó đang gầm.

Tiếng gào thét lại nổi lên dữ dội. Chủ tịch Nghị viện đập bàn giữ trật tự và đưa đôi mắt chờ đợi về phía bọn sĩ quan túc trực ở các cửa ra vào. Có những tiếng thét "Phiến loạn!" Và một ông nghị béo tròn béo trọc của bang New York lên tiếng chửi Ernest là quân "vô chính phủ". Nhìn Ernest lúc này thật là hung dữ. Tất cả những thớ thịt chiến đấu của anh rung lên và vẻ mặt anh là vẻ mặt của một con mãnh thú đang chiến đấu. Nhưng đồng thời anh cũng tỏ ra lạnh lùng, bình tĩnh. Giọng nói của anh cao vút lên, át cả tiếng ồn ào: - Các ngài cứ nhớ cho, các ngài thương xót giai cấp vô sản như thế nào thì rồi giai cấp vô sản sẽ thương xót các ngài như thế. Những tiếng "phiến loạn" và "vô chính phủ" lại nổi lên dữ dội.

- Tôi biết rằng các ngài sẽ không bỏ phiếu cho bản dự luật này, - Ernest nói tiếp. - Các ngài đã nhận được lệnh của chủ các ngài là phải bỏ phiếu chống, ấy thế mà các ngài lại gọi tôi là vô chính phủ. Các ngài là những kẻ phá hoại chính phủ của nhân dân, những kẻ phô trương bộ áo gia nô đỏ choét một cách vô liêm sỉ ở những nơi công cộng, các ngài lại gọi tôi là vô chính phủ à? Tôi không tin có âm phủ, có vạc dầu, nhưng những lúc như lúc này, tôi tiếc rằng mình đã không tin như thế. Không, những lúc như lúc này, tôi gần như tin là có. Chắc chắn là phải có âm phủ, vì không thể có nơi nào khác để cho các ngài đến nhận những sự trừng phạt tương xứng với những tội ác của các ngài. Chừng nào còn các ngài thì còn phải có âm phủ và vạc dầu trong vũ trụ. Các cửa ra vào bắt đầu xao động. Ernest, chủ tịch Nghị viện và các nghị sĩ quay cả ra nhìn.

- Thừa ngài chủ tịch, sao ngài không gọi lính của ngài vào ra lệnh cho họ thi hành nhiệm vụ đi? - Ernest hỏi. - Họ sẽ lập tức thi hành kế hoạch của các ngài. - Còn có nhiều kế hoạch khác cần thi hành! - Đó là câu trả lời. - Chính vì vậy mà binh lính có mặt ở đây. - Kế hoạch chung của chúng ta chẳng, thưa ngài? - Ernest mĩa. - Chắc là kế hoạch giết người, hay cũng na ná như thế.

Đến tiếng "giết người" thì tiếng la ó lại nổi lên dữ dội. Ernest không tài nào làm cho người khác nghe mình được nữa, nhưng anh đứng hiên ngang chờ cho hội trường im lặng. Rồi hội trường im lặng thật. Tôi ngồi ngoài hành lang chỉ thấy một tia chớp loé ra, tiếp sau là tiếng nổ. Hai tai tôi dính lên và tôi nhìn thấy Ernest lao đảo ngã xuống giữa làn khói mù mịt. Lính tráng

đổ xô đi trấn các hành lang. Các đồng chí của Ernest đứng cả dậy, điên lên vì tức giận, sẵn sàng dùng bạo lực. Nhưng Ernest đứng vững lại một lúc và xua tay bảo im. - Đây là một âm mưu, - anh nói sang sảng, để cản các đồng chí của anh. - Các đồng chí đừng làm gì cả kéo bị chúng nó tiêu diệt bây giờ. Rồi anh từ từ gục xuống và bọn lính xô lại chỗ anh. Tiếp đó, bọn lính đuổi hết người ở các hành lang, tôi không nhìn thấy gì nữa.

Mặc dầu anh là chồng tôi, tôi không được phép lại gần. Tôi vừa xưng danh đã bị bắt liền. Đồng thời tất cả những nghị sĩ của Đảng xã hội ở Washington cũng đều bị bắt, kể cả đồng chí Simpson, lúc ấy bị thương hàn và đang nằm bẹp trong khách sạn.

Việc xét xử tiến hành nhanh và gọn. Án của mọi người đều đã được định trước rồi. Lạ lùng nhất là Ernest không bị xử tử. Đó là một sai lầm của tập đoàn thiểu số thống trị, chúng phải trả bằng một giá đắt. Nhưng những ngày đó, tập đoàn thiểu số thống trị còn đang tự tin một cách quá đáng. Nó đang say sưa với thắng lợi, và không ngờ rằng một dúm anh hùng con con này lại có đủ sức mạnh để làm cho nó rung chuyển đến tận gốc. Ngày mai, khi cuộc khởi nghĩa vĩ đại bùng nổ, và tất cả thế giới vang lên bước chân dồn dập của hàng triệu con người, tập đoàn thiểu số thống trị sẽ nhận rõ đám anh hùng ấy đã lớn mạnh đến thế nào, nhưng lúc đó thì muộn quá rồi[100].

Là người cách mạng đứng trong tổ chức, hiểu rõ nguyện vọng lo âu và những kế hoạch bí mật của những người cách mạng hơn ai hết, tôi có đủ điều kiện để trả lời câu buộc tội những người cách mạng đã làm nổ quả bom trong Quốc hội. Không phải nghi ngờ lời tôi nói, tôi có thể nói trắng ra rằng những người xã hội chủ nghĩa trong và ngoài Quốc hội không ai nhúng tay vào việc này hết. Ai ném quả bom, chúng tôi không biết, nhưng có một điều chúng tôi hoàn toàn biết chắc là chúng tôi không ném.

Vả lại, có nhiều dấu hiệu chứng tỏ rằng cái Gót sắt phải chịu trách nhiệm về hành động đó. Cố nhiên chúng tôi không thể chứng minh được điều này. Chúng tôi kết luận như vậy cũng chỉ là suy đoán thôi. Đây là một số sự việc như chúng tôi được biết. Bọn nhân viên mật vụ của chính phủ báo cáo với chủ tịch nghị viện rằng các nghị sĩ Xã hội sắp đem áp dụng những chiến thuật khủng bố và họ đã quyết định ngày hành động. Ngày đó chính là ngày bom nổ. Thành thử nhiều bộ đội đã được tập trung trước trong nghị viện. Do chỗ chúng tôi không biết một tí gì về trái bom, do chỗ trái bom đã nổ ra thật và do chỗ các nhà chức trách đã chuẩn bị trước cho bom nổ, tất nhiên phải kết luận rằng cái Gót sắt đã gây ra vụ này, chính cái Gót sắt đã đặt kế hoạch và đã đem thực hiện với mục đích đổ tội lên đầu chúng tôi rồi tiêu diệt chúng tôi cho dễ.

Chủ tịch nghị viện đã mật báo cho tất cả những nghị sĩ bận tấm áo gia nô màu máu. Bọn này đều biết rằng trong lúc Ernest tham luận sẽ xảy ra một việc bạo động gì đây. Nói cho công bằng thì bọn này đều thành thực tin rằng việc này là do những người xã hội chủ nghĩa làm ra thật. Ra toà chúng vẫn thành thực tin như thế và nhiều kẻ còn thành thật làm chứng rằng mình đã tự mắt trông thấy Ernest chuẩn bị ném quả bom và bom đã nổ cướp. Cố nhiên chúng hoàn toàn có nhìn thấy như thế đâu! Trong lúc hoảng hốt, chúng đã tưởng tượng ra và chúng cho rằng chúng nhìn thấy, có vậy thôi. Ra toà, Ernest cãi:

- Nếu tôi định ném thật, thì có lí nào tôi lại chọn một quả pháo đùng nhỏ như thế không? Quả bom rất ít thuốc, nó xì ra nhiều khói: nhưng không làm ai bị thương, trừ tôi. Nó nổ ngay

dưới chân tôi, ấy thế mà tôi cũng không chết. Các ngài cứ tin rằng khi nào tôi đã ném bom thì tôi sẽ gây nhiều thiệt hại kia. Bom của tôi không phải sẽ chỉ có khói mà thôi, nó sẽ còn có nhiều thứ khác.

Để đập lại, viên biện lí lập luận rằng chọn một quả bom yếu, đó là một sai lầm của những người xã hội chủ nghĩa, và bom nổ cướp, đó cũng là một thiếu sót, do chỗ Ernest mất bình tĩnh, để rơi bom. Để xác nhận lập luận trên là đúng, có nhiều nghị sĩ làm chứng rằng đã nhìn thấy Ernest mân mê trái bom và đánh rơi bom xuống đất.

Về phía chúng tôi, không ai biết quả bom ném ra như thế nào. Ernest bảo tôi rằng trước lúc bom nổ không đầy một cái tích tắc, anh có nghe thấy và trông thấy nó rơi dưới chân anh. Anh khai như vậy trước toà, nhưng không ai tin. Vả lại, nói theo nhân dân thường nói, thì tất cả vụ này đã được "xào xáo" từ trước rồi. Cái Gót sắt rắp tâm tiêu diệt chúng tôi, không còn lồi thòi gì nữa.

Có một câu tục ngữ là sự thật cuối cùng rồi cũng sẽ ra ánh sáng. Tôi đã bắt đầu nghi ngờ câu tục ngữ này. Mười chín năm trôi qua, chúng tôi hết sức tìm kiếm cũng không ra kẻ ném quả bom. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một tên tay sai của cái Gót sắt, nhưng y đã trốn đâu mất, không thể tìm ra được. Chúng tôi không tài nào tìm ra một mảy may tung tích của y. Cho mãi tới ngày nay, cũng chẳng còn cách nào khác là xếp việc này vào với những điều bí ẩn của lịch sử[101].

Chương XVIII

Nương bóng núi Sonoma

Về tôi thì không có gì phải nói nhiều trong thời kì này. Tôi bị giam sáu tháng trong tù, mặc dầu không bị buộc một tội gì hết. Tôi là một kẻ khả nghi - một danh từ đáng sợ mà ai đi làm cách mạng rồi cũng biết. Những cơ quan mật vụ mới thành hình của chúng tôi đã bắt đầu hoạt động. Tôi ở tù được chừng hai tháng thì một viên cai ngục đến tự giới thiệu là một người cách mạng có liên lạc với tổ chức. Mấy tuần sau Joseph Parkhurst, vừa được bổ làm bác sĩ của nhà giam, cũng tự giới thiệu là đội viên một đội chiến đấu của chúng tôi. Nghĩa là tổ chức của chúng tôi đan vào tổ chức của tập đoàn thiểu số thống trị giống như một cái mạng nhện. Và như vậy, tôi giữ được liên hệ mật thiết với những việc xảy ra ở thế giới bên ngoài. Hơn thế nữa, mỗi lãnh tụ của chúng tôi bị cầm tù đều liên hệ được với những đồng chí dũng cảm của chúng tôi cải trang dưới bộ quần áo gia nô của cái Gót sắt. Mặc dầu Ernest bị giam cách chỗ tôi ba nghìn dặm Anh[102], tận bên bờ Thái Bình Dương, tôi vẫn không ngừng liên lạc với anh, và thư từ của chúng tôi đi đi về về đều đặn.

Các lãnh tụ dù ở trong tù hay ngoài, vẫn có thể bàn luận với nhau và chỉ huy phong trào. Kể ra thì chỉ trong vòng hai tháng chúng tôi cũng có thể tổ chức cho các đồng chí đó vượt ngục, nhưng vì bị tù cũng không cản trở gì cho hoạt động của chúng ta cho nên chúng tôi quyết định tránh manh động. Năm mươi hai nghị sĩ bị tù, ngoài ra lại còn tất cả hơn ba trăm người lãnh đạo phong trào của chúng tôi. Kế hoạch của chúng tôi là làm sao cho họ ra thoát nhà tù cùng

một lúc. Nếu chỉ có một số trốn được thôi bọn thiếu số thống trị sẽ cảnh giác tìm cách ngăn những người còn lại không cho họ trốn. Mặt khác, chúng tôi nghĩ rằng tổ chức cho các đồng chí chúng tôi vượt ngục cùng một lúc trong các nước sẽ gây được một ảnh hưởng tâm lí vô cùng to lớn trong giai cấp vô sản. Điều đó sẽ tỏ rõ được sức mạnh của chúng tôi và sẽ gây được lòng tin tưởng.

Theo chủ trương thì mãn hạn tù sáu tháng, khi được tha, tôi phải trốn biệt đi một nơi và chuẩn bị một chỗ ẩn náu chắc chắn cho Ernest. Trốn biệt đi một nơi nào phải chuyện dễ. Tôi vừa được trả lại tự do thì bọn mật thám của cái Gót sắt đã bám sát chân tôi. Cần phải đánh lạc hướng chúng và bỏ đi California. Công việc đó tôi đã tiến hành một cách rất buồn cười.

Khi ấy, chế độ căn cước dập theo kiểu của Nga hoàng đang phát triển. Tôi không dám dùng tên thật để đi qua lục địa. Muốn gặp lại Ernest tôi cần phải xoá hết tung tích của mình đi. Nếu không sau khi trốn khỏi nhà tù Ernest mà cứ lẻo đẻo theo tôi thì có thể bị bắt lại. Tôi không thể lại cải trang thành người vô sản mà đi được. Chỉ còn một cách: cải trang thành một người của tập đoàn thiếu số thống trị. Bọn thiếu số thống trị chớp bu chỉ có một dúm. Nhưng còn vô số những tên kém vai vế hơn, như lão Wickson chẳng hạn. Những tên đáng giá vài triệu thôi và là tay chân của bọn thiếu số thống trị chớp bu. Vợ và con gái của bọn thiếu số thống trị đàn em này kể ra có hàng đàn hàng lũ. Thế là tôi quyết định cải trang theo bọn này. Vài năm sau thì không thể nào làm như thế được nữa vì chế độ căn cước đã hoàn hảo lắm rồi. Lúc đó, đàn ông, đàn bà, trẻ con trong khắp nước không ai là không bị đăng ký và không bị theo dõi khi di chuyển. Khi thời gian đã chín, bọn mật thám đều bị tôi đánh lạc hướng. Một giờ sau không còn Avis Everhard. Lúc đó có một bà tên là Felice Van Verdighan, có hai người hầu gái và một con chó đi kèm[103], lại có cả một cô hầu gái để chăm nom chó, bước lên phòng khách trên một toa xe Pullman[104] và mấy phút sau tàu chạy hết tốc độ về phía tây.

Ba người thiếu nữ đi theo tôi đều là những người cách mạng. Hai người là đội viên đội chiến đấu còn người thứ ba, chị Grace Holbrook đến năm sau mới vào đội viên, và vào được sáu tháng thì bị cái Gót sắt xử tử. Chính chị này đi trông nom con chó, còn hai chị kia, một chị là Bertha Stole mười hai năm sau bị mất tích, một chị là Anna Royston vẫn còn sống và đang đóng một vai trò ngày càng quan trọng trong cách mạng[105].

Chúng tôi thường xuyên đi qua nước Mỹ tới bang California, không xảy ra chuyện gì cả. Khi tàu đến Oakland đậu ở ga Phố thứ mười sáu, chúng tôi xuống, và cả Felice Van Verdighan lẫn hai người hầu gái, con chó và người hầu của con chó cùng bị biến mất vĩnh viễn. Ba người hầu gái được những đồng chí tin cẩn dẫn đi. Các đồng chí khác phụ trách tôi. Chỉ trong vòng một giờ sau khi xuống xe lửa, tôi đã đáp một chiếc tàu đánh cá nhỏ đi ra khơi trên vịnh San Francisco. Gió đột nhiên đổi chiều và chúng tôi đi lênh đênh không phương hướng mất gần hết một đêm. Nhưng tôi nhìn thấy ánh đèn ở Alcatraz, nơi Ernest bị giam, và ý tưởng được gần anh làm cho lòng tôi khoan khoái. Gần sáng, nhờ các anh em thuyền chài chèo riết, chúng tôi đến đảo Marin. Chúng tôi nằm ở đó suốt ngày không ló mặt ra ngoài và đêm hôm sau, nhờ nước triều lên và có gió mát thổi đi, chúng tôi vượt vịnh San Pablo trong hai giờ và chúng tôi đi ngược dòng sông Petaluma.

Mấy con ngựa đã chờ sẵn ở đây cùng với một người đồng chí khác và chúng tôi lập tức lên đường với ánh sao về phía Bắc, tôi thấy núi Sonoma hiện lên lơ mờ, chúng tôi cứ theo đó dong

cương. Chúng tôi bỏ lại phía bên phải chúng tôi cái thành phố Sonoma cũ kỹ và đi thẳng lên một cái khe nằm giữa những vách đá đầu tiên từ trong núi đâm ngang ra. Con đường cho xe vận tải đi đã thành con đường rừng. Và con đường rừng đã thành con đường hẹp để con bò đi, và con đường bò đi lại nhỏ dần rồi mất hẳn giữa những đồng cỏ cao trên sườn núi. Chúng tôi thúc ngựa vượt qua đỉnh núi Sonoma. Đó là con đường an toàn nhất. Chẳng có ai ở đây mà sợ họ chú ý đến chúng tôi đi.

Tang tảng sáng, chúng tôi đã sang sườn núi phía bắc. Ngựa chúng tôi lao qua rừng núi *chaparral*[106] xuống những khe núi sâu thẳm mọc toàn thông khổng lồ. Ngọn gió ấm áp cuối hè thổi nhẹ như hơi thở. Đây là một vùng quen biết cũ, tôi rất thích, cho nên tôi đi lên đầu để dẫn đường. Nơi ẩn náu này là nơi của tôi, chính tôi đã chọn. Chúng tôi hạ cái đóng gỗ chắn ngang và vượt qua một cánh đồng cỏ trên cao. Tiếp đó, chúng tôi đến một quả đồi mọc toàn sồi và đi xuống một cánh đồng cỏ nhỏ hơn. Chúng tôi lại leo lên một quả đồi khác và lần này chúng tôi dong ruổi dưới những hàng cây *madrono* quả đỏ chót và những cây *manzanita* màu đỏ sẫm hơn. Những ánh nắng đầu tiên chảy chan hoà trên lưng chúng tôi giữa lúc chúng tôi leo dốc. Một đàn cun cút từ các bụi cây bay lên. Một chú thỏ rừng lớn vọt qua đường chúng tôi đi, nhảy lanh lẹ như một con hươu. Rồi một chú hoẵng sừng nguênh ngoàng, cổ và vai nặng trĩu vàng chói hiện ra trên đỉnh đồi trước mắt chúng tôi và chạy mất.

Chúng tôi đuổi theo một lúc, rồi lao xuống một con đường chữ chi, tới một rừng thông khổng lồ hùng vĩ mọc bên một cái đầm nước xám xịt vì quặng mỏ. Đường này tôi thuộc lòng từng bước. Ngày xưa một nhà văn bạn tôi có một cái trại ở đây. Anh cũng đã thành một nhà cách mạng. Nhưng anh còn gặp nhiều nguy khốn hơn tôi. Anh bị chết mất tích, không ai rõ chết ở đâu và chết như thế nào. Còn mồ ma anh, chỉ có mình anh biết nơi ẩn bí mật tôi tìm đến. Trước đây anh mua cái trại chỉ vì cảnh đẹp và đã trả một giá rất đắt, khiến các chủ trại địa phương phải kinh ngạc. Anh thường vui vẻ kể lại cho tôi nghe rằng những chủ trại này người nào cũng lắc đầu phàn nàn cho anh: họ nghiêm nét mặt làm một con tính nhảm rồi bảo: "Ông không thu về nổi sáu phần trăm đâu".

Nhưng bây giờ thì anh đã chết, mà cái trại cũng không phải do các con anh thừa kế. Không ngờ cái trại ấy nay lại thuộc quyền sở hữu của lão Wickson. Tất cả sườn phía Đông và phía Bắc núi Sonoma là của lão ta, từ chỗ đồn điền nhà Spreckel đến địa giới thung lũng Bennett. Lão ta biến cái trại nghìn mẫu đất dốc thoải, có đồng cỏ, có khe, hoẵng tha hồ chạy nhảy, không khác gì trong rừng hoang. Những người ngày xưa có đất ở đây đều đã bị đuổi đi cả. Một khu an dưỡng của Nhà nước lập cho những người bệnh thần kinh cũng đã bị phá đi để lấy chỗ cho hoẵng ở.

Sau rốt thì cái nhà sắn của lão Wickson ở cách nơi ẩn của tôi bốn trăm thước. Nhưng cũng không nguy hiểm gì, trái lại càng thêm an toàn cho chúng tôi. Chúng tôi được nương bóng một vị thiếu số thống trị hạng đàn em. Tình hình này sẽ hướng mọi nghi kỵ sang phía khác. Bọn mật thám của cái Gót sắt phải sục sạo hết các nơi các xó rồi có nghĩ đến việc tìm Ernest và tôi ở cái vườn hoẵng của lão Wickson thì mới nghĩ.

Chúng tôi buộc ngựa dưới những gốc cây thông khổng lồ, bên bờ đầm. Người bạn đồng hành của tôi đến bên một cái thân cây rỗng moi ra rất nhiều thứ giấu trong đó: một bao bột năm mươi cân, các thứ đồ hộp, đồ dùng làm bếp, chăn, một mảnh vải sơn, sách vở, bút mực,

một bọc thư lớn, một cái thùng đựng năm lít dầu lửa, sau hết và quan trọng nhất là một cuộn dây chảo lớn. Số đồ đạc dự trữ nhiều đến nỗi phải đi làm nhiều chuyến mới đem được hết về nơi trú ẩn.

Nhưng nơi trú ẩn của tôi lại rất gần. Tôi cầm cuộn dây chảo đi lên trước, chui vào một khu bụi rậm có những dây nho quấn chằng chịt chạy giữa hai quả đồi rừng mọc um tùm. Khu bụi rậm dẫn đến một dòng suối bờ dựng ngược. Đó là một dòng suối nhỏ, có mạch từ trong núi tuôn ra, cho nên những ngày hè nồng nực nhất cũng không cạn. Hai bên là những quả đồi lớn phủ kín những rừng. Có cả một loạt đồi như thế, tưởng chừng do bàn tay của một người khổng lồ bất cẩn nào đã quăng ra đây. Đồi không có đá. Nó nhô lên cao chừng vài chục thước và thuần một loại đất núi lửa màu đỏ, loại đất trồng nho nổi tiếng của vùng Sonoma. Con suối nhỏ chảy qua những quả đồi này, cắt thành một cái khe sâu thẳm.

Phải dùng cả chân lẫn tay tụt xuống dưới lòng suối và xuống được lòng suối rồi thì chúng tôi đi xuôi chừng một trăm bước. Thế là chúng tôi đến một cái hang. Trông ngoài thì không thể biết có hang, mà đó cũng không phải là một cái hang theo nghĩa thông thường. Phải bò qua những bụi gai rậm rịt mới tới được miệng hang và muốn nhìn ra ngoài hay nhìn xuống hang, đều phải vạch lá cây ra mà nhìn. Hang dài chừng một trăm bước, chiều rộng cũng thế, chiều sâu ước được một nửa. Có thể là khi những quả đồi ở bên trên thành hình, chỗ này mới là một vết nứt, rồi vết nứt đó trải qua một sự xói mòn bất thường, bị nước xói mòn dần, xói dần, qua nhiều thế kỉ. Không chỗ nào có đất thịt chồi ra cả. Cây cối mọc thành một tấm thảm xanh rì phủ kín mặt đất, từ giống tóc tiên nhỏ xíu và giống đuôi chuồn cuống vàng đến giống thông khổng lồ và giống bách Douglas. Những loài cây lớn này mọc ngay ở vách hang. Một vài cây ngã xuống đến bốn mươi lăm độ nhưng hầu hết mọc thẳng lên trên những vách đất mềm dựng đứng.

Nơi này mà ẩn náu thì thật là tuyệt. Không có ai lần mò đến đây, kể cả bọn trẻ ở làng Glen Ellen. Giá cái hang này ở vào một khe núi dài một vài cây số thì không khéo nó đã thành nổi tiếng rồi. Nhưng chỗ này lại không phải là khe núi. Từ ngọn suối bắt nguồn từ một mạch nước ở bên dưới một cánh đồng cỏ phẳng tuôn ra, phía trên miệng hang chừng ba trăm bước. Phía dưới hang chừng một trăm bước, con suối chảy ra một nơi quang đãng, đổ vào một dòng nước lớn qua một vùng cỏ mọc xanh rờn. Người bạn đồng hành của tôi quấn dây chảo vào một cái thân cây, buộc tôi vào một đầu dây và dòng tôi xuống. Chỉ một loáng tôi đã xuống được dưới đáy. Một lát sau, cũng chóng thôi, anh lấy tất cả đồ đạc về hang và lại dòng xuống cho tôi. Anh kéo dây lên giấu đi một nơi và trước khi đi còn ghé xuống chào tôi rất vui vẻ.

Trước khi kể tiếp, tôi muốn nói một lời về đồng chí này. Đồng chí tên gọi John Carlson và là một nhân vật bình thường của cách mạng, một trong ngàn vạn những đồng chí trung thành đứng trong hàng ngũ cách mạng. Đồng chí làm cho lão Wickson, làm ở tàu ngựa gần nhà sẵn. Thật ra chúng tôi dùng ngựa của lão ta để vượt núi Sonoma. Đã từ gần hai mươi năm nay, John Carlson vẫn canh giữ nơi trú ẩn này. Tôi tin chắc rằng suốt thời gian đó không một ý nghĩ phản trắc nào đã lọt được vào tâm trí anh. Ngay khi nằm mê, có lẽ cũng không lúc nào anh thấy mình có ý nghĩ bội phản những người thân tín. Anh thần nhiên lạnh lùng đến cái độ mà người ta không thể không tự hỏi làm sao hai tiếng cách mạng lại có được một ý nghĩa nào đó đối với anh. Ấy thế mà lòng yêu tự do vẫn rọi những tia sáng âm thầm và bền bỉ trong tâm hồn u tối

của anh. Về một vài phương diện, thà anh ít đầu óc tưởng tượng linh hoạt như vậy lại là điều hay. Trí tuệ anh bao giờ cũng minh mẫn. Anh biết phục tùng mệnh lệnh, không tò mò, cũng không bép xép. Một hôm tôi hỏi vì sao anh lại thành một người cách mạng. Anh đáp:

- Hồi còn thanh niên, tôi đi lính. Hồi đó tôi còn ở bên Đức. Tất cả thanh niên trai tráng ai cũng phải vào quân đội. Thế là tôi vào quân đội. Trong quân đội có một anh lính khác cũng là thanh niên. Theo danh từ các đồng chí vẫn dùng, thì cha anh là một người khích động quần chúng. Cha anh bị tù vì tội khi quân - nói theo tiếng của các đồng chí thì là tội nói sự thật về Đức hoàng. Anh thanh niên con ông nói chuyện với tôi rất nhiều về nhân dân. Anh giúp tôi nhìn mọi việc theo quan điểm mới, và tôi trở thành một người xã hội chủ nghĩa. Anh nói rất phù hợp với chân lí và rất hay, nghe xong tôi không bao giờ quên được. Khi sang Mỹ, tôi cày cục tìm bằng được những người xã hội chủ nghĩa. Tôi thành đảng viên trong một chi bộ - đó là thời Đảng lao động xã hội chủ nghĩa. Về sau, xảy ra tình trạng chia rẽ trong Đảng, tôi gia nhập đảng bộ địa phương của Đảng Xã hội. Lúc ấy, tôi làm ở một tàu ngựa cho thuê tại San Francisco. Đó là thời chưa xảy ra nạn động đất. Tôi đã đóng đảng phí suốt hai mươi năm. Tôi vẫn còn là đảng viên tôi vẫn đóng đảng phí, mặc dầu những việc đó bây giờ phải làm rất bí mật. Tôi sẽ đóng đảng phí mãi và khi nào thành lập nước Cộng hoà hợp tác xã thì tôi rất sung sướng.

Khi còn lại một mình, tôi đốt bếp đèn làm cơm sáng và sửa sang nhà cửa. Thường thì lúc sớm tinh mơ, hay lúc trời đã tối mịt, Carlson lại lén xuống nơi ở của tôi làm việc độ một hai giờ. Lúc đầu, nhà cửa của tôi vền vẹn chỉ là tấm vải sơn. Về sau, chúng tôi dựng lại một cái lều vải. Về sau nữa, khi đã yên tâm rằng đây là một nơi tuyệt đối an toàn, chúng tôi dựng một nếp nhà con. Căn nhà này chúng tôi làm hết sức kín để lỡ có đứng từ trên miệng hang tò mò nhìn xuống cũng không sao thấy được. Cây cỏ sum suê ở cái nơi kín đáo này kết thành một tấm khiên thiên tạo. Vả lại, căn nhà dựng sát hẳn vào vách hang, chúng tôi còn đào ngay vào vách hang để làm hai cái phòng khô ráo, thoáng khí, chống bằng những cây gỗ phiến rất khoẻ. Chúng tôi sống tha hồ thoải mái. các bạn cứ tin như thế. Ít lâu sau, khi anh nhân viên khủng bố người Đức tên là Biedenbach đến trốn ở đây với chúng tôi, anh đặt một hệ thống tiêu khói, khiến chúng tôi có thể ngồi sưởi bên đồng lửa lép bép qua những đêm đông giá lạnh.

Đến đây, tôi lại phải nói ít lời về anh nhân viên khủng bố có một tâm hồn rất dịu dàng này. Không một đồng chí nào trong hàng ngũ cách mạng lại bị hiểu lầm kinh khủng đến thế. Đồng chí Biedenbach không hề phản bội sự nghiệp. Biedenbach cũng không hề bị các đồng chí xử tử, như người ta vẫn phỏng đoán. Đó là một tin vệt do bọn tay chân của tập đoàn thiểu số thống trị tung ra. Đồng chí Biedenbach là người đáng trí, hay quên. Đồng chí bị một người gác hầm bí mật Carmel bắn chết vì quên mật khẩu. Đó là một sự lầm lẫn đáng buồn, có thể thôi. Nói rằng đồng chí đã phản lại Đội chiến đấu của mình là hoàn toàn sai. Chưa có người nào làm việc cho sự nghiệp mà lại thành khẩn và trung thực hơn đồng chí[107].

Suốt mười chín năm nay, nơi trú ẩn do tôi chọn luôn luôn có người ở, và trong thời gian ấy, trừ có mỗi một lần, còn thì không một người ngoài nào ở ngoài khám phá ra. Ấy thế mà nó chỉ cách ngôi nhà sàn của lão Wickson có bốn trăm thước, cách làng Glen Ellen có chừng một cây số rưỡi. Ngày ngày, tôi còn nghe thấy cả tàu sáng tàu chiều đi đến và tôi vẫn thường lấy đồng hồ theo còi tầm nhà máy gạch[108].

Chương XIX

Biến đổi

Em phải thay đổi hẳn đi kia", Ernest viết cho tôi thế. "Em phải thôi không còn là em nữa. Em phải thành một người đàn bà khác. Không phải chỉ khác ở bộ quần áo bên ngoài, mà khác hẳn từ bên trong. Em phải đổi khác hẳn đi, đến nỗi chính anh cũng không nhận ra em nữa kia. Khác từ giọng nói, cử chỉ, kiểu cách, dáng dấp, bước đi, tất cả".

Tôi phục tùng mệnh lệnh ấy. Mỗi ngày tôi bỏ ra hàng giờ để tập chôn hẳn Avis Everhard xuống dưới thân hình của một người đàn bà khác mà tôi không thể gọi là "tôi" khác. Chỉ có cách tập luyện kiên trì mới có thể đạt được những kết quả ấy. Cứ riêng về một chi tiết là cách uốn giọng thôi, tôi cũng đã phải tập liên miên cho đến khi giọng nói của con người mới trong tôi trở thành bất di bất dịch và bất cứ lúc nào cũng bật ra như cái máy. Tôi bắt buộc phải đóng vai trò của tôi như một cái máy. Phải đóng thạo đến nỗi chính mình lại có thể đánh lừa cả mình nữa kia. Cũng giống như học một ngôn ngữ mới ấy: học tiếng Pháp chẳng hạn. Thoạt đầu, nói tiếng Pháp là một hành vi có ý thức, một vấn đề ý chí. Người sinh viên nghĩ bằng tiếng Anh rồi chuyển sang tiếng Pháp, hoặc đọc bằng tiếng Pháp nhưng lại chuyển sang tiếng Anh trước khi mình hiểu được nghĩa. Về sau, khi đã có cơ sở vững chắc và đã nhạy như một cái máy, người sinh viên đọc, viết và nghĩ bằng tiếng Pháp, không cần phải nhờ đến tiếng Anh nữa.

Việc cải trang của chúng tôi cũng vậy. Chúng tôi phải tập cho đến khi đóng trò y như thật; cho đến khi muốn trở lại nguyên hình con người cũ, lại phải đem hết ý chí tập luyện một cách chăm chú. Cố nhiên, lúc đầu chỉ toàn là kinh nghiệm mò mẫm. Chúng tôi đang tạo ra một nghệ thuật mới và có nhiều điều chúng tôi cần khám phá. Nhưng công tác cứ thế đi lên: các vốn thủ đoạn và mưu mẹo đang được tích lũy. Cái vốn đó đã trở thành một thứ sách giáo khoa được chuyển tay từ người này sang người khác, đã trở thành một bộ môn trong giáo trình của trường huấn luyện cách mạng[109].

Vào hồi này, ba tôi bỗng dưng biến mất. Thư từ của cụ trước vẫn đến tay tôi đều đặn, nay không đến nữa. Người ta không thấy cụ ở nhà chúng tôi, tại phố Pell nữa. Các đồng chí chúng tôi tìm cụ khắp nơi. Thông qua cơ quan mật vụ của chúng tôi, chúng tôi sục sạo tất cả các nhà tù trong nước. Nhưng cụ đã mất tích hoàn toàn, chùng như lòng đất đã mở ra để nuốt chửng cụ đi, và cho đến hôm nay, không ai phát hiện ra một dấu vết gì về sự kết thúc của cụ[110].

Tôi qua sáu tháng trời cô độc trong hầm bí mật, nhưng những tháng đó tôi không đến nỗi ăn dưng ngồi rồi. Tổ chức của chúng tôi tiến triển rất mau, và công việc lúc nào cũng chất thành núi chờ chúng tôi giải quyết. Ernest cùng với các lãnh tụ khác trong tù quyết định những công việc phải làm, và chúng tôi ở bên ngoài chỉ việc đem chấp hành. Phải tổ chức công tác tuyên truyền miệng; phải tổ chức hệ thống tình báo có đủ các chi nhánh; phải lập những cơ quan in bí mật; phải đặt đường xe lửa ngầm nghĩa là hệ thống liên lạc giữa trăm nghìn những nơi trú ngụ ẩn của chúng tôi; phải lập những nơi trú ẩn mới ở những vùng cần thiết để cho sợi dây xích mà chúng tôi giăng trên khắp đất nước không thiếu một mắt nào.

Cho nên, như tôi đã nói, việc không bao giờ hết. Sáu tháng sau, có hai đồng chí đến, và tôi không còn cô độc nữa. Đó là hai thiếu nữ, hai tâm hồn dũng cảm, yêu tự do một cách say đắm: chị Lora Peterson, mất tích năm 1922 và chị Kate Bierce về sau lấy đồng chí Du Bois, và hiện nay vẫn cùng chúng tôi ngược mắt nhìn lên vầng mặt trời của ngày mai, nó báo hiệu một thời đại mới.

Hai người thiếu nữ đến với một vẻ bàng hoàng người ta vẫn thường có khi thần kinh bị căng thẳng, khi gặp nguy hiểm hay gặp cái chết bất thần.

Trong đám thủy thủ của chiếc tàu đánh cá chở họ vượt vịnh San Pablo, có một tên mật thám. Nó làm tay sai cho cái Gót sắt, nhưng đã đánh lộn sòng được vào hàng ngũ cách mạng và đã đi sâu vào những bí mật của tổ chức chúng tôi. Không còn nghi ngờ gì nữa: nó đang lung tung tích của chúng tôi, vì từ lâu chúng tôi đã được biết rằng việc tôi bỗng dưng biến mất đã gây một mối lo ngại lớn cho cơ quan mật vụ của tập đoàn thiểu số thống trị. May thay, như các sự việc sau này chứng tỏ, tên mật thám vẫn chưa phổ biến những khám phá của nó cho ai cả. Chắc nó hoãn lại chưa báo cáo là để đợi công việc tiến hành đâu vào đấy, đến khi tìm được nơi ẩn của tôi và bắt được tôi sẽ hay. Nhưng những tài liệu điều tra của nó đã chết theo nó.

Sau khi hai thiếu nữ ở sông Petaluma lên bộ và lấy ngựa đi, tên mật thám đã bịa ra một lí do để trốn khỏi tàu. Nhưng dọc đường đi lên núi Sonoma, Carlson để cho hai thiếu nữ dắt ngựa của anh đi trước còn anh thì đi chặn quay trở lại. Anh đã bắt đầu nghi. Anh bắt tên mật thám. Câu chuyện về sau xảy ra như thế nào, Carlson đã cho chúng tôi một ý niệm rõ ràng.

- Tôi giải quyết luôn thằng ấy, - Carlson kể lại bằng một giọng mộc mạc. - Tôi giải quyết luôn, - anh nhắc lại; và lúc đó một tia sáng thăm lặng đốt cháy đôi mắt anh, còn hai bàn tay sần sùi vì lao động của anh thì xoè ra bóp vào thay cho lời giải thích. - Nó không kêu được một tiếng. Tôi giấu nó đi một nơi rồi. Đêm nay tôi sẽ quay lại đào một cái hố thật sâu để chôn nó.

Hồi đó, tôi thường ngạc nhiên vì sự lột xác của tôi. Có lúc tôi hầu như không tin được rằng xưa kia mình vẫn sống một cuộc đời phẳng lặng, thanh bình trong một thành phố đại học, lại có lúc tôi hầu như không tin được rằng mình đã thành một người cách mạng, dày dạn với những cảnh gian lao chết chóc. Trong hai điều này, nhất định phải có một điều phi lí. Một cái là thật, một cái là mơ, nhưng biết cái nào là cái nào? Cuộc đời cách mạng ẩn náu dưới hang sâu của tôi hiện nay là một cơn ác mộng chăng? Hay là giữa lúc đi làm cách mạng, tôi chợt mơ thấy rằng có một kiếp trước mình đã từng sống ở Berkeley và ngoài những bữa tiệc trà, những cuộc khiêu vũ, những cuộc họp mặt tranh luận của giới thượng lưu, những giảng đường của trường Đại học ra, mình không hề biết thế nào là một cuộc đời sống gió? Nhưng rồi tôi lại cho rằng những bản khoản riêng của tôi là của những ai đang tập hợp dưới lá cờ đỏ đấu tranh cho tình huynh đệ giữa những con người.

Tôi thường nhớ lại những nhân vật gặp trong cuộc đời trước của tôi. Kể cũng lạ, trong cuộc đời mới này, thỉnh thoảng tôi lại thấy họ hiện ra, rồi lại biến đi. Tôi nhớ đến đức Giám mục Morehouse. Sau khi tổ chức của chúng tôi đã phát triển, chúng tôi tìm kiếm mãi Người mà không thấy. Người bị chuyển hết viện điều dưỡng này sang viện điều dưỡng khác. Chúng tôi bám được dấu của Người từ ở nhà thương điên Napa sang đến nhà thương điên Stockton và từ đó sang nhà thương điên khác ở thung lũng Santa Clara, gọi là nhà thương Agnews, rồi hết,

không còn dấu vết gì nữa. Người không có giấy khai tử. Có lẽ Người đã trốn được bằng cách này hay cách khác. Tôi không ngờ lại được thấy Người một lần nữa trong một tình cảnh rất thâm, thấy thoáng một cái thôi, giữa cơn lốc tàn sát để đê bẹp Công xã Chicago.

Còn anh Jackson bị mất một cánh tay ở nhà máy sợi Sierra và đã khiến cho tôi bỏ đi làm cách mạng, tôi không gặp lại anh bao giờ, nhưng tất cả chúng tôi đều biết những việc anh làm trước khi chết. Anh tuyệt nhiên không đi theo cách mạng. Chưa xót về số phận, cảm uất vì bất công, anh trở thành một kẻ vô chính phủ. Không phải một kẻ vô chính phủ về mặt triết học đâu, mà là một con vật điên cuồng vì cừ hận và ý muốn phục thù. Anh đã trả được thù cho bản thân anh. Một đêm, giữa lúc mọi người đang ngủ say, anh lọt qua chỗ bọn gác cửa và giật bom làm nổ tung toà lâu đài của lão Pertonwaithe. Không một mống nào chạy thoát, kể cả bọn gác. Khi bị tổng giam chờ ngày xét xử, anh thắt cổ chết ở trong chăn.

Số phận của bác sĩ Hammerfield và bác sĩ Ballingford khác hẳn số phận của Jackson. Hai vị vẫn ăn cây nào rào cây ấy. Hai vị được Nhà thờ thưởng rất hậu và sống bình chân như vại trong những toà lâu đài nguy nga. Cả hai vị đều là những người biện hộ cho tập đoàn thiểu số thống trị. Cả hai đều béo hủ lên. Một hôm Ernest bảo "Bác sĩ Hammerfield đã thành công trong việc cải biên cái thuyết siêu hình học của ngài, để đem lại một lời phê chuẩn của Chúa cho cái Gót sắt, đồng thời để gây một phong trào tôn thờ cái đẹp rộng rãi và để đem cái loài có xương sống và mờ mờ như thể hơi mà Haeckel đã miêu tả thu lại thành một quái tượng vô hình. Sự khác nhau giữa bác sĩ Hammerfield và bác sĩ Ballingford là ngài sau đã làm cho đáng Thượng đế của tập đoàn thiểu số thống trị thành ra mờ mờ hơn nữa và ít có xương sống hơn".

Peter Donnelly, viên đốc công "vàng" ở nhà máy dệt Sierra mà tôi đã tìm gặp khi đi điều tra trường hợp của Jackson, đã làm cho tất cả chúng tôi ngạc nhiên. Năm 1918, tôi có mặt trong một cuộc hội nghị của tổ chức San Francisco đỏ. So với tất cả những Đội chiến đấu của chúng tôi thì đó là đội ghê gớm nhất và thẳng tay nhất. Thật ra nó không phải là một bộ phận của tổ chức chúng tôi. Đội viên của nó là những kẻ cuồng tín, điên khùng. Chúng tôi không dám khuyến khích một tinh thần như thế. Vả lại, tuy họ không thuộc chúng tôi, nhưng chúng tôi vẫn giữ quan hệ tốt với họ. Tôi đến với họ tối hôm đó là để thể hiện một nhiệm vụ có tầm quan trọng sống còn. Một mình ở giữa hai chục người, chỉ có tôi là không đeo mặt nạ. Thương nghị xong xuôi, tôi được một người trong bọn họ dẫn đi. Đến một chỗ tối, người dẫn đường đánh một que diêm, cầm sát vào mặt và bỏ mặt nạ ra. Tôi đứng sững ra nhìn những nét mặt cháy rực nhiệt tình của Peter Donnelly. Rồi que diêm tắt. - Tôi cũng chỉ muốn chị biết đây chính là tôi thôi, - hắn nói trong đêm tối. - Chị có nhớ lão giám đốc Dallas không? Tôi gật đầu hồi tưởng lại bộ mặt cáo già của viên giám đốc nhà máy dệt Sierra.

- Tôi khử nó trước, rồi thì tôi gia nhập tổ chức Đỏ, - Donnelly nói bằng một giọng kiêu hãnh. - Nhưng làm thế nào mà anh lại ở đây? - tôi hỏi. - Thế còn vợ con anh?

- Chết rồi, - hắn ta đáp. - Chính là vì thế. Không, - hắn ta nói tiếp rất mau. - Không phải do trả thù cho vợ con tôi đâu. Vợ con tôi đều chết êm ả trên giường. Chết bệnh mà, chị hiểu không? Thì đá cũng có khi đổ mồ hôi chứ! Còn mồ ma vợ con tôi, vợ con tôi đã trối tay tôi lại. Bây giờ vợ con chết rồi thì tôi phải trả thù cho cái kiếp người tàn tạ của tôi. Có một thời tôi đã từng là Peter Donnelly, viên đốc công "vàng". Bây giờ tôi là số 27 của đội San Francisco đỏ. Ta đi thôi, tôi sẽ dẫn chị ra khỏi nơi này.

Về sau tôi được nghe nói thêm về hắn. Hắn đã nói sự thật theo kiểu của hắn, khi hắn bảo rằng vợ con hắn đã chết cả. Thật ra một đứa con hắn còn sống, tên là Timothy, nhưng hắn coi như đã chết rồi, vì nó đi làm tay sai cho cái Gót sắt trong đạo quân đánh thuê [111]. Mỗi đội viên Đội San Francisco đổ thề thực hiện được mười hai vụ xử tử trong một năm. Nếu thất bại thì phải chịu hình phạt chết. Đội viên nào không đạt được con số đã quy định đều phải tự tử. Các vụ xử tử không phải là tiến hành gặp chằng hay chớ. Bọn người điên cuồng này hội họp luôn và tuyên bố hàng loạt bản án đối với những tên hung hăng nhất trong bọn thiểu số thống trị và tay sai. Sau đó việc xử tội được phân công theo cách rút thăm.

Thật ra, đêm hôm đó tôi đến gặp họ cũng vì một vụ xử án như vậy. Một đồng chí của chúng tôi từ nhiều năm đã tìm cách giữ một chức thư kí trong cơ quan mật vụ địa phương của cái Gót sắt. Đồng chí bị Đội San Francisco đổ tuyên bố xử tử. Cố nhiên anh đồng chí đó không có mặt trong lúc xử, và cố nhiên những người xử anh không biết rằng anh là người của chúng tôi. Sự mạng của chúng tôi là chứng thúc nhận dạng cũng như sự trung thành của anh. Tất sẽ có người hỏi vì sao chúng tôi biết được việc này. Cũng dễ cắt nghĩa thôi. Một nhân viên mật vụ của chúng tôi là đội viên Đội San Francisco đỏ. Chúng tôi cần để mắt tới cả bạn lẫn thù. Cái nhóm người điên cuồng này cũng khá quan trọng, không chú ý đến không được.

Nhưng ta hãy trở lại Peter Donnelly và con trai. Donnelly hoạt động rất tốt cho đến năm sau, khi hắn thấy trong tập bản án hắn phải thi hành có tên con trai của hắn là Timothy Donnelly. Thế là tình gia đình trước kia vốn đã hết sức nặng trong con người hắn lúc này thức dậy. Để cứu con trai, hắn đã phản bội đồng chí. Hắn đã bị chặn tay lại một phần nào, nhưng mười hai đội viên Đội San Francisco đỏ cũng đã bị xử tử và đội đó gần như tiêu diệt. Để trừng trị lại, những người sống sót đã kết liễu đời hắn cho bổ với tội phản bội của hắn.

Thằng Timothy Donnelly cũng chẳng sống được lâu hơn. Những đội viên San Francisco đỏ thề xử tử nó bằng được. Bọn thiểu số thống trị tìm hết cách để cứu nó. Nó được đổi đi lung tung khắp nước, hết nơi này sang nơi khác. Ba đội viên đỏ đã bỏ mạng để săn nó mà cũng không được. Đội San Francisco đỏ hồi đó chỉ gồm toàn nam giới. Cuối cùng họ phải nhờ đến tay một người đàn bà, một nữ đồng chí của chúng tôi. Người đó không phải ai khác, mà là Anna Royston. Nội bộ chúng tôi cấm không cho chị nhận, nhưng chị thường vẫn có những ý thích riêng và coi thường kỉ luật. Vả lại chị rất có tài và rất dễ thương cho nên chúng tôi chưa bao giờ kỷ luật chị bằng cách nào được. Chị thật là một loại riêng biệt, khác hẳn những mẫu mực bình thường của người cách mạng.

Mặc dầu chúng tôi không cho phép chị làm như vậy, chị vẫn cứ làm. Lúc đó Anna Royston là một người đàn bà rất đẹp. Chị chỉ cần vẫy tay một cái là chinh phục được một đàn ông. Chị đã từng làm tan nát chừng hai chục trái tim trong những đồng chí trẻ của chúng tôi và chiếm được chừng hai chục trái tim khác để đưa họ vào tổ chức. Thế mà chị vẫn nhất quyết không chịu lấy chồng. Chị rất yêu trẻ con, nhưng cho rằng có con thì không phục vụ được sự nghiệp. Mà chị thì đã quyết hiến mình cho sự nghiệp.

Đối với Anna Royston, chinh phục Timothy Donnelly là chuyện rất dễ. Lương tâm chị cũng không cắn rứt chị, vì đúng vào lúc đó xảy ra vụ thảm sát Nashville. Đội quân đánh thuê, do Timothy Donnelly chỉ huy, đã tàn sát tám trăm công nhân dệt của thành phố đó. Nhưng chị

không giết Donnelly. Chị bắt nó trao cho Đội San Francisco đỏ. Việc này xảy ra mới hồi năm ngoái, và bây giờ chị đã được đặt tên lại. Những người cách mạng ở khắp nơi gọi chị là "Nàng trinh nữ đỏ"[112].

Đại tá Ingram và đại tá Van Gilbert, hai nhân vật này về sau đối với tôi còn quen thuộc hơn nữa. Tôi gặp họ luôn. Đại tá Ingram leo lên khá cao trong tập đoàn thiểu số thống trị, và làm tới chức đại sứ ở Đức. Y bị vô sản ở cả hai nước ghét cay ghét đắng. Tôi gặp y ở Berlin. Với tư cách một điệp viên quốc tế do cái Gót sắt phái đến, tôi đã được y tiếp và đã được giúp đỡ nhiều. Nhân đây, tôi cũng xin nói rằng với vai trò "hai mang" của tôi, tôi đã hoàn thành được một số việc trọng đại cho Cách mạng.

Đại tá Van Gilbert trở nên khét tiếng. Người ta gọi y là Van Gilbert "răng nhe như răng chó". Y giữ một vai trò quan trọng trong việc thảo bộ luật mới sau công xã Chicago. Nhưng trước đó, do chỗ y làm quan toà xử án, y đã được một cái án tử hình vì sự tàn ác quỷ quyệt của y. Tôi ở trong số những người xử và tuyên án. Anna Royston thi hành bản án.

Lại còn một hình ảnh nữa từ trong cuộc đời cũ hiện ra. Đó là Joseph Hurd, viên luật sư của Jackson. Trong tất cả mọi người, tôi ít chờ đợi gặp hắn ta hơn cả. Thật là một cuộc gặp mặt lạ lùng. Một đêm đã khuya, hai năm sau Công xã Chicago, Ernest và tôi đến nơi ẩn náu ở cảng Benton. Nơi ẩn náu này ở Michigan, bên bờ hồ đối diện với Chicago. Chúng tôi đến đúng lúc kết thúc vụ án xử một tên mật thám. Bản án tử hình vừa tuyên bố xong và người ta đem tên mật thám đi. Cảnh tượng lúc chúng tôi đến là như vậy. Một lúc sau, thẳng khốn nạn vùng tay khỏi người áp tải, phủ phục dưới chân tôi, ôm chặt lấy hai đầu gối tôi và cuống cuồng xin tha tội chết. Lúc nó ngẩng cái mặt nhợt nhạt lên nhìn tôi, tôi mới nhận ra Joseph Hurd. Tôi đã mục kích nhiều cảnh ghê rợn, nhưng chưa bao giờ thần kinh tôi lại rã cả ra như lúc tôi thấy thẳng cha ấy nói như điên cuồng để bào chữa cho mình được sống. Nó điên cuồng bám lấy cái sống. Trông đến là thảm. Nó nhất định níu tôi lại, mặc dầu có đến mười hai đồng chí giằng nó ra. Nó bị kéo đi xềnh xệch, vừa đi vừa rú lên nghe rất thống thiết. Nó vừa đi khỏi thì tôi ngã quay ra và nằm ngất trên sàn nhà. Nhìn những người đứng cảm chết bao giờ cũng dễ dàng hơn là nghe một đứa hèn nhát ăn mày cái sống[113].

Chương XX

Một tên thiếu số thống trị mất tích

Nhưng trong lúc ôn lại cuộc đời cũ, tôi đã chạy sang cả cuộc đời mới. Cuộc tổng giải thoát các đồng chí chúng tôi ra khỏi nhà tù mãi sang năm 1915 mới thực hiện được. Việc này tuy phức tạp nhưng đã tiến hành trót lọt. Đó là một thành tích vang dội, nó đã cổ vũ chúng tôi rất nhiều trong công tác. Vén vện trong có một đêm, năm mươi một nghị sĩ của chúng tôi và cộng thêm vào đó, trên ba trăm cán bộ lãnh đạo khác đã được chúng tôi cứu ra khỏi hai mươi nhà giam, nhà tù quân sự và pháo đài từ Cuba đến California. Không một trường hợp nào thất bại. Không những ai nấy đều trốn thoát, mà còn về được nơi ẩn náu đã quy định. Chỉ có một đồng chí chúng tôi không đón ra là Arthur Simpson, đã chết ở Cabanas sau nhiều trận tra tấn ác liệt.

Mười tám tháng trời tiếp theo đó có lẽ là thời kỳ sung sướng nhất đời tôi ở bên Ernest. Suốt thời gian ấy, chúng tôi không lúc nào xa nhau. Về sau, khi trở về sống lại với mọi người, chúng tôi phải xa nhau luôn. Lúc này, ngòi chờ ngọn lửa của cuộc khởi nghĩa ngày mai, tôi nóng lòng sốt ruột như thế nào thì đêm hôm đó tôi nóng lòng sốt ruột chờ Ernest như thế. Bao nhiêu lâu rồi không được thấy mặt anh, tôi phát điên cả người, chỉ sợ kế hoạch của chúng tôi có chỗ nào sai sót, hoặc có sự va vấp nào xảy ra, khiến cho anh vẫn bị giữ nguyên ở nhà tù ngoài đảo. Mỗi giờ đi qua tưởng như hàng thế kỉ. Tôi chỉ có một mình. Biedenbach và ba người thanh niên đến ở cùng với tôi trong hầm bí mật đều đã đi lên núi. Họ võ trang cẩn thận và chuẩn bị đối phó với mọi tình hình. Bây giờ tôi còn hình dung thấy tất cả những nơi ẩn trú của chúng tôi trên khắp nước đều vắng tanh, vắng ngắt, vì các đồng chí của chúng tôi đều đã bỏ đi ra ngoài cả.

Đúng lúc bầu trời sầm lại báo hiệu sắp rạng đông, tôi nghe thấy một hiệu từ bên trên gọi xuống và lập tức đáp lại. Trong bóng tối tôi suýt ôm chầm lấy Biedenbach, vì anh xuống trước, nhưng chỉ một lúc sau, tôi đã ở trong tay Ernest. Tôi đã thay đổi hoàn toàn thật. Lúc đó tôi mới nhận thấy rằng tôi phải cố gắng đem hết ý chí ra mới có thể trở lại làm Avis Everhard ngày xưa với những điệu bộ, cái cười, cách nói và giọng nói như ngày xưa. Tôi phải cố gắng rất nhiều mới giữ được những hình tích cũ; con người mới mà tôi đã tạo ra cho mình nhay như một cái máy, đến nỗi tôi không thể tự cho phép mình quên một phút nào cả. Khi vào trong căn phòng nhỏ, tôi nhìn rõ khuôn mặt của Ernest dưới ánh đèn. Nước da anh có xanh đi vì ở lâu trong tù. Nhưng ngoài ra anh không thay đổi gì, ít ra thì cũng không thay đổi lắm. Anh vẫn là người chồng yêu quý và người hùng của tôi. Tuy vậy, các nét mặt của anh cũng có phần dài ra, trông hơi khắc khổ. Anh có nghiêm nghị hơn trước một chút thì phải, nhưng khoẻ mắt anh vẫn giữ được vẻ tươi cười ngày xưa. Anh gầy đi mất mười cân, nhưng thân thể rất cường tráng. Suốt thời gian ở tù, anh không lúc nào ngừng tập, thành ra bắp thịt anh rắn như sắt. Thật ra, anh khoẻ hơn là khi vào tù. Mấy tiếng đồng hồ sau, anh mới ngả lưng đi nằm. Tôi vuốt ve cho anh ngủ. còn mình thì không ngủ. Tôi sung sướng quá, vả lại, tôi có phải vất vả vì vượt ngục và vì cười trên lưng ngựa đâu!

Trong lúc Ernest ngủ, tôi thay quần áo, làm lại tóc cho khác đi và trở thành con người mới, nhanh như cái máy. Rồi khi Biedenbach và các đồng chí khác dậy, họ giúp tôi làm một cuộc âm

muru nhỏ. Mọi việc đã đầu vào đây và chúng tôi đang ở trong cái hầm nhỏ dùng làm nhà bếp và phòng ăn thì Ernest mở cửa vào. Biedenbach liền gọi tôi bằng tên Mary. Tôi quay lại trả lời anh. Rồi tôi nhìn chăm chăm vào Ernest, giống như một đồng chí trẻ lần đầu tiên được thấy một người anh hùng nổi danh của cách mạng. Nhưng Ernest chỉ thoáng nhìn tôi, và anh đưa mắt tìm kiếm quanh phòng một cách sốt ruột. Một lúc sau, các đồng chí giới thiệu với anh tôi là Mary Holmes.

Để đánh lừa anh thêm, chúng tôi dọn một cái ghế không. Thấy Ernest càng có vẻ lúng túng và sốt ruột, tôi thú vị quá, nhưng muốn kêu ầm lên. Cuối cùng anh không chịu được nữa. - Thế nhà tôi đâu nhỉ? - Anh đột nhiên hỏi. - Chị ấy còn ngủ, - tôi đáp.

Đó là lúc quan trọng nhất. Nhưng giọng nói của tôi là giọng nói người lạ, anh không nhận ra một dấu vết quen thuộc nào gọi là có. Bữa ăn tiếp tục. Tôi nói rất nhiều, nói say sưa, y hệt một người vẫn quen sùng bái các vị anh hùng. Mà hiển nhiên anh là người anh hùng của tôi. Sự say sưa và lòng thán phục của tôi lên đến cực điểm, và trong lúc bất chợt tôi quàng tay lên cổ anh và hôn vào môi anh. Anh giơ tay đẩy tôi ra, nhìn bốn chung quanh, vừa bực tức vừa phân vân. Bốn đồng chí nam giới phá lên cười và giải thích cho anh nghe. Lúc đầu anh còn không tin. Anh nhìn tôi rất cận kề, bắt đầu hơi hơi tin, rồi lại lắc đầu không tin nữa, mãi đến khi tôi trở lại làm Avis Everhard và nói thắm vào tai anh những điều bí mật mà ngoài anh và Avis Everhard ra không ai biết, khi đó anh mới chịu công nhận tôi đúng là vợ anh thật. Về sau cũng trong ngày hôm đó, khi anh ôm tôi vào lòng, anh tỏ ra rất bối rối và bảo rằng anh có cảm giác như mình là người đa thê. - Em là Avis của anh, - anh nói. - Nhưng đồng thời em lại là một người khác. Em là hai người đàn bà chứ không phải là một, vì thế cho nên đối với anh, em cũng như cả một bầy cung phi của các vua chúa phương đông. Nếu nước Mỹ đối với chúng ta nóng quá không ở được thì anh đã có đủ tư cách để xin làm công dân nước Thổ Nhĩ Kỳ[114].

Từ đó cuộc đời của tôi ở nơi trú ẩn đã tràn đầy hạnh phúc. Kể ra thì chúng tôi làm việc có vất vả, làm việc suốt ngày, nhưng chúng tôi được làm việc với nhau. Chúng tôi được sống bên nhau suốt mười tám tháng trời quý báu. Chúng tôi cũng không sống lẻ loi vì lúc nào cũng có các lãnh tụ và các đồng chí đi đi về về. Tôi được nghe những giọng nói không quen thuộc của các chiến sĩ đang lăn lộn đấu tranh trong vòng bí mật kể lại những nỗ lực phi thường trên khắp chiến tuyến. Đời chúng tôi có nhiều chuyện rất ngộ, rất vui. Chúng tôi không phải chỉ là những người đang âm thầm mưu đồ sự nghiệp; chúng tôi chịu đựng nhọc nhằn, đau khổ, người này ngã xuống thì người khác tiến lên, lúc nào cũng như đùa với cái chết, ấy thế mà chúng tôi vẫn có thì giờ để cười và để yêu. Trong hàng ngũ chúng tôi, có những nghệ sĩ, những nhà bác học, những học giả, những nhạc sĩ và những nhà thơ; và dưới hang chúng tôi ở, văn hoá còn cao hơn là ở những toà lâu đài hay những thành phố kì công của bọn thiểu số thống trị. Thật ra, nhiều đồng chí chúng tôi đã từng làm việc nhọc nhằn để tô điểm cho những toà lâu đài và những thành phố kỳ công đó[115].

Không phải chúng tôi chỉ ru rú trong hầm bí mật. Thỉnh thoảng cũng có đêm chúng tôi phi ngựa trên núi để tập dượt. Những khi ấy chính tôi cưỡi luôn ngựa của lão Wickson. Giá lão ta mà biết ngựa của lão đã cho bao nhiêu người cách mạng cưỡi lên lưng nhỉ! Chúng tôi còn đi cắm trại ở những nơi kín đáo mà chỉ mình chúng tôi biết. Chúng tôi đi từ lúc trời chưa sáng, ở đó suốt ngày, đến tối mịt mới về. Chúng tôi dùng cả kem và bơ của lão Wickson[116]; và

Ernest không phải chỉ bắn cú và thả của lão Wickson về ăn, thỉnh thoảng anh còn làm cả con hoẵng con của lão ta nữa.

Thật thế, đây là một nơi trú ẩn an toàn. Tôi đã bảo nó chỉ bị lộ có một lần thôi. Đến đây thì tôi phải nói rõ điều bí mật về vụ con trai lão Wickson mất tích. Bây giờ anh đó chết rồi, cho nên tôi có thể nói tha hồ. Dưới hang chúng tôi có một chỗ mặt trời vẫn chiếu xuống, mỗi ngày được mấy giờ, nhưng rất kín, ở trên nhìn xuống không thấy được. Chúng tôi chõ cát dưới sông lên để giải xuống đó. Thành thử ở đó vừa khô ráo lại vừa ấm áp, ra tắm nắng rất tốt. Một hôm vào buổi chiều, tôi nằm ở đó và đang thiu thiu ngủ, tay cầm cuốn thơ của Mendenhall[117]. Tôi cảm thấy dễ chịu quá, yên tĩnh quá, và những bài thơ trữ tình hùng hực lửa kia cũng không xúc động nổi tôi nữa. Chợt một tảng đất rơi vào chân tôi, và tôi giật mình tỉnh dậy. Rồi tôi nghe thấy có tiếng người từ ở trên leo xuống. Tiếp đó một thanh niên tụt xuống hết cái vách hang bị lở và đứng bên dưới chân tôi. Đó là Philip Wickson, mặc dầu hồi đó tôi chưa biết anh. Anh điềm tĩnh nhìn tôi và khẽ huýt một tiếng sáo tỏ vẻ ngạc nhiên. Rồi anh ngả mũ ra cầm tay, nói:

- Kia, xin lỗi chị. Tôi không dè lại gặp người ở đây.

Tôi không được bình tĩnh như thế. Vì chưa có kinh nghiệm cho nên tôi chưa biết cách ứng phó khi gặp những trường hợp nguy hiểm. Về sau, khi đã thành một điệp viên quốc tế, chắc chắn tôi không còn vụng về như thế nữa. Nhưng lúc đó thì tôi vội vàng nhóm dậy và hét lên một tiếng để báo động.

- Sao chị lại hét lên thế? - Anh ta hỏi và nhìn tôi ngơ ngác.

Trông cũng biết, lúc xuống hang, anh không ngờ lại có chúng tôi ở dưới này. Tôi nhận ra điều đó và thấy nhẹ cả người.

- Thế anh cho là tôi hét lên để làm gì? - Tôi hỏi vặn lại. Hồi đó tôi đến là vụng, thật thế.

- Tôi cũng chẳng biết nữa, - anh lắc đầu trả lời. - Ít nhất thì chị cũng còn bè bạn ở đây. Dẫu sao chị cũng phải cắt nghĩa cho tôi nghe. Tôi không thích cái kiểu này. Chị đang xâm phạm vào tài sản của người khác. Đây là đất đai của cha tôi, và... Nhưng lúc đó, Biedenbach, vốn là người lễ độ ôn tồn, đứng sau anh khẽ nói: - Giơ tay lên, thưa ông trẻ.

Con trai lão Wickson trước hết giơ tay lên, rồi quay lại nhìn đồng chí Biedenbach đang lăm lăm cầm khẩu tiểu liên "ba mươi-ba mươi" chĩa vào anh ta. Wickson vẫn thản nhiên như không.

- Ồ, ồ, thì ra một ổ cách mạng. Đúng là một tổ ong bầu vẽ, giỏi quá đi mất. Nhưng này, các người sẽ không ở đây lâu được đâu. Tôi có thể nói cho các người biết như thế.

- Chắc chắn ông trẻ sẽ còn được ở đây lâu để xét lại điều ông trẻ vừa tuyên bố, - Biedenbach trả lời lạnh như tiền. - Bây giờ thì mời ông trẻ đi vào bên trong hang với tôi.

- Vào trong ấy à? - Người thanh niên tỏ vẻ rất ngạc nhiên. - Các người có hầm mộ ở đây hay sao? Tôi cũng đã nghe nói như vậy.

- Thì mời ông trẻ cứ vào mà xem, - Biedenbach trả lời ngọt xớt.

- Nhưng như thế là bất hợp pháp, - người thanh niên phản đối.

- Vâng, nhưng đó là theo luật của các ngài, - anh nhân viên khùng bố đáp lại hóm hỉnh. - Còn theo luật của chúng tôi thì đó lại là hợp pháp vô cùng, xin ông trẻ cứ tin như vậy. Ông trẻ cần phải nhớ điều này, là ông trẻ đang ở một thế giới khác, chứ không phải cái thế giới áp bức tàn bạo mà ông trẻ đã từng sống.

- Điểm này là có thể thảo luận được, - Wickson lẩm bẩm.

- Vâng, thì mời ông trẻ ở lại đây với chúng tôi và thảo luận.

Anh thanh niên cười đi theo người đã bắt mình vào trong nhà. Anh ta bị đưa vào nhốt ở hầm trong. Chúng tôi để một đồng chí trẻ tuổi đứng canh, còn chúng tôi thì đi vào bếp thảo luận.

Biedenbach, nước mắt chạy quanh, chủ trương phải thủ tiêu Wickson. Và anh nhẹ cả người khi nghe chúng tôi biểu quyết bác lời đề nghị khùng khiếp của anh. Nhưng mặt khác, chúng tôi cũng không thể nghĩ đến chuyện cho cái tên thiếu số thống trị còn ít tuổi này ra khỏi nơi đây. - Để tôi trình bày với các đồng chí một cách giải quyết, - Ernest nói. - Chúng ta sẽ giữ hắn ở đây để giáo dục. - Vậy thì tôi yêu cầu để cho tôi được giải thích cho hắn rõ về pháp luật học, - Biedenbach kêu lên.

Chúng tôi cười rộ và đi tới một quyết nghị. Chúng tôi sẽ giữ Philip Wickson làm tù binh và giáo dục anh ta bằng đạo đức học và xã hội học của chúng tôi. Nhưng trong thời gian chờ đợi, có một việc cần phải làm ngay, xoá bỏ hết dấu vết của tên thiếu số thống trị trẻ tuổi. Có những dấu vết do Wickson để lại khi tụt xuống cái vách hang bị lở. Việc đó được trao cho Biedenbach. Đồng chí này bu lu vào một sợi dây chèo, đem hết tinh anh của mình ra làm việc hết cả một buổi chiều cho đến khi không còn một dấu vết nào nữa mới thôi. Tất cả những dấu vết từ miệng hang lên đến hết khe núi, anh cũng xoá bỏ đi như vậy. Rồi lúc sâm sẩm tối, John Carlson đến bắt Wickson đưa cho đôi giày.

Anh chàng thanh niên không chịu đưa mà còn định chống cự để giữ lấy giày. Ernest liền cho anh ta nắm sức mạnh người công nhân bịt móng ngựa nằm trong quả đấm của anh. Về sau, Carlson cho biết rằng đôi giày quá nhỏ, anh bị phồng và xây xát hết cả hai bàn chân. Nhưng anh đã dùng đôi giày đó làm được một việc rất cừ. Từ miệng hang anh đi ngược lên. Đến chỗ có dấu chân Wickson, anh bện giày của hắn ta vào rồi đi về phía tay trái. Anh đi hàng cây số, vòng qua mấy đồi, trèo lên các mô đất, len lỏi xuống các khe núi rồi cuối cùng làm mất dấu vết trên một dòng sông nhỏ. Đến đây anh lột giày ra lộ ở dưới sông một khúc cho khỏi có dấu chân và cuối cùng lấy giày của mình ra đi vào. Một tuần sau, Wickson mới được trả lại giày.

Đêm hôm đó một đàn chó săn lồng đi tìm, và trong hang trú ẩn, chúng tôi không sao nhắm được mắt. Ngày hôm sau, nhiều lần đàn chó sục xuống tận khe núi, sủa ầm lên, chạy xô về phía bên trái theo những vết chân mà Carlson đã tạo ra cho chúng và tiếng sủa mất dần trong các khe núi ở trên cao. Trong suốt thời gian ấy, các đồng chí chúng tôi chờ sẵn ở trong hang, tay cầm vũ khí. Chúng tôi có súng lục và súng trường tự động, chưa kể sáu khẩu súng thô sơ do Biedenbach chế tạo. Không ai tưởng tượng được bọn người đi cứu Wickson sẽ được một châu ngọc nhiên như thế nào, nếu họ mò xuống nơi ẩn của chúng tôi. Tôi đã nói thật về sự mất tích của Philip Wickson, trước kia đã từng là một tên thiếu số thống trị, về sau thì trở thành đồng

chí cách mạng. Vì cuối cùng, chúng tôi đã cảm hoá được anh. Đầu óc anh còn trong trắng và dễ nhào nặn và bản chất anh là người có đạo đức. Nhiều tháng sau, chúng tôi cho anh cưới một con ngựa của cha anh để vượt núi Sonoma và đến bờ sông Petaluma. Rồi chúng tôi đưa anh lên một chiếc tàu đánh cá. Chúng tôi đưa anh đi từng chặng theo đường dây bí mật tới nơi trú ẩn ở Carmel, đi một cách khá dễ dàng.

Anh ở lại đó tám tháng. Sau thời gian ấy, anh nhất định không muốn rời bỏ chúng tôi, vì hai lí do. Một là anh đã yêu Anna Royston, hai là anh đã thành người của chúng tôi rồi. Mãi về sau, khi nhận rõ mối tình của mình chỉ là mối tình thất vọng, anh mới chịu làm theo ý muốn chúng tôi, trở về với cha. Bề ngoài thì anh là một tên thiếu số thống trị cho tới lúc chết nhưng thật ra anh là một tay trong hết sức quý báu của chúng tôi. Rất nhiều lần cái Gót sắt phải lúng túng vì những kế hoạch và những hoạt động của nó để chống lại chúng tôi bị thất bại. Giá nó mà biết có bao nhiêu người trong hàng ngũ của nó làm tay trong cho chúng tôi thì nó cũng thừa hiểu. Anh thanh niên Wickson nhất mực trung thành với sự nghiệp, không một lúc nào ngả nghiêng. Ngay việc anh chết cũng là do tận tâm làm nhiệm vụ. Trong cơn bão táp lớn năm 1927, giữa lúc tham gia cuộc hội nghị các lãnh tụ của chúng tôi, anh bị viêm phổi và đã từ trần[118].

Chương XXI

Con mãnh thú dưới vực thẳm

Suốt thời kì dài ở hầm bí mật, chúng tôi vẫn liên hệ chặt chẽ với những việc xảy ra bên ngoài và chúng tôi hoàn toàn hiểu rõ sức mạnh của tập đoàn thiếu số thống trị mà chúng tôi đang đấu tranh lật đổ. Từ cái bất ổn định của bước quá độ, những tổ chức mới hình thành rõ nét hơn, và khoác dần một cái vỏ ngoài trường cửu. Bọn thiếu số thống trị đã thành công trong việc sáng chế ra một bộ máy chính quyền phức tạp và rộng lớn, mặc dù chúng tôi tìm hết cách phá.

Những người cách mạng đều lấy thế làm ngạc nhiên. Họ quan niệm không có lẽ nào lại như thế được. Dẫu sao, mọi việc trong nước vẫn tiến hành như thường. Người ta vẫn lao động cực nhọc trong hầm mỏ, ở ngoài đồng. Người ta bị cưỡng bức bóc lột như một bầy nô lệ, có thể thôi. Tất cả những ngành công nghiệp chủ yếu đều hưng thịnh. Những kẻ có chân trong các đẳng cấp lao động đều thoả mãn và phấn khởi làm việc. Lần đầu tiên trong đời, chúng được sống trong cảnh công nghiệp phát triển hoà bình. Chúng không còn phải lo lắng vì thiếu việc làm, vì bãi công, vì nhà máy đóng cửa, vì những thẻ công đoàn nữa. Chúng sống trong những toà nhà đầy đủ tiện nghi, trong những thành phố rộng rãi dành riêng cho chúng, so với những khu nhà lụp xụp như ngày xưa chúng vẫn chui rúc thì thú vị hơn nhiều. Chúng được ăn sướng hơn, làm ít giờ hơn, được nghỉ phép nhiều hơn, được hưởng nhiều quyền lợi và khoái lạc hơn. Chúng không mấy may bận tâm đến anh em, chị em của chúng, tức là lớp người lao động khổ khổ, không có đặc quyền, đặc lợi và đang bị chìm xuống vực thẳm. Một thời đại lấy ích kỉ làm đầu đã lộ ra trong lịch sử nhân loại. Mà cũng chẳng phải hoàn toàn như thế. Các đẳng cấp lao động đầy rẫy người của chúng tôi. Mà những người này nhìn xa hơn là nhu cầu của cái bụng. Họ nhìn thấy bộ mặt chói ngời của tự do và bác ái.

Một tổ chức lớn khác đã hình thành và đang hoạt động êm ả, đó là đạo quân đánh thuê. Đạo quân này từ quân đội chính quy ra, hiện có tới một triệu người, chưa kể các lực lượng thuộc địa. Bọn lính đánh thuê hợp thành một nòi riêng. Chúng sống trong những thành phố riêng do chúng tự cai quản lấy và được hưởng nhiều đặc quyền đặc lợi. Chỗ hàng ế thừa nan giải nhờ chúng mà tiêu thụ được một phần lớn. Chúng mất hết liên hệ với nhân dân quần chúng, không còn một chút thiện cảm nào với nhân dân quần chúng, và phát triển cái quan niệm đạo đức cùng cái ý thức giai cấp riêng biệt của chúng. Tuy nhiên, trong bọn này có hàng nghìn người là nhân viên công tác bí mật của chúng tôi[119].

Bản thân giai cấp thiểu số thống trị cũng phát triển một cách đáng kể và thú thật là không ngờ. Chúng có một kỉ luật giai cấp của chúng. Mỗi tên thiểu số thống trị đều có công việc nhất định trong xã hội và đều bắt buộc phải làm công việc đó. Không còn những thanh niên nhà giàu ăn dung ngồi rồi nữa. Sức mạnh của bọn này được dùng để tăng cường sức mạnh thống nhất của giai cấp thiểu số thống trị. Chúng giữ những chức chỉ huy cao cấp trong quân đội và trong các ngành công nghiệp. Chúng rất lành nghề trong các ngành khoa học thực hành và nhiều kẻ trở thành những kĩ sư đại tài. Chúng đi vào những ngành vô cùng phức tạp của bộ máy chính quyền, đi nhậm chức ở các thuộc địa, và vào làm việc ở các cơ quan mật vụ có tới hàng vạn. Có thể nói chúng vào học nghề trong các ngành giáo dục, nghệ thuật, trong nhà thờ, trong các ngành khoa học, văn học. Trong những lĩnh vực đó, chúng thực hiện chức trách quan trọng của chúng là nhào nặn tư tưởng của dân tộc để bảo vệ cho giai cấp thiểu số thống trị tồn tại mãi mãi.

Chúng được người ta dạy chúng và sau này lại đến lượt chúng đi dạy người ta rằng những việc chúng làm là hợp với lẽ phải. Chúng hấp thụ tư tưởng quý tộc từ nhỏ, từ khi chúng bắt đầu thu nhận những ấn tượng của thế giới bên ngoài. Tư tưởng quý tộc được dẹt thành bản chất của chúng và trở thành xương thịt chúng. Chúng tự coi là những kẻ dạy thú dữ, những kẻ cai quản súc vật. Từ dưới chân chúng luôn luôn nổi lên những tiếng gầm gừ bạo động. Cái chết hung bạo luôn luôn lớn vờn quanh mình chúng, dưới mắt chúng bom, đạn, dao găm, là nanh vuốt của con mãnh thú đang gầm thét dưới vực thẳm, và chúng phải ra tay trừng trị con mãnh thú đó, để cho loài người tồn tại. Chúng là những cứu tinh của nhân loại, và chúng tự coi mình là những người lao động anh hùng đang hi sinh cho cái chí cao chí thiện.

Chúng tin rằng chỉ có mình giai cấp chúng là bảo vệ văn minh. Chúng đinh ninh rằng nếu chúng suy yếu đi một lúc nào thì con mãnh thú sẽ nuốt chửng chúng vào trong cái dạ dày hang hộc và nhầy nhụa của nó cùng với tất cả những gì là đẹp, là lạ, là vui, là tốt ở trên đời. Không có chúng thì thế giới sẽ thành vô chính phủ và nhân loại sẽ rơi vào cái đêm dài nguyên thủy mà nó đã tốn bao nhiêu đau khổ mới ngoi lên khỏi. Lúc nào chúng cũng đem cái hình ảnh ghê rợn của sự vô chính phủ chìa ra trước mắt con cái chúng, cho đến khi con cái chúng bị nỗi sợ giả tạo này ám ảnh lại đem bức tranh vô chính phủ chìa ra trước mắt cháu chắt chúng. Đây là con mãnh thú không giầy xéo lên trên thì không được, và nghĩa vụ tối cao của một người quý tộc là phải giầy xéo lên trên con mãnh thú ấy. Tóm lại, chỉ có mình chúng không ngừng lao động, không ngừng hi sinh và đứng ở giữa nhân loại yếu ớt và con mãnh thú háu đói; và chúng tin chắc như thế, chúng đinh ninh như thế.

Tôi không thể quá nhấn mạnh vào cái đạo đức ngay thẳng và cao siêu đó của toàn thể giai

cấp thiếu số thống trị. Nó là sức mạnh của cái Gót sắt, thế mà lắm đồng chí mãi vẫn không nhận ra điều đó, hoặc mãi vẫn khăng khăng không chịu nhận ra. Nhiều đồng chí cho rằng cái Gót sắt mạnh là nhờ chế độ thưởng phạt của nó. Thật là sai lầm. Thiên đường và địa ngục có thể là những yếu tố chủ yếu khiến cho một người cuồng tín nhiệt thành với đạo giáo, nhưng đối với đại đa số những người theo đạo giáo thì thiên đường và địa ngục lại phụ thuộc vào điều thiện và điều ác. Yêu cái thiện, muốn làm điều thiện, bất bình với những cái chưa phải là thiện - tóm lại, cư xử sao cho đúng. Đó là cái yếu tố đầu tiên của đạo giáo. Đối với giai cấp thiếu số thống trị cũng vậy. Giam cầm, đầy ải và nhục mạ, danh vọng, lâu đài và những thành phố kì công, những cái đó cũng chỉ là phụ thôi. Sức mạnh lớn lao nó thúc đẩy bọn thiếu số thống trị, chính là việc chúng tin chắc rằng chúng làm đúng. Đừng chú ý đến những ngoại lệ, cũng đừng chú ý đến sự áp bức và sự bất công, nó là xuất xứ của cái Gót sắt. Tất cả những cái đó ai cũng đều công nhận rồi. Vấn đề là sức mạnh của tập đoàn thiếu số thống trị ngày nay nằm ở chỗ chúng thoả mãn với quan niệm rằng chúng đúng[120].

Về mặt này thì suốt hai mươi năm khủng khiếp vừa qua, sức mạnh của cách mạng cũng nằm ở chỗ chúng tôi quan niệm rằng chúng tôi là đúng. Cũng không thể có cách nào khác để cắt nghĩa những hi sinh lớn lao của chúng tôi. Chính vì lí do đó mà Rudolph Mendenhall đã đốt cháy tâm hồn mình để sáng tác bài ca thiên nga của anh và đã hát lên bài ca man rợ đó trong đêm cuối cùng của đời anh. Chính vì lí do đó mà Hurlbert đã chịu nhục hình cho đến chết, nhất định không phản bội đồng chí của mình. Vì lí do đó mà Anna Royston đã từ bỏ cái quyền làm mẹ thiêng liêng của mình. Chính vì lí do đó mà John Carlson đã làm người gác trung thành và không công ở trạm trú ẩn Glen Ellen. Bất kì già trẻ, trai gái, sang hèn, có tài hay bất tài, tất cả các đồng chí Cách mạng đều chung một động cơ là khao khát cái đúng. Nhưng hãy trở lại chuyện chúng tôi. Ernest và tôi trước khi rời hầm bí mật, đều hiểu rõ sức mạnh của cái Gót sắt đã phát triển đến mức độ nào. Những đảng cấp lao động, đạo quân đánh thuê, bầy mật thám và cảnh sát đủ các loại, đông nhung nhúc, tất cả đều gắn chặt vào tập đoàn thiếu số thống trị. Không kể việc mất tự do, nhìn chung chúng sống hơn hẳn trước. Mặt khác thì đông đảo quần chúng nhân dân tay trắng - lớp nhân dân dưới vực thẳm - càng chìm sâu xuống cảnh ngu muội như một lũ súc vật và an phận với nỗi khổ của mình. Mỗi khi có những người vô sản nào tỏ ra sắc sảo và nổi bật lên trong quần chúng, bọn thiếu số thống trị liền kéo họ đi, tạo cho họ những điều kiện sinh sống dễ dàng hơn bằng cách đưa họ vào các đảng cấp lao động và đạo quân đánh thuê. Thế là chúng xoa dịu được những mối bất bình và cướp được những lãnh tụ của giai cấp vô sản xuất thân từ quần chúng.

Tình cảnh của lớp nhân dân dưới vực thẳm thực là thê thảm. Đối với họ thì ngay cái nền giáo dục sơ đẳng họ cũng thôi không được hấp thụ nữa. Họ sống như súc vật trong những khu lao động nhầy nhụa, chết thối ra trong cảnh cơ cực và nhân phẩm bị chà đạp. Tất cả những quyền tự do của họ trước đây đều bị cướp mất. Họ là một bầy nô lệ. Họ không có quyền chọn việc làm. Họ không có quyền đổi chỗ ở, không có quyền giữ hoặc mang khí giới. Họ không phải là nô lệ của ruộng đất như nông dân, mà là nô lệ của máy móc, là một lũ khổ sai. Khi có những nhu cầu bất thường như làm đường, xây trường bay, đào sông, đục núi, làm đường ngầm, xây pháo đài, bọn thống trị đến bắt phu ở những khu lao động và hàng vạn người bị lôi đi công trường. Hàng đạo quân nô lệ đang nai lưng ra xây thành phố Ardis. Họ chui rúc trong những lán trại tồi tàn, hoàn toàn không được hưởng đời sống ấm cúng của gia đình và sống như súc vật

chứ không sống ra người nữa. Đúng như thế, con mãnh thú của vực thẳm mà bọn thiếu số thống trị sợ chết khiếp, nó ở ngay những khu lao động tồi tàn. Nhưng chính bọn thiếu số thống trị lại là kẻ đào tạo ra nó. Chính chúng lại nuôi dưỡng con khỉ và con cọp trong người nó.

Ngay lúc này lại có tin rằng bọn thống trị đang chuẩn bị bắt phu để xây dựng thành phố Asgard. Thành phố kì công Asgard sẽ còn vượt xa thành phố Ardis khi hoàn thành[121]. Những người cách mạng chúng tôi sẽ tiếp tục tiến hành công trình vĩ đại đó. Nó sẽ không phải do bàn tay những người nô lệ khốn khổ làm ra. Nhà cửa lâu đài của các thành phố lộng lẫy đó sẽ mọc lên trong tiếng hát và vẻ đẹp kỳ diệu của nó sẽ dệt bằng âm nhạc và tiếng cười, chứ không phải bằng tiếng thở dài hay tiếng rên la.

Ernest chỉ còn thiếu phát điên lên vì nóng lòng chờ ngày ra hoạt động. Lúc đó cuộc khởi nghĩa thứ nhất của chúng tôi đang chín muồi rất nhanh (cuộc khởi nghĩa này về sau chẳng may thất bại ở Chicago). Tuy nhiên, anh cũng đã chế ngự được tâm hồn sôi nổi của anh. Có một đồng chí tên là Hadly, được phái từ Illinois đến để giúp anh biến thành một người khác[122]. Suốt thời kỳ này, mặc dù sốt ruột, anh đã nghiền ngẫm trong đầu những kế hoạch vĩ đại nhằm tổ chức bộ phận đã giác ngộ của giai cấp vô sản duy trì trong đám dân của vực thẳm một mức giáo dục tối thiểu. Cố nhiên, như vậy là đề phòng cuộc khởi nghĩa thứ nhất bị thất bại.

Mãi đến tháng giêng 1917, chúng tôi mới ra khỏi nơi trú ẩn. Mọi việc đều đã được thu xếp từ trước. Chúng tôi cùng chui vào làm nhân viên khiêu khích cho cái Gót sắt. Tôi đóng vai em ruột Ernest chính là nhờ những tay trong giữ những chức vụ cao cấp trong hàng ngũ bọn thiếu số thống trị, mà chúng tôi được bố trí chỗ làm, có đủ các giấy tờ cần thiết và quá khứ được hợp pháp hoá. Có trong tay những giúp đỡ thì việc này cũng không khó khăn gì, vì trong cái thế giới đầy bóng tối của cơ quan mật vụ, lí lịch mỗi người đều mờ mờ, khó nắm. Các nhân viên đi về như bóng ma, nhận mệnh lệnh, hoàn thành nhiệm vụ, theo dõi người này người nọ, thường khi báo cáo với những sĩ quan mà mình chưa bao giờ gặp mặt, hoặc cộng tác với những nhân viên khác mà mình chưa bao giờ hoặc không bao giờ gặp nữa.

Chương XXII

Công xã Chicago

Làm nhân viên khiêu khích, không những chúng tôi được tha hồ đi đây đi đó, mà còn được tha hồ tiếp xúc với giai cấp vô sản và các đồng chí cách mạng của chúng tôi ở cả hai phe, ngoài mặt thì phục vụ cho cái Gót sắt nhưng bên trong thì đem hết sức lực ra làm việc cho sự nghiệp.

Chúng tôi có nhiều người trong các cơ quan mật vụ của giai cấp thiếu số thống trị và mặc dầu các cơ quan mật vụ đã bị khuấy lộn và chĩnh đốn nhiều lần: chúng không lúc nào nhổ cỏ được tất cả chúng tôi. Ernest đã góp phần lớn lao vào kế hoạch cuộc Khởi nghĩa thứ nhất, ngày khởi nghĩa dự định vào khoảng đầu mùa xuân 1918.

Cuối năm 1917, chúng tôi chưa chuẩn bị xong, còn nhiều việc phải làm, và nếu khởi nghĩa hấp tấp thì nhất định thất bại. Cố nhiên mưu đồ của chúng tôi hết sức phức tạp, và bất cứ một việc gì nổ ra non chắc chắn cũng đều làm hỏng kế hoạch chung. Cái Gót sắt cũng nhìn trước

thấy như vậy và đã vạch kế hoạch thích hợp.

Chúng tôi dự định đánh vào hệ thần kinh của giai cấp thiểu số thống trị trước. Bọn này đã rút kinh nghiệm cuộc tổng bãi công và đã đề phòng nhân viên điện báo làm phản bằng cách thiết lập những đài vô tuyến điện do những đội quân đánh thuê kiểm soát. Về phía chúng tôi, chúng tôi đã có cách đối phó. Khi có hiệu lệnh truyền ra, lập tức những nơi trú ẩn trên khắp đất nước, từ những thành phố, những thị trấn, những trại lính, các đồng chí được chỉ định từ trước phải xông vào làm nổ tung những đài vô tuyến điện: như vậy, ngay từ đòn đầu tiên, cái Gót sắt đã bị quật ngã và đã thực sự chặt thành từng mảnh rồi.

Trong khi đó, các đồng chí khác phải cho nổ tung các cầu, đánh sập những đường hầm xuyên núi và chặt vụn hệ thống đường xe lửa. Hơn thế nữa khi có hiệu lệnh, các đồng chí khác tập hợp thành đội ngũ có trách nhiệm bắt những sĩ quan của đạo quân đánh thuê và những sĩ quan cảnh sát cũng như tất cả những tên thiểu số thống trị đặc biệt xảo trá hoặc giữ những chức vụ hành chính. Như vậy, phe địch ở tất cả những chiến trường địa phương sẽ như rắn không đầu, và những chiến trường như thế nhất định phải mở trên khắp nước. Nhiều việc sẽ phải xảy ra cùng một lúc khi hiệu lệnh tung ra. Những người ái quốc Canada và Mexico - họ còn mạnh hơn là cái Gót sắt tưởng rất nhiều - sẽ rập theo chiến thuật của chúng tôi.

Rồi thì sẽ có những đồng chí (họ toàn là phụ nữ, vì nam giới còn ở những nơi khác) đem niêm yết những bản bố cáo in ở những nhà in bí mật của chúng tôi. Những đồng chí chúng tôi giữ những chức vụ cao cấp của cái Gót sắt sẽ phải lập tức gây hỗn loạn trong khắp mọi ngành. Trong đạo quân đánh thuê có hàng nghìn đồng chí chúng tôi. Nhiệm vụ của họ là phải cho nổ tung những kho súng đạn và phá huỷ những bộ phận tinh vi trong toàn bộ máy chiến tranh. Trong những thành phố đạo quân đánh thuê và các đảng cấp lao động ở, cũng phải thi hành những kế hoạch phá hoại giống như thế.

Nói tóm lại, chúng tôi sẽ phải đánh một đòn bất thần, quy mô hết sức vĩ đại và đủ sức làm cho quân thù tối tăm mặt mũi. Giai cấp thiểu số thống trị bị tê liệt chưa kịp phục hồi lại thì chúng tôi đã kết liễu đời nó rồi. Đây sẽ là một thời kì khủng khiếp, sẽ còn rất nhiều tổn thất về người, nhưng không một người cách mạng nào thấy thế mà sinh do dự. Còn sao nữa, trong kế hoạch của chúng tôi có rất nhiều việc phụ thuộc vào đám dân của vực thẳm, hoàn toàn không có tổ chức. Họ sẽ được tung vào những lâu đài và những thành phố của bọn chủ. Có xá kể gì những tổn thất về người và về của, cứ để mặc cho con mãnh thú của vực thẳm gầm thét, cho bọn cảnh sát và bọn lính đánh thuê bắn giết. Thì đảng nào con mãnh thú của vực thẳm chẳng gầm thét, đảng nào bọn cảnh sát và bọn lính đánh thuê chẳng bắn giết! Điều đó chỉ có nghĩa là các mối nguy hiểm đang đe dọa chúng tôi sẽ khử lẫn nhau mà không gây tai hại gì cho chúng tôi cả. Trong khi chờ đợi, chúng tôi sẽ tiến hành công việc của chúng tôi một cách thuận lợi và giành lấy quyền kiểm soát bộ máy xã hội.

Kế hoạch của chúng tôi là như vậy: mỗi chi tiết vạch ra đều hết sức bí mật, và ngày khởi sự càng đến gần thì chúng tôi càng phổ biến rộng rãi cho nhiều đồng chí. Mưu cơ lan rộng là một điểm nguy hiểm cho chúng tôi. Nhưng chúng tôi không bao giờ đạt đến cái điểm nguy đó cả. Qua hệ thống mật thám của nó, cái Gót sắt đã đánh hơi thấy cuộc Khởi nghĩa và đã chuẩn bị cho chúng tôi một bài học đẫm máu khác. Chúng đã chọn thành phố Chicago làm trường dạy chúng tôi và chúng tôi đã được một bài học thích đáng.

Trong tất cả các thành phố thì Chicago[123] là nơi chín muồi hơn cả. Chicago đã từng được gọi là thành phố máu và lần này nó lại sẽ được gọi bằng danh hiệu ấy. Tinh thần cách mạng ở đây rất cao trong những ngày chủ nghĩa tư bản thống trị, rất nhiều cuộc bãi công đã bị thẳng tay đàn áp, anh em công nhân không thể nào quên, cũng không thể nào tha thứ được.

Ngay bọn công nhân quý tộc trong thành phố cũng hướng về khởi nghĩa. Trong cuộc bãi công trước không biết bao nhiêu kẻ đã bị vỡ đầu. Mặc dầu điều kiện sinh hoạt đã được thay đổi và có phần thuận lợi, các đảng cấp lao động vẫn chưa hết căm thù giai cấp chủ. Tư tưởng đó ăn lan cả sang đạo quân đánh thuê và đặc biệt có ba trung đoàn sẵn sàng chạy từng mảng sang với chúng tôi.

Chicago xưa nay vẫn là trung tâm bão táp trong cuộc xung đột giữa lao động và tư bản, là châu thành của những cuộc chiến đấu đường phố và của cái chết tàn khốc, với một tổ chức tư bản có ý thức giai cấp và một tổ chức công nhân cũng có ý thức giai cấp, nơi mà ngày xưa ngay các thầy giáo cũng họp nhau thành công đoàn và gia nhập tổng liên đoàn lao động Mỹ cùng với anh thợ đánh vữa và thợ nề. Tức là Chicago trở thành trung tâm bão táp của cuộc Khởi nghĩa thứ nhất đã nổ non kia.

Chính cái Gót sắt đã đẩy cho cuộc khởi nghĩa nổ non. Việc đó làm rất khéo. Toàn thể dân chúng kể cả những đảng cấp lao động được ưu đãi, đều bị làm nhục một loạt. Những người phạm tội không đâu cũng bị trừng trị rất nặng. Đám dân của vực thẳm bị quật lên quật xuống, quật bật khỏi cái lãnh đạm thường ngày. Trong thực tế thì chính cái Gót sắt đang chuẩn bị cho con mãnh thú dưới vực thẳm gầm lên. Đồng thời với việc đó, trong tất cả những biện pháp rất thận trọng thi hành ở Chicago, cái Gót sắt bề ngoài tỏ ra bất cần không thể nào tưởng tượng được. Nhiều trung đoàn quân đánh thuê bị rút đi và điều về các địa phương khác trong nước, những đơn vị còn lại thì kỉ luật hết sức lỏng lẻo.

Không lâu la gì, mà chỉ mấy tuần sau, kế hoạch đó được đem thi hành. Anh em Cách mạng chúng tôi nghe thấy người ta xì xào về tình hình công việc, nhưng không nắm được gì rõ rệt để hiểu rõ tình hình đó như thế nào. Thật ra chúng tôi cứ tưởng đây là một tinh thần khởi nghĩa tự phát, nó đòi hỏi chúng tôi phải kìm lại một cách thận trọng, chứ không ngờ rằng cái Gót sắt đã cố tình chuẩn bị từ trước, chuẩn bị hết sức bí mật, trong một phạm vi rất nhỏ hẹp, đến nỗi chúng tôi không nghe phong thanh thấy một điều gì cả. Âm mưu đối phó của nó quả là một kì công và đã được thực hiện một cách thần tình.

Tôi đang ở New York thì nhận được lệnh phải tức tốc về Chicago. Kẻ ra lệnh cho tôi là một tên thuộc giai cấp thiểu số thống trị. Tôi có thể quyết đoán như vậy qua cách nói năng của y. Mặc dù tôi không biết tên, cũng không trông thấy mặt. Những chỉ thị của y rất rõ ràng, tôi không sao nhầm được. Qua các hàng chữ, tôi đoán được ra rằng mưu cơ của chúng tôi đã bị bại lộ và bị phá. Quả bực phá đã sẵn sàng chỉ còn chờ nổ và ngàn vạn tay sai của cái Gót sắt trong đó có tôi, hoặc sẽ ở ngay tại chỗ, hoặc sẽ được phái đến tận nơi để châm ngòi lửa. Tôi tự hào vì mình đã giữ được bình tĩnh trước cơn mắt sắc sảo của tên thiểu số thống trị, nhưng trống ngực tôi đổ liên hồi. Tôi những muốn hét lên và đưa hai tay ra bóp cổ y trước khi y truyền xong những mệnh lệnh lạnh như tiền ấy.

Y vừa đi khỏi, tôi liền tính ngay thì giờ. May ra tôi cũng còn có thể dành một chút thì giờ để

gặp một đồng chí lãnh đạo phong trào địa phương trước khi lên xe lửa. Tôi vừa đề phòng mật thám theo dõi, vừa học tốc đi vào bệnh viện cấp cứu. Thật là may mắn, tôi được ngay phép gặp đồng chí Galvin, bác sĩ trưởng. Tôi thở hổn hển, định đưa tin cho đồng chí đó biết, nhưng đồng chí ngắt lời tôi ngay:

- Tôi biết rồi, - đồng chí bình tĩnh nói, mặc dầu cặp mắt Ireland của đồng chí long lên dữ tợn. - Tôi biết chị đến đây làm gì rồi. Tôi đã nhận được chỉ thị cách đây mười lăm phút và đã truyền đạt chỉ thị đó đi các nơi rồi. Chúng ta sẽ nằm yên không hành động. Chicago sẽ bị hi sinh, nhưng chỉ có Chicago thôi. - Anh thử liên lạc với Chicago chưa? - Tôi hỏi. Đồng chí lắc đầu: - Không thể liên lạc bằng điện báo được nữa. Chicago đã bị vít hết những đường vào. Nó sắp thành địa ngục đến nơi rồi. Đồng chí ngừng lại một lát, và tôi thấy bàn tay trắng trẻo của đồng chí nắm chặt lại. Rồi đồng chí bật ra nói: - Trời ạ! Tôi muốn đến đấy quá! - Tuy vậy, vẫn còn có cơ chặn nó lại, - tôi bảo. - Nếu xe lửa không gặp điều gì bất trắc và nếu tôi đến kịp. Hoặc nếu một đồng chí nào khác trong cơ quan mật vụ biết rõ sự thật và đến được đó kịp thời. - Lần này thì ngay các đồng chí đã chui vào được tổ chức của chúng cũng bị một đòn bất thần, - đồng chí nói. Tôi gật đầu lặng lẽ.

- Chúng nó giữ rất bí mật, - tôi đáp. - Cho đến hôm nay, chỉ có bọn trùm biết với nhau thôi. Chúng tôi chưa chui vào được tận đó cho nên đành chịu mù tịt về tình hình. Giá có Ernest ở đây nhỉ. Có lẽ anh đang ở Chicago, và nếu thế thì mọi việc sẽ đều tốt. Bác sĩ Galvin lắc đầu.

- Tin cuối cùng tôi được biết là anh đã bị điều động đi Boston hoặc New Haven. Làm công tác mật vụ cho địch, tất anh bị trở ngại nhiều, nhưng như vậy vẫn còn hơn nằm hầm bí mật. Lúc tôi sắp ra đi, đồng chí Galvin nắm chặt lấy tay tôi. Và đây là những lời chia tay của đồng chí: - Chị đừng để nhụt nhuệ khí nhé! Cuộc Khởi nghĩa thứ nhất dù có thất bại cũng không sao, sẽ có cuộc Khởi nghĩa thứ hai, và lúc đó thì chúng mình sẽ khôn ngoan hơn. Tạm biệt chị và chúc chị gặp nhiều may mắn. Chẳng biết rồi tôi có được gặp chị nữa không. Tình hình ở đây sắp đến bước khủng khiếp, nhưng nếu được đến đấy mà có phải tổn thọ mất mười năm, tôi cũng vui lòng.

Đoàn tàu "Thế kỉ hai mươi"[124] rời New York vào sáu giờ chiều, và theo dự định thì sẽ đến Chicago vào bảy giờ sáng ngày hôm sau, nhưng đêm hôm đó nó bị chậm. Chúng tôi chạy sau một đoàn tàu khác. Trong số hành khách ngồi trong toa Pullman cùng với tôi có đồng chí Hartman, cũng làm việc trong cơ quan mật vụ của cái Gót sắt như tôi. Chính đồng chí cho tôi biết về đoàn tàu chạy trước chúng tôi. Đoàn tàu đó giống hệt đoàn tàu của chúng tôi, nhưng không có hành khách. Như vậy cốt để nhớ có mình chờ phá đoàn tàu "Thế kỉ hai mươi" thì nó sẽ chịu tai nạn thay. Cũng vì vậy mà trên tàu chúng tôi ngồi có rất ít người, và trong toa tôi chỉ có mười ba người. - Chắc là chuyến tàu này có một số tai to mặt lớn đi. - Hartman kết luận. - Tôi thấy có một toa xe riêng ở đằng sau.

Khi tàu chúng tôi đổi đầu máy lần thứ nhất thì trời đã tối. Tôi đi đi lại lại trên sân ga để thở một ít khí trời trong mát và để nhìn được cái gì thì nhìn. Qua cửa sổ toa, tôi thoáng thấy ba người mà tôi nhận ra ngay. Hartman nói đúng. Một người là tướng Altendorff, hai người kia là Mason và Vanderbold, hai bộ não chỉ huy bộ phận tối cơ mật trong cơ quan mật vụ của cái Gót sắt. Đêm hôm đó trời sáng trắng và rất yên tĩnh nhưng tôi trần trọc mãi không ngủ được. Năm giờ sáng tôi trở dậy thay quần áo. Tôi hỏi chị phục vụ ở phòng trang điểm xem tàu chậm bao

lâu. Chị trả lời chậm hai giờ. Chị là một người lai da đen. Tôi thấy mặt chị hốc hác và cặp mắt quầng thâm của chị mở rất to lộ một vẻ lo âu sợ hãi. - Chị làm sao thế? - Tôi hỏi. - Thưa bà, không ạ, - chị đáp. - Có lẽ tại cháu ít ngủ đấy thôi. Tôi nhìn sát vào chị và thử làm hiệu. Chị đáp lại khiến cho tôi vững dạ.

- Ở Chicago sắp xảy ra chuyện gì ghê gớm lắm. Có đoàn tàu giả chạy trước chúng ta. Đoàn tàu đó và đoàn tàu chở lính làm cho chúng ta bị chậm. - Tàu chở lính à? - Tôi hỏi. Chị gật đầu: - Đường đầy những tàu lính. Chúng ta vượt những đoàn tàu như thế suốt đêm. Toàn là tàu đi Chicago cả. Mà chở lính bằng đường tốc hành như thế tức là có chuyện to đấy. - Rồi chị nói tiếp: - Người yêu của tôi hiện ở Chicago. Anh ấy là người của chúng ta. Anh ấy ở trong đạo quân đánh thuê. Tôi lo cho anh ấy quá. Tội nghiệp chị ta. Người yêu của chị ta đi lính ở một trong ba trung đoàn làm phản.

Hartman và tôi ngồi ăn với nhau trong toa ăn. Tôi phải cố mà ăn. Mây kéo ùn ùn trên bầu trời và đoàn tàu lao đi như một tia sét khủng khiếp, xé rách cái màn tang xám của thời gian. Hartman nhìn tình hình bằng con mắt tuyệt vọng.

- Chúng ta làm gì được bây giờ? - Anh hỏi tôi đến lần thứ hai mươi, và nhún vai tỏ ý không còn biết xoay xở ra sao nữa. Rồi anh chỉ ra ngoài cửa sổ:

- Chị nhìn xem, chúng nó sẵn sàng cả rồi. Chị cứ tin chắc rằng chúng nó nhan nhản như thế này ở khắp các ngã đường ngoài thành phố hai ba chục dặm.

Anh đang nói về những đoàn tàu chở lính đậu ở những đoạn đường tránh. Lính tráng đang nấu bữa ăn sáng. Họ nhóm lửa trên mặt đất bên cạnh những đoạn đường tránh và tò mò nhìn đoàn tàu của chúng tôi lao đi vun vút qua chỗ họ, không giảm tốc độ.

Lúc chúng tôi vào Chicago, mọi thứ đều yên tĩnh. Rõ ràng là chưa có việc gì xảy ra. Ở ngoại ô báo buổi sáng đem lên tận trên tàu. Trên báo chẳng có gì, ấy thế nhưng những ai quen luận nghĩa giữa các hàng chữ vẫn thấy rất nhiều thứ mà những độc giả thường không thấy. Mỗi cột báo đều lộ rõ vết tay mi miếu của cái Gót sắt. Cố nhiên, người ta nói rất lơ mơ. Người ta định tâm từ trước là để cho độc giả tự mình tìm hiểu lấy những lời úp úp mở mở đó. Thật là khéo. Về mặt hư cấu thì báo chí ngày 27 tháng 10 đúng là những kiệt tác.

Tin tức địa phương thiếu hẳn, cứ riêng việc này cũng đã là một đòn rất cao tay. Nó phủ lên Chicago một bức màn bí ẩn và khiến cho người đọc bình thường tưởng rằng tập đoàn thiểu số thống trị không dám đưa tin địa phương. Có nhiều chỗ nói úp mở - cố nhiên là bịa về tình trạng bất phục tùng xảy ra trên khắp nước, cải trang một cách sống sượng dưới những lời lẽ bóng bẩy đầy vẻ tự mãn về những biện pháp trừng trị cần phải đem thi hành. Có những tin về việc nhiều đài vô tuyến điện bị phá hoại bằng thuốc nổ và về những giải thưởng dành cho ai khám phá ra thủ phạm. Cố nhiên, chẳng có đài vô tuyến điện nào bị phá cả. Báo còn nói đến nhiều hành vi bạo động tương tự, rất ăn khớp với kế hoạch của những người cách mạng. Như vậy để gây cho các đồng chí ở Chicago một ấn tượng rằng cuộc tổng khởi nghĩa đã bắt đầu, mặc dầu có nhiều thất bại cục bộ. Những người không biết rõ tin tức không tài nào thoát được cái cảm giác lơ mơ nhưng chắc chắn rằng khắp nước đã chín muồi để khởi nghĩa và khởi nghĩa đã bắt đầu bùng nổ.

Có tin rằng cuộc làm phản của những đội quân đánh thuê ở bang California nghiêm trọng đến nỗi sáu trung đoàn đã bị giải tán và bị phá tan, quan quân cùng với gia đình họ đã bị trục xuất khỏi những thành phố riêng và lùa về những khu lao động. Những đội quân đánh thuê ở California thực ra lại là những đội quân trung thành với chủ nhất. Nhưng Chicago đã bị cắt đứt mọi quan hệ với thế giới bên ngoài, làm sao mà biết được? Rồi lại có một bức điện bị cắt đứt làm nhiều đoạn đưa tin về cuộc nổi dậy của đám dân cùng khổ ở thành phố New York, có những đảng cấp lao động tham gia, kết thúc bằng một lời khẳng định rằng quân đội đã làm chủ được tình hình. Bọn thống trị cố ý làm cho người ta hiểu rằng lời khẳng định này là bịp bợm.

Bọn thiếu số thống trị không phải chỉ đưa những tin thất thiệt lên báo, chúng còn sử dụng trăm nghìn phương tiện khác. Có những điều sau này chúng tôi mới biết. Chẳng hạn như đêm hôm đó thỉnh thoảng chúng lại đánh đi những bức điện mật với dụng ý để lọt đến tai anh em cách mạng. Lúc đoàn tàu chạy vào ga chính, Hartman bỏ tờ báo đang đọc xuống, nhận xét:

- Tôi nghĩ rằng cái Gót sắt không cần chúng mình làm việc cho nó nữa. Nó phải chúng mình đến đây thật phí thời giờ. Nhìn cũng thấy kế hoạch của nó thu được nhiều kết quả hơn là nó tưởng tượng. Cảnh chết chóc đau thương sắp xảy ra đến nơi rồi. Lúc chúng tôi xuống toa, anh quay lại nhìn đoàn tàu, khẽ bảo: - Chúng nó đã cho cắt toa xe riêng lúc người ta đem báo lên tàu rồi, tôi chắc thế.

Hartman thiu hẩn đi, trông thật tuyệt vọng. Tôi cố làm cho anh vui lên, nhưng anh không buồn nghe. Lúc đi qua nhà ga, anh hạ thấp giọng nói rất nhanh, mới đầu tôi nghe không hiểu anh nói gì.

- Tôi vẫn chưa chắc lắm đâu, - anh bảo. - Cho nên tôi cũng chưa nói với ai cả. Tôi cố tìm hiểu từ mấy tuần nay rồi, nhưng vẫn không dám chắc. Chị nên cảnh giác với Knowlton. Tôi nghi hẩn đấy. Hẩn biết rõ đến hai chục hầm bí mật của chúng ta, mà tôi thì tôi ngờ rằng hẩn đã làm phản. Tôi cũng chỉ cảm thấy như thế thôi. Chứ không có chứng cứ gì khác. Ít lâu nay tôi nhận xét thấy hẩn có phần thay đổi. Hẩn mà chưa bán chúng ta thì cũng chỉ nay mai là hẩn bán thôi. Tôi dám chắc như thế. Tôi không muốn hé cho ai biết là tôi nghi hẩn, nhưng chắc tôi sẽ không sống sót để đi khỏi thành Chicago này được. Chị cần để mắt đến Knowlton. Chị phải giương một cái bẫy. Chị phải khám phá cho ra. Tôi không biết gì hơn đâu. Đây cũng là do cảm tính thôi, và cho đến lúc này tôi vẫn chưa lần ra đầu mối. Lúc đó, chúng tôi vừa đi xuống vỉa hè. - Chị nhớ đấy, - Hartman khẩn khoản. - Chị phải để mắt đến Knowlton.

Hartman nói đúng. Chưa đầy một tháng sau, Knowlton đã phải đền tội. Y bị các đồng chí ở Milwaukee chiếu theo luật lệ của chúng tôi đem xử tử.

Trong các phố, mọi vật đều yên tĩnh - quá là yên tĩnh. Chicago nằm đó như thường ngày. Ngay đến xe ngựa cũng không có. Xe điện trên mặt đường và xe điện trên cầu cạn đều không chạy. Chỉ thỉnh thoảng trên vỉa hè mới có một vài người bộ hành, nhưng không phải là họ đi phát phơ. Họ bước đi hối hả với một mục đích rõ rệt, nhưng trong những cử động của họ vẫn có một vẻ ngập ngừng kì dị, hình như họ sợ những toà nhà đồ sộ sụp xuống đầu họ, hoặc những vỉa hè thụt xuống dưới chân họ hay nổ tung lên trời. Tuy nhiên, vẫn có một số trẻ con đi dạo lung tung, và trong mắt chúng lộ ra một vẻ sốt ruột chờ xảy ra những việc kì lạ hay hồi hộp.

Từ đâu đó, ở títt phía Nam, một tiếng nổ vang đến tận tai chúng tôi. Chỉ có thế. Rồi lại yên

tĩnh, mặc dầu bọn trẻ sống sót lắng tai nghe như những con hoẵng nhỏ. Cửa giả các nhà đều kín mít và các cửa hàng đều đóng chặt. Nhưng người ta vẫn thấy nhiều cảnh sát và lính gác, và chốc chốc lại có đội tuần tra của đạo quân đánh thuê phóng ô-tô đi qua. Hartman và tôi đồng ý với nhau rằng không cần phải đến trình diện bọn chỉ huy cơ quan mật vụ địa phương. Chúng tôi biết, trước tình hình rối ren sắp xảy ra, chúng sẽ không khiển trách chúng tôi. Thành thử tôi đi thẳng tới khu lao động lớn ở phía Nam thành phố, những mong bắt được liên lạc với một vài đồng chí. Đã muộn quá rồi! Chúng tôi biết thế. Nhưng chúng tôi không thể đứng im không làm gì cả giữa những đường phố yên lặng kinh người này. Ernest ở đâu? Tôi tự hỏi. Ở những khu phố dành riêng cho bọn công nhân quý tộc và bọn lính đánh thuê, liệu đang xảy ra những việc gì? Ở pháo đài nữa? Như để trả lời cho câu hỏi, những tiếng gào thét từ xa vang vọng lại, điểm theo hết tiếng nổ này đến tiếng nổ khác. - Trong pháo đài đây! - Hartman nói. - Lạy trời phù hộ cho ba trung đoàn.

Đến ngã tư, chúng tôi nhìn thấy một cột khói lù lù ở về phía các kho lương thực. Đến ngã tư sau, lại có nhiều cột khói tương tự bốc lên trời ở về phía Tây thành phố. Bên trên khu bọn lính đánh thuê ở, chúng tôi thấy một quả khinh khí cầu quân sự từ dưới đất dòng dây lên. Chúng tôi vừa nhìn thì quả khinh khí cầu nổ tung và cháy bùng bùng rơi xuống đất. Không có một manh mối gì về tấm bi kịch trên không trung đó cả. Chúng tôi không tài nào xác định được quả khinh khí cầu đó là do các đồng chí của chúng tôi thả hay do địch thả. Một tiếng ầm ầm vang lên bên tai chúng tôi giống như một cái nồi hơi khổng lồ để ở tít đằng xa đang réo. Hartman bảo đó là tiếng đại liên và tiểu liên.

Chúng tôi lại bước đi trong cảnh yên tĩnh. Ở chỗ chúng tôi không xảy ra việc gì cả. Cảnh sát và những ô-tô lính tuần tra đi qua, rồi thì có sáu xe vòi rồng, chắc là từ ở một đám cháy nào về. Một viên sĩ quan ngồi trong ô-tô gọi hỏi đám lính cứu hoả, và chúng tôi nghe thấy một người thét lên trả lời: "Không có nước! Chúng nó phá tung những ống dẫn chính rồi!"

- Chúng mình phá vỡ bể chứa nước rồi, - Hartman xúc động kêu lên. - Trong một cuộc bạo động non và cô lập như thế này mà ta làm được như vậy thì khi cả nước phối hợp trong những điều kiện chín muồi, phỏng có gì mà chúng ta không làm được?

Chiếc ô-tô chở viên sĩ quan lại phóng vụt đi. Bỗng có liếng nổ đình tai. Chiếc ô-tô cùng với tất cả những người ngồi bên trong bắn tung lên trời, giữa một đám khói mù mịt rồi rơi xuống thành một đồng sắt vụn và xác chết. Hartman mừng quýnh lên: - Tuyệt! Tuyệt! - Anh lăm lăm bấm nhắc đi nhắc lại trong mồm. - Hôm nay giai cấp vô sản được một bài học mà cũng cho một bài học.

Cảnh sát đổ xô lại chỗ xảy ra tai nạn. Rồi một chiếc ô-tô tuần tra khác cũng dừng lại. Tôi cuống lên. Mọi việc xảy đến một cách quá ư bất ngờ: khiến cho tôi rụng rời cả người. Nó xảy đến như thế nào? Tôi không biết nữa, nhưng rõ ràng là tôi đang nhìn thẳng vào nó. Tôi cuống lên đến nỗi gần như không nhận ra rằng chúng tôi đã bị cảnh sát bắt. Tôi chợt trông thấy một tên lính cảnh sát sắp sửa bắt Hartman. Hartman bình tĩnh nói mật hiệu. Tôi thấy cái súng lục đang giơ lên bỗng ngập ngừng rồi chúc xuống, và nghe thấy tên cảnh sát cầu nhàu một cách khinh bỉ. Y cúi tiết chửi tất cả cơ quan mật vụ. Y khẳng định rằng cơ quan mật vụ chỉ làm cho vương chân cảnh sát, còn Hartman thì đối đáp lại với một vẻ kiêu hãnh mà các nhân viên mật vụ vẫn thường có, giải thích cho y nghe bên phía cảnh sát vụng về thô lỗ như thế nào.

Một lúc sau thì tôi biết rõ những việc xảy ra. Một đám đông vây quanh chiếc xe bị nạn và hai người khiêng viên sĩ quan bị thương cho sang chiếc xe khác. Bỗng mọi người hốt hoảng cả lên và chạy tản đi khắp các phía, chạy thực mạng, quăng cả viên sĩ quan lại phía sau, đánh huých một cái. Tên cảnh sát đang đứng chửi rửa trước mặt tôi cũng bỏ chạy.

Không hiểu vì sao cả tôi và Hartman cũng chạy, chạy lấy chạy để cho thoát khỏi cái nơi ghê rợn ấy.

Thật thì lúc ấy chẳng có việc gì xảy ra cả. Những người bỏ chạy lại lục đục quay về như một lũ cừu, nhưng họ luôn luôn đưa đôi mắt hoảng sợ ngược nhìn những toà nhà đồ sộ đục đầy cửa sổ đứng sừng sững như những vách núi hai bên đường phố. Quả bom đã từ trên một cửa sổ ném xuống, nhưng biết là cửa sổ nào? Không có quả bom thứ hai, chỉ có nỗi lo sợ bị thêm một quả bom nữa thôi.

Từ đó chúng tôi nhìn các cửa sổ với một nỗi lo canh cánh trong lòng. Bất cứ khoảng cửa sổ nào cũng có thể là nơi chứa thần chết. Bất cứ toà nhà nào cũng có thể là ổ mai phục. Đây là chiến tranh, chiến tranh trong một khu rừng hiện đại, một thành phố lớn. Mỗi phố là một cái khe, mỗi toà nhà là một quả núi. Chúng ta thật chưa khác những người nguyên thủy là bao nhiêu, mặc dầu có những ô-tô quân sự phóng như bay trong các phố.

Vừa đi quặt sang một phố khác, chúng tôi vấp phải một phụ nữ. Chị nằm sóng sượt trên mặt đường, giữa một vũng máu. Hartman cúi xuống xem. Tôi thì tôi muốn ngất đi. Tôi đã thấy nhiều người chết ngày hôm đó, nhưng tất cả cuộc tàn sát không làm cho tôi xúc động bằng cái xác vô chủ đầu tiên này, nó nằm ngay dưới chân tôi, trên mặt đường. - Chị ta bị bắn vào ngực, - Hartman bảo.

Người đàn bà ôm chặt trong tay một gói giấy in, y như ôm một đứa con. Ngay lúc chết, chị vẫn không chịu rời cái vật nó làm cho chị phải chết. Lúc Hartman lôi được cái gói ra thì đó là những bản tuyên ngôn in rất to của anh em Cách mạng. - Một đồng chí! - Tôi kêu lên.

Hartman không nói không rằng chỉ nguyên rửa cái Gót sắt rồi lại đi. Nhiều lần chúng tôi bị cảnh sát hoặc các đội tuần tra giữ lại, nhưng nhờ có mặt hiệu chúng tôi vẫn đi lọt. Không có bom ném từ trên cửa sổ xuống nữa. Những người khách bộ hành cuối cùng như đã chột biến đâu mất và các phố xá lập tức lại yên tĩnh hơn cả lúc trước. Tuy nhiên, cái chảo nước khổng lồ vẫn réo lên sùng sục ở đằng xa, những tiếng nổ ầm ầm từ bốn phía vọng lại chỗ chúng tôi và những cột khói khủng khiếp bốc lên trời càng thêm cao ngất.

Chương XXIII

Đám dân của vực thẳm

Tình hình đột nhiên thay đổi hẳn. Những tiếng rú kinh hồn náo động không trung. Ô-tô phóng như bay, hai cái, rồi ba cái, rồi mười hai cái. Những người ngồi trên quất ầm lên bảo chúng tôi tránh. Một cái đang lao vun vút ở giữa phố bỗng lái quặt hẳn đi và tiếp theo đó là một quả bom nổ, khoét một cái hố lớn trên mặt đường. Thấy cảnh sát chạy xô sang các phố ngang,

chúng tôi biết sắp xảy ra chuyện gì ghê gớm. Chúng tôi nghe thấy tiếng gào thét mỗi lúc một to. - Các đồng chí anh dũng của chúng ta đang kéo đến, - Hartman bảo.

Chúng tôi bắt đầu thấy đội ngũ của họ đi chật cả đường phố vừa lúc cái ô-tô quân sự cuối cùng bỏ chạy. Chiếc ô-tô đỗ lại một lát ngay trước mặt chúng tôi. Một tên lính nhảy xuống, tay ôm một vật gì rất cẩn thận và đặt vật đó xuống dưới rãnh một cách không kém phần cẩn thận. Rồi nó nhảy vọt lên xe lại phóng vọt đi, quặt sang một phố ngang mất hút. Hartman chạy vội ra rãnh và cúi lom khom trên vật ấy. - Lùi lại! - Anh kêu lên bảo tôi. Tôi thấy hai tay anh nhanh thoăn thoắt. Khi anh quay lại phía tôi, mồ hôi trên trán anh vã đầm đìa.

- Tôi tháo được kíp ra rồi, - anh bảo. - Thằng lính nó vụng quá. Nó định hại các đồng chí chúng mình, nhưng nó để ít thì giờ quá. Đáng lẽ quả bom nổ hơi sớm. Nhưng bây giờ thì nó không nổ được nữa rồi.

Mọi việc lúc này xảy ra dồn dập. Bên kia đường cách độ nửa dặm nhà, từ trên một toà nhà cao ngất, chúng tôi thấy mấy cái đầu thò ra. Tôi vừa chỉ cho Hartman thấy thì một vầng lửa khói đã từ trên rớt xuống theo dọc cái nhà đó, tiếp theo là một tiếng nổ xé trời. Mặt tường đằng trước của toà nhà đó bị vỡ ở nhiều chỗ, để lộ cả cốt sắt bên trong. Một lúc sau những vầng lửa và khói cũng giống như thể phá vỡ từng mảnh những mặt tường của toà nhà đối diện. Xen vào những tiếng nổ lớn, chúng tôi nghe thấy tiếng tiểu liên và những tiếng súng lục tự động nổ dồn. Cuộc giao chiến ở lưng chừng giờ đó kéo dài trong nhiều phút rồi im bật. Rõ ràng các đồng chí của chúng tôi ở trong một toà nhà, còn bọn lính đánh thuê thì chiếm toà nhà trước mặt, và hai bên đang bắn nhau qua phố. Nhưng chúng tôi không thể nói được bên nào là bên nào. Không biết toà nhà nào là do các đồng chí của chúng tôi chiếm, toà nhà nào do bọn lính đánh thuê chiếm.

Giữa lúc ấy, dòng người tiến vào trong phố đi gần đến chỗ chúng tôi. Lúc mấy hàng đầu đi ngang qua những toà nhà đang đánh nhau, cả hai bên lại hoạt động. Một bên ném bom xuống dưới phố liền bị bên kia tấn công là bắt buộc phải đối phó lại. Do đó mà chúng tôi biết toà nhà nào do các đồng chí chúng tôi chiếm lĩnh. Họ làm như vậy rất có lợi vì đã cứu được những người đồng chí dưới phố khỏi bị quân địch ném bom xuống. Hartman nắm lấy cánh tay và kéo tôi vào một cái cổng lớn. - Không phải đồng chí chúng mình đâu! - Hartman nói như thét vào tai tôi.

Những cửa đi vào bên trong đều đã khoá chặt. Chúng tôi không trốn đi đâu được. Một lúc sau, những hàng người đi đầu đổ tới. Đây không phải là một đội ngũ chỉnh tề, mà là một đám ô hợp, một dòng nước lũ khủng khiếp tràn ngập đường phố. Đám dân của vực thẳm cuồng dại vì rượu và khổ ải cuối cùng đã vùng dậy và đang gầm thét đòi phanh thây uống máu bọn chủ. Trước đây, tôi đã nhìn thấy đám dân của vực thẳm, vì đã từng đi qua những khu lao động ngập ngựa, và tôi tưởng rằng mình đã hiểu rõ họ, nhưng giờ đây, tôi thấy rằng tôi đang nhìn họ lần này là lần thứ nhất. Cái vẻ lãnh đạm âm thầm của họ đã biến hẳn. Trông họ lúc này đầy năng động tính và rất dễ sợ. Họ đổ qua trước mặt chúng tôi thành những làn sóng cụ thể của sự giận dữ, gầm lên, rít lên, y hệt một lũ thú ăn thịt sống, say vì rượu vừa cướp được trong các kho, say vì căm thù, say vì máu - một đám đàn ông, đàn bà, trẻ con, rách bươm như xơ mướp, với những bộ óc tối tăm, hung dữ, đã mất cả cái cốt cách thiêng liêng giống như thần thánh mà chỉ còn là một bầy ma quái, một đàn vừa bú dũ vừa cọp, một lũ ho lao gầy mòn, một lũ súc vật tải đồ đầy

lông lá với những bộ mặt đã bị cái xã hội lang sói hút hết cả nhựa sống, với những thân hình sưng húp lên vì thú tính và tội lỗi, với những cái đầu tử thần và râu tóc xồm xoàm, với một lứa tuổi thanh niên thối tha và một lứa tuổi già thối tha. Một lũ quỷ thân hình cổ quái, xiêu vẹo, bị tàn phá bởi bệnh tật và mối lo sợ kinh niên vì đói khát - rác rưởi và cặn bã của cuộc đời, một bầy ô hợp điên cuồng đang gầm lên, hung hăng như một đàn quỷ dữ.

Chứ còn sao nữa? Đám dân của vực thẳm, họ chẳng có gì mà sợ mất, ngoài sự cùng cực và nỗi đau khổ phải sống ở trên đời. Và họ được thì được cái gì? Chẳng được gì hết, trừ một trận trả thù no nê và khủng khiếp. Và trong lúc nhìn họ, tôi chợt nghĩ trong ngọn thác người cuộn cuộn cháy rực như nham thạch này, có những người, những đồng chí, những anh hùng của chúng tôi, sứ mạng của họ là lay thức con mãnh thú của vực thẳm khiến cho quân thù phải bận tâm đối phó với nó.

Và bây giờ thì một việc lạ lùng xảy đến với chúng tôi. Tự nhiên tôi thấy mình đổi khác hẳn. Tôi không sợ mình chết, cũng không sợ người khác chết nữa. Tôi hăng lên và thành một người khác, trong một cuộc sống khác. Không cần gì hết. Sự nghiệp bị thất bại một lần này, nhưng sự nghiệp sẽ thành công ở đây ngày mai, vẫn là sự nghiệp này, một sự nghiệp luôn luôn tốt tươi, luôn luôn cháy rực. Và sau đó, trong cái cảnh khủng khiếp diễn ra mấy giờ sau, tôi đã có thể giữ một thái độ rất bình tĩnh. Chết không có nghĩa lí gì. Tôi là một khán giả chăm chú theo dõi các biến cố và có lúc bị dòng thác cuốn đi, chính tôi lại là người tham gia, thế mới kì cục. Bởi vì tâm trí tôi đã bay bổng lên những vì sao giá lạnh và đã nắm lấy một cái thước đo để đo các giá trị một cách thần nhiên. Nếu không thế thì tôi đã chết rồi.

Đám người ô hợp đi qua chừng một nửa dặm thì phát hiện ra chúng tôi. Một người đàn bà rách như tổ đĩa, hai má hóp sâu và đôi mắt đen ti hí sắc như dao chợt nom thấy Hartman và tôi. Người đó thét lên lạnh lạnh, xông lại. Một bộ phận của đám người ô hợp kia chạy ủa theo. Ngay lúc ngồi viết những dòng này, tôi còn tưởng chừng nom thấy mục ta nhảy xổ đến chỗ tôi trước mọi người chừng một bước, mái tóc hoa râm rối bù bay tạt lại đằng sau, máu từ một vết thương trên đầu chảy xuống dòng dòng, tay phải cầm một cái rìu bổ củi, bàn tay trái nhăn nheo khô nứt co quắp như móng diều hâu. Hartman nhảy xổ ra đứng trước mặt tôi. Lúc đó không phải là lúc giải thích dài dòng. Chúng tôi ăn bận tươm tất, thế là đủ rồi. Anh thoi một quả vào giữa hai con mắt cháy rực của mục đàn bà. Quả đấm chắc nịch của anh làm cho mục ta suýt ngã bổ chửng, nhưng va phải bức tường người ở đằng sau, mục bật trở lại đằng trước và lao đảo vung chiếc rìu chém xuống vai Hartman.

Sau đó, tôi không còn biết chuyện gì ra chuyện gì nữa. Tôi bị chìm ngập trong đám đông. Chỗ hành lang tôi đứng ầm ầm những tiếng thét, những tiếng la, những tiếng chửi rủa. Người ta đánh tôi tới tấp. Người ta túm lấy tôi xé quần, xé áo, xé cả thịt nữa. Tôi cảm thấy mình bị xé ra thành từng mảnh. Tôi bị đè dí xuống đất, không thở được. Giữa lúc tôi không chịu được nữa, một bàn tay hộ pháp nắm lấy vai tôi lôi đi. Đau quá và bị đè nặng quá, tôi bất tỉnh nhân sự. Hartman thì không bao giờ ra khỏi nơi này. Anh đã đứng ra che chở cho tôi và đã bị họ xông vào đánh trước nhất. Nhờ thế mà tôi thoát chết, vì khi họ kéo vào chật như nêm cối rồi thì cũng không còn cách đánh nào khác là lấy tay cấu xé một cách điên cuồng. Tôi tỉnh lại giữa một trận náo động điên cuồng. Chung quanh tôi, mọi thứ đều tán loạn cả lên như thế. Tôi bị kẹp giữa một trận lộn người kì quái, nó cuốn tôi đi, không biết là đi đâu. Không khí mát rượi tẩm

vào hai má và tràn vào hai phổi tôi rất dễ chịu. Tôi bị kiệt sức và chóng mặt quá, chỉ còn biết lơ mơ rằng có một cánh tay rất khoẻ xốc lấy người tôi và lôi tôi đi. Chân tôi bước theo bủn rủn. Đằng trước mặt, tôi chẳng trông thấy gì ngoài cái lưng áo khoác của một người đàn ông. Cái áo bị rách toạc từ trên xuống dưới theo đường chỉ ở giữa và nó mở ra khé vào theo nhịp bước đi của người đó. Cái hiện tượng đó thu hút hết tâm trí tôi giữa lúc tôi dần dần tỉnh hẳn. Liền đó, tôi thấy ở má và ở mũi như có kim châm và máu me chảy đầm đìa trên mặt. Mũi tôi đã biến mất. Tóc tôi xõ ra và bay tung trước gió. Vết đau nhói trên đầu khiến tôi nhớ lại, lúc bị ép trong đám đông, có một bàn tay túm lấy tóc tôi giật. Ngực và hai cánh tay tôi đau như giần.

Ốc tôi minh mẫn dần. Tôi vừa chạy vừa nhìn người đàn ông đang xốc tôi đi. Chính người này đã kéo tôi ra để cứu tôi. Người đàn ông nhận thấy cử động của tôi. - Tốt lắm! - Người đó kêu lên bằng một giọng khàn khàn. - Ban này, tôi nhận ra chị ngay.

Tôi không nhận ra người đó, nhưng trước khi nói được thành tiếng, tôi giẫm phải vật gì còn sống đang quần quai dưới chân, tôi bị những người đi sau đẩy lên cho nên không nhìn xuống được. Tuy vậy, tôi vẫn biết đó là một người đàn bà bị ngã và đang bị hàng nghìn bàn chân giẫm bẹp dí xuống mặt đường. - Tốt lắm, - người đàn ông nhắc lại. - Tôi là Garthwaite.

Anh râu ria xồm xoàm, nét mặt hốc hác, người ngợm bần thiêu, nhưng tôi vẫn nhớ ra anh, người thanh niên lực lưỡng đã sống rông rã hàng tháng trời trong hầm trú ẩn của chúng tôi ở Glen Ellen ba năm về trước. Anh truyền đạt cho tôi mấy mật hiệu của cơ quan mật vụ của cái *Gót sắt*, đã làm bằng chứng rằng chính anh cũng làm việc ở cơ quan đó.

- Hề lựa được dịp tốt là tôi sẽ đưa chị ra khỏi chỗ này ngay, - anh nói cho tôi yên lòng. - Nhưng chị phải đi cho vững. Chị muốn sống thì đừng có để sẩy chân, đừng có ngã.

Mọi việc hôm ấy xảy ra đều đột ngột. Đám người ô hợp đang xô lên phía trước cũng đột ngột đứng dừng lại. Tôi đâm sầm phải một người đàn bà to béo đi trước mặt (người đàn ông mặc áo khoác rách lưng đã biến đi đâu mất), còn những người đi sau thì đâm sầm cả vào tôi. Một cảnh đau thương hỗn loạn diễn ra không khác gì dưới địa ngục: tiếng gào thét, tiếng chửi rủa, tiếng kêu rên hấp hối vang lên, và nổi bật lên hơn cả tiếng nổ giòn giã của súng liên thanh là tiếng nổ đì đẹt của súng trường. Bên trái tôi, bên phải tôi, hết người này đến người khác ngã. Người đàn bà trước mặt tôi gập đôi người ngã xuống, đưa hai tay ôm bụng và giãy giụa điên cuồng.

Thế là tôi đi lên hàng đầu của đoàn người. Một phần cái đoàn người đó dài chừng một nửa dặm Anh đã biến mất - biến đi đâu và bằng cách nào, tôi không biết, họ đã bị một thứ vũ khí kinh khủng nào tàn sát mất rồi, hay đã bị đánh tan tác ra rồi tiêu diệt từng mảng, hay đã trốn thoát. Nhưng điều chắc chắn là chúng tôi đang dẫn đầu đoàn người chứ không phải đi ở giữa, và một làn mưa đạn đang réo lên, quét chúng tôi vào cõi chết.

Ngay khi cái chết xô đến gần đoàn người ra, Garthwaite từ nãy vẫn nắm chặt cánh tay tôi liền dẫn một số người sống sót chạy ủa vào cái cửa lớn của một công thự. Chúng tôi đứng ở đằng sau, áp vào cửa trong và một khối người hỗn hển, run như cây sậy ép chặt lấy chúng tôi. Chúng tôi đứng như thế một lúc, nhưng tình hình vẫn không thay đổi.

- Thật là đẹp! - Garthwaite phàn nàn. - Tôi đã đưa chị vào một cái bẫy. Giá cứ chạy ở ngoài

phổ lại còn có cơ thoát, vào đây thì thôi, hết! Chỉ còn một cách là hô cho to lên: "Cách mạng thành công muôn năm!"

Rồi cái điều mà anh chờ đợi bắt đầu. Bọn lính đánh thuê bắn giết không chừa một ai. Sức ép mới đầu rất ghê gớm, về sau giảm dần. Những người đã chết và đang chết ngã gục xuống thì chỗ đứng lại rộng ra. Garthwaite ghé vào tận tai tôi hết rất to. Nhưng giữa tiếng huyền não kinh khủng tôi không nghe rõ tiếng anh nói gì. Anh không đợi nữa. Anh nắm lấy tôi, đẩy tôi ngã xuống đất. Tiếp đó, anh kéo xác một người đàn bà hấp hối lại đắp lên người tôi. Rồi anh lách, anh đẩy, và cuối cùng bò vào được sát bên tôi. Anh lấy thân mình che thêm cho tôi. Xác người chết và xác người hấp hối chồng chất lên chúng tôi, và bên trên đồng xác chết đó, những người sống sót bò lồm cồm, kêu la thảm thiết. Nhưng rồi tất cả cũng đều chấm dứt, và tiếp đó là một sự im lặng nửa vời cắt đứt bởi những tiếng rên, những tiếng nức nở, những tiếng ằng ặc trong cổ họng.

Giá không có Garthwaite thì tôi cũng đến chết bẹp. Tuy vậy nhưng vẫn còn nặng lắm, không ai có thể tưởng tượng được rằng tôi đã chịu nổi một sức nặng như vậy và vẫn còn sống sót đến hôm nay. Ngoài sự đau đớn ra cảm giác duy nhất của tôi lúc ấy là một cảm giác hiếu kì. Cuộc tàn sát rồi sẽ kết thúc như thế nào? Cái chết sẽ như thế nào? Tôi đã được làm lễ rửa tội bằng máu như thế đấy, một cái lễ rửa tội đỏ, trong cái lò sát sinh Chicago. Trước đó, cái chết chỉ là một vấn đề lí thuyết; nhưng về sau tôi thấy chết chỉ là một chuyện rất đơn giản, bởi vì chết dễ thế kia mà!

Tuy nhiên, bọn lính đánh thuê vẫn chưa thoả mãn. Chúng xông đến giết nốt những người bị thương và những người nguyên lành đang giả vờ chết như chúng tôi. Tôi còn nhớ có một người đàn ông bị lôi ra khỏi đồng xác đã van xin một cách hèn hạ cho đến khi bị một viên đạn súng lục cắt lòi. Rồi có một người đàn bà nằm trong một đồng xác chết đứng phắt dậy vừa rít lên, vừa bắn. Chị bắn được sáu phát trước khi bị bắn chết. Chúng tôi không rõ chị có làm được gì chúng nó không. Chúng tôi theo dõi tất cả những tấm thảm kịch ấy toàn là bằng tai thôi. Chốc lại xảy ra một cảnh náo động như thế và mỗi cảnh náo động đều kết thúc bằng một tiếng súng lục nổ. Xen vào đó, chúng tôi nghe thấy bọn lính vừa khám xác chết vừa nói, hoặc vừa chửi rửa, còn bọn sĩ quan thì thúc chúng làm mau tay lên.

Cuối cùng, bọn chúng đến làm ở chúng tôi. Chúng càng lôi xác chết và người bị thương đi thì sức nặng trên người chúng tôi càng giảm. Garthwaite bắt đầu kêu mật hiệu. Mới đầu bọn chúng không nghe thấy. Anh liền kêu to hơn. - Nghe đây này! - Một tên lính nói. Tức thì một viên sĩ quan ra lệnh cộc lốc. - Cẩn thận! Nhẹ tay chứ!

Chao ôi, lúc chúng tôi bị bọn chúng kéo ra cái hơi gió mát ở bên ngoài mới quý giá làm sao chứ! Garthwaite nói trước. Còn tôi thì bị chúng thử một lúc để xem có đúng là làm việc cho cái *Gót sắt* không. - Đúng là nhân viên khiêu khích, - viên sĩ quan kết luận. Y là một thanh niên mày râu nhẵn nhụi, một học sinh sĩ quan trông cũng biết ngay là dòng dõi bọn thiếu số thống trị. - Nghề với ngỗng phải gió! - Garthwaite làu bàu. - Tôi cũng đến bỏ nghề này xin sang quân đội thôi! Các ông thật là may.

- Anh cũng đáng, - viên sĩ quan đáp. - Tôi sẽ giúp anh một tay, để xem có được không. Tôi sẽ nói để họ biết rằng, tôi đã tìm thấy anh trong tình trạng như thế nào. Viên sĩ quan ghi tên và số

của Garthwaite, rồi quay sang tôi. - Thế còn chị? - Ồ, tôi sắp sửa lấy chồng rồi, - tôi thông thả đáp. - Lúc ấy thì tôi sẽ bỏ cái nghề này, bỏ hết.

Thế là chúng tôi đứng nói chuyện trong lúc bọn lính tiếp tục giết những người bị thương. Bây giờ nhìn lại thì tôi thấy như mình mê ngủ, nhưng lúc ấy thì sự đó chỉ là việc tự nhiên nhất trên đời. Garthwaite và viên sĩ quan trẻ tuổi mãi miết nói chuyện về sự khác nhau giữa cái gọi là chiến tranh hiện đại với cuộc chiến đấu đường phố và chiến đấu ở nhà chọc giời hiện nay đang diễn ra khắp trong thành phố. Tôi cố làm ra vẻ đang nghe nói chuyện, đồng thời sửa lại mái tóc và lấy ghim ghim những chỗ bị rách. Suốt lúc đó, bọn lính vẫn tiếp tục giết những người bị thương và hai bên bắt buộc phải nhắc lại điều mình vừa nói.

Tôi đã sống suốt ba ngày công xã Chicago. Phải nói rằng lúc đó tôi không trông thấy gì ngoài sự tàn sát đám dân của khu vực hầm và những cuộc chiến đấu ở lưng chừng không khí, giữa những nhà chọc giời; như vậy các bạn cũng đủ tưởng tượng được rằng quy mô của công xã và của cuộc tàn sát lớn lao đến thế nào. Thật ra tôi hoàn toàn không trông thấy việc làm anh dũng của các đồng chí chúng tôi. Tôi chỉ nghe thấy tiếng mình và tiếng bom của họ nổ, chỉ nhìn thấy khói ở các đám cháy do họ gây ra, có thể thôi. Tuy nhiên, tôi đã mục kích một hành động vĩ đại của các đồng chí chúng tôi, khi họ tấn công các pháo đài bằng khinh khí cầu. Việc đó xảy ra vào ngày thứ hai của công xã. Ba trung đoàn làm phản đã bị thủ tiêu không còn một mống. Bọn lính đánh thuê đóng chặt ních các pháo đài. Gió thuận chiều, và từ một công thự trong thành phố, khinh khí cầu của chúng tôi bay lên.

Biedenbach, sau khi ở Glen Ellen ra, đã chế tạo được một thứ thuốc nổ hết sức mạnh, anh gọi là "expedite". Các khinh khí cầu đều dùng thứ vũ khí đó. Khinh khí cầu của chúng tôi là những quả bóng to bơm bằng hơi nóng, làm vội vàng và thô sơ, nhưng rất được việc. Đứng trên nóc một công thự tôi nhìn thấy rất rõ. Quả khinh khí cầu thứ nhất hoàn toàn đi chệch khỏi pháo đài, và biến mất ra vùng quê; nhưng về sau chúng tôi cũng được nghe nói về nó. Burton và O'Sullivan ngồi trên đó. Lúc khinh khí cầu hạ xuống đất, họ lướt qua đường sắt, đứng trên đầu đoàn tàu đưa lính đang lao hết tốc lực về Chicago. Họ trút tất cả chỗ bom "expedite" xuống đầu máy xe lửa. Đoàn tàu bị phá khiến đường xe lửa bị tắc luôn mấy ngày. Tuyệt nhất là trút xong bom, quả khinh khí cầu cất được gánh nặng lại vút lên trời và bay đi xa được chừng sáu dặm nữa. Thành ra cả hai người anh hùng của chúng tôi đều trốn thoát.

Quả cầu thứ hai bị thất bại. Nó bay không được tốt. Nó không lên được cao, thành thử bị bắn thủng tứ tung trước khi đến được pháo đài. Herford và Guinness ngồi trên đó rơi xuống đất chết tan xác. Biedenbach đang lúc thất vọng và - sau chúng tôi mới biết chuyện đó - một mình trèo lên quả cầu thứ ba. Anh cũng bay rất thấp, nhưng may chúng nó bắn không trúng. Lúc này tôi còn thấy rõ mồn một cái cảnh ấy cũng như khi xưa đứng tít trên một toà nhà chọc trời, có một người treo lủng lẳng ở dưới trông như một cái chấm đen. Khi ấy, tôi không nhìn thấy pháo đài, nhưng những người đứng trên mái nhà cùng với tôi bảo rằng Biedenbach bay đúng lên trên pháo đài. Tôi không trông thấy bom "expedite" rơi xuống. Nhưng tôi có thấy quả cầu bất thành linh bay vụt lên. Một lúc sau cũng khá lâu, một cột khói lớn cuộn lên trời và sau đó tôi nghe thấy tiếng nổ như sấm. Biedenbach, anh thanh niên hiền lành đã phá được một pháo đài. Liền lúc ấy có hai quả cầu khác bay theo. Một quả vỡ nát trên trời, vì bom "expedite" nổ, và hơi bom đẩy quả thứ hai rơi xuống đúng cái pháo đài còn lại. Đồng chí chúng tôi hi sinh,

nhưng giá có đặt kế hoạch trước thì cũng không thể tuyệt như thế được.

Nhưng thôi, trở lại đám dân của vực thẳm. Thật ra tôi chỉ biết về họ thôi. Họ cuồng lên, tàn sát, phá phách tất cả trong khu vực chính của thành phố và cũng bị tàn sát trở lại. Nhưng không một lần nào họ lọt được vào khu bọn thiếu số thống trị ở, về phía tây thành phố. Bọn thiếu số thống trị tự vệ rất có hiệu quả. Khu trung tâm thành phố dù có bị phá phách cũng không hề gì, vì chúng và vợ con chúng vẫn bình chân như vại. Tôi được nghe nói những ngày khủng khiếp ấy, con cái chúng vẫn chơi ở vườn hoa, và trò chơi chúng thích nhất là bắt chước cha anh chúng lấy chân dí lên trên những người vô sản.

Tất nhiên bọn lính đánh thuê thấy đối phó đối với đám dân của vực thẳm và đồng thời đánh nhau với các đồng chí chúng tôi không phải là chuyện dễ. Chicago rất trung thành với những truyền thống của mình và dù cho một thế hệ những người cách mạng có bị quét sạch thì nó cũng kéo theo nó một thế hệ kẻ thù. Cổ nhiên, cái *Gót sắt* giữ bí mật các số liệu, nhưng theo số ước đoán rất thận trọng thì ít ra cũng có tới một trăm ba mươi ngàn lính đánh thuê bị tiêu diệt. Nhưng các đồng chí chúng tôi thật không may. Đáng lẽ tất cả nước cùng vùng lên khởi nghĩa thì chỉ có mình họ, và tập đoàn thiếu số thống trị có thể dồn toàn bộ lực lượng để đối phó với họ. Thành ra hết giờ này sang giờ khác, hết ngày này sang ngày khác, xe lửa của chúng chạy nườm nượp trên các ngã đường, tung vào Chicago hàng trăm ngàn quân đánh thuê.

Nhưng đám dân của vực thẳm cũng đông lắm. Khi đã mệt vì bắn giết, bọn lính bắt đầu lừa họ đi như một lũ súc vật, cốt để dìm chết họ dưới hồ Michigan. Garthwaite và tôi gặp tên sĩ quan trẻ tuổi đúng vào lúc việc đó bắt đầu. Kế hoạch lừa dân của chúng đã bị thất bại nhờ có việc làm tuyệt diệu của các đồng chí chúng tôi. Bọn lính đánh thuê tưởng có thể bắt một đám người rất lớn, nhưng cuối cùng chúng chỉ lừa được chừng bốn vạn người khốn khổ xuống dưới hồ. Nhiều lần, chúng vừa ráp được một đoàn và đang lừa họ đi qua các phố thì bị đồng chí chúng tôi dử cho phải đối phó. Lưới bao vây của chúng thế là bị chọc thủng và đám quần chúng cứ thế tìm thấy chỗ chúng sơ hở mà tẩu thoát.

Sau khi gặp viên sĩ quan trẻ tuổi được một lúc, Garthwaite và tôi đã được chứng kiến một ví dụ như thế. Đám quần chúng ô hợp bị đánh lui lúc ban này, trong đó có chúng tôi, bị những đơn vị rất mạnh chặn không cho trốn về phía đông và phía nam. Còn đơn vị bộ đội mà chúng tôi gặp phải thì chặn ở phía tây. Chỉ còn một lối là phía bắc, và đám quần chúng bị đại liên và tiểu liên lừa từ phía đông phía tây và phía nam kéo cả về phía bắc tức là phía bờ hồ. Tôi không hiểu có phải tại họ đoán ra rằng họ đang bị lừa về phía hồ không, hay đó chỉ là cơn giãy giụa mù quáng của một con quái vật; nhưng dẫu sao, đám người ô hợp rẽ sang một phố khác nữa rồi quay trở lại phía nam, quay về khu lao động lớn.

Lúc đó, Garthwaite và tôi cố lách lấy một lối đi về phía tây để tẩu thoát khỏi cho hai bên giao tranh, nhưng chúng tôi lại rơi vào một trận địa khác. Vừa đi đến một góc phố, chúng tôi đã thấy một đám quần chúng ô hợp đang gào thét đổ xô về phía chúng tôi. Garthwaite nắm lấy cánh tay tôi và chúng tôi sắp sửa chạy thì anh lại kéo giật tôi lại để khỏi đâm vào bánh xe của sáu chiếc ô-tô thiết giáp có đem đại liên đang sẵn đến chỗ đó. Phía sau xe thiết giáp có những toán lính trang bị bằng tiểu liên chạy đến.

Chúng đang bố trí trận địa thì đám quần chúng ô hợp đổ tới, tưởng chừng sắp giẫm bẹp bọn

lính trước khi bọn này kịp hành động.

Đây đó có những tên lính xả súng trường vào họ, nhưng những phát súng lẻ tẻ không thể đủ sức chặn đám quần chúng ô hợp. Đám quần chúng ô hợp vẫn tiến lên, vừa đi vừa gào thét điên cuồng như một bầy thú vật. Súng liên thanh có vẻ như không hoạt động được. Những xe thiết giáp có bắc liên thanh bít chặt đường phố, thành ra bọn lính buộc phải bố trí ngay trên xe, ở những khe hở trên mặt đường và ở trên vỉa hè. Lính kéo đến mỗi lúc một đông, người ùn cả lại như nê-m cối, chúng tôi không tài nào thoát ra được. Garthwaite nắm lấy cánh tay tôi và chúng tôi dán người vào tường đằng trước của một toà nhà.

Đám quần chúng ô hợp kéo đến còn cách có mười thước, đại liên mới bắt đầu hoạt động; nhưng trước cái lưới lửa chết chóc ấy không gì sống nổi. Đám ô hợp vẫn xô lại, nhưng họ không tiến lên được. Họ chồng chất lên thành đống, thành núi, thành những ngọn sông người chết và người ngắc ngoải mỗi lúc một ùn lên. Những người ở phía dưới dồn lên, và đoàn người thắt lại như chui vào ống, ở giữa hai bên rãnh phố. Những người bị thương, cả đàn ông lẫn đàn bà, gục trên cái ngọn sóng kinh khủng ấy, nhào xuống phía trước, giãy giụa, lăn đến tận bánh xe thiết giáp và chân bọn lính. Bọn này lấy lưới lê đâm họ. Tuy thế, tôi vẫn thấy một người chạy xô vào một tên lính, cắn vào họng nó. Cả tên lính lẫn người nô lệ cùng ngã lăn xuống một vũng bùn nhầy nhụa.

Tiếng súng im bật. Công việc đã xong xuôi. Đám quần chúng ô hợp đã bị chặn lại, không thực hiện được âm mưu phá vỡ vòng vây nữa. Có lệnh dọn đường cho xe thiết giáp đi. Xe thiết giáp không thể tiến qua đống người chết cao ngất kia được, cho nên chúng định cho xe chạy xuống một phố ngang. Bọn lính lôi những xác chết ra khỏi các bánh xe thì một việc thành linh xảy đến. Về sau chúng tôi mới biết việc đó xảy đến như thế nào. Cách đó một dãy nhà, có một toà nhà độ chừng một trăm đồng chí chúng tôi chiếm. Họ đã dỡ mái và đục tường thông nhà này qua nhà khác, và đến được ngay trên đầu bọn lính đang tập trung. Thế là cuộc tàn sát phản công bắt đầu.

Bất thành linh một trận mưa bom từ trên nóc nhà chọc giời tuôn xuống. Các xe thiết giáp tan tành cùng với một số đông binh lính. Chúng tôi cùng với bọn người sống sót bỏ chạy thực mạng. Chạy xuôi được một nửa dãy phố thì một toà nhà khác xả súng vào chúng tôi. Bọn lính đã dùng xác những người nô lệ làm thảm giải lên đường phố như thế nào thì bây giờ đến lượt bản thân chúng biến thành thảm giải đường như thế. Garthwaite và tôi hình như có thần linh phù hộ hay sao ấy. Chúng tôi lại chạy vào ẩn ở một cái hành lang như lúc trước. Nhưng lần này thì chúng tôi không bị đánh úp nữa. Hết tiếng bom, Garthwaite thò đầu ra ngoài nhìn.

- Đám ô hợp quay trở lại! - Anh kêu lên bảo tôi. - Chạy mau ra khỏi chỗ này thôi!

Chúng tôi nắm tay nhau chạy trốn trên mặt đường ngập máu, trơn như mỡ, và đến một góc phố ở một phố ngang, chúng tôi thấy mấy tên lính chạy thực mạng. Chúng không bị làm sao cả. Con đường không bị bít. Chúng tôi nghỉ một chút và nhìn lại phía sau. Đám quần chúng ô hợp tiến lên chậm chạp. Họ còn bận nhặt súng của những kẻ đã chết và giết nốt những kẻ bị thương. Chúng tôi được mục kích những phút cuối cùng của viên sĩ quan trẻ tuổi đã cứu chúng tôi. Y đau đón chống khuỷu tay ngóc đầu dậy, cầm khẩu súng lục tự động bắn tứ tung. Lúc một người đàn bà vung con dao phay hàng thịt nhảy xổ vào một tên lính bị thương, Garthwaite

cười bảo tôi: - Không khéo ta cũng đi đứt mất! Ta đi phải hướng bất lợi rồi, nhưng thôi cứ đi. Ta tìm cách thoát.

Chúng tôi chạy về phía đông, qua những phố xá yên lặng, đến mỗi ngã tư lại phải chuẩn bị đối phó với những bất trắc có thể xảy ra. Ở phía nam, một đám cháy hết sức lớn bốc lên đỏ rực cả bầu trời, chúng tôi biết là khu lao động lớn đang cháy. Cuối cùng, tôi ngồi phệt xuống vỉa hè. Tôi kiệt sức rồi, không thể đi được nữa. Chân tay tôi đau như giần, chỉ còn thiếu nước rụng rời ra. Tuy nhiên, tôi vẫn cố mỉm cười với Garthwaite khi anh vừa quán điều thuốc lá vừa bảo tôi:

- Tôi đưa chị đi trốn như thế này thật là đi quanh quẩn. Nhưng tôi không nắm được tình hình đầu đuôi ra sao nữa. Đúng là một mớ bòng bong. Cứ mỗi lần định thoát vòng vây là y như có chuyện phải quay trở lại. Từ lúc tôi cứu được chị ra khỏi nơi chị bị nạn, chúng ta mới đi được hai dãy phố thôi. Bận và thù lẫn lộn lung tung. Thật là hỗn loạn. Đố mà biết được rằng bên nào chiếm những toà nhà chết tiệt này. Đi điều tra thì ăn bom vào đầu. Đi tản nhiên trên đường thì hoặc là phải nhập vào đám dân ô hợp và bị liên thanh quạt, hoặc là đến với bọn lính đánh thuê và bị chính các đồng chí của mình nấp ở các mái nhà giết. Ấy là chưa kể rằng lúc đám dân ô hợp trên, chính họ cũng lại giết mình. Anh lắc đầu chán nản, châm thuốc lá và ngồi xuống cạnh tôi. Rồi anh nói tiếp. - Tôi đói quá. Lúc này, giá vớ được hòn đá tôi cũng ăn.

Một lúc sau, anh đứng dậy đi ra giữa đường nện một tảng đá lên thật. Anh quay trở lại, cầm tảng đá phá cửa sổ một hàng buôn đằng sau lưng chúng tôi.

- Đây là tầng dưới, chẳng ăn thua gì cả, - anh giải thích cho tôi nghe và đỡ tôi chui qua cái lỗ hổng anh vừa phá. - Nhưng cũng không thể làm thế nào hơn được. Chị ngủ đi một giấc, để tôi đi thám thính. Thế nào tôi cũng cứu được chị, nhưng phải lâu lâu một tí. Bây giờ, tôi cần có cái gì ăn đã.

Chỗ chúng tôi ở là một cửa hàng bán yên ngựa. Anh lấy mấy tấm chăn lót lưng ngựa giải làm giường cho tôi nằm trong gian phòng làm việc riêng ở phía sau. Để bồi thêm vào bước khốn đốn của tôi, tôi bị một trận nhức đầu như búa bổ. Được nhắm mắt ngủ một giấc, tôi thấy không có gì sung sướng hơn. Lúc đi, Garthwaite bảo tôi: - Rồi tôi sẽ về. Tôi không mong gì kiếm được một cái ô-tô, nhưng chắc chắn tôi sẽ mang thức ăn về, bằng cách này hay cách khác. Ba năm sau tôi mới gặp lại anh. Anh không trở lại ngay, mà bị khiêng đi nhà thương, vì một viên đạn trúng phổi và một viên trúng cổ.

Chương XXIV

Cơn ác mộng

Đêm hôm trước, trên chuyến tàu "Thế kỷ hai mươi", tôi không lúc nào chợp mắt. Cũng vì thế và vì mệt cho nên tôi ngủ thiếp đi. Lần thứ nhất tôi thức giấc thì trời đã về đêm. Garthwaite không về. Tôi đã mất cái đồng hồ cho nên chẳng còn biết giờ giấc là gì nữa. Tôi nằm nhắm mắt nghe những tiếng nổ ì ầm ở đằng xa. Cảnh địa ngục khủng khiếp vẫn diễn ra. Tôi rón rén đi ra ngoài cửa hàng. Những đám cháy lớn phản chiếu trên trời khiến phố xá sáng rực lên không khác gì ban ngày. Người ta có thể đọc rõ mồn một những hàng chữ in nhỏ nhất. Tiếng lựu đạn

ùng oàng và tiếng liên thanh giòn giã từ những dãy nhà xa vọng lại, và xa hơn nữa, có một loạt tiếng nổ lớn. Tôi khe khẽ trở về, nằm trên đồng chăn, ngủ lại.

Lần sau tôi thức giấc, một thứ ánh sáng vàng vọt chiếu vào tận chỗ tôi nằm. Lúc đó đã là bình minh của ngày thứ hai. Tôi đi ra ngoài cửa hàng. Một bức màn khói có những tia sáng mờ nhạt xuyên qua phủ kín bầu trời. Bên kia đường, một kẻ nô lệ khốn khổ đang đi thất thểu. Anh ta tay ôm chặt lấy mạng sườn và để lại phía sau một vệt máu dài. Anh nhìn ngang, nhìn ngửa bằng đôi mắt đầy lo âu, sợ hãi. Một lần anh nhìn qua phố và nhìn thẳng vào tôi. và trên mặt anh hiện lên cái vẻ sợ sệt âm thầm của một con vật bị thương và bị săn đuổi. Anh nhìn thấy tôi nhưng giữa chúng tôi không có một sợi dây thông cảm nào, và về phía anh, ít nhất anh cũng chẳng có cảm tình gì với tôi. Anh cúi lom khom xuống và cứ thế lê chân đi. Anh không thể chờ ai giúp mình trong cái thế giới này. Anh là một kẻ nô lệ trong cuộc săn nô lệ đại quy mô, do bọn chủ đang tiến hành. Tất cả cái mà anh có thể hi vọng được, tất cả cái mà anh tìm kiếm chỉ là một cái lỗ để chui vào trốn như một con vật. Tiếng lanh canh đột ngột của một chiếc xe cứu thương đi ở tận góc phố làm anh giật mình. Xe cứu thương không phải là để cho những kẻ như anh ta. Vết đau khiến anh rú lên, và anh vội vã chạy vào nấp trong một xó cửa. Một phút sau, anh ta lại thất thểu bước đi.

Tôi quay trở lại đồng chăn chờ Garthwaite một tiếng đồng hồ. Đầu tôi vẫn chưa hết nhức. Trái lại nó càng nhức thêm. Tôi phải hết sức cố gắng mới mở được mắt để nhìn những vật xung quanh. Và cứ mở mắt nhìn cái gì là tôi thấy nhức không thể tả được. Mạch máu trong óc tôi chạy giần giật. Người tôi nhọc hần đi. Tôi lão đảo chui qua chỗ cửa sổ bị phá, tụt xuống dưới phố. Phó thác mình cho bản năng và may rủi, tôi tìm cách trốn ra khỏi cái lò sát sinh khủng khiếp này và liền sau đó, tôi đã qua một cơn ác mộng. Những điều tôi nhớ được trong những giờ phút tiếp sau đó đúng là những điều người ta nhớ được trong một cơn ác mộng. Nhiều biến cố đã in sâu vào óc tôi, nhưng giữa những hình ảnh không phai mờ tôi bị ngắt đi. Những lúc ấy có những việc gì xảy ra, tôi không biết mà cũng chẳng bao giờ tôi biết.

Tôi nhớ là đi đến góc phố, tôi vấp phải chân một người đàn ông. Đó là chân cái anh chàng khốn khổ bị săn đuổi vừa kéo lê qua nơi ẩn náu của tôi ban nãy. Tôi còn nhớ như in những bàn tay sần sùi khốn khổ của anh ta lúc anh nằm vật trên đường - những bàn tay giống chân súc vật hơn là tay người, bàn tay đầy những chai và những việc cực nhọc hàng ngày làm cho cong queo, không còn ra hình thù gì nữa. Lúc tôi lấy lại thăng bằng và tiếp tục bước đi, tôi nhìn vào tận mắt cái vật ấy và thấy nó vẫn còn sống. Vì đôi mắt đã mất hết trí khôn kia còn nhìn tôi và còn trông thấy tôi.

Tiếp đó là một quầng trống, thật phức đức quá. Tôi chẳng hiểu gì nữa hết, chẳng nom thấy gì nữa hết, mà chỉ ngã xiêu vẹo chạy đi tìm một chỗ an toàn. Quang cảnh thứ hai tôi nhìn thấy trong cơn ác mộng là một đường phố im lặng như tờ, đầy xác chết. Tôi đến đấy một cách đột ngột y như một người đi ngao du đây đó chợt gặp một dòng sông chảy xiết. Có điều dòng sông trước mặt tôi không chảy. Nó đông lại trong cái chết. Mặt sông trải ra phẳng lì ngập cả đường cái, ngập cả vỉa hè, từng quầng từng quầng bị phá vỡ bởi những đồng xác người to nhỏ khác nhau. Tội nghiệp đám dân của vực thẳm bị lũng ráp, những kẻ nô lệ bị săn đuổi. Họ nằm ngổn ngang như một đám cỏ California sau một trận lửa[125]. Tôi nhìn lên đầu phố, rồi nhìn xuống cuối phố. Không một cử động, không một tiếng động. Những toà nhà lặng lẽ cao sừng sững

nhìn xuống quang cảnh đó bằng những khoang cửa sổ giương thao láo. Và một lần, có mỗi một lần thôi, tôi thấy một cánh tay động đậy. Nó vặn vẹo, co quắp trong cơn ngắc ngoải và cùng lúc ấy một cái đầu bê bết máu góc dậy trông vô cùng ghê rợn, lú lú lại nói với tôi một tràng dài, rồi lại gục xuống và thôi không nhúc nhích nữa.

Tôi còn nhớ một phố khác, với hai dãy nhà yên lặng ở hai bên. Tôi nhớ lại nỗi kinh hoàng nó làm cho tôi tỉnh cơn mê khi tôi nhìn thấy đám dân của vực thẳm. Lần này, đám dân đó là một dòng sông đang chảy, đang tiến về phía tôi. Nhưng rồi tôi thấy không có gì mà sợ. Dòng sông chảy chậm chạp, và từ đó vang lên những tiếng rên la, những tiếng nguyện rửa, những tiếng lải nhải của người già, những tiếng thét điên cuồng hung hãn. Trong đám này già có, trẻ có, có người yếu và người ốm, có người không nơi bầu vú và người tuyệt vọng, tóm lại những mảnh tan tác của khu lao động, trôi dạt như sau một trận đắm tàu. Khu lao động lớn ở phía nam thành phố bốc cháy đã đẩy họ đi ra ngoài để chịu cái cảnh địa ngục của những cuộc chiến đấu đường phố, và họ đi đâu, số phận họ ra sao, tôi không biết, mà cũng chẳng bao giờ ai cho tôi biết[126].

Tôi nhớ mang máng rằng tôi đã phá một cái cửa sổ và chui vào trong một cửa hàng để trốn một đám dân ô hợp bị lính càn trong phố. Một lần, một quả bom nổ ngay gần chỗ tôi, trong một phố yên tĩnh, và tôi nhìn thấy đầu phố cuối phố tịnh không thấy một bóng người. Nhưng cái này thì tôi nhớ rất rõ: tức là lúc một phát súng nổ và tôi chợt nhận ra rằng một tên lính ngồi trên ô-tô bắn vào tôi. Phát súng đó trượt. Tôi bèn hét ầm lên, và gào to mật hiệu cho nó nghe thấy. Việc tôi đi lên chiếc ô-tô ấy, tôi chỉ nhớ lơ mờ, mặc dầu có một hình ảnh rất đau đớn khắc sâu vào tâm trí tôi. Tiếng súng do tên lính ngồi cạnh tôi bắn làm tôi mở choàng hai mắt, và tôi trông thấy George Milford từ từ gục xuống hè đường. Tôi quen Milford từ hồi còn ở phố Pell. Mặc dầu Milford đã chúi xuống, tên lính vẫn bắn. Milford gập người lại làm đôi, ngã vạt ra, hai tay hai chân dang rộng. Tên lính cười rộ lên và chiếc ô-tô cứ thế phóng đi.

Việc sau nữa mà tôi biết là tôi đang ngủ mê mết thì bị một người đàn ông đi đi lại lại bên chỗ tôi nằm đánh thức dậy. Khuôn mặt người đó dài ra, hóp vào và mồ hôi chảy ròng ròng từ trên trán xuống mũi. Hai tay người đó ôm chặt lấy ngực và người đó bước đi thì máu lại rỏ xuống sàn. Người đó mặc đồng phục của bọn lính đánh thuê. Từ bên ngoài, tiếng bom nổ như thấm qua những bức tường kiên cố lọt vào. Tôi đang ở trong một toà nhà lớn và toà nhà này đang mắc đánh nhau với một toà nhà khác.

Một bác sĩ vào để băng bó cho tên lính bị thương và lúc đó tôi biết là hai giờ chiều. Tôi vẫn chưa bớt nhúc nhúc đầu. Viên bác sĩ bèn ngừng tay một lát cho tôi uống thuốc an thần. Tôi nằm ngủ lại, và tỉnh dậy thấy mình ở trên nóc toà nhà lớn. Trận chiến đấu ở đây đã chấm dứt, và tôi đang xem khinh khí cầu tấn công các pháo đài. Một người đưa tay ra ôm ngang người tôi. Tôi có cảm giác rất tự nhiên rằng đó là Ernest. Tôi chỉ lấy làm lạ rằng tại sao tóc và lông mày anh lại xém đi như thế.

Thật hoàn toàn do may rủi mà chúng tôi gặp nhau trong cái thành phố khủng khiếp này. Trước đó, anh không ngờ một tí nào rằng tôi đã rời New York, và khi đi qua chỗ tôi nằm ngủ, lúc đầu, anh cũng không ngờ lại là tôi. Tôi không thấy thêm về công xã Chicago được bao nhiêu nữa. Sau khi xem khinh khí cầu tấn công, Ernest đưa tôi xuống một phòng ở giữa toà nhà. Tôi nằm đó ngủ suốt buổi chiều và đêm. Sang ngày thứ ba, tôi ở nguyên trong nhà. Đến ngày thứ

tư, Ernest được bọn chỉ huy cho nghỉ phép và cấp cho một cái ô-tô. Chúng tôi bèn đi khỏi Chicago.

Tôi đã hết nhức đầu, nhưng mệt như cả thể xác lẫn tinh thần. Tôi ngồi dựa lưng vào Ernest trên ô-tô, lãnh đạm nhìn bọn lính đang tìm cách cho xe chạy ra ngoài thành phố. Cuộc chiến đấu vẫn diễn ra, nhưng chỉ lẻ tẻ ở một vài nơi. Có những chỗ cả một khu phố lọt vào tay các đồng chí, nhưng những khu phố này đều bị những đơn vị rất đông, rất mạnh bao vây trong hàng trăm chiếc bẫy và không tài nào liên lạc được với nhau. Trong khi đó, bọn địch tìm mọi cách để bắt họ ra hàng. Hàng tức là chết, vì chúng có tha ai đâu! Thành thử họ chiến đấu anh dũng đến người cuối cùng[127].

Mỗi lần chúng tôi lại gần những nơi như thế, bọn lính gác đều bắt chúng tôi quay lại và đi vòng. Một lần, chỉ có mỗi một con đường để vượt hai vị trí rất mạnh của các đồng chí, và con đường này băng qua một khu đã cháy trụi nằm giữa hai vị trí đó. Ở cả hai phía, chúng tôi nghe rõ mồn một tiếng chiến tranh gào thét, giữa lúc chiếc ô-tô len lỏi qua những đồng gạch vụn còn bốc khói và những bức tường xiêu vẹo. Nhiều lúc, đường đi bị những đồng đồ nát cao như núi chắn ngang, và chúng tôi lại bắt buộc phải đi vòng. Chúng tôi như lạc vào trong một trận bát quái và đi rất chậm.

Khu sát sinh (khu lao động, những nhà máy, tất cả mọi thứ) chỉ còn là những đồng hoang tàn lửa thiêu âm ỉ. Tít về phía bên phải, một đám khói lớn giăng kín một góc trời. Đó là thành phố của Pullman, tên lính lái xe bảo chúng tôi. Tên lính này, vào buổi chiều ngày thứ ba, đã từng lái xe đi từ đây ra, mang theo công văn và tin tức. Theo hắn nói thì mấy trận đánh to nhất đều xảy ra ở đây, và có nhiều phố không đi lại vì xác chết chất đầy đường.

Ô-tô chúng tôi ngật ngưỡng vòng qua một toà nhà lớn bị phá hoại nặng, để tiến vào khu sát sinh và đến đây thì bị một ngọn sóng thầy người chặn lại. Ai trông thấy cũng phải tưởng đó là một ngọn sóng từ dưới biển cuộn lên. Nhìn cảnh tượng đó, chúng tôi hiểu ngay sự việc đã xảy ra. Một đám dân đen đổ xô ra góc đường đã bị liên thanh đặt ở một phố ngang quét. Chính bọn lính đã bị hại. Chắc là một quả bom đã nổ ngay giữa bọn chúng, bởi vì đám dân đen bị chặn lại cho đến khi người chết và người ngắc ngoải chồng chất lên nhau thành một ngọn sóng bạc đầu đã xô một lớp nô lệ còn sống và đầy dũng khí nhào lên phía trước như một lớp bọt biển. Lính tráng và nô lệ nằm la liệt bên nhau, xác tan như xác pháo, trùm cả lên trên đồng ô-tô và súng đã biến thành sắt vụn.

Ernest nhảy vội xuống xe. Anh vừa chú ý đến một đôi vai quen thuộc khoác tấm sơ mi vải và một mái tóc bạc cũng quen quen. Lúc đó tôi không nhìn anh. Mãi đến khi anh đã lại ngồi xuống bên tôi và xe đã mở máy phóng đi. anh mới bảo: - Giám mục Morehouse đấy!

Chẳng mấy chốc chúng tôi đã ra đến vùng nông thôn xanh tươi. Tôi quay lại nhìn lần cuối bầu trời mù mịt khói. Một tiếng nổ yếu ớt và xa xôi vọng lại. Tôi úp mặt vào ngực Ernest khóc, xót xa cho sự thất bại của Cách mạng. Anh ôm chặt lấy tôi âu yếm.

- Em ạ, chúng ta chỉ thất bại lần này thôi. Không thất bại mãi đâu. Chúng ta đã học được nhiều kinh nghiệm. Ngày mai, sự nghiệp của chúng ta lại sẽ dấy lên và sẽ rất mạnh, mạnh vì khôn ngoan, vì kỷ luật.

Ô-tô chạy đến một nhà ga. Chúng tôi sẽ đáp tàu về New York. Chúng tôi đang đứng đợi ở sân ga thì có ba đoàn tàu rầm rầm chạy qua, đi về phía tây, phía Chicago. Tàu chật ních những phu phen rách rưới, đám dân của vực thẳm. - Chúng nó mộ đám nô lệ này để đến xây dựng lại Chicago, - Ernest nói. - Em có rõ không, những nô lệ ở Chicago bị giết hết rồi.

Chương XXV

Những người theo chiến thuật khủng bố

Mãi đến khi Ernest và tôi trở về New York được mấy tuần, chúng tôi mới biết được hết mức độ tổn thất của sự nghiệp. Tình hình thật là cay đắng. Máu đã chảy nhiều quá. Rải rác trong khắp nước, có nhiều nơi đám dân nô lệ đã nổi dậy và đã bị tàn sát. Số người hi sinh tăng lên rất nhanh. Những vụ hành hình diễn ra vô tội vạ ở khắp mọi nơi. Các vùng núi và vùng đất hoang đầy rẫy những người trốn tránh pháp luật. Họ bị săn như săn thú và bị bắn chết không tiếc tay. Những đồng chí đầu bị treo giải kéo về ở chật ních những nơi trú ẩn của chúng tôi. Do bọn mật thám cung cấp tin tức, chừng hai chục nơi trú ẩn của chúng tôi đã bị quân lính của Gót sắt đến vây ráp.

Nhiều đồng chí chúng tôi mất tinh thần, xoay ra đối phó bằng chiến thuật khủng bố. Thấy hi vọng của mình bị đẩy lui, họ đâm thất vọng. Nhiều tổ chức khủng bố không phải thuộc hàng ngũ chúng tôi ra đời đột ngột và gây cho chúng tôi khó khăn[128]. Những người mất phương hướng này phí phạm đời mình một cách dại dột. Rất nhiều khi họ làm kế hoạch của chúng tôi bị trật, công tác tổ chức của chúng tôi bị chậm lại.

Trong khi đó thì cái Gót sắt hoạt động một cách bình tĩnh và thận trọng, xói lộn tất cả các tổ chức trong xã hội để tìm ra các đồng chí chúng tôi, thanh trừ đạo quân đánh thuê, các đảng cấp lao động và tất cả những cơ quan mật vụ của nó, trừng trị một cách không thương xót mà cũng không thù oán, lẳng lặng chịu những trận đòn trả thù đánh vào chúng và bổ sung hết sức nhanh chóng những lỗ hổng trên chiến tuyến của chúng. Song song với những hoạt động của chúng, Ernest và các lãnh tụ khác ra sức làm việc để tổ chức lại những lực lượng của cách mạng. Người ta chỉ có thể hiểu rõ tầm vĩ đại của công việc này khi nào...[129]

HẾT

[1] Cuộc khởi nghĩa thứ hai, một phần lớn là công lao của Ernest Everhard, mặc dù anh có cộng tác với những lãnh tụ phong trào ở châu Âu (điều này cũng là dĩ nhiên). Việc anh bị bắt và bị hành hình bí mật là một biến cố quan trọng trong mùa xuân năm 1912. Nhưng anh đã chuẩn bị hết sức kỹ càng cho cuộc khởi nghĩa, cho nên các đồng chí của anh đã thực hiện kế hoạch của

anh một cách nhanh chóng và không gặp nhiều lúng túng. Sau khi anh bị xử tử, người vợ anh về sống ở Wake Robin Lodge, một căn nhà nhỏ trên núi Sonoma ở California.

[2] Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là những lời nhắc nhở đến công xã Chicago.

[3] Không dám thất lễ với Avis Everhard (vợ của Ernest Everhard – ND), nhưng cần phải nói rõ rằng Ernest Everhard chỉ là một người trong số nhiều lãnh tụ lỗi lạc của phong trào đã vạch ra kế hoạch cho cuộc khởi nghĩa Thứ hai. Ngày nay, nhìn lại mấy thế kỷ qua, ta có thể nói chắc chắn rằng Ernest còn sống cuộc khởi nghĩa Thứ hai kết cục cũng sẽ không kém phần tai hại.

[4] Cuộc khởi nghĩa Thứ hai đúng là một cuộc khởi nghĩa quốc tế. Đó là một kế hoạch khổng lồ, một người dù thiên tài đến đâu thì cũng không vạch ra một mình được. Lao động ở các nước theo chế độ thiếu số thống trị nhất tề đứng dậy theo hiệu lệnh chung. Đức, Ý, Pháp và tất cả châu Úc lúc đó đã là những nước của lao động, những nước xã hội chủ nghĩa. Họ đều sẵn sàng giúp đỡ một cách dũng cảm. Chính vì thế nên khi cuộc khởi nghĩa Thứ hai bị đè bẹp, chính họ cũng bị những nước theo chế độ thiếu số thống trị trên thế giới liên kết với nhau đè bẹp và những chính phủ theo chủ nghĩa xã hội của họ bị thay thế bằng những chính phủ của bọn thiếu số thống trị.

[5] John Cunningham, thân sinh ra Avis Everhard, làm giáo sư ở trường Đại học quốc lập Berkeley thuộc bang California. Ông dạy về vật lý học, ngoài ra còn có nhiều công trình nghiên cứu độc đáo và còn là một nhà bác học rất nổi tiếng. Cống hiến lớn lao nhất của ông cho khoa học là những công trình nghiên cứu về điện tử và tác phẩm vĩ đại “Sự đồng nhất của vật chất và năng lượng”, trong đó ông đã xác định rằng đơn vị cuối cùng của vật chất và đơn vị cuối cùng của năng lượng là đồng nhất. Thuyết của ông không ai bác được và có một giá trị vĩnh cửu. Trước đó, Oliver Lodge và những nhà nghiên cứu khác trong lĩnh vực phóng xạ đã đưa ra ý kiến này nhưng họ không chứng minh được.

[6] Thời đó, người ta thường hay đánh nhau để kiếm giải. Họ đấu quyền với nhau. Kẻ nào đánh ngất hoặc chết đối thủ thì kẻ đó được tiền thưởng.

[7] Câu này hơi tối nghĩa, nói về một nhạc sĩ mù người da đen, rất được hoan nghênh trên thế giới vào nửa sau của thế kỷ 19.

[8] Friederich Nietzsche, một triết gia điên hồi thế kỷ 19. Trong nhận thức của ông ta có loé ra nhiều tia chân lý. Nhưng trước khi chết, ông ta chỉ đi mon men bên ngoài cái vòng vĩ đại của tư tưởng nhân loại, và đã rơi vào tình trạng điên rồ.

[9] Nhà giáo dục nổi tiếng cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Ông là chủ tịch trường Đại học Stanford, do các tư nhân quyên góp lập nên.

[10] Một nhà nhất nguyên luận duy tâm. Ông đã phủ nhận sự tồn tại của vật chất và đã làm cho các triết gia cùng thời bối rối rất lâu. Cuối cùng khi những luận cứ thực nghiệm mới của khoa học được khái quát hoá thành triết học, lập luận khôn khéo của ông ta đã bị đánh đổ.

[11] Trận động đất lớn năm 1906 tàn phá San Francisco.

[12] Hình ảnh này nổi bật lên trên những tập quán của thời đại. Giữa những người đánh

nhau cho đến chết, với một sự hung hãn thú vật, khi người bị đánh thua đã hạ vũ khí thì tùy kẻ thắng trận giết hay tha.

[13] Thời đó có nhiều vị mục sư bị sa thải vì truyền bá những học thuyết không được giáo hội chấp nhận. Đặc biệt họ bị sa thải khi những lời thuyết giáo của họ nhuộm màu chủ nghĩa xã hội.

[14] Đội vệ binh ngoại quốc canh giữ cung điện cho cung vua Louis XVI, một tên vua Pháp đã bị nhân dân Pháp chặt đầu.

[15] Hồi đó sự phân biệt giữa những người sanh ở trong nước và những người sanh ở ngoài nước rất sâu sắc và rất khó chịu.

[16] Cuốn sách này vẫn được in bí mật trong suốt ba thế kỷ thống trị của cái Gót sắt. Có nhiều bản thuộc nhiều lần xuất bản khác nhau trong Thư viện Quốc gia Ardis.

[17] Vào khoảng 1m9 (ND).

[18] Thời đó, những bọn cá nhân tham bạo kiểm soát tất cả những phương tiện vận tải và bắt công chúng đóng thuế thông hành mới được sử dụng những phương tiện đó.

[19] Trong cái thời kỳ vô lý và vô chính phủ này, những sự xung đột như vậy diễn ra như cơm bữa. Có khi là anh em lao động bãi công, có khi là tư bản không chịu để cho lao động làm việc. Những sự xung đột này dẫn đến bạo động và hỗn loạn, khiến cho nhiều tài sản bị tàn phá và nhiều người bị thiệt mạng. Tất cả những chuyện đó bây giờ chúng ta không sao quan niệm được, cũng như chúng ta không thể quan niệm được một tập quán của thời đó là những người đàn ông thuộc các tầng lớp dưới hay đập phá đồ đạc mỗi khi cãi nhau với vợ.

[20] *Proletariat* (vô sản – ND): do tiếng Latin Proletarii mà ra. Trong cuộc điều tra dân số của Servius Tullius (vua thứ sáu của thành La Mã – ND), tiếng Proletarii dùng để chỉ những người ngoài việc nuôi con cái (proles) ra, không được một lợi ích gì khác cho Nhà nước. Nói một cách khác, họ là những người không đáng kể hoặc là về mặt tài sản, hoặc là về mặt địa vị, hoặc là về mặt tài năng đặc biệt.

[21] Ông ứng cử ghế thống đốc bang California trong cuộc tuyển cử mùa thu năm 1906, đứng ở danh sách của Đảng Xã hội. Ông nguyên là người Anh, đã viết nhiều sách về kinh tế chính trị học và triết học và là một lãnh tụ của Đảng Xã hội thời đó.

[22] Trong lịch sử không có trang nào ghê tởm bằng sự đối đãi với lớp đàn bà và trẻ em làm nô lệ trong các xưởng máy của nước Anh vào nửa thứ hai của thế kỷ 18. Có nhiều kẻ nhờ những cái địa ngục công nghiệp như thế, đã làm giàu ghê gớm và trở thành hiển hách.

[23] Kể ra Everhard có thể tìm được ví dụ rõ ràng hơn để minh họa cho lời mình nói. Đó là việc giáo hội miền Nam công khai bênh vực chế độ nô lệ hồi trước Chiến tranh Nam Bắc ở Hoa Kỳ. Ở đây chúng tôi nêu nhiều ví dụ dụ tương tự từ những tài liệu thời đó. Năm 1835, Đại hội đồng của giáo hội Trưởng lão quyết nghị: “Chế độ nô lệ được cả Kinh cũ lẫn Kinh mới thừa nhận và không bị Chúa lên án”. Hội những giáo sĩ chủ trương chỉ rửa tội cho những người trưởng thành ở thành Charleston cũng năm 1835 đã tuyên bố: “Quyền của chủ sử dụng thời gian của nô lệ đã được Đấng chí cao tạo ra muôn loài công nhận rõ ràng. Chắc chắn là Người có

thể tùy tiện trao quyền sở hữu về bất cứ một vật gì cho bất cứ ai”. Đức cha E. D. Simon, tiến sĩ thần học, giáo sư Học viện Giám lý hội Randolph ở Virginia viết: “Những đoạn trích trong Thánh thư công nhận một cách không úp mở quyền sở hữu nô lệ và những quyền khác có liên quan. Quyền mua và bán nô lệ đã được quy định rõ ràng. Xét theo mọi lẽ, dù là tra cứu chính sách Do Thái do chính tay đức Chúa đặt ra, hay dư luận và thực hành nhất loạt của nhân loại qua tất cả các thời đại, hay những lời dạy trong Kinh mới và trong phép luân lý, ta đều phải rút ra kết luận rằng chế độ nô lệ không có gì trái với đạo đức. Sau khi đã xác định một điểm là bầy nô lệ Phi châu đầu tiên đã được nuôi làm nô lệ một cách hợp pháp, quyền giữ con cái chúng trong vòng nô lệ cũng chỉ là một hậu quả cần thiết. Như vậy chế độ nô lệ hiện tồn tại ở Mỹ là một cái quyền và hoàn toàn có căn cứ”.

Không có gì là lạ những ý kiến trên đây một hai thế hệ sau lại được Nhà thờ lặp lại để bảo vệ tài sản cho bọn tư bản. Trong viện bảo tàng lớn ở Asgard có một cuốn sách nhan đề “Bàn về sự ứng dụng” do Henry van Dyke viết. Sách này xuất bản năm 1905. Do cuốn sách này, ta có thể đoán ra rằng Van Dyke là một giáo sĩ. Nên chú ý đến sự giống nhau giữa lời tuyên bố của Hội những giáo sĩ chủ trương chỉ rửa tội cho những người đã trưởng thành ở Charleston đã dẫn trên và những lời Van Dyke viết bảy năm về sau: “Kinh thánh dạy rằng thế giới là thuộc quyền sở hữu của Chúa. Chúa phân phát cho mỗi người tùy theo ý muốn của Chúa thể theo những phép tắc chung”.

[24] Hồi đó còn hàng vạn người đi bán hàng rong như thế. Họ đem tất cả hàng hoá đi chào hết nhà này sang nhà khác. Thật hết sức lãng phí nhân lực. Sự phân phối rất hỗn độn và bất hợp lý, cũng giống như toàn bộ hệ thống xã hội.

[25] Đây là những căn nhà tồi tàn, đổ nát, trong đó rất đông công nhân ở chui ở rúc. Bất luận nhà cửa thế nào họ cũng phải trả tiền thuê cho chủ và trả rất đắt so với giá trị căn nhà.

[26] Thời đó trộm cắp như rươi. Người này ăn cắp của người kia. Bọn chúa tể trong xã hội thì ăn cắp một cách hợp pháp hoặc là hợp pháp hoá việc ăn cắp của chúng, còn người nghèo thì ăn cắp một cách bất hợp pháp. Thượng vàng hạ cám hễ không giữ cẩn thận là bị mất cắp. Vì vậy phải có rất nhiều người làm nghề gác đêm để bảo vệ các tài sản. Nhà cửa của bọn giàu vừa là két bạc, vừa là hầm chứa của, vừa là pháo đài. Con cái chúng ta ngày nay còn lấy của người khác, đó là tàn tích của cái đặc tính ăn cắp rất phổ biến trong thời đó.

[27] Những tiếng còi hơi lạnh lạnh, nghe rất sợ và rất dã man, ngày ngày gọi thợ đi làm rồi lại đuổi thợ về.

[28] Việc của những luật sư chuyên cãi cho các hãng độc quyền là dùng những ngón xảo trá để phục vụ cho lòng tham không đáy của bọn này. Theodore Roosevelt, hồi đó làm tổng thống Hoa Kỳ, đã viết trong bài diễn văn đọc nhân ngày khai giảng ở trường Đại học Harvard, năm 1905: “Chúng ta đều biết rằng, trong tình trạng hiện nay, có nhiều người trong đám luật sư có ảnh hưởng nhất và kiếm được nhiều tiền nhất ở những đô thị giàu có chuyên bày đặt những kế hoạch táo bạo, những mưu thần chước quỷ, để giúp cho bọn khách hàng giàu có, cả tư nhân lẫn các hãng độc quyền, có thể trốn tránh được những đạo luật làm ra cốt để kiểm soát sự sử dụng những tài sản lớn, vì lợi ích của công chúng”.

[29] Một thí dụ điển hình về tình trạng xâu xé lẫn nhau đầy rẫy trong xã hội. Người và

người xâu xé nhau y hệt như chó sói. Chó sói nhón ăn thịt chó sói bé và trong cái xã hội chó sói ấy, Jackson thuộc vào loại bé nhất.

[30] Thời đó người ta chuyên dùng những lời lẽ thô bạo, tục tằn, nó chứng tỏ con người sống cũng không khác gì con vật.

[31] Đây là nói về số phiếu bầu cho Đảng Xã hội năm 1910. Số phiếu tăng rất nhanh, chứng tỏ Đảng cách mạng trưởng thành rất nhanh, số phiếu đó năm 1888 là 2068, năm 1902 là 127713, năm 1904 là 435040, năm 1908 là 1108427 và năm 1910 là 1688211.

[32] Trong cuộc đấu tranh kinh khủng giữa loài chó sói ở những thế kỷ đó, không một nào được thương xuyên vô sự. Vì lo sợ cho hạnh phúc gia đình, người ta đặt ra chế độ bảo hiểm. Đối với chúng ta ở thời đại sáng suốt này, một chế độ như thế thật là vô lý khôi hài. Nhưng ở thời đó bảo hiểm là một chuyện rất đáng dẫn. Chỉ có một điểm tức cười là quỹ của những công ty bảo hiểm thường bị cướp đi và bị tẩu tán đi luôn, mà kẻ cướp lại chính là những người được thiên hạ tin nhiệm trao cho quyền điều khiển những công ty đó.

[33] [pharisee = biệt phái] Một giáo phái Do Thái bề ngoài thì giả đạo đức, nhưng bên trong thì sinh hoạt rất bại hoại. Chúa Jesus đã vạch trần bộ mặt gian dối của chúng. Để trả thù, chúng đã liên kết với bọn vua chúa và làm cho Chúa Jesus bị đóng đinh lên cây rúc (ND).

[34] Trong tiếng Anh, right là quyền hạn, lẽ phải, công lý; might là quyền lực, uy quyền. Hai danh từ chỉ khác nhau chữ bắt đầu (ND).

[35] Trước khi Avis Everhard ra đời, John Stuart Mill đã viết trong cuốn tiểu luận “Bàn về tự do” như sau: “Bất cứ khi nào có giai cấp thống trị, một phần lớn đạo đức cũng là từ quyền lợi giai cấp và những tình cảm về sự ưu việt giai cấp của giai cấp đó toả ra”.

[36] Báo chí năm 1902 ca ngợi George F. Baer, chủ tịch tư-rút than anthracite, người đã nêu lên nguyên tắc sau đây: “Quyền và lợi của người lao động sẽ được những người Thiên chúa giáo che chở. Trong sự sáng suốt vô biên của người, Đức chúa trời đã trao cho những người Thiên chúa giáo quyền sở hữu đất nước”.

[37] Xã hội đây dùng theo nghĩa hẹp, theo nghĩa thường dùng thời đó, để chỉ lũ ông đực béo vàng không làm gì cả, chỉ đến cái bụng mặt của thợ thuyền mà tọng cho đầy bụng. Kể cả giới kinh doanh lẫn giới lao động đều không có thì giờ, không có cơ hội tham gia những xã hội này, cái xã hội này là do lũ nhà giàu ăn dung ngồi rồi “sáng tạo” ra. Chúng không làm gì cả, vì vậy cho nên chúng tìm cách đú đởn.

[38] Tình cảm của Giáo hội thời đó biểu lộ ở câu: “Hãy cúng vào Nhà thờ đồng tiền như nhóp của các ngài”.

[39] Báo “Viễn cảnh” (Outlook), một tuần báo phê bình thời đó, trong số ra ngày 18 tháng 8 năm 1906, có tường thuật trường hợp của một công dân bị cụt tay, y hệt như trường hợp của Jackson do Avis Everhard kể.

[40] Thời đó vẫn còn tập quán bày những đồ tạp nhạp trong nhà. Người ta vẫn chưa tìm ra lối sống giản dị. Nhà cửa như thế không khác gì bảo tàng, phải mất rất nhiều công phu lau dọn. Bụi làm chúa tể trong nhà. Có hàng nghìn thứ bắt bụi mà chỉ có mấy kẻ để lau chùi.

[41] Huỷ bỏ di chúc là một nét đặc biệt của thời đó. Cùng với việc tích lũy những tài sản lớn, vấn đề sử dụng những tài sản đó sau khi chết là một băn khoăn lớn cho lớp nhà giàu. Lập di chúc và huỷ bỏ di chúc là hai nghề bổ sung cho nhau, cũng giống như chế tạo áo giáp và chế tạo súng. Người ta phải vờ những luật sư sắc sảo chuyên thảo các di chúc để làm những tờ di chúc không thể nào huỷ bỏ được. Nhưng nó vẫn bị huỷ bỏ như thường, phần nhiều lại do chính tay những người thảo ra chính nó huỷ bỏ. Tuy nhiên, giới nhà giàu vẫn nuôi ảo tưởng có thể lập được những di chúc không ai huỷ bỏ được, và suốt bao nhiêu thế hệ, cả khách hàng lẫn những luật sư đều theo đuổi ảo tưởng đó. Thật không khác gì bọn người luyện kim đan thời trung cổ đi tìm chất tan rã vạn năng.

[42] Một loại văn chương quái gở, nhằm làm cho giai cấp công nhân hiểu sai lệch hoàn toàn về bản chất của giai cấp ăn không ngồi rồi.

[43] Con người thời đại ấy là nô lệ của danh từ. Họ nô lệ một cách hèn hạ, chúng ta không thể nào quan niệm được. Danh từ còn có một ma lực lớn hơn cả phép phù thủy. Đầu óc họ hỗn độn, rối như bông bong, đến nỗi họ chỉ cần phát biểu một tiếng là có thể phủ nhận những kết luận của cả một đời nghiên cứu và tư tưởng nghiêm túc. Tiếng đó là “không tưởng”. Chỉ cần thốt lên tiếng đó là có thể kết tội được bất cứ một kế hoạch lành mạnh nào nhằm cải thiện hoặc cải tạo kinh thế. Rất nhiều người say sưa với những tiếng như “đồng tiền lương thiện”, “được một món bầm”. Đặt ra những tiếng đó được coi như làm việc thiện tài.

[44] Thoạt tiên bọn này là một bọn mật thám tư, về sau chúng đi đánh nhau thuê cho giai cấp tư bản. Sau này, chúng trở thành đạo quân đánh thuê cho giai cấp thiếu số thống trị.

[45] Loại thuốc có môn bài là một thứ lừa bịp có môn bài, nó cũng đánh lừa được nhân dân như những thứ bùa chú thời trung cổ. Chỉ khác một điều là loại thuốc này có hại hơn và đắt hơn.

[46] Mãi đến năm 1912, quần chúng nhân dân đông đảo vẫn còn tin rằng họ cai trị đất nước bằng lá phiếu của họ. Thật ra chính là bộ máy kinh doanh chính trị nó cai trị. Mới đầu bọn trùm của bộ máy này đòi bọn trùm tư bản phải trả những món tiền kếp sù để làm ra luật pháp. Nhưng ít lâu sau, bọn trùm tư bản thấy tự mình làm chủ những bộ máy kinh doanh chính trị đó và thuê bọn trùm những bộ máy đó làm công cho mình, như thế rẻ hơn.

[47] Năm 1906, Robert Hunter, trong một cuốn sách nhan đề “Cùng khổ”, đã vạch rõ hồi đó nước Mỹ có 10 triệu người sống trong cảnh nghèo khổ.

[48] Trong cuộc điều tra dân số năm 1900 ở Hoa Kỳ (cuộc điều tra cuối cùng và số liệu được công bố), số lao công trẻ con lên tới 1.752.187 em.

[49] Nhà tự nhiên học La Mã, sinh năm 23 và mất năm 79 sau công lịch.

[50] Để vạch rõ cái dòng tư tưởng đó, dưới đây, chúng tôi trích dẫn một định nghĩa lấy ở cuốn “Khuyến nhủ từ điển” (1906) của Ambrose Bierce; một kẻ đã từng thú nhận và mọi người đều biết là thù ghét loài người: “liên thanh – danh từ – một cách lập luận tương lai dùng để trả lời những yêu sách của bọn theo chủ nghĩa xã hội ở Mỹ”.

[51] Leg-bar – Những người nô lệ châu Phi và những tội phạm trước đây bị xích một thanh

sắt vào chân. Mãi đến khi cuộc vận động “Tình anh em của con người” thắng lợi, cái tục dã man này mới được xoá bỏ.

[52] Mặc dầu, cũng như Everhard, có nhiều người không hiểu rõ bản chất của cái bóng đen đó, nhưng ngay từ trước, họ đã thoáng nhìn thấy nó. John C. Calhoun nói: “Hiện nay đã hình thành trong chính phủ một quyền lực lớn hơn cả nhân dân, gồm nhiều thứ quyền lợi khác nhau và rất mạnh, gắn chặt với nhau thành một khối và duy trì bởi sức kết hợp của số tích lũy thặng dư để ở các ngân hàng”. Nhà nhân đạo chủ nghĩa vĩ đại Abraham Lincoln, trước khi bị ám sát ít lâu cũng đã nói: “Tôi nhìn thấy trước trong một tương lai gần gũi, sẽ có một cuộc khủng hoảng. Cái đó làm cho tôi bức bối và run sợ cho sự an ninh của nước tôi... Những hăng độc quyền đã nắm quyền trị vì. Tiếp theo đó sẽ là một thời đại thối nát trong giới cầm quyền. Bọn người giàu tiền và giàu thế lực trong nước, dựa trên những thành kiến của nhân dân, sẽ cố kéo dài thời kì trị vì của họ, cho đến khi của cải tập trung vào tay một số ít người và nước cộng hoà bị thủ tiêu”.

[53] Cuốn sách này, Kinh tế và giáo dục, xuất bản vào năm đó. Hiện nay còn ba bản: hai bản ở Ardis, một bản ở Asgard. Sách viết rất tỉ mỉ về một đặc điểm của chế độ xã hội lúc đó, tức là việc giai cấp tư bản lũng đoạn các trường đại học và các trường phổ thông. Nó là một lời kết tội chí lý và đanh thép đối với toàn bộ hệ thống giáo dục, nó chỉ phát triển trong trí tuệ của học sinh những tư tưởng có lợi cho chế độ tư bản, gạt bỏ tất cả những tư tưởng có tính chất thù địch và lật đổ. Cuốn sách đó khiến cho bọn thiếu số thống trị rất căm tức và đã bị chúng cấm ngay tức khắc.

[54] Một làng ở gần Jerusalem, nơi có vườn ô-liu chúa Jesus đến cầu nguyện trước khi bị đóng đinh lên thánh giá (ND).

[55] Không còn một dấu vết gì để có thể biết tên thật của tổ chức viết tắt là I.P.H. này.

[56] Từ Berkeley qua phà sang San Francisco chỉ mất chừng mấy phút. Hai thành phố này, cùng với những thành phố khác trên vịnh, trong thực tế hợp thành một khu lớn.

[57] Oscar Wilde, một trong những bậc thầy về ngôn ngữ ở thế kỷ thứ mười chín.

[58] Chỉ Chúa Jesus (ND).

[59] Bán hoà vốn, có khi bán lỗ vốn. Như vậy một công ty lớn có thể bán lỗ vốn trong một thời gian dài hơn là một công ty nhỏ, khiến công ty nhỏ phải bỏ kinh doanh. Đây là một lối cạnh tranh.

[60] Thời kỳ này có nhiều cố gắng tập hợp giai cấp chủ trại suy tàn trong một đảng chính trị để phá các tư-rót và các công ty đại tư bản bằng một chế độ luật nghiêm khắc. Sau cùng tất cả những cố gắng đó đều thất bại.

[61] Tư-rót dầu lửa lớn nhất, kiếm được rất nhiều lời. Một thế hệ sau, các tư-rót khác mới ra đời.

[62] Về đại thể, Everhard nói đúng, mặc dầu anh nhớ nhầm ngày. Dự luật đó được đưa ra ngày 30 tháng 6 chứ không phải 30 tháng 7. Ở Ardis còn có cuốn *Biên bản Quốc hội*, trong đó có nói về những ngày tháng liên quan đến dự luật đó như sau: 30 tháng Sáu, 9, 15, 16 và 17 tháng

Mười hai 1902, 7 và 14 tháng Một 1903. Những nhà kinh doanh có mặt ở bữa ăn không biết về điều này cũng không có gì lạ. Rất ít người biết về đạo luật đó. Tháng 7 năm 1903, nhà cách mạng Untermann có viết ở Girard (Kansas) một bài ban đả kích đạo "Dự luật Dân vệ". Bài đó được truyền bá trong giới công nhân, nhưng hồi đó sự phân hoá giai cấp đã quá sâu sắc, giai cấp trung lưu không được nghe nói đến bài đó, vì vậy không biết gì về đạo luật nói trên.

[63] Ở đây Everhard vạch rõ nguyên nhân những cuộc nổi dậy của lao động thời đó. Trong sự phân chia sản phẩm, tư bản muốn chiếm phần tối đa; lao động cũng muốn chiếm phần tối đa. Sự xung đột của họ về vấn đề phân chia không thể điều hoà được. Chừng nào chế độ sản xuất tư bản chủ nghĩa còn tồn tại, lao động và tư bản còn xung đột về vấn đề chia sản phẩm. Đối với chúng ta ngày nay, đó thật là chuyện tức cười, nhưng chúng ta không nên quên rằng chúng ta sống cách thời đại của họ bảy thế kỉ rồi.

[64] Theodore Roosevelt làm tổng thống Hoa Kỳ, trước thời đó một vài năm đã tuyên bố trước công chúng: "*Cần phải phát triển rộng rãi nguyên tắc hai bên cùng có lợi trong việc mua bán hàng hoá, để cho hàng sản xuất thừa của Hoa Kỳ có chỗ để bán ra nước ngoài*". Cổ nhiên, hàng sản xuất thừa mà ông nói đây tức là chỗ lợi nhuận của hệ thống tư bản vượt khỏi khả năng tiêu thụ của bọn tư bản. Cũng thời đó, nguyên lão nghị viên Mark Hanna nói: "*Sự sản xuất của cái ở Hoa Kỳ hàng năm vượt sức tiêu thụ một phần ba*". Chauncey Depew cũng là một nguyên lão nghị viên tuyên bố: "*Nhân dân Mỹ hàng năm sản xuất vượt sức tiêu thụ là hai tỉ đô-la của cái*".

[65] Karl Marx, một anh hùng trí thức vĩ đại của chủ nghĩa xã hội. Ngày nay chúng ta không thể nào tưởng tượng được rằng hàng bao nhiêu thế hệ sau những phát kiến của Marx về mặt kinh tế, ông vẫn bị các nhà tư tưởng và các nhà bác học được thế giới công nhận, chế giễu. Chính vì những phát kiến của ông mà ông đã bị trục xuất khỏi đất nước và đã chết biệt xứ ở Anh.

[66] Theo chỗ chúng tôi biết, đây là lần đầu tiên có người dùng cái tên này để chỉ tập đoàn thiểu số thống trị.

[67] Everhard phân chia giai cấp trong xã hội cũng giống như Lucien Sanial, một nhà thống kê nổi tiếng của thời đó. Ông ta căn cứ vào nghề nghiệp (theo cuộc điều tra dân số ở Mỹ năm 1900) phân chia các giai cấp như sau: giai cấp tài phiệt 250.251; giai cấp trung lưu 8.429.825; giai cấp vô sản 20.393.137.

[68] Tơ-rót dầu lửa lớn nhất, kiếm được rất nhiều lời. Một thế hệ sau, các tơ-rót khác mới ra đời.

[69] Mãi đến năm 1907, người ta coi như có 11 nhóm thống trị nước Mỹ: nhưng con số đó đã giảm đi vì có năm nhóm đường sắt hợp nhất thành một tập đoàn đường sắt. Năm nhóm hợp nhất đó cùng với các đồng minh tài chính và chính trị của họ là: 1) James J. Hill, kiểm soát khu vực Tây bắc; 2) Nhóm đường sắt Pennsylvania, mà giám đốc tài chính là Schiff, với những nhà băng lớn ở Philadelphia và New York; 3) Harriman, do Frick làm luật sư cố vấn và Odell làm phụ tá chính trị, kiểm soát những đường vận tải ở khu vực trung tâm trong lục địa, khu Tây nam và khu bờ biển phía Nam trông ra Thái Bình Dương; 4) Hãng đường sắt của họ Gould; 5) Moore, Reid và Leeds, người ta thường gọi là "tập đoàn Rock Island". Bọn thiểu số thống trị

giàu thế lực này xuất hiện trong thời kì cạnh tranh đi vào con đường hợp nhất tất yếu.

[70] Lobby - một tổ chức đặc biệt nhằm đe dọa và mua chuộc những nhà làm ra luật pháp lương thiện đại diện cho quyền lợi của nhân dân.

[71] Mười năm trước khi Everhard nói về việc này, Phòng thương mại New York đã có một bản báo cáo mà chúng tôi trích đăng một đoạn như sau: "*Các công ty xe lửa hoàn toàn kiểm soát những cơ quan lập pháp của đa số các bang trong Liên bang; họ tùy tiện đưa lên hay truất xuống các nguyên lão nghị viên, các nghị sĩ và các thống đốc của Hoa Kỳ; trong thực tế họ là những người định ra chính sách của chính phủ Hoa Kỳ*".

[72] Rockefeller xuất thân là vô sản, nhờ dành dụm và mách lới đã lập nên được tờ-rót Standard Oil, một tờ-rót hoàn bị đầu tiên. Chúng tôi không thể không đưa ra đây một trang sử rất đáng chú ý của thời kì đó để vạch rõ việc hãng Standard Oil cần thiết phải tái đầu tư số tư bản thặng dư đã đè bẹp các nhà tư bản nhỏ như thế nào và đã xúc tiến sự sụp đổ của hệ thống tư bản chủ nghĩa như thế nào. Báo "Tin tức chiều thứ bảy" (Saturday Evening Post) ra ngày 4 tháng 10 năm 1902 có đăng một bài của David Graham Phillips, một nhà văn cấp tiến. Chúng tôi trích đăng một đoạn của bài đó dưới đây. Hiện nay, chỉ còn lại một bản của tờ báo nói trên, nhưng cứ xem cả hình thức lẫn nội dung ta cũng phải kết luận rằng đó là một tờ báo lưu hành rất rộng rãi trong nhân dân. Đoạn trích đó như sau:

"Cách đây chừng mười năm, số thu nhập của Rockefeller, theo ước lượng của một người rất có thẩm quyền nói ra, áng chừng ba mươi triệu đô-la. Y đã đạt tới mức đầu tư để lấy lời cao nhất trong kỹ nghệ dầu lửa. Từ đó, mỗi tháng, một mình John Davison Rockefeller thu về một số lợi nhuận khổng lồ là hơn 2 triệu đô-la. Việc tái đầu tư trở thành một vấn đề quan trọng, nó ám ảnh y như một cơn ác mộng. Lợi nhuận về dầu lửa ngày càng tăng mà nơi đầu tư chắc chắn thì có hạn, có hạn hơn cả bây giờ. Cũng không phải chỉ vì bản thân tham lợi mà Rockefeller tìm cách vượt ra khỏi ngành dầu lửa để đi vào các ngành khác. Y buộc phải làm như thế vì y bị cuốn bởi ngọn sóng tiền lời, nó do sức hút của tình trạng độc quyền gây nên. Y đã cho thành lập một cơ quan chuyên đi tìm nơi để đầu tư. Người ta bảo, viên phụ trách cơ quan đó hàng năm được lĩnh 125.000 đô-la tiền lương.

"Việc Rockefeller đầu tư vào ngành đường sắt là một hiện tượng nổi bật hơn cả. Khoảng 1895, y kiểm soát một phần năm tổng số cây số đường sắt, hoặc thông qua quyền sở hữu ưu thắng của y, y kiểm soát được bao nhiêu? Y rất có thế lực trong những công ty đường sắt lớn ở New York, về phía bắc, phía đông và phía tây thành phố (trừ có một nơi, y chỉ nhúng vốn vào đó chừng vài triệu đô-la). Y hùn vốn hầu hết các đường sắt lớn tỏa ra từ Chicago. Y đóng vai chủ chốt trong nhiều hệ thống đường sắt bên phía Thái Bình Dương. Chính nhờ lá phiếu của y mà Morgan trở thành có thế lực đến thế. Tuy vậy, cũng có thể nói thêm rằng y cần đến khối óc của Morgan nhiều hơn là Morgan cần đến lá phiếu của y. Hiện nay hai bên hợp nhất với nhau lập thành tổ chức "cộng đồng lợi nhuận".

"Nhưng ngành đường sắt không có đủ khả năng để thu hút tất cả số vàng nhiều như nước lụt này. Hiện nay, số 2.500.000 đô-la lợi nhuận hàng tháng của Rockefeller đã tăng lên đến bốn, năm, sáu triệu mỗi tháng, đến 75.000.000 mỗi năm. Dầu lửa lãi vô kể. Việc dùng lợi nhuận để tái đầu tư hàng năm đem lại thêm chừng vài triệu đô-la.

"Rockefeller đi vào kỹ nghệ khí thấp và điện khí khi hai ngành này phát triển tới giai đoạn đầu tư đã có thể chắc chắn. Và hiện nay một phần lớn nhân dân Mỹ, bất kì dùng loại đèn nào, cứ vào lúc mặt trời lặn là bắt đầu làm giàu cho Rockefeller. Tiếp đó y xoay ra cầm cổ ruộng đất. Người ta kể lại rằng cách đây vài năm, khi nông dân làm ăn phát đạt và có điều kiện để chuộc lại ruộng đất, Rockefeller suýt phát khóc lên; số tiền tám triệu đô-la, y tưởng có thể dùng trong vài năm để kinh doanh lấy lời theo kiểu đó, đột nhiên lại quay về nhà y. Y vốn đã bối rối vì việc tìm nơi đầu tư cho số lãi dầu lửa và những chỗ lãi con lãi cháu của số lãi này, bất ngờ y lại đâm bối rối thêm. Thật là nan giải cho một người đau dạ dày như y... "Rockefeller đi vào ngành mỏ - mỏ sắt, mỏ đồng, mỏ chì, vào những công ty kỹ nghệ khác; vào ngành xe điện, vào các trái khoán thành phố, trái khoán nhà nước, trái khoán quốc gia; vào ngành hàng hải, ngành tàu thủy và ngành điện báo; vào các bất động sản, nhà chọc trời, nhà ở, khách sạn, nhà làm công sở; vào ngành bảo hiểm, ngành ngân hàng. Có thể nói không một ngành nào là Rockefeller không tung vốn vào hoạt động...

"Nhà băng của Rockefeller - National City Bank - là ngân hàng lớn nhất Hoa Kỳ, bỏ xa các ngân hàng khác. Trên thế giới nó chỉ thua có ngân hàng Anh và ngân hàng Pháp. Số tiền kí quỹ hàng ngày ở đó trung bình là một trăm triệu đô-la; và nó thống trị thị trường cho vay ở Phố Wall và thị trường chứng khoán. Nhưng không phải y chỉ có thế. Nhà băng này đứng đầu một loạt nhà băng của Rockefeller, gồm mười bốn nhà băng và công ty độc quyền ở New York và những nhà băng rất to và rất có thể lực ở các thị trấn tiền tệ lớn trong nước.

"Ngoài tài sản ở những thị trường nói trên, số tiền vốn của John D. Rockefeller ở tơ-rót Standard Oil vào khoảng từ bốn đến năm trăm triệu đô-la. Y có một trăm triệu trong tơ-rót thép, cũng vào khoảng gần chừng ấy nữa trong một hệ thống đường sắt ở phía tây, chừng một nửa chừng ấy trong một hệ thống khác, vân vân, vân vân và vân vân, óc người ta không thể nhớ hết được. Năm ngoái, số lợi nhuận của y vào khoảng 100.000.000 đô-la (số lợi nhuận của tất cả họ hàng nhà Rothschild cộng lại cũng khó mà to hơn thế). Và lợi nhuận của Rockefeller cứ thế tiến bằng những bước nhảy vọt.

[73] Chất rắn lắng xuống trong những phản ứng của các dung dịch hóa học.

[74] Trăm đen là đám phản động do bọn chuyên chế tuyển từ trong dân đen ra để đàn áp Cách mạng Nga. Những tổ chức phản động này tấn công vào các tổ chức cách mạng, và đồng thời, những khi cần thiết, gây ra các vụ bạo động, phá hoại các tài sản để bọn chuyên chế có cơ huy động đội quân Cô-dắc.

[75] Những thời kì khủng hoảng như thế dưới chế độ tư bản thật là vô lí nhưng không thể tránh được. Sự phồn vinh bao giờ cũng đem lại tai hoạ. Cố nhiên tai hoạ là do số lợi nhuận thừa không tiêu thụ hết chôn cất lại gây nên.

[76] Bọn phá bãi công cả về mặt dụng tâm lẫn thực tế chỉ trừ có cái tên - chính là bọn lính tư của tư bản. Chúng rất có tổ chức, được trang bị rất mạnh, và luôn luôn sẵn sàng đáp nhưng chuyển tàu đặc biệt tới những nơi lao động bãi công hoặc bị chủ sa thải. Chỉ có ở thời kì quái gở này mới xảy ra cái việc quái gở là tên Farley, một tên chỉ huy khét tiếng của bọn phá bãi công, năm 1906 đã từng đáp tàu đặc biệt đi suốt từ bên này đến bên kia nước Mỹ, từ New York đến San Francisco, cùng với một đội quân hai nghìn năm trăm người vũ trang đầy đủ để phá

cuộc bãi công của anh em phu xe ở San Francisco. Hành động này vi phạm trực tiếp luật pháp trong nước. Việc giới cầm quyền làm ngơ trước hành động này và hàng nghìn hành động tương tự chứng tỏ bộ máy pháp luật hoàn toàn do bọn tài phiệt nắm.

[77] Trong cuộc bãi công của thợ mỏ ở bang Idaho khoảng cuối thế kỉ 19, có nhiều người bãi công bị lính tráng nhốt vào các bãi nuôi bò. Việc này sang đến thế kỉ 20 vẫn tiếp diễn.

[78] Chỉ có cái tên là nhập khẩu từ Nga sang, còn tư tưởng thì không. Bọn Trăm đen nguyên là tổ chức mật thám của tư bản phát triển lên, và tác dụng của chúng bắt đầu có từ những cuộc đấu tranh của lao động hồi thế kỷ 19. Điều đó không còn phải bàn cãi gì nữa. Ngay Carroll D. Wright làm Bộ trưởng Lao động Mỹ thời đó cũng đã phải xác nhận như thế. Trong cuốn sách nhan đề "Giới lao động đấu tranh", y đã viết rằng "trong mấy cuộc đình công lớn có tính chất lịch sử, chính các nhà chủ đã xui giục lao động", rằng các chủ nhà máy đã cố ý gây ra bãi công để trút bỏ những kho hàng ế thừa, rằng trong những cuộc bãi công ở ngành đường sắt, bọn tay chân của chủ đã đốt các toa chở hàng để gây thêm rối oạn. Bọn Trăm đen chính là từ bọn mật thám của các ông chủ tư bản mà ra.

[79] Một phố của thành New York ngày xưa, địa điểm của thị trường chứng khoán, và cũng là nơi mà cái tổ chức bất hợp lí của xã hội cho phép bí mật điều khiển tất cả các ngành công nghiệp trong nước.

[80] Mayflower, một trong những chiếc tàu đầu tiên chở người sang khai thác châu Mỹ, sau khi phát hiện ra Tân-thế-giới. Con cháu những người đi khai thác đầu tiên này có một thời hết sức kiêu hãnh vì dòng dõi của mình. Nhưng thời đó máu của họ đã san sẻ rộng rãi và trong thực tế thì người Mỹ nào cũng có máu của họ trong người.

[81] Không còn biết tác giả bài thơ này là ai. Cho đến nay chỉ còn một đoạn của bài thơ, tức là đoạn này, lọt đến tay chúng ta.

[82] Bộ (foot): 32,48 cm (ND).

[83] Một món ăn Mexico, văn chương thời đó thường nói đến. Hình như món ăn này cho thêm rất nhiều hương liệu. Ngày nay không ai biết món ăn này nấu như thế nào.

[84] Trong cái thời kì hỗn độn đó, giá quảng cáo rất đắt. Chỉ có những nhà tư bản nhỏ cạnh tranh với nhau, cho nên họ phải quảng cáo. Đến khi thành lập các tờ-rót rồi thì không có cạnh tranh nữa, và thành ra các tờ-rót không cần phải quảng cáo.

[85] Sự sụp đổ của các chủ đất La Mã, xét về mặt tốc độ còn thua xa sự sụp đổ của các chủ trại và các nhà tư bản nhỏ ở Mỹ. Ở thế kỷ thứ 20, có một cái đà quay rất mạnh mà thời cổ La Mã hoàn toàn không có. Một số lớn chủ trại, do tư tưởng bám chặt lấy ruộng đất một cách điên rồ và muốn tỏ ra mình có thể quay trở lại đời sống nguyên thủy, đã rút lui khỏi tất cả mọi sự giao dịch buôn bán trên thị trường, những mong thoát không bị tước đoạt tài sản. Họ không bán gì cả. Họ không mua gì cả. Giữa họ với nhau bắt đầu xảy ra một lối trao đổi vật phẩm có tính chất nguyên thủy. Họ phải chịu đựng những khó khăn và thiếu thốn ghê gớm, nhưng họ vẫn không nao núng. Trong thực tế, cái đó đã thành cả một phong trào. Họ đã bị đánh bại bằng một biện pháp độc đáo, vừa đương nhiên, vừa đơn giản. Giai cấp tài phiệt, nhờ nắm được chính phủ trong tay, đã tăng thuế. Đó là chỗ yếu trong chiếc áo giáp của họ. Vì không mua không bán, họ

không có tiền. Thế là cuối cùng họ phải bán ruộng đất đi để đóng thuế.

[86] Người ta nghe thấy những bàn tán xôn xao này từ đã lâu. Ngay từ 1906, nghị sĩ Avebury là một người Anh, đã phát biểu ở Thượng nghị viện Anh: *"Tình trạng bất an ở châu Âu, sự bành trướng của chủ nghĩa xã hội và sự xuất hiện của chủ nghĩa vô chính phủ là những lời cảnh cáo đối với các chính phủ và các giai cấp cầm quyền, để cho họ thấy rằng điều kiện sinh sống của giai cấp công nhân ở châu Âu đã đến lúc không thể chịu được nữa, và nếu người ta muốn tránh một cuộc cách mạng thì người ta phải thi hành ngay những biện pháp tăng lương, giảm giờ làm và hạ giá những hàng cần thiết cho đời sống"*. Tờ "Nhật báo Phố Wall", cơ quan của bọn đầu cơ đã bình luận bài diễn văn của nghị sĩ Avebury như sau: *"Những lời này do một nhà quý tộc và là người của một cơ quan bảo thủ nhất ở châu Âu nói ra. Như vậy nó càng có ý nghĩa. Những lời này chứa đựng nhiều kinh tế chính trị học hơn là hầu hết các sách đã xuất bản. Đó là những lời cảnh cáo. Hỡi các ngài trong các bộ chiến tranh và hải quân, các ngài nên luôn luôn chuẩn bị!"*

Cùng thời đó, Sydney Brooks đã viết trong "Tuần báo Harper's" ở Mỹ: *"Các người không muốn làm sao được? Các nhà chính trị bao giờ cũng nhìn thấy những việc xảy ra ngay trước mắt họ sau những người khác ở trong nước. Họ sẽ chế nhạo tôi, khi tôi báo trước, và báo trước một cách đóng đanh vào cột rằng cuộc bầu cử Tổng thống sắp tới, những người xã hội chủ nghĩa sẽ được trên một triệu phiếu"*.

[87] Tổ chức quốc tế của những người xã hội chủ nghĩa từ lâu đã cân nhắc chính sách của họ đối với chiến tranh. Cuối cùng, ngay khi bước vào thế kỉ thứ hai mươi, họ đã tỏ bày chính sách đó, tóm tắt như sau: "Hỡi sức đâu mà lao động nước này lại đi đánh lao động nước khác vì quyền lợi của bọn chủ tư bản?"

Ngày 21 tháng 5 năm 1905, khi chiến tranh sắp nổ ra giữa nước Ý, Áo, những người xã hội chủ nghĩa ở ba nước Ý, Áo và Hung đã họp hội nghị ở Trieste và dọa rằng lao động cả hai nước sẽ tổng bãi công nếu xảy ra chiến tranh. Việc này đã tái diễn khi "vấn đề Morocco" đe dọa lôi kéo vào vòng chiến tranh ba nước Pháp, Đức và Anh.

[88] "Chủ nghĩa phong kiến từ thiện của chúng ta" là một cuốn sách của Ghent xuất bản năm 1902. Mọi người đều quả quyết rằng Ghent đã đem tư tưởng thiểu số thống trị đến đặt vào đầu óc bọn đại tư bản. Việc mọi người tin như thế thể hiện trong nền văn học của suốt ba thế kỉ bị cái Gót sắt thống trị và ngay trong nền văn học của thế kỉ đầu tiên của thế giới đại đồng. Ngày nay chúng ta đã biết rõ hơn. Những dù rõ đến đâu, hiểu biết của chúng ta cũng không rửa được tiếng cho Ghent là một người vô tội đã từng bị chửi rủa nhiều nhất trong lịch sử.

[89] Dưới đây là mấy ví dụ về những quyết định đầy tính chất thù địch đối với lao động của các toà án. Việc dùng trẻ con làm việc trong các vùng mỏ than thì ai ai cũng biết. Năm 1905, lao động ở Pennsylvania đã thành công trong việc đòi thông qua đạo luật bắt buộc rằng những lời tuyên thệ của cha mẹ về tuổi già về học vấn của trẻ em phải có chứng cứ kèm theo. Liền sau đó, đạo luật này bị Toà án Luzerne tuyên bố là trái hiến pháp, với lí do là nó vi phạm điều tu chính thứ 14 ở chỗ nó đã phân biệt đối xử với những cá nhân cùng một giai cấp, nghĩa là giữa trẻ con trên mười bốn tuổi và trẻ con dưới mười bốn tuổi. Toà án Quốc gia đã ủng hộ quyết định này. Toà án đặc biệt ở New York năm 1905 đã tuyên bố trái hiến pháp đạo luật cấm những người vi

thành niên và phụ nữ làm việc quá chín giờ đêm, viện lí rằng đạo luật đó là một đạo luật có tính chất giai cấp. Cũng thời đó công nhân làm bánh mì bị bắt làm việc hết sức cực nhọc, cơ quan lập pháp của bang New York thông qua đạo luật hạn chế lao động ở các lò bánh mì trong vòng mười giờ một ngày. Năm 1906, Tòa án tối cao của Hoa Kỳ tuyên bố đạo luật đó là trái hiến pháp. Một đoạn của quyết định đó như sau: "Không có một lí do chính đáng nào để xâm phạm vào quyền tự do thân thể và quyền tự do hợp đồng bằng cách quy định giờ lao động cho công việc của thợ làm bánh mì".

[90] James Farley, một tên phá bãi công khét tiếng thời bấy giờ. Y là một kẻ vô lại, nhưng rất gan dạ và rất tài tình. Y leo lên rất cao dưới quyền thống trị của cái Gót sắt và cuối cùng đã hoà vào giai cấp thiểu số thống trị. Năm 1932, y bị một người đàn bà là Sarah Jenkins ám sát để trả thù cho chồng đã bị bọn tay chân của y giết chết ba mươi năm trước.

[91] Khả năng nhìn trước các vấn đề xã hội của Ernest thật là tài tình. Sự bội phản của những công đoàn được ưu đãi, sự xuất hiện và sự suy vong lần lần của những đảng cấp lao động, sự đấu tranh giữa bọn thiểu số thống trị đang giãy chết và các đảng cấp lao động để kiểm soát bộ máy Nhà nước lớn lao, tất cả những điều đó Ernest thấy rõ, không khác gì anh đã được những biến cố đã qua soi sáng.

[92] Sự nhìn xa trông rộng của Ernest quả là kì diệu. Ngay từ trước khi những ý nghĩ về các thành phố kì công như Ardis và Asgard nảy ra trong óc bọn thiểu số thống trị, Ernest đã thấy trước rằng việc xây dựng những thành phố đó là tất yếu, không thể tránh được.

[93] Từ ngày có lời tiên đoán này đến nay, đã trải qua ba thế kỉ thống trị của cái Gót sắt và bốn thế kỉ nhân loại đại đồng. Ngày nay chúng ta đi trên con đường và ở trong những thành phố do bọn thiểu số thống trị xây dựng. Quả là chúng ta đang xây dựng những thành phố kì công còn kì diệu hơn thế nữa, nhưng cho đến nay, những thành phố kì công của bọn thiểu số thống trị vẫn còn tồn tại, và tôi viết những dòng này ở Ardis, một thành phố kì diệu nhất trong số tất cả những thành phố đó.

[94] Tất cả những công đoàn đường sắt đều đã cấu kết với bọn thiểu số thống trị. Nên chú ý rằng chính sách chia phần ăn cướp là do một công đoàn đường sắt áp dụng lần đầu tiên vào hồi thế kỉ thứ 19. Công đoàn này chính là "Hội kết nghĩa của công nhân đầu máy", do P.M. Arthur làm lãnh tụ tối cao trong suốt hai mươi năm. Sau cuộc bãi công của công nhân đường sắt Pennsylvania năm 1877, Arthur đã vạch ra một kế hoạch cho công nhân đầu máy bắt tay với các công ty hoả xa và "ăn mảnh một mình", bỏ mặc các công đoàn khác. Cái kế hoạch ích kỉ đó đã thu được kết quả hoàn toàn. Từ đó nảy ra danh từ "Arthur hoá" để chỉ những công đoàn thực hiện âm mưu chia phần ăn cướp. Danh từ "Arthur hoá" đã khiến các nhà ngữ nguyên học phải lúng túng khá lâu. Nhưng bây giờ chắc xuất xứ của nó được cắt nghĩa như thế là rõ ràng.

[95] Một giáo phái ở Mỹ. Họ tin rằng chỉ trong một ngày rất gần Chúa sẽ lại xuất hiện và tiếp theo đó thì tất cả những người chết đều sống lại (ND).

[96] Albert Pocock, một trong những tên phá bãi công khét tiếng ngay từ những năm đầu. Cho đến lúc chết, y đã thành công trong việc giữ tất cả công nhân mở làm việc cho chủ. Con trai y là Lewis Pocock đã nối nghiệp y và suốt năm đời cái dòng họ quản nô khét tiếng ấy đã làm

mưa làm gió trong các mỏ than. Người ta tả tên Pocock cụ, mà người ta gọi là Pocock I, như sau: một cái mặt dài ngoẵng, đầu xù lên một mái tóc nâu đã điểm bạc, hai lưỡng quyền bạnh ra hai bên và cằm nhô ra phía trước... Nước da tái mét, đôi mắt xám đục ngầu, giọng nói sang sảng, dáng người bệ bệ". Y sinh trong một gia đình nghèo và thoát đầu làm bồi trong một tiệm rượu. Sau đó y làm mật thám tư cho một công ty xe lửa rồi dần dần trở thành một tên phá bãi công chuyên nghiệp. Pocock V là tên cuối cùng của dòng họ Pocock đã bị tung xác trong một nhà máy bơm vì trái bom của công nhân mỏ trong cuộc bạo động nhỏ ở khu vực Người da đỏ.

[97] Những đội chiến đấu này ít nhiều rập theo tổ chức chiến đấu của Cách mạng Nga (London muốn nói Cách mạng 1906 - ND). Mặc dầu bị khủng bố liên tiếp, những đội này vẫn tồn tại suốt ba thế kỉ thống trị của cái Gót sắt. Gồm những đội viên nam nữ giác ngộ lí tưởng và không sợ chết, những đội này đã gây ảnh hưởng rất lớn và đã hạn chế được sự tàn bạo của bọn cầm quyền. Công tác của họ không phải chỉ là chiến đấu bí mật chống bọn mật thám của tập đoàn thiểu số thống trị. Ngay chính bọn thiểu số thống trị cũng bắt buộc phải tuân theo quyết định của các Đội chiến đấu. Nhiều lần vì không tuân theo những quyết định đó, nhiều tên đã bị xử tử. Bọn tay chân của tập đoàn thiểu số thống trị, bọn sĩ quan trong quân đội và bọn thủ lĩnh các đảng cấp lao động cũng vậy.

Những người đi trả thù một cách có tổ chức này hết sức tôn trọng công lí và đặc biệt là họ rất bình tĩnh và hành động theo đúng thủ tục pháp lí. Không có cuộc xét xử nào hấp tấp. Khi có một kẻ bị bắt, kẻ đó được đưa ra xử hẩn hoi và được quyền tự bào chữa. Những khi cần thiết, cũng có nhiều kẻ bị xử vắng mặt chẳng hạn như trường hợp của tên tướng Lampton. Việc này xảy ra năm 2138 thuộc công nguyên. Trong tất cả những tên lính đánh thuê cho cái Gót sắt, y là tên khát máu nhất và xảo quyệt nhất. Các Đội chiến đấu báo tin cho y biết là họ đã đưa y ra xét xử, đã xác nhận y là tội phạm và đã xử tử y. Họ làm như vậy sau khi đã cảnh cáo ba lần để cho y chấm dứt những hành vi tàn bạo của y đối với giai cấp vô sản. Sau khi tuyên án, y đã tìm trăm phương nghìn kế để tự bảo vệ. Nhiều năm trôi qua, các Đội chiến đấu hết sức thi hành bản án mà không được. Trong việc này, nhiều đồng chí, cả nam lẫn nữ, đã bị thất bại và đã bị tập đoàn thiểu số thống trị hành tội rất tàn bạo. Chính vì trường hợp của tên tướng Lampton mà bọn thống trị đã khôi phục lối đóng đinh lên câu rút làm một lối hành hình hợp pháp. Nhưng cuối cùng tên tội phạm đã phải đền mạng. Người thi hành bản án là chị Madeline Provence, một thiếu nữ mảnh dẻ mới mười bảy tuổi. Để thi hành nhiệm vụ, chị đã vào lâu đài của tên này làm thợ khâu cho gia nhân của y trong hai năm. Chị đã bỏ mình trong ngục tối sau khi bị tra tấn cực kì dã man trong một thời gian khá lâu. Nhưng ngày nay chị đã thành một bức tượng bất tử trong Đền liệt sĩ Đại đồng ở thành phố kì công Serles.

[98] Hồi thế kỉ thứ 19 thuộc công nguyên, dưới ách thống trị của Anh, Ấn Độ cũng phải chịu những điều kiện tương tự. Dân bản xứ chết đói hàng triệu trong lúc bọn thống trị cướp đoạt những thành quả lao động của họ để phung phí trong cảnh xa hoa lộng lẫy và cảnh hoan lạc điên rồ. Trong thời đại sáng sủa này, chúng ta không khỏi xấu hổ vì những hành vi của tổ tiên chúng ta. Đối với chúng ta chỉ có mỗi một niềm an ủi là niềm an ủi về mặt triết học. Chúng ta phải chấp nhận cái giai đoạn tư bản chủ nghĩa trong sự tiến hoá xã hội, nó cũng gần như tương đương với thời đại của loài khỉ. Loài người phải trải qua những giai đoạn đó để vươn khỏi vũng bùn của cuộc sống hữu cơ hạ đẳng. Tự nhiên lớp bùn đó phải dính vào chúng ta và tất nhiên là gột được nó đi không phải chuyện dễ.

[99] Đám dân của vực thăm - Danh từ này do thiên tài của H. G. Wells sáng tạo ra vào cuối thế kỷ thứ 19 thuộc công nguyên. Về mặt xã hội học, Wells có một cái nhìn ra sáng suốt. Ông là một người lành mạnh, bình thường và rất nhân đạo, ông còn để lại cho chúng ta nhiều đoạn trong các tác phẩm của ông. Hai cuốn sách lớn nhất của ông là "Tiên đoán" và "Loài người trong sự hình thành" hiện nay còn nguyên vẹn. Trước bọn thiếu số thống trị và trước cả Everhard, Wells đã suy nghĩ về việc xây dựng những thành phố kì công mà trong các tác phẩm của ông, ông gọi là những "thành phố khoáng lạc".

[100] Avis Everhard cho rằng những đoạn ghi chép của mình sẽ chỉ có những người cùng thời với mình đọc, vì vậy chị đã bỏ sót không ghi kết quả cuộc xét xử án về tội phản quốc. Trong tập bản thảo của chị còn có nhiều chỗ sót đáng buồn như thế. Năm mươi hai nghị sĩ Đảng Xã hội bị đem ra xử và bị coi là tội phạm. Kể cũng lạ, không một ai bị xử tử. Everhard và mười một người khác, trong đó Theodore Donnelson và Matthew Kent, bị tù chung thân. Những người còn lại bị kết án từ ba mươi đến bốn mươi năm năm tù. Riêng Arthur Simpson trong tập bản thảo nói là bị sốt thương hàn khi bom nổ chỉ có mười lăm năm. Theo thông lệ, bọn cầm quyền đã để anh chết đói trong xà lim. Anh bị đối xử như vậy vì anh căm thù không đội trời chung với tất cả bọn người làm tay sai cho chế độ chuyên chế. Anh chết ở Cabanas tại Cuba, ở đó cũng còn có ba đồng chí của anh bị giam cầm. Năm mươi hai nghị sĩ Xã hội bị giam ở những pháo đài quân sự rải rác khắp nước Mỹ. Du Bois và Woods bị giam ở Porto Rico, còn Everhard và Merryweather thì bị giam ở Alcatraz, một hòn đảo trong vịnh San Francisco, từ lâu vẫn được dùng làm nhà lao quân đội.

[101] Avis Everhard muốn biết rõ điều bí ẩn đặc biệt này thì phải sống thêm nhiều thế hệ nữa mới biết được. Non một trăm năm trước đây, nghĩa là hơn sáu trăm năm sau khi Avis mất, người ta mới tìm lời xưng tội của Pervaise trong căn khối mật của toà thánh Vatican. Nói chút ít về cái tài liệu mờ ám đó kể cũng tốt, mặc dầu về căn bản, tài liệu này chỉ có ích cho những nhà sử học.

Pervaise là một người Mỹ gốc Pháp. Năm 1913 thuộc công nguyên, y bị giam ở nhà lao Tombs ở thành phố New York, chờ ngày ra toà vì tội giết người. Theo lời xưng tội của y, chúng tôi được biết y không phải là cố tình can phạm. Y máu nóng như lửa và rất dễ xúc động, dễ nổi khùng. Trong một cơn ghen, y đã giết chết vợ (thời đó việc này xảy ra cũng là thường thôi). Y rất sợ chết và bị nỗi sợ đó chế ngự hoàn toàn: y kể lại như vậy trong bản xưng tội. Y có thể làm bất cứ một việc gì để được tha chết. Để chuẩn bị tư tưởng cho y, bọn mật thám dọa rằng ra toà thế nào y cũng bị kết vào "tội giết người cấp một" không thoát được. Thời đó, phạm "tội giết người cấp một" là bị tử hình. Tội phạm (cả nam lẫn nữ) bị ngồi vào một ghế hành hình đặc biệt, và dưới sự giám sát của những thầy thuốc có thẩm quyền, tội phạm bị tiêu huỷ bằng một dòng điện. Như vậy gọi là hành hình bằng điện, một lối hành hình rất thông dụng thời bấy giờ. Lối bức tử bằng thuốc mê mãi sau này mới áp dụng. Pervaise bản tâm là người tốt, tuy y hung hãn như thú vật. Y nằm trong tù đợi chết và bọn mật thám của cái Gót sắt thuyết phục, y đã ném bom vào Hạ nghị viện. Trong lời xưng tội của y đã khai rõ điều này: bọn mật thám đã cho y biết trước rằng sức quả bom rất yếu và sẽ không giết được ai. Điều đó phù hợp với việc bom nhồi rất ít thuốc và mặc dầu nổ ngay dưới chân Ernest vẫn không làm chết người được.

Pervaise được đưa bí mật vào một cái hành lang bị kín không cho ai vào, nói là để chữa. Y

được lệnh phải chọn lúc để ném quả bom, nhưng y nguyền thề rằng y đã bị những lời phát biểu của Everhard và sự xao xuyến trong hội trường thu hút, đến nỗi suýt quên cả nhiệm vụ.

Để thưởng công cho y, cái Gót sắt không những đã thả y ra mà còn trợ cấp tiền cho y sống đến hết đời. Nhưng y cũng chẳng sống được lâu. Tháng 9 năm 1914, y bị bệnh thấp biến chứng vào tim và chỉ sống được ba ngày. Lúc đó y cho đi mời một thầy tu công giáo là Cha Peter Durban và y đã xưng tội với ông ta. Chắc hẳn dưới mắt người thầy tu này, đây là một việc rất quan trọng, vì vậy ông đã ghi lại thành văn bản, bai Pervaise thề và kí vào đó. Việc này về sau diễn biến ra sao, chúng tôi cũng chỉ ước đoán được thôi. Tài liệu này chắc phải khá quan trọng nên mới được gửi về La Mã: Những bậc có quyền thế chắc đã tìm mọi cách để bùng bít nó đi. Hàng mấy thế kỉ không hề có ai biết một tí gì về nó. Mãi tới thế kỉ vừa rồi, nhà học giả xuất sắc người Ý tên là Lorbia vào tra cứu và Vatican mới tình cờ tìm ra nó.

Ngày nay, chúng có đã rành rành là cái Gót sắt phải chịu trách nhiệm về quả bom nổ ở Hạ nghị viện năm 1913. Ngay như lời xưng tội của Pervaise không đưa ra ánh sáng thì sự thể cũng đã rõ ràng: bởi vì hành vi trên đây khiến cho 52 nghị sĩ xã hội phải vào nhà giam, hoàn toàn ăn khớp với nhiều hành vi khác của bọn thiếu số thống trị và trước đó, của bọn tư bản. Vụ thăm sát những người vô tội mà giới thống trị gọi là "Bọn vô chính phủ Haymarket" ở Chicago hồi gần cuối thế kỉ thứ 19 thuộc công nguyên là một ví dụ kinh điển về những vụ tàn sát hung ác, dã man, được toà án cho phép. Những vụ đốt phá các tài sản tư bản do chính bọn tư bản cố tình gây ra cần được xếp riêng ra một loại. Sau những vụ đốt phá như thế, lại cái đám dân vô tội bị trừng trị, bị "đặt lên đường ray", nói theo tiếng thời đó.

Trong những cuộc xung đột nổ ra vào khoảng mười năm đầu của thế kỉ 19 thuộc công nguyên giữa bọn tư bản và Liên đoàn thợ mỏ miền Tây, bọn thống trị đã áp dụng những chiến thuật tương tự nhưng còn có phần đẫm máu hơn. Nhà ga xe lửa ở Independence bị bọn tay sai của tư bản phá sập, mười ba người chết, số bị thương rất nhiều. Bọn tư bản kiểm soát các cơ quan lập pháp và tư pháp của bang Colorado liền buộc anh em công nhân mỏ đã gây ra tội ác đó và định đưa họ ra xử. Tên Romaines là một tên mà bọn tư bản đã dùng trong vụ phá hoại này. Cũng như Pervaise, y đang ngồi tù ở một bang khác (bang Kansas), chờ ngày ra toà thì tay sai của bọn tư bản đến tìm y. Nhưng khác với trường hợp của Pervaise, những lời xưng tội của Romaines đã được công bố ngay khi y còn sống...

Cùng thời kì đó còn có trường hợp của Moyer và Haywood hai lãnh tụ khoẻ mạnh và gan dạ của lao động. Một người làm chủ tịch và một người làm thư kí của Liên đoàn thợ mỏ miền Tây. Viên cựu thống đốc của bang Idaho bị ám sát. Những người xã hội chủ nghĩa và anh em thợ mỏ thời đó buộc cho bọn chủ mỏ. Nhưng bất chấp cả hiến pháp bang và hiến pháp toàn quốc, viên thống đốc bang Idaho và tên thống đốc bang Colorado đã thông đồng với nhau cho bắt cóc Moyer và Haywood, tống họ vào nhà giam và buộc họ vào tội giết người. Việc này đã khiến cho Eugene V. Debs, lãnh tụ toàn quốc của những người xã hội chủ nghĩa Mỹ thời đó viết ra những lời sau đây: *"Những lãnh tụ lao động nào mà không thể mua chuộc, cũng không thể hăm dọa được thì phải phục kích họ và giết họ đi. Tội trạng duy nhất của Moyer và Haywood là lòng trung thực không gì lay chuyển nổi của họ đối với giai cấp công nhân. Bọn tư bản đã đánh cắp đất nước chúng ta, đã đồi trụy hoá nền chính trị của chúng ta, đã làm nhor nhuốc nền tư pháp của*

chúng ta, đã dùng giày đinh giày xéo lên chúng ta, và bây giờ chúng lại rắp tâm ám sát những người không chịu đầu hàng nhục nhã nền thống trị tàn bạo của chúng. Những viên thống đốc của các bang Colorado và Idaho chẳng qua chỉ thi hành mệnh lệnh. Đấu tranh hiện nay là đấu tranh của thợ thuyền chống bọn tài phiệt. Chúng cứ giáng đòn đầu tiên đi, chúng ta sẽ giáng đòn cuối cùng."

[102] Một dặm Anh là 1,609 km (ND).

[103] Hình ảnh lối sống này minh họa rất rõ cái cách ăn ở nhẩn tâm của bọn chủ tư bản. Trong khi nhân dân chết đói thì chó của chúng có người hầu. Đối với Avis Everhard, cải trang như vậy là rất cần thiết. Đây là một vấn đề sinh tử có ảnh hưởng đến sự nghiệp chung. Vì vậy đã cải trang thì phải thật giống. Riêng điều này cũng đủ là một lời bình luận đanh thép về thời đại đó.

[104] Pullman: một loại toa xe lửa sang nhất thời đó. Đó nguyên là tên người sáng chế ra loại toa này.

[105] Mặc dầu gặp nguy hiểm liên miên, Anna Royston đã thọ được chín mươi mốt tuổi. Họ hàng tên Pocock bắt chấp những ám sát của các cuộc chiến đấu như thế nào thì chị cũng bắt chấp những ám sát viên của cái Gót sắt như thế. Chị như có bùa hộ mệnh và đang trưởng thành trong nguy hiểm. Bản thân chị cũng là một ám sát viên của các đội chiến đấu. Mọi người gọi chị là "Nàng trinh nữ đỏ" và chị đã trở thành một nhân vật lừng danh của cách mạng năm sáu mươi chín tuổi. Mặc dầu già lão, Anna Royston đã bắn chết tên Halcliffe "khát máu" giữa đám hầu cận võ trang của y và đã trốn thoát không bị mảy may sây sát. Anna Royston chết già trong một nơi trú ẩn của anh em cách mạng trên núi Ozark.

[106] Các danh từ của Mexico đã thành thông dụng ở California (ND).

[107] Mặc dầu hết sức tìm kiếm trong những tài liệu thời đó còn lưu truyền đến ngày nay, chúng tôi không thấy một vết tích gì về đồng chí Biedenbach nói ở đây. Ngoài tập bản thảo của Everhard ra, không còn nơi nào nói đến.

[108] Nếu người du khách tò mò đi từ Glen Ellen vòng xuống phía nam, người đó sẽ thấy một đại lộ đúng vào chỗ một con đường cũ ở vùng này hồi bảy trăm năm về trước. Cách Glen Ellen một phần tư dặm Anh, sau khi đã qua cái cầu thứ hai, người đó sẽ chú ý đến một cái hũm dài giống như một cái sẹo chạy ngang một vùng đất nhấp nhô đến một dãy đồi phủ kín những rừng. Ở chỗ cái hũm này ngày xưa là một con đường. Con đường này, trong thời tư nhân còn chiếm hữu đất đai, chạy qua đồn điền của một người tên là Chauvet, một nhà khẩn hoang người Pháp sang California vào thời đại hoàng kim. Dãy đồi phủ kín những rừng này chính là dãy đồi mà Avis Everhard nói đến. Trận động đất lớn năm 2368 thuộc công nguyên đã bửa một quả đồi và lấp mất cái hang mà hai vợ chồng Everhard dùng làm nơi ẩn náu. Sau khi phát hiện tập bản thảo, người ta đã tiến hành nhiều cuộc khai quật và đã tìm lại được căn nhà, hai căn phòng đào vào vách hang và những thứ rác rưởi linh tinh tích lũy trong một quá trình ẩn náu lâu dài. Người ta đã thấy nhiều di vật quý báu trong đó có cái này, kể cũng lạ: tức là cái hệ thống tiêu khói của Biedenbach có nói đến trong truyện. Các sinh viên muốn khảo cứu về

những thứ đó có thể đọc cuốn sách của Arnold Bentham sắp xuất bản. Cách đây đời chừng một dặm Anh về phía Bắc, là núi Wake Robin Lodge, ở chỗ ngã ba sông Wild- Water và sông Sonoma. Nhân đây, nên nhớ rằng sông Wild-Water ngày xưa gọi là sông Graham, và trên bản đồ cũ của địa phương cũng ghi như vậy. Nhưng ngày nay người ta gọi bằng tên mới. Sau này, khi Avis Everhard giả dạng làm nhân viên khiêu khích của cái Gót sắt, chị đã về ở núi Wake Robin Lodge nhiều lần. Chị đã đóng vai trò của chị một cách yên ổn. Giấy phép chính thức cấp cho chị về ở núi Wake Robin Lodge do chính tay lão Wickson, tên thiếu số thống trị loại đàn em nói trong tập bản thảo, kí.

[109] Thời kì đó, cái trang trở thành một nghệ thuật thực sự. Những người cách mạng tổ chức những trường dạy đóng kịch trong tất cả các nơi ẩn náu bí mật. Họ coi khinh những dụng cụ của các diễn viên sân khấu như tóc giả, râu giả, lông mày giả. Trò chơi của cách mạng là chơi với cái sống và chơi với cái chết. Những dụng cụ duy nhất là những cái bẫy để đánh lừa quân thù. Cái trang phải triệt để, phải từ bên trong mà ra, phải là một bộ phận khăng khít của mình, phải là cái bản chất thứ hai của mình. Người ta kể lại "Nàng trinh nữ đỏ" là trong số những người thành thạo nhất về nghệ thuật đó. Ta có thể khẳng định rằng chính là nhờ nghệ thuật đó mà chị đã hoạt động được lâu và gây được nhiều thành tích như thế.

[110] Những vụ mất tích như vậy đã trở thành một nỗi kinh hoàng của thời đại. Trong các bài hát và các truyện, người ta thấy nhan nhản những đề tài về mất tích. Đó là hậu quả tất nhiên của cuộc chiến tranh ngầm, nó diễn ra khốc liệt trong suốt ba thế kỉ đó. Hiện tượng đó gần như phổ biến trong hàng ngũ của bọn thiếu số thống trị và các đẳng cấp lao động cũng như trong hàng ngũ cách mạng. Đàn ông, đàn bà, thậm chí cả trẻ con bỗng dưng biến mất, không được lấy một lời cảnh báo, mà cũng không để lại một dấu vết gì, và cuộc đời của họ kết thúc trong bức màn bí ẩn.

[111] Ngoài những đẳng cấp lao động ra, còn xuất hiện một đẳng cấp khác, đẳng cấp quân sự. Một đạo quân thường trực gồm những binh lính nhà nghề được tổ chức, do những sĩ quan xuất thân từ giai cấp thiếu số thống trị chỉ huy, gọi tên là đội Mercenaries (dịch sang tiếng Việt là Đạo quân đánh thuê - ND). Tổ chức này thay thế tổ chức dân vệ đã tỏ ra không thể thực hiện được dưới chế độ mới. Ngoài cơ quan mật vụ thường của cái Gót sắt, sau này còn thành lập một cơ quan mật vụ của Đạo quân đánh thuê, nó là một khâu xích nối liền cảnh sát với quân đội.

[112] Mãi sau khi cuộc khởi nghĩa thứ hai bị đè bẹp, Đội San Francisco đỏ mới lại phát triển. Nó phát triển được hai thế hệ. Về sau, một tên mật thám của cái Gót sắt chui được vào làm đội viên, nắm được mọi bí mật của đội và làm cho đội bị tiêu diệt hoàn toàn. Việc này xảy ra vào năm 2002 thuộc công nguyên. Những đội viên của Đội bị xử tử từng người một, người nọ cách người kia ba tuần, và xác họ bị đem bêu ở khu lao động tại San Francisco.

[113] Nơi ẩn náu ở bến Benton là một cái mộ xây, cửa ra vào được bố trí khéo léo trong một cái giếng. Nơi này được giữ gìn rất cẩn thận. Ngày nay khách tham quan có thể đi khắp các ngõ ngách và đến một cái hội trường. Không còn nghi ngờ gì nữa, cảnh tượng mà Avis Everhard tả ở đây đã diễn ra trong hội trường này. Xa hơn nữa là nghĩa trang gồm những dãy hành lang khúc khuỷu đào ngay vào đá rắn. Hai bên hành lang là những cái hang xếp thành tầng như tổ ong, trong đó những nhà cách mạng yên nghỉ, vẫn y nguyên như hồi các đồng chí của họ đã mai

táng họ từ bao nhiêu thế kỉ.

[114] Thời đó, tục đa thê vẫn còn thịnh hành ở Thổ Nhĩ Kỳ.

[115] Avis Everhard nói như vậy không phải huênh hoang khoác lác đâu. Bông hoa của giới nghệ thuật và giới trí thức là những người cách mạng. Trừ một số nhỏ nhạc sĩ và ca sĩ, trừ một số nhỏ trong bọn thiểu số thống trị, tất cả những nhà sáng tạo lớn của thời kì đó mà tên tuổi còn lại với chúng ta đều là những nhà cách mạng.

[116] Mãi đến tận thời kì này, kem và bơ vẫn còn làm bằng sữa bò theo những phương pháp thô sơ. Việc chế tạo thực phẩm trong các phòng thí nghiệm khoa học lúc đó chưa bắt đầu.

[117] Trong tất cả các nền văn học và những tài liệu thời đó còn truyền lại đến bây giờ, người ta luôn nhắc nhở đến thơ ca của Rudolph Mendenhall, chắc chắn phải là một thiên tài vĩ đại. Tuy nhiên, ngoài những vần thơ của anh nói về những chuyện hoang đường và ma quái do tác giả khác trích dẫn, tác phẩm của anh cho đến thời đại chúng ta không còn lại gì, Anh bị cái Gót sắt hành hình năm 1928 thuộc công nguyên.

[118] Trường hợp của người thanh niên này không phải là duy nhất. Nhiều thanh niên xuất thân trong giới thiểu số thống trị, do lòng yêu chân lí hoặc do giàu tưởng tượng, đã bị sự vinh quang của cách mạng cám dỗ và hiến đời mình cho cách mạng một cách cao quý và lãng mạn. Con cái bọn quý phái Nga trước đây cũng giống như họ, cũng đã từng đóng vai trò tương tự trong cuộc cách mạng trường kì của nước Nga.

[119] Đạo quân đánh thuê trong những ngày cuối cùng của cái Gót sắt, đã đóng một vai trò quan trọng. Nó tạo nên thế quân bình lực lượng trong những cuộc xung đột giữa các đảng cấp lao động và bọn thiểu số thống trị, và khi thì nó ném lực lượng vào phe này, khi thì nó ném lực lượng vào phe kia, tùy theo tấn tuồng mưu mô và thủ đoạn.

[120] Từ sự rời rạc và sự bấp bênh của chủ nghĩa tư bản về mặt đạo đức học, bọn thiểu số thống trị đã xuất hiện với một quan niệm đạo đức mới, chặt chẽ và dứt khoát, sắc và rắn như thép, vô lí nhất và phản khoa học nhất, nhưng đồng thời lại là cái quan niệm đạo đức mạnh mẽ nhất mà một giai cấp tàn bạo chưa bao giờ có. Bọn thiểu số thống trị tin tưởng vào nền đạo đức học của chúng, mặc dầu nền đạo đức học này đã bị sinh vật học và sự tiến hoá phủ nhận, và vì đức tin đó mà suốt trong ba thế kỉ, chúng đã ngăn được ngọn triều dâng mãnh của sự tiến hoá nhân loại. Đối với nhà luân lí học siêu hình thì đây là một cảnh tượng sâu sắc, khủng khiếp và bối rối, còn đối với nhà duy vật thì đây là nguyên nhân của nhiều sự hoài nghi, nó khiến cho mình phải suy xét lại vấn đề.

[121] Ardis hoàn thành năm 1942 thuộc công nguyên, còn Asgard thì mãi đến 1984 mới hoàn thành, xây dựng thành phố này mất tất cả năm mươi hai năm, suốt thời gian đó phải sử dụng một đội quân nô lệ thường trực là nửa triệu người. Có lúc con số đó lên tới hơn một triệu người. Ấy là chưa kể hàng chục vạn người thuộc các đảng cấp lao động và nghệ sĩ.

[122] Trong hàng ngũ cách mạng có nhiều nhà phẫu thuật rất thành thạo khoa sinh thể giải phẫu. Theo lời Avis Everhard thì họ có thể làm cho một người biến hẳn thành người khác. Đối với họ thì việc xóa bỏ những vết sẹo và những vết xấu xí trên người chỉ là một việc nhỏ nhặt tầm thường. Họ thay đổi nét mặt con người bằng một kĩ thuật rất tinh vi, không để sót một dấu

vết nào của công việc họ làm. Mũi là bộ phận họ thích biến đổi nhất. Ghép da và cấy tóc là những ngón thông thường nhất của họ. Họ biến đổi diện mạo con người như ta làm ảo thuật. Mắt và lông mày, môi, miệng và tai đều khác hẳn đi. Những sự mổ xẻ tài tình ở lưỡi, ở họng, ở thanh quản và ở bên trong lỗ mũi, họ có thể làm cho giọng nói và lối nói của một con người khác hẳn. Những thời đại thất vọng để ra nhu cầu phải có những phương thuốc thất vọng, và những nhà phẫu thuật của Cách mạng đã vươn lên để đạt được mức nhu cầu. Không kể những tài khác, họ còn có thể làm cho một thanh niên cao lên độ bốn năm phân hoặc lùn xuống độ một hai phân. Nghệ thuật của họ đến nay bị mất đi, chúng ta không cần đến nó nữa.

[123] Chicago là cái địa ngục công nghiệp của thế kỉ thứ 19 thuộc công nguyên. Ngày nay chúng ta còn được nghe một giai thoại rất lạ về John Burns, một lãnh tụ lao động lớn đã một thời kì có chân trong Hội đồng tư vấn của nước Anh. Ông sang thăm nước Mỹ và đến Chicago thì có một kí giả hỏi cảm tưởng của ông về thành phố đó. Ông đáp: "Chicago là địa ngục thu nhỏ lại". Ít lâu sau ông sắp đáp tàu biển về Anh thì một kí giả khác đến hỏi ông xem ông có thay đổi cảm tưởng về Chicago không. Ông trả lời: "Có, cảm tưởng của tôi có khác. Đối với tôi bây giờ thì địa ngục là Chicago thu nhỏ lại".

[124] Đoàn tàu này nổi tiếng là nhanh nhất thế giới hồi đó. Nó quả là một đoàn tàu rất cừ.

[125] Thời ấy dân cư thưa thớt và các loài thú sinh sôi nảy nở rất nhiều, thành một tai vạ. Ở California có tục lừa thỏ. Đến một ngày nhất định, nông dân cả một vùng họp nhau lại càn một khu và lừa về một nơi đã chuẩn bị rào giậu từ trước hàng vạn con thỏ rừng. Thanh niên trai tráng dùng gậy tầy đập chết thỏ.

[126] Khu lao động ở phía Nam cháy vì ngẫu nhiên hay vì bị đạo quân đánh thuê đốt, điều đó là một vấn đề bàn cãi, rất lâu. Nhưng đến nay người ta xác định một cách chắc chắn rằng khu lao động đó đã bị đạo quân đánh thuê đốt theo lệnh của bọn chỉ huy.

[127] Nhiều toà nhà cầm cự được trên một tuần lễ và có một toà nhà cầm cự được một ngày. Mỗi toà nhà như vậy phải xung phong vào chiếm như chiếm một pháo đài. Bọn lính đánh thuê phải đánh lấy từng tầng gác. Hai bên đánh nhau chí tử, không bên nào thương xót bên nào. Trong chiến đấu, anh em cách mạng được lợi thế là ở trên cao. Những người cách mạng bị quét sạch, nhưng không phải chỉ có một bên bị tổn thất. Giai cấp vô sản đầy kiêu hãnh của thành Chicago đã tỏ ra xứng đáng với truyền thống lấy lòng của họ. Bởi vì họ bị giết chết bao nhiêu người thì họ cũng giết lại bấy nhiêu kẻ thù.

[128] Những tập niên biểu của thời đại tuyệt vọng này đọc lên chỉ thấy toàn những máu. Hầu hết những chuyện ghi trong đó là chuyện trả thù. Người của tổ chức khủng bố xem cuộc đời của họ rất nhẹ và không có hi vọng gì vào tương lai. Tổ chức Danites, mượn tên của vị thần phục thù trong thần thoại của Mormon nổi lên ở dãy núi Đại Tây và lan rộng trên bờ biển Thái Bình Dương, từ Panama đến Alaska. Tổ chức Valkyries bao gồm toàn phụ nữ. Đó là tổ chức ghê gớm nhất tất cả. Không một phụ nữ nào được kết nạp vào tổ chức này nếu không có bà con thân thuộc bị chết vì tay tập đoàn thiểu số thống trị. Họ phạm một tội ác là tra tấn tù binh của họ cho đến chết. Còn có một tổ chức phụ nữ khét tiếng khác là tổ chức "Những người goá bụa vì chiến tranh". Một tổ chức bạn Valkyries, Berserkers. Những người trong tổ chức này không coi đời họ vào đâu cả. Chính tay họ đã phá huỷ hoàn toàn thành phố Bellona của bọn lính đánh

thuê cùng với dân số của nó là hơn mười vạn con người. Tổ chức Bedlamites và Helldamites là hai tổ chức sinh đôi của lớp người nô lệ. Có một giáo phái mới, không sống được bao lâu, lấy tên là "Trận lôi đình của Chúa". Ngoài ra còn có những tổ chức khác rất kiên quyết nghiêm trang, nhưng đồng thời rất quái gở như: "Những trái tim róm máu", "Bình minh tử", "Hồng hạc" "Tam tam giác", "Ba gạch", Rubonics, "Phục thù", "Tay chơi", Erebusites...

[129] Tập bản thảo của Avis Everhard đến đây chấm dứt. Nó đứt quãng đột ngột ở giữa một câu. Chắc hẳn có người báo cho chị biết là bọn lính đánh thuê kéo đến, vì chị còn đủ thì giờ để giấu kĩ tập bản thảo trước khi chạy trốn hay bị bắt. Tiếc rằng chị không sống để kể nốt câu chuyện của chị. Giá được như thế thì chắc chắn chị đã làm sáng tỏ cái điều bí mật suốt bảy thế kỉ nay vẫn bao phủ việc Ernest bị hành hình.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>